

ĐỀ CƯƠNG KINH PHÁP HOA



Việt Dịch: HT Nhật Quang

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 28-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Giảng Lược Đề Cương Kinh Pháp Hoa

Lời Dẫn Tựa

Tựa Tông Chỉ Đề Cương Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

TÔNG CHỈ ĐỀ CƯƠNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

TỔNG NÊU PHÁP DỤ VÀ ĐỀ MỤC CỦA KINH

TỔNG NÊU NHÂN DO TÔNG CHỈ KHAI THỊ NGỘ NHẬP

NÊU RÕ DIỆU LÝ THEO MỖI PHẨM TRONG KINH PHÂN GIẢI

Phẩm Phương Tiện, Thí Dụ, Tín Giải, Thọ Ký

Phẩm Dược Thảo Dụ Và Hóa Thành Dụ

Phẩm Ngũ Bá Đệ Tử Thọ Ký, Thọ Học Vô Nhân Ký Và Phẩm Pháp Sư

Phẩm Hiện Bảo Tháp

Phẩm Đề-Bà-Đạt-Đa

Phẩm Trì

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất

Phẩm Như Lai Thọ Lượng

Phẩm Phân Biệt Công Đức, Tùy Hỷ Công Đức Và Pháp Sư Công Đức

Phẩm Thường Bất Khinh Bồ-Tát

Phẩm Như Lai Thần Lực Và Phẩm Chúc Lụy

Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự

Phẩm Diệu Âm Bồ-Tát

Phẩm Quan Thế Âm Bồ-Tát Phổ Môn

Phẩm Đà La Ni

Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự

Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát

HẾT

Giảng Lược Đề Cương Kinh Pháp Hoa

Kinh Pháp Hoa là một bộ kinh trọng yếu. Theo chương trình tu học của thiền viện, sau khi các thiền sinh đã học qua những bản kinh căn bản, thì học tới kinh Pháp Hoa. Đáng lẽ chúng ta học nguyên bản kinh Pháp Hoa, nhưng bộ này đã được Hòa thượng Ân sư giảng giải rồi. Để chư huynh đệ nắm được cương lĩnh toàn bộ kinh, chúng ta học thêm Đề cương kinh Pháp Hoa là học phần cương yếu, Thượng nhân Minh Chánh nêu lên cốt lõi của kinh qua cái nhìn của thiền sư Việt Nam, giúp chúng ta thấy rõ chỉ thú của thiền thông rất sâu sát với lời Phật dạy.

Kinh này qua các thời được rất nhiều vị tôn túc nghiên cứu, dịch thuật, giảng giải, chú sớ. Về phương diện thọ trì, Phật tử Việt Nam đa số đều thọ trì kinh này. Cho tới bây giờ, bản dịch kinh Pháp Hoa của Hòa thượng Chủ tịch Phật giáo Việt Nam đã in ra rất nhiều lần, được lưu hành rộng rãi trong các giới học Phật Việt Nam. Cho nên nói đến kinh Pháp Hoa thì hàng Phật tử không ai không biết.

Quyển Pháp Hoa Đề Cương do thiền sư Minh Chánh soạn. Sư là người Việt Nam sống vào thời Nguyễn, tu theo tông Tào Động đàng ngoài, một trong những tông phái Thiền từ Trung Hoa truyền sang nước ta. Đề cương này ra đời khoảng năm 1819, được đưa vào Phật Điện Tùng San, là một trong mười tác phẩm của bộ sách quý ấy, do Hội Phật giáo Bắc kỳ chủ trương biên tập, khắc bản.

Từ thời chấn hưng Phật giáo, ba miền Bắc Trung Nam của nước ta, mỗi nơi đều có Hội Phật giáo. Hội Phật giáo này gồm hai giới xuất gia và tại gia. Người xuất gia nằm trong “Giáo hội Tăng-già”, người tại gia nằm trong “Hội Cư sĩ Phật học”. Ở Bắc kỳ có Giáo hội Phật giáo Bắc kỳ và Hội Cư sĩ học Phật Bắc kỳ. Ở Trung Việt có Giáo hội Phật giáo Trung Việt và Hội cư sĩ học Phật Trung Việt. Ở Nam Việt có Giáo hội Phật giáo Nam Việt hay Giáo hội Tăng-già Nam Việt và Hội Phật học Nam Việt. Hai giới tăng tục, đệ tử của Phật cùng tu học và xương minh giáo pháp của Như Lai.

Năm xưa ở Thiền viện Chân Không, Hòa thượng dạy kinh Pháp Hoa, ngài có bộ Phật Điện Tùng San. Nhân tìm hiểu lịch sử cũng như tất cả những bản sớ giải kinh Pháp Hoa của Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng đưa bản Pháp Hoa Đề Cương này ra, dạy chúng tôi phiên dịch, sau đó ngài hiệu đính rồi cho in năm 1972. Đây là một quyển sách dễ đọc và học, vì vậy thay vì học

nguyên bản kinh Pháp Hoa, tôi giảng giải quyển Pháp Hoa Đề Cương này cho chư huynh đệ. Vị nào muốn tìm hiểu nguyên bản thì tham khảo nơi bản giảng giải kinh Pháp Hoa của Hòa thượng Viện Trưởng. Như vậy là chúng ta có đầy đủ tài liệu về kinh Pháp Hoa để nghiên cứu, nắm được tôn chỉ ý thú của kinh. Từ đó chúng ta có thể nhận ra tri kiến Phật nơi chính mình. Đó là mục tiêu mà đức Phật ra đời muốn chỉ dạy cho tất cả chúng ta. Đồng thời cũng là chủ ý của chúng tôi muốn cùng chư huynh đệ học lại diệu nghĩa kinh Pháp Hoa, ngõ hầu tiến sâu trong công phu tu tập, thực hiện hoài bão tha thiết nhất của một người tu, đó là giác ngộ giải thoát thành Phật.

Trong nguyên bản Đề Cương này, có nhiều phẩm tác giả chỉ nói tóm lược, mà không nêu rõ tên mỗi phẩm. Vì muốn tiện lợi cho việc tham khảo của quý độc giả, dịch giả tự ý ghi thêm tên mỗi phẩm, theo thứ tự của mục lục toàn kinh. Ngoài ra, khi gặp những danh từ chuyên môn, dịch giả chú thích ra. Trong nguyên bản có những khoảng thượng nhân Minh Chánh xưng tán danh hiệu Phật như Nam mô Quá Khứ Đa Bảo Như Lai hoặc Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật v.v... Khi bản dịch đang trôi chảy mà xen danh hiệu Phật vô như thế, chúng tôi thấy không suông, lại làm loảng mắt ý chính của kinh, nên chúng tôi xin lược bớt. Như vậy, trình tự và ý thú của toàn kinh được liên tục, và quý vị theo dõi dễ dàng. Sau cùng, dịch giả dẫn thêm mục lục toàn kinh theo bản dịch của Hòa thượng Trí Tịnh, tức Hòa thượng Chủ tịch Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày nay.

Trước khi đi vào nội dung bản kinh, tôi có viết hai dòng:

Cung kính dâng lên Thầy,

Người chỉ con lối sống.

Và một bài thơ chữ Hán, sau này được dịch ra Việt ngữ, nói lên lòng quy ngưỡng cảm trọng ân sâu của tôi dâng lên Hòa thượng Tôn sư.

Ba mươi năm trôi giạt.

Chả biết ta là gì!

Quày đầu trông lối cũ,

A đây, chính ta đi!

Năm tôi lên Chân Không khoảng 28, 29 tuổi, dịch kinh này vào năm 30 tuổi. Trước khi lên Chân Không, tôi là một học tăng đang theo học ở Đại học Vạn Hạnh, cũng giống như ngược xuôi như tất cả anh em trang lứa, nhất là giới sinh viên học Phật thời ấy. Cùng học với chúng tôi không chỉ có sinh viên Tăng Ni trẻ, mà nhiều vị Bác sĩ, Dược sĩ, Giáo sư v.v... thành phần trí thức lớn tuổi cũng có. Vì hâm mộ Phật pháp nên họ ghi danh học Phật khoa, thành ra giờ này có đông đảo giới trí thức tham dự. Giới học Phật bây giờ rất vui vẻ, lý thú, sinh động. Những năm ở Đại học Vạn Hạnh, sinh viên chúng tôi chạy ngược chạy xuôi, toan tính chuyện nọ chuyện kia, đủ thứ chuyện trên đời! Nhưng cuối cùng tôi thấy vào núi đóng cửa tu hành là an toàn nhất.

Ngày xưa ở Chân Không, cửa viện khoá lại, ai đến phải giạt dây chuông. Thành ra mỗi khi có Phật tử hoặc thân nhân chư tăng muốn lên thăm rất khó. Giạt chuông xong, thầy Tri khách ra hỏi thấy lý do chánh đáng mới mở cửa. Khách được mời vào phòng khách, chờ quý thầy gọi thiền sinh được thăm xuống. Nếu thăm vào lúc không phải giờ học, giờ tọa thiền thì được trò chuyện 15 phút, nếu nhằm giờ học hoặc tọa thiền thì khỏi thăm luôn. Trong lúc nói chuyện, thầy Tri khách đem cái đồng hồ đến để trước mặt và ngồi lại đó, hết giờ thầy sẽ nhắc cho khách biết mà rút lui! Trong núi không lưu khách ở lại đêm.

Hòa thượng dạy, ở trước nhà khách có con đường dẫn lên đồi Tự Tại, tất cả các thiền sinh khi từ giã thân nhân, bước lên đồi Tự Tại chỉ ngó thẳng tới mà đi, không được quay ngó lại. Một điều bình thường như vậy nhưng rất khó làm. Anh em nào đã quen rộn ràng ngược xuôi ở phố thị, lên núi chôn mình trong hoàn cảnh ấy, có khi bị bức xúc tu không tiến được. Nhưng ai đã quyết tâm, bước được những bước vững vàng thì sau đó thấy nhẹ nhàng. Mọi thứ ở trần gian đều xếp lại, gửi cho bà con bên dưới hết, trên núi sống như tiên. Tuy nhiên lúc đầu khó lắm.

Tôi là một trong nhóm mười thiền sinh đầu tiên của Chân Không, cũng là người ba năm đầu không xuống núi. Những người quen đi thăm, tôi tiếp một chút thôi, vì ngại mình yếu lòng. Ở trên núi trên non, nhờ sự hộ trì của Tam bảo, sự sắp đặt của Hòa thượng an toàn, nên ba năm đó tôi thấy rất an ổn. Được gì thì không biết, nhưng quả thực tôi đã cảm khái những vần thơ trên bằng tâm lòng chân thật của mình.

Ba mươi năm trôi giạt, chả biết ta là gì! Từ khi mình lớn lên, sinh hoạt, học hành... tất cả các thứ, cho tới ngày bước vô thiền viện, tôi không biết mình là gì! Bây giờ nhờ duyên thầy bạn chỉ vẽ, tôi nhận ra mình có cái chân thật.

Từ lâu chúng ta chỉ sống theo bóng dáng hư giả mà thôi, ngược xuôi theo những âm vang bên ngoài, chưa có phút giây nào dừng lại để đối diện với chính mình. Các huynh đệ có nhập thất thì biết, bên ngoài sống với huynh đệ quen rồi, vô thất sống một mình năm ba ngày thôi là thấy đối diện với một cái gì thênh thạng, thấy mình hụt hẫng rõ ràng. Những lúc như vậy mà hốt hoảng thì dễ điên lắm. Do đó hầu hết các bậc thiện hữu tri thức có kinh nghiệm bản thân đều dạy chúng ta phải bình tĩnh, gan dạ.

Ngày xưa chúng ta sống liều mạng với tất cả những thứ nguy hiểm, đồ giả mà dám ôm, dám giữ, dám đam mê, chấp nhận lao theo. Bây giờ các ngài chỉ cho mình cái thật. Lúc đầu chúng ta ngỡ ngàng, song nếu ai gan dạ dám bỏ cái giả để sống với cái thật thì an ổn vô cùng. Tu từng bước, tiến lên dần. Có khi mình cảm thấy cũng chơi vui, khó khăn, bức xúc... đủ thứ chuyện vì chúng ta quen với sự ồn náo. Dừng nản. Cứ cố gắng sẽ có ngày thành công.

Thế gian này là đồ giả mà hấp lực của nó rất lớn. Nếu trí lực tỉnh giác của mình chưa mạnh thì cái giả bên ngoài kéo lôi. Người thầy chỉ cho mình nhận biết được đó là giả, công ơn ấy to lớn sâu dày vô cùng. Bởi một khi ta biết đồ giả, nhận được cái thật là dừng chân liền. Không có các bậc thầy thì không ai chỉ mình dừng chân, bốn ba đời này kiếp nọ trầm luân sinh tử, bị cái giả lôi kéo. Bây giờ nhờ thiện tri thức chỉ cho biết cái thật, ta dừng chân được, ân ấy xứng gọi là ân cứu tử. Vì vậy, dưới bài thơ, tôi viết hai chữ Khê thủ (稽首) tức là cúi đầu. Chúng ta xin cúi đầu ghi nhận thâm ân của thầy tổ, nỗ lực tu hành như những gì Phật dạy để đền tạ thâm ơn này. Mong các huynh đệ cũng như vậy.

Lời Dẫn Tựa

CHÁNH VĂN

Kinh nói: “Chư Phật vì một đại sự nhân duyên xuất hiện trong đời là muốn khiến cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật”. Câu kinh trên cũng là cương lĩnh chánh yếu của toàn bộ, các nhà sơ giải lấy đó làm chỉ thú nòng cốt để giải thích rộng bộ kinh này. Do đó mới biết chư Phật nói ba câu hỏi, chín thí dụ, hội ba về một, dẫn quyền vào thật để khai thị. Đó là khiến tất cả chúng sanh biết được bản lai diện mục, gọi là tri kiến Phật để ngộ nhập nó. Xét khi Phật còn tại thế, hàng Thanh-văn nghe qua hai lượt được ngộ, Phật liền thọ ký cho họ. Cho đến tất cả chúng sanh nghe qua một câu một kệ của kinh này có một niệm tùy hỷ, Phật cũng huyền ký cho họ. Đó là rất ráo một đại sự nhân duyên vậy.

GIẢNG

Đề cương này muốn nói lại ý nghĩa, cương lĩnh của bộ kinh, ngài Minh Chánh dẫn lời kinh chư Phật vì một đại sự nhân duyên xuất hiện trong đời là muốn khiến cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Khai thị ngộ nhập tri kiến Phật của mỗi chúng ta. Mục đích hay động cơ thúc đẩy chư Phật trong mười phương pháp giới thị hiện nơi đời là muốn chỉ cho tất cả chúng sanh biết cái chính yếu của mình, nhận được, sống được với cái đó. Tức là thể nhập ông Phật sẵn có của chính mình. Trong kinh Pháp Hoa gọi là tri kiến Phật.

Chữ Khai (開) là mở ra, chữ Thị (示) là chỉ bày, chữ Ngộ (悟) là nhận được, chữ Nhập (入) là hằng sống với tri kiến Phật của mình. Bao nhiêu năm trôi giạt, chúng ta không biết mình là gì, bây giờ được thiện hữu tri thức chỉ cho, ngoài cái hư giả có cái chân thật. Chúng ta ghi nhận, sống được, thể nhập cái chân thật của mình, chứ không phải của ai. Nhưng vì từ lâu chúng ta quên nên quay lưng với nó. Bây giờ nhận ra thì quay về sống với cái thật. Sống được với cái thật thì cái giả không làm gì được mình, vòng luân hồi lần lượt từ bao nhiêu đời kiếp dừng lại.

Trở lại với pháp tu của chúng ta, khi ngồi thiền đừng để mọi dấy niệm lăng xăng kéo đi. Ta không chấp nhận, không chạy theo vì biết nó là vọng tưởng, không thật. Nếu cái biết luôn hiện tiền, chúng ta làm chủ được tất cả niệm khởi, thì chẳng những trong giờ ngồi thiền mà cho tới mọi oai nghi, tất cả sinh hoạt... các cảnh duyên sẽ không làm gì được mình. Nó không còn hấp dẫn khiến ta chạy theo nữa. Không chạy theo nó tức là định, biết nó không thật là tuệ. Chỗ này Lục tổ Huệ Năng nói tu thiền là định tuệ đồng đẳng.

Định tức là không bị vọng tưởng kéo. Nó khởi lên và kéo được mình tức là ta không có định, do đó mất thăng bằng, mất ông chủ. Ngược lại nó khởi lên, mình thấy rõ, không bị kéo đi đâu hết, tức là có định. Sở dĩ chúng ta không bị nó kéo đi vì biết nó không thật, không chấp nhận nó, tức là tuệ. Tu thiền ở ngay giai đoạn đầu đã có thể sử dụng định tuệ đồng đẳng rồi. Khi làm chủ được tất cả các cảnh duyên, không có niệm nào đủ sức hấp dẫn mình nữa. Bây giờ ở chợ, ở núi, ở bất cứ đâu, làm việc gì ta cũng tự tại, đó là người đại lực lượng, là thiền sư. Không phải nói người đại lực lượng là lực sĩ cử tạ, mà là người không bị các pháp kéo lôi, người làm chủ được mình.

Kinh Pháp Hoa gọi là Tri kiến Phật, nhà Thiền nói là Bản lai diện mục, kinh Niết-bàn nói Phật tánh, kinh Hoa Nghiêm gọi Trí tuệ đức tướng Như Lai,

kinh Lăng Nghiêm nói Diệu tịnh minh thể hay Bản tịnh minh tâm v.v... Những kinh khác, những luận giải khác của các bậc tổ sư, chư vị thánh trước hoặc nói Chân như, Niết-bàn, Phật tánh... đều chỉ cho Ông Chủ, cái chân thật của mình. Nhận được cái đó rồi chúng ta sống tự tại, dù trong hoàn cảnh nào cũng sung sướng an toàn. Mặc cho thế cuộc xung quanh đổi thay, vô thường nhanh chóng mình vẫn sống được với chân thể thanh tịnh giải thoát. Bảy giờ sự mất còn, lãng xãng đối với hành giả hết sức bình thường. Các pháp như thế, sự sanh diệt trôi chảy như thế, còn Ông Chủ, trí tuệ đức tướng của mình bất sanh bất diệt.

Vì vậy lúc Phật còn tại thế, trong hội Linh Sơn giảng kinh Pháp Hoa. Bảy giờ các vị Thanh-văn nhận được ý này liền được đức Thế Tôn thọ ký sau sẽ thành Phật. Trong lời thọ ký ấy, Như Lai cũng có thọ ký cho chúng ta nữa. Chúng sanh về sau trải qua số kiếp lâu xa, có chúng sanh nào nhận được tri kiến Phật cũng đều được huyền ký cho sẽ thành Phật. Như vậy trong đó có chúng ta rồi.

Trong phẩm Đề-bà-đạt-đa nói đến chuyện cô con gái Long vương là Long Nữ, tức loại Rồng cái mới 8 tuổi thôi, được Bồ-tát Văn Thù hướng dẫn tu tập, khi nhận ra tâm chân thật tức thì thành Phật. Do đó cô nói với các vị Thanh-văn đương hội:

- Xin mời các ngài xem! Tôi dâng hạt châu này lên, đức Thế Tôn nhận, thời gian có mau chăng?

- Rất mau!

- Tôi thành Phật còn nhanh hơn việc đó nữa!

Khi dâng hạt châu lên, đức Phật nhận hạt châu, cô liền biến thân nữ thành thân trượng phu, qua cõi Vô Cầu ở phương Nam thành Phật tức thì. Tướng giả bên ngoài được tiêu dung nhanh chóng như thế.

Cũng vậy, nếu chúng ta chợt nhận ra tánh Phật của mình tức thì sẽ được an lạc. À, chính ta đó! Nhận ra thì nhanh lắm. Nhưng còn một điều khó khăn, đòi hỏi chúng ta phải gan dạ, có công phu, đó là nhận được rồi nhưng làm sao hằng sống với tánh Phật mới là chỗ cứu cánh. Muốn thế phải có tâm trường viễn, tâm kiên cố mới thực hiện được. Phải khắc phục, phấn đấu liên tục. Chứ còn nhận ra rồi buông thì đầu vào đó thôi. Tại sao? Vì con đường luân hồi này chúng ta đã làm lủi nhiều đời kiếp, nó quen rồi, đã thấm nhuần, đã khấn chặt thành tập khí, rất khó trừ bỏ. Chỗ này không ai dám nói hay,

chư huynh đệ phải dè dặt. Qua được cửa đầu rồi, nhưng tới cửa thứ hai phải cẩn thận, không thể nói suông bồng được! Có khi nó loé lên lúc đó rồi tắt ngúm hồi nào mình không hay, cứ tưởng thế là ngon. Nhiều vị nói hoài cái giây phút lóe sáng rồi chợt tắt ấy, nhưng thật sự họ đang sống trong sự tăm tối mà không tự biết. Nói riết thành ra nói sáng. Vậy nên chỗ này đòi hỏi phải có công phu.

CHÁNH VĂN

Trộm nghĩ kinh này là vua trong các kinh, các nước đều truyền bá rộng rãi. Riêng ở Trung Hoa có đến hơn trăm nhà số giải thì đủ biết tầm quan trọng của nó rồi. Bộ kinh này lưu thông đến nước ta, đặc biệt vào triều vua Gia Long, có một vị cao tăng là Hòa thượng Bích Động y theo kinh này mà làm Đề Cương.

Nay ty Hoàng pháp chúng tôi Thanh Chúc, Thanh Quy, Thanh Trà phát tâm khắc lại và lấy bộ này làm một trong mười khoa công án.

Đây là lời dẫn vậy.

Vĩnh Nghiêm, hậu học Tỳ-kheo Thanh Hanh

Kính đề lời dẫn tựa.

Hoàng triều Bảo Đại, mùng 10 tháng 4 năm thứ 9 (1933).

Nước Đại Nam, tỉnh Ninh Bình, phủ An Khánh, huyện An Mô, tổng Đạm Khê, xã Đạm Khê, chùa Bích Động tàng trữ bản để về sau biết mà in.

GIẢNG

Bản này được tàng trữ tại chùa Bích Động ở Ninh Bình. Trong chuyến đi Hà Nội đầu tiên vào năm 1989 của Hòa thượng Ân sư, chúng tôi được đi theo. Trên đường trở về Nam có ghé chùa Bích Động. Tại đây tôi được chiêm bái tháp của thiền sư Minh Chánh.

Trộm nghĩ kinh này là vua trong các kinh, các nước đều truyền bá rộng rãi. Ở Trung Quốc có hơn trăm nhà số giải, qua đó chúng ta biết được tầm quan trọng của kinh Pháp Hoa như thế nào. Bộ kinh này lưu thông đến nước Việt Nam vào triều vua Gia Long, thiền sư Minh Chánh mới làm Đề Cương này.

Như vậy trong phần dẫn tựa Pháp Hoa Đề Cương có hai đoạn. Đoạn trên dẫn một đoạn mở đầu kinh Pháp Hoa, sau đó ngài giải thích và chỉ cho chúng ta mục đích của kinh Pháp Hoa là khai thị tri kiến Phật cho chúng ta ngộ nhập. Đoạn dưới giới thiệu các vị sơ giải kinh Pháp Hoa ở Trung Quốc cũng như Việt Nam.

Khoa công án tức là mười bộ loại trong Phật Điền Tùng San. Bát-nhã Trục Giải cũng của ngài Minh Chánh, nằm một loại trong bộ Phật Điền Tùng San.

Niên hiệu Hoàng triều Bảo Đại năm thứ chín (1933), ngày mùng 10 tháng 4, tức là ngày ty Hoàng pháp của Phật giáo Bắc kỳ khắc bản in quyển Đề Cương này.

Tựa Tông Chỉ Đề Cương Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Ở trên là Lời dẫn tựa, đến đây là Tựa. Sách chữ Hán hồi xưa nhiều lời như thế.

CHÁNH VĂN

Một lúc nọ, nhân khi du hóa đặt bước đến Liêm Khê, mừng rỡ gặp được thiền sư Thanh Đàm, cùng nhau luận bàn vui vẻ. Thiền sư bảo: “Vừa mới biên tập đề cương kinh Diệu Pháp chưa được phân nửa. Hồi hôm nằm mộng thấy đức Bổn Sư dường như về ẩn thọ cho, lại thấy rõ trên nĩa tòa có đức Đa Bảo. Nay tôn giả vừa đến đây, là ý Phật khiến cho Ngài đến chứng minh đó vậy”.

Lúc đó, Thanh Nguyên tôi nửa mừng nửa sợ cầm bản thảo nhuận sắc vừa biên xong, mới rõ tạng tánh, hồ tâm Như Lai chói suốt. Tôi xin thành thật viết bài tựa này để chứng minh.

Kệ rằng:

Đề cương kinh báu Diệu Liên Hoa,

Chỉ bảo cho ta ngọc Biện Hòa,

Hai mươi tám phẩm từ biển giác,

Đại thiên sa giới hội tâm cơ.

Hòa thượng Năng Nhân thâm thọ ký,

Như Lai Đa Bảo kín hộ gia,

Khiến rõ tâm ta đâu tá sứ,

Ngợi khen Diệu Pháp lãn Liên Hoa.

GIẢNG

Lời tựa này do ngài Thanh Nguyên hiệu Minh Nam, là huynh đệ của thiền sư Minh Chánh viết. Ngài Thanh Nguyên nói, trên đường du hóa ghé đến Liêm Khê tức Bích Động, chỗ ngài Minh Chánh trụ trì. Ngài Minh Chánh mới đem đề cương kinh Pháp Hoa này ra giới thiệu và cho biết vừa rồi có điềm mộng báo trước. Hôm nay ngài Minh Nam đến, thật là duyên đặc biệt nên thỉnh ngài Minh Nam chứng minh.

Ngài Minh Nam rất vui mừng cũng rất e dè, khi cầm bản thảo nhuận sắc vừa biên xong. Ngài xem qua, càng tỏ rõ tạc tánh tâm thể của mình cùng với tâm thể chư Phật, chư Bồ-tát trong mười phương đều chói suốt lẫn nhau. Ngài nói bài kệ:

Đề cương kinh báu Diệu Liên Hoa,

Chỉ bảo cho ta ngọc Biện Hòa,

Hai mươi tám phẩm từ biên giác,

Đại thiên sa giới hội tâm cơ.

Hòa thượng Năng Nhân thâm thọ ký,

Như Lai Đa Bảo kín hộ gia,

Khiến rõ tâm ta đâu tá sứ,

Ngợi khen Diệu Pháp lãn Liên Hoa.

Ngài tán dương kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà cũng tán dương người đã nhận ra tâm thể của mình. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa chỉ cho tâm thể đó. Người nhận và hằng sống được với tâm thể đó thường ở trong trí tuệ rỗng rang sáng suốt.

CHÁNH VĂN

Trộm nghe: kinh Pháp Hoa là một đại sự của chư Phật, là yếu môn của Bồ-tát, là chân như bình đẳng của Như Lai, vì thương chúng sanh mà khai thị ngộ nhập. Thường khi chư Phật diễn nói chẳng cần truyền trước. Hằng ngày chúng sanh tu trì sẽ được thọ ký quả đương lai.

Diệu Pháp là huyền vi khó vạch bày mà lại cao lớn vòi vọi. Liên Hoa là bông sen chẳng nhiễm bùn nhơ mà hương thơm ngào ngạt. Rộng lớn bao trùm pháp giới, cõi nước của đức Như Lai nhiều như số bụi nhỏ cũng không bỏ sót, tròn sáng soi khắp hàng sa, Bát-nhã, Bồ-đề thấy đều đầy đủ. Chư Tổ tha thiết nghĩ đến chúng sanh, mới dùng văn cú, ngữ ngôn để mở bày, chẳng khác nào mò châu đáy biển, tìm ngọc non cao.

Đến như ngài sa-môn Thanh Đàm có duyên tam học từ đời trước, ngày nay may mắn gặp được chánh tông. Ngài noi theo phong cách tuyệt vời của cửa động đỉnh giác, nắm pháp vị sâu mầu của Tổ Đạo Nguyên. Vào năm Đinh Mão, Ngài theo Tổ sư ở Nguyệt Quang thiền tự, trong lòng mừng vui cung kính tưởng như khó gặp mà gặp được một vị Phật sống như thế, thật là cõi mở tắc lòng. Giữa một buổi trưa mặt nhật rõ ràng, Ngài bèn sửa sang y phục, hình sắc nghiêm trang, trải tọa cụ trước Tổ, quỳ gối chấp tay bạch cùng Tổ sư Đạo Nguyên rằng:

- Tâm chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chặng giữa. Vậy rốt ráo tâm ở chỗ nào?

Tổ sư mỉm cười xoa đầu Ngài, liền chỉ bày tâm ấn và nói kệ rằng:

隨時應用，

遇物見機，

性本如如

何關內外。

Âm:

Tùy thời ứng dụng,

Ngộ vật kiến cơ,

Tánh bản như như,

Hà quan nội ngoại.

Dịch:

Theo thời ứng dụng,

Gặp vật thấy cơ,

Tánh vốn như như,

Trong ngoài nào mắc?

GIẢNG

Ngài Minh Nam kể sơ lược quá trình học đạo của ngài Minh Chánh. Có duyên tam học từ nhiều đời trước, gặp được chánh tông. Nhờ vậy ngài Minh Chánh phát huy được những điểm đặc biệt riêng. Sau ngài theo tổ Đạo Nguyên ở Nguyệt Quang thiền tự thuộc vùng Hải Phòng. Trong lòng mừng vui kính tưởng, cho đến một hôm đáp y nghiêm chỉnh đánh lễ Tô, thưa hỏi:

- Tâm chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chững giữa. Thì rốt ráo tâm ở chỗ nào?

Tổ sư mỉm cười xoa đầu ngài, chỉ tâm ấn bài kệ đại ý nói: Tâm tùy thời ứng dụng, không có chỗ nơi. Từ dụng bên ngoài ta nhận được tâm. Tánh thì như như, không pháp trần nào có thể làm gì nó. Nghĩa là nó không vướng mắc bởi bất cứ pháp trần nào. Ai nhận được và sống được với tâm mình thì tùy thời tùy cảnh ứng dụng tự tại, không bị vướng mắc bởi bất cứ hiện tượng nào bên ngoài. Đoạn ấn chứng này nói tâm thể luôn ứng vật tùy cơ, nếu thật sự ta nhận và sống được với nó. Tóm lại, người nhận được Phật tri kiến của mình thì đối duyên xúc cảnh tự tại giải thoát, đối duyên xúc cảnh như như bất động. Sau khi được Tổ chỉ như thế, ngài nắm được chìa khóa rồi nên rất vui mừng.

CHÁNH VĂN

Lúc ấy, ngài Thanh Đàm vui mừng lễ bái đánh thọ ân cần, hoá nhiên nắm được chìa khoá chẳng còn ngại cửa đóng. Từ đó Ngài chuyên tinh nghiên cứu tam tạng, tỏ thấu nhất thừa. Phàm các kinh Diệu Pháp, Lăng

Nghiêm nếu có chỗ nào nghi ngờ liền đem thưa hỏi. Đến năm Canh Ngọ, Ngài đăng đàn thọ giới Cụ Túc, từng gõ cửa Tổ sư để được kiến tánh. Tổ sư lại có mật ẩn nói bài kệ:

*光放眉間無道佛，
雲生足下未言僊，
饒君保養牛肥壯，
朝夕熟耕彼寸田。*

Âm:

*Quang phóng mi gian vô đạo Phật,
Vân sinh túc hạ vị ngôn Tiên,
Nhiều quân bảo dưỡng ngưu phì tráng,
Triều tịch thực canh bỉ thốn điền.*

Dịch:

*Chặng mày phóng quang đừng nói Phật,
Gót chân mây phủ chớ bảo Tiên,
Người nên nuôi dưỡng trâu cường tráng.
Hôm sớm quen cày tác ruộng kia.*

Ngài Thanh Đàm từ đó càng thêm tinh tấn, tay không rời quyển kinh. Trải qua từ năm Đinh Tỵ đến Đinh Mão, Ngài chống tích đến Liêm Khê tư duy bí tạng của Cổ Phật, không tiếc rẻ với chúng sanh mà muốn cho tất cả đồng được vào tri kiến, nên nói: “Tôi dù được chút ít đâu nên sển tiếc ư?”

Đề Cương kinh Diệu Pháp này nếu có chút công đức lành nào, chẳng dám dành riêng phần mình mà muốn cho Liên Hoa đồng mọc ở đầm trong, chẳng tìm cầu bên ngoài mà khiến Diệu Pháp sẵn chứa nơi tác đất.

Trông mong hàng thanh chúng đầy đủ mắt chân chánh. Như trong đây lý sự đi đôi thì xin tất cả được Như Lai thọ ký.

Đốt hương kính cẩn viết lời tựa này.

Kệ rằng:

Bích Động Thanh Đàm sen ngát hương,

Diệu Hoa trở thẳng pháp đề cương,

Nhất thừa Minh Chánh liền khai thị,

Tam yếu đạo trung rộng xiển dương,

Muôn phương tỏ ngộ tâm viên tịnh,

Tất cả vào sâu lý viễn trường,

Thanh tịnh liên hoa ngời pháp giới,

Tỳ-lô tạng hải diễn chân thường.

Hoàng triều Gia Long, ngày lành tháng 8, năm thứ 18 (1820)

Sa-Môn Thanh Nguyên,

Thiền sư Viên Giác Bồn

Minh Nam soạn

GIẢNG

Lời này của ngài Viên Giác Bồn, là sư huynh ngài Minh Chánh Thanh Đàm. Khi ngài đến chỗ ngài Minh Chánh ở Liêm Khê, ngài Minh Chánh đưa đề cương mới vừa làm xong và kể những thuy ứng cho ngài nghe, rồi thỉnh ngài Minh Nam chứng minh. Do đó mới có lời tựa này.

Từ khi được sự ấn thọ của Tổ sư ở chùa Nguyệt Quang, ngài càng thêm tinh tấn. Đối với kinh Pháp Hoa đề tâm nghiên tâm đặc biệt hơn nữa. Trải qua bốn mươi tám năm, ngài luôn quan tâm trì niệm kinh Pháp Hoa, mới làm nên bản đề cương này.

Chúng ta thấy, so với những bản sớ giải của chư vị tổ ở Trung Hoa thì bản đề cương này chẳng có bao nhiêu. Nhưng chỗ độc đáo, xuất sắc của bản đề cương này là nói lên được tinh túy của bản kinh Pháp Hoa qua kinh nghiệm nghiên tâm và tu trì của một thiền sư Việt Nam, rất đáng cho chúng ta tự hào. Người ta cứ nghĩ chỉ có người sinh ra ở những nước lớn như Trung Quốc mới có thể sớ giải các bản kinh lớn như vậy, còn chúng ta sinh ra trong hoàn cảnh khó khăn, ở một đất nước nhược tiểu không thể làm được. Điều này không đúng. Đây là điểm tôi nhận được và rất tự tin về khả năng tu tập của tất cả mọi chúng sanh, trong đó có chúng ta.

Hòa thượng Ân sư cũng chỉ bày chỗ này, mà từ lâu nay người Việt Nam ta có mặc cảm tự ty rằng mình không làm nổi những việc như thế. Khi đọc quyển đề cương này, chúng ta thấy rõ ràng người Việt Nam, so với dân tộc Trung Hoa mình ở vùng biên thùy, nhưng đã có một trình độ thâm hiểu và ứng dụng Phật pháp thật siêu xuất, không kém bất cứ ai. Người Trung Hoa xem bốn vùng xung quanh xứ sở họ là những loại man di mọi rợ, nên đã gán những cái tên như Đông di (東夷), Tây khương (西羌), Nam man (南蠻), Bắc địch (北狄). Chỉ có Trung Quốc là văn minh, văn hóa - Trung Nguyên Hoa Hạ (中原華夏) tức là vùng trung tâm của văn minh nhân loại, là tinh hoa ở giữa, ngoài ra là mán mọi. Nhưng rõ ràng sự xuất hiện những tác phẩm của chư thiền sư Việt Nam đã nói lên quan điểm ấy của người Trung Hoa còn rất hạn chế. Thực tế không phải như họ nghĩ.

Thiền sư Minh Chánh đã bỏ ra gần hết cuộc đời mình để nghiên tâm và viết nên bản Đề Cương này, bây giờ chúng ta học và muốn nhận hiểu được tới nơi bản ý của kinh phải mất thời gian bao lâu? Không thể mười lăm hai chục phút, phải không? Học để ngộ nhập Phật tri kiến, để nhận được yếu chỉ kinh Pháp Hoa, thì chắc rằng không thể với thời gian ít ỏi của những buổi chiều tại Pháp đường như vậy. Chúng ta phải dùng tất cả thời gian của cuộc đời mình để học tập, chiêm nghiệm và hành trì như chư Tổ, mai ra mới có chút tương ưng vậy.

Kinh Pháp Hoa dẫn đầu là lời của Phật nói, sở dĩ đức Phật ra đời vì muốn chỉ bày cho chúng sanh biết mỗi người đều có tri kiến Phật. Thượng nhân Minh Chánh để tâm đến kinh Pháp Hoa, làm đề cương này cũng nhằm thu gọn cái mênh mông kia về một cốt lõi, tựu trung muốn giúp cho người học Phật đời sau nhận ra yếu chỉ. Từ đề cương này biết được việc chính của mình, hằng sống với diệu lý kinh Pháp Hoa.

Chúng ta tuy biết mỗi người đều có sẵn tri kiến Phật, nhưng muốn nhận được, sống được với nó phải làm sao? Đó là một vấn đề. Có nhiều cách để nhận và sống với tánh giác của mình, tùy căn cơ nghiệp tập từng người. Phần lý giải chúng ta đã thông được, nhưng phần công phu mỗi người phải tự nỗ lực theo cơ duyên của mình. Nếu không nhận ra, không sống được với tánh giác là chúng ta bị kinh Pháp Hoa chuyển, không chuyển được kinh Pháp Hoa. Tọa thiền lắng sạch mọi vọng tưởng, tâm được định, từ đó phát sanh trí tuệ, nhận ra tri kiến Phật. Cho nên tu thiền là một trong những phương pháp ưu việt để đi đến giác ngộ giải thoát, mãi mãi an vui, sống với ông Phật sẵn nơi mình.

Chúng ta học thuộc bao nhiêu kinh điển mà chưa có công phu, chưa sống được với tri kiến Phật, thì cũng chỉ là ngôn cú bên ngoài, không dính dáng gì đến việc của mình. Thế nên các thiền sư nói: Mặc ông! Ông nói đến trời mưa hoa, đá gập đầu, ta cũng cứ nói rằng không dính dáng. Dù ông nói tới trời mưa hoa, đá gập đầu, ta cũng bảo điều ấy chưa dính dáng. Khi nhận và sống được với tánh giác thì những thứ bên ngoài đều không còn giá trị gì nữa. Giống như người vào thiền, tinh táo sáng suốt rồi thì vọng tưởng không kéo lôi được người đó. Đây là chỗ công phu của chúng ta. Ngược lại nếu không tinh táo để vọng tưởng kéo lôi thì xem như thất bại, nó xô mũi lôi chúng ta đi tuốt, không biết đường về.

Hồi trước có một anh chàng thanh niên tuấn tú, sau khi đỗ tú tài, anh tiếp tục học về ngành bưu điện. Sau đó ra trường đi làm và có một cô bạn gái. Gia đình anh đi tu hết, nên người thanh niên ấy cũng muốn đi tu nhưng anh vẫn còn dằn co với tình cảm của mình. Một hôm anh chàng lên núi, nghĩ rằng gần gũi cha mẹ, anh chị là người tu, chắc sẽ dễ dàng xuất gia. Việc mặc áo nhuộm, ăn chay và làm công quả nhọc nhằn trên núi với anh không thành vấn đề. Cho nên anh cảm thấy mình tu quá dễ, mọi thứ dưới trần gian ném quách hết. Sự bình ổn ấy kéo dài khoảng hơn tuần lễ.

Một hôm trở trời, anh thấy người hơi nhọc nhằn, không vui, không khoẻ nên anh không đi làm công tác. Đùng một cái người thương dưới phố lại lên. Bao nhiêu những dặn dò, nhắc nhở, kinh sách anh đọc lâu nay dòn đống lại, không dùng được thứ nào hết. Cô ấy lên chỉ có mấy tiếng đồng hồ mà lôi anh chạy xuống núi tuốt. Xuống núi rồi đi một lèo luôn. Họ thành thân, sống với nhau có được một đứa con. Không hiểu sao bỗng nhiên anh tự đăng ký đi bộ đội, mặc dù không có lệnh gọi, vì anh là cán bộ hạng A mà. Anh đi tuốt lên vùng Sao-mác, Cà-chuông Cà-chóc, Bù Đăng Bù Đốp gì đó. Sau vài lần bà mẹ lên thăm còn gặp gỡ. Đến lần đó thì đồng đội chỉ cho mẹ anh...

một tấm bia nhỏ khắc tên con trai bà. Tại vì anh bị trúng pháo, thân thể tan nát hết.

Tôi kể câu chuyện này để huynh đệ thấy vọng tưởng có sức mạnh ghê gớm lắm. Các thiền tăng phải có kinh nghiệm. Những vọng tưởng loay hoay ở Long Thành, Phước Thái đây thì không kéo quý vị đi đâu, nhưng những vọng tưởng ở Thành phố Hồ Chí Minh nó kéo quý vị chạy xa lắm đó. Cho nên phải dè dặt. Đối với vọng tưởng phải dè dặt, phải biết nó là vọng thì mới yên thân. Hy vọng các thiền tăng của chúng ta không bị vọng tưởng lôi kéo. Dù vọng tưởng thuộc loại hình nào cũng không làm gì được mình, ta mới là người chiến thắng, mới nhận được tri kiến Phật.

Học đề cương kinh Pháp Hoa, chúng ta phải nhận cho được điều này.

CHÁNH VĂN

TÔNG CHỈ ĐỀ CƯƠNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Đức Thế Tôn vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện ở đời. Bởi muốn khai thị cho chúng sanh khiến ngộ nhập Phật tri kiến đạo.

Lúc mới thành Chánh giác, Ngài nói kinh Hoa Nghiêm, đem cho họ giáo Viên đốn Nhất thừa, khiến mọi người đồng lên biển Hoa Tạng. Nhưng pháp lớn cơ nhỏ, chắc chắn là khó vào. Do đó, Giáo có năm thời, Thừa chia ba tạng.

Thời thứ hai, nơi vườn Lộc dã, Ngài nói kinh A-hàm.

Thời thứ ba, tại tinh xá Kỳ Hoàn, Ngài nói kinh Bát-nhã.

Thời thứ tư, trong núi Kỳ-xà-quật, Ngài nói kinh Pháp Hoa.

Thời thứ năm, ở thành lớn Câu-thi, Ngài nói kinh Niết-bàn.

Hai thời trước là phần giáo của Tiểu thừa và Nhị thừa. Đến thời Pháp Hoa là phần giáo của Đại thừa. Kinh nói: Phật nói kinh Đại thừa, tên “Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm”.

Bởi chư Phật hộ niệm từ lâu xa đến giờ. Nay, trong chúng đệ tử, căn cơ đã thuần thực, lưới nghi cũng trừ xong, có thể kham nhận lãnh pháp lớn, nên Phật đem Đại thừa này giao phó. Giáo này cũng đồng với kinh Hoa Nghiêm. Do đó, kinh nói: “Thẳng bằng bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng. Khiến cho chúng đệ tử, nương đạo Nhất thừa này, tiến vào Tối

thượng thừa, Tri kiến Phật nhất đại sự, A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề”.

Nhưng, kinh Pháp Hoa cùng kinh Lăng Nghiêm đồng một ý hướng, mà kinh Pháp Hoa là mật ý xung dương tán tán Phật tri kiến. Kinh Lăng Nghiêm là nói rõ Phật tri kiến. Đến kinh Niết-bàn thì dạy “Sanh diệt đã hết, lặng lẽ là vui”. Chính nơi đây, niềm vui lớn mới thật rất ráo.

Nên biết trên hội Pháp Hoa là lúc đào giếng đã thấy đất ướt, biết chắc gần tới nước. Hội Lăng Nghiêm là khi thấy nước rồi. Hội Niết-bàn là lúc uống nước. Thế thì, nhân duyên một việc lớn, chính là giải thoát vậy.

Nói lớn, cũng chẳng vượt qua tâm. Nhưng, tâm lại là Tri kiến chân như, bản lai không một vật. Chúng sanh tự quên cái bản lai này, theo vọng thức, trôi giạt mãi trong biển khổ. Cho nên, pháp của Phật nói ra, dù như chiếc bè hay cứu vớt chúng sanh, ngược dòng mà qua, khiến họ bỏ vọng về chân. Sau đó, mới khai thị cho họ, dạy biết cái “bản lai thanh tịnh”, ngộ nhập “Tri kiến địa chân như”.

*Tỳ-kheo Thanh Đàm,
Thiền sư Giác Đạo Tuân
Minh Chánh tuyền.*

GIẢNG

Bài Tông Chỉ Đề Cương Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này do ngài Minh Chánh viết.

Đức Thế Tôn vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện ở đời. Bởi muốn khai thị cho chúng sanh khiến ngộ nhập Phật tri kiến đạo. Bản nguyện rộng lớn của chư Phật ra đời, chỉ vì một việc duy nhất là muốn mở bày cho tất cả chúng sanh nhận được và hằng sống với tri kiến Phật của mình. Chúng ta có tri kiến Phật mà bỏ quên, rồi lãng xăng tạo nghiệp bị luân hồi bị trôi giạt qua vô số kiếp, nên bây giờ các ngài phát nguyện nơi nào có mình, chư Phật thị hiện đến chỉ cho mình việc ấy.

Lúc mới thành Chánh giác, ngài nói kinh Hoa Nghiêm, đem cho họ giáo Viên đốn Nhất thừa, khiến mọi người đồng lên biên Hoa Tạng. Lịch sử kể rằng, khi đức Thế Tôn thành đạo dưới cội Bồ-đề, ngài đã thốt lên: Lạ thay! Mọi loài đều có trí tuệ đức tướng Như Lai, tại sao ngu mê để rồi bị trầm luân sinh tử! Nghĩa là ngài dùng con mắt Phật, mắt tuệ đã thực chứng nhìn khắp

muôn loài, thấy chúng có sẵn trí tuệ đức tướng Như Lai, tại sao ngu mê để bị trôi giạt. Do đó ngài liền chỉ dạy pháp Viên đốn Nhất thừa, khiến cho mọi người vào biển Hoa Tạng, tức là thể nhập được tạng tâm Như Lai của chính mình.

Pháp thì lớn, cơ thì nhỏ. Nghĩa là pháp Nhất thừa viên đốn rất rộng sâu, mà căn cơ chúng sanh lại quá cạn hẹp. Chúng sanh đang giống ruồi và mắc mứu bởi trần lao phiền não đầy dẫy, cho nên không nhận nổi pháp viên đốn Phật chỉ dạy.

Do đó, Giáo có năm thời, Thừa chia ba tạng. Đây là theo sự phán giáo của các tổ đời sau. Thời thứ nhất, là sau khi thành đạo Phật giảng kinh Hoa Nghiêm do chư thiên thỉnh cầu. Thời thứ hai, nơi vườn Lộc Dã, Ngài nói kinh A-hàm. Chúng ta học trong lịch sử, sau khi thành đạo rồi, đức Thế Tôn từ Bồ-đề đạo tràng trở lại vườn Lộc Dã gặp gỡ mấy người bạn đồng tu là năm anh em Kiều Trần Như. Nơi đây ngài nói pháp Tứ đế. Vì vậy, thời thứ hai đức Phật nói pháp cho hàng Nhị thừa.

Thời thứ ba, tại tinh xá Kỳ Hoàn, Ngài nói kinh Bát-nhã. Tinh xá Kỳ Hoàn tức là tinh xá Trúc Lâm. Tinh xá này do ông Cấp Cô Độc thành lập. Phật thành đạo rồi, có những đệ tử xuất gia và tại gia theo Thế Tôn tu học, phát nguyện tạo phương tiện giúp cho chánh pháp được lưu truyền nơi đời, lợi lạc chúng sanh. Tinh xá Kỳ Hoàn do trưởng giả Cấp Cô Độc phối hợp với thái tử Kỳ-đà thành lập. Đây là tinh xá lớn nhất, đức Phật nhập hạ ở đây cũng nhiều nhất. Tại nơi này Phật nói kinh Bát-nhã.

Thời thứ tư, trong núi Kỳ-xà-quật, Ngài nói kinh Pháp Hoa. Núi Kỳ-xà-quật tức là núi Linh Thứu. Tại đây Phật nói kinh Pháp Hoa.

Thời thứ năm, ở thành lớn Câu-thi, Ngài nói kinh Niết-bàn. Đây cũng là chỗ đức Phật nhập Niết-bàn.

Hai thời trước là phần giáo của Tiểu thừa. Đến thời Pháp Hoa là phần giáo của Đại thừa. Kinh nói: Phật nói kinh Đại thừa tên “Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm”. Tức là kinh Đại thừa tên Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát này được chư Phật hộ niệm.

Bởi chư Phật hộ niệm từ lâu xa đến giờ. Nay, trong chúng đệ tử, căn cơ đã thuần thực, lưới nghi cũng trừ xong, có thể kham nhận lãnh pháp lớn, nên Phật đem Đại thừa này giao phó. Ngay trong phần đầu, đức Phật thị hiện giới thiệu chỉ bày, từ từ các vị đệ tử lớn như ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-

liên, Ca-chiên-diên, Ca-diếp v.v... đã thuần thục, đã trưởng thành, kham nhận được giáo pháp Đại thừa, bây giờ đức Phật mới nói kinh Pháp Hoa.

Giáo này cũng đồng với kinh Hoa Nghiêm. Do đó, kinh nói: “Thăng bằng bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng. Khiến cho chúng đệ tử, nương đạo Nhất thừa này, tiến vào Tối thượng thừa, Tri kiến Phật nhất đại sự, A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề”. Kinh Hoa Nghiêm nói Thăng bằng bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng, tức là chỉ thăng, vượt qua tất cả phương tiện. Khiến cho chúng đệ tử, nương đạo Nhất thừa này, tiến vào Tối thượng thừa, Tri kiến Phật nhất đại sự, A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Việc duy nhất tối thượng thừa là như vậy.

Nhưng, kinh Pháp Hoa cùng kinh Lăng Nghiêm đồng một ý hướng, mà kinh Pháp Hoa là mật ý xung dương tán thán Phật tri kiến. Kinh Lăng Nghiêm là nói rõ Phật tri kiến. Kinh này đem so với kinh Lăng Nghiêm, cả hai kinh đồng một ý hướng. Kinh Pháp Hoa là mật ý xung dương tán thán Phật tri kiến, còn kinh Lăng Nghiêm nói rõ Phật tri kiến. Cùng một ý hướng nhưng mỗi kinh có một nhiệm vụ chỉ bày như vậy đó.

Đến kinh Niết-bàn thì dạy: “Sanh diệt đã hết, lạng lẽ là vui”. Chính nơi đây, niềm vui lớn mới thật rõ ràng. Đến kinh Niết-bàn là rõ ràng, sanh diệt đã hết, lạng lẽ là vui.

Nên biết trên hội Pháp Hoa, là lúc đào giếng đã thấy đất ướt, biết chắc gần tới nước. Nơi hội Pháp Hoa, đức Thế Tôn chỉ cho mọi người nhận ra tri kiến Phật, trong đó có chúng ta. Tuy rằng chúng ta chưa giác ngộ giải thoát, chưa thành Phật, nhưng nhận được mình có tánh giác, có tri kiến Phật tức là tin chắc ta có khả năng thành Phật. Giống như đào giếng tới đất ướt rồi, chắc chắn sẽ tới nước, sẽ trị được bệnh khát nước. Kinh nói nhận được tri kiến Phật, nhà thiên bảo hằng sống với tánh giác của mình.

Hội Lăng Nghiêm, là khi thấy nước rồi. Tức là chỉ thăng cái đó ra. Hội này tới đất ướt, biết chắc gần tới nước, đến đây thấy nước. Hội Niết-bàn, là lúc uống nước. Kinh Niết-bàn nói gì? Sanh diệt đã hết, lạng lẽ là vui.

Thế thì, nhân duyên một việc lớn, chính là giải thoát vậy. Giáo hóa chúng sanh được như vậy là nhân duyên nhất đại sự đã thành công, tức là giải thoát.

Nói lớn, cũng chẳng vượt qua tâm. Câu này ý nói lớn không ngoài tâm, nói lớn nói nhỏ gì cũng không ngoài tâm cả.

Nhưng, tâm lại là Tri kiến chân như, bản lai không một vật. Tâm chính là Tri kiến chân như, bản lai không một vật. Thành ra khi Lục Tổ nói Bản lai vô nhất vật là ngài đã nhận ra được tri kiến Phật của mình. Nhận được, sống được với tâm của mình rồi, Tổ mới nói “Bản lai vô nhất vật”. Người chưa nhận được tâm, còn bị mắc mứu chạy theo những lăng xăng điên đảo bên ngoài, không khi nào dám nói vô nhất vật. Rõ ràng như vậy.

Chúng sanh tự quên cái bản lai này, theo vọng thức, trôi giạt mãi trong biển khổ. Đây là câu nói thông thường mà các vị thánh dành cho chúng sanh đang mê trong biển khổ. Chúng ta có cái bản lai ấy mà quay lưng với nó, để rồi vướng mắc trôi giạt, khổ sở điên đảo không cùng. Con người thường chạy theo sự thay đổi giả tạm bên ngoài, chợt có chợt không, khi còn khi mất. Khi được thì vui cười hả hê, lúc mất lại buồn khổ sâu thẳm. Mất thân này tìm thân khác, cứ thế mà bám, mà trôi giạt. Bây giờ có cách để không bị trôi giạt nữa là chán bỏ thân này, nhận và sống với thân thật, tự nhiên không bị khổ đau nữa. Biết rõ mình bị khổ đau, luân hồi là vì mê nhận những điên đảo, hư giả làm thật. Bây giờ muốn hết khổ đau, muốn dừng vòng luân hồi sinh tử thì đừng ôm đồm, đừng chạy theo, đừng mắc mứu những cái đó nữa.

Tự chúng ta ý thức và nhận trách nhiệm đối với vòng luân hồi mình đang vướng mắc. Chúng ta không thể cầu nguyện, không thể trông mong ai ban cho mình sự an ổn. Ví dụ mình đang bị một bức xúc trong lòng. Nó ray rứt, quấy nhiễu, lăng xăng mà chưa giải tỏa được. Giả như bây giờ có ai khuyên, an ủi, để mình quên sự bức bối ấy, nhưng nếu ta chưa giải tỏa, còn vướng bận trong lòng thì dù được an ủi bao nhiêu, sự ray rứt vẫn chưa hết. Chỉ khi nào mình cởi mở, buông bỏ hết thì mới yên được. Cho nên tự mình phải vận dụng trí lực của mình, không thể ỷ lại vào sự hỗ trợ bên ngoài. Đoạn đường đó là đoạn đường quyết liệt tự mình đi, vững vàng hay không, tự tại hay không là do mình. Các phương tiện chỉ có giá trị tạm thời, rất giới hạn, không thể cứu được mình.

Công phu phải do ta tự gây dựng, yên lặng hết vọng tưởng, phiền não không còn, mọi lăng xăng buông xuống thì trí tuệ hiện tiền phát ra. Nghĩ như vậy rồi, chư huynh đệ sẽ thấy quý trọng thời gian, sẽ thấy công phu tu hành bây giờ quyết định cho đường đi nước bước của mình, cho cuộc đời mình. Nên nhớ vô thường không tha ai hết, dù cho những bậc phát minh siêu xuất nhất, thuốc thang tối ưu nhất, tuy nhiên cuối cùng rồi cũng bó tay. Một hơi thở ra không lấy lại là rồi. Thế thì có gì bảo đảm? Chẳng có gì hết, chẳng qua chỉ là duyên hợp thôi. Nếu chúng ta không cùng nhau hạ quyết tâm xây dựng cho

đẹp, cho xứng đáng, mà còn gây tạo những bất an bất ổn trong đó thì quả thật là đại khờ.

Nói cho cùng, việc của mình mình phải đảm đang, phải giải quyết thôi. Càng lớn lên, chúng ta sẽ càng thăm thía nổi quanh quẽ, cô đơn một mình, không ai cảm thông nổi! Con đường luân hồi sinh tử ta gây dựng thì chính ta đương đầu và giải quyết. Pháp của Phật cao siêu mầu nhiệm như thế, nhưng nếu ta không áp dụng, không thể nhập được thì luân hồi sinh tử vẫn cứ lôi ta trong luân hồi sinh tử. Nghiệm tới đây, mọi người nên tha thiết, quý trọng nhau. Vì tất cả chúng ta đều là Phật hết mà, dù người cao, người thấp, người già, người trẻ, người khôn, người dại... cũng là Phật sẽ thành thôi. Chúng ta quý trọng, đùm bọc nhau, để thành tựu việc cho nhau. Tôi nói hỗ trợ, chứ không phải người này làm thành cho người kia được đâu.

Cho nên, pháp của Phật nói ra, dụ như chiếc bè hay cứu vớt chúng sanh, ngược giòng mà qua, khiến họ bỏ vọng về chân. Sau đó, mới khai thị cho họ, dạy biết cái “bản lai thanh tịnh”, ngộ nhập “Tri kiến địa chân như”. Pháp của Phật dụ như chiếc bè. Chúng ta biết dùng chiếc bè hay không là chuyện của mình. Muốn qua sông thì phải là chiếc bè an toàn, chứ qua giòng nước xoáy, sóng to sông lớn mà bè lủng bè mục thì chết chìm giữa giòng. Biết sử dụng bè cũng như biết sử dụng pháp, biết sử dụng phương tiện tu tập. Trước nhất là thân này, kể là trí tuệ hiểu biết, những phương tiện trong đời sống nuôi dưỡng trí tuệ và thân của chúng ta. Ngoài ra còn có bạn hữu, các phương pháp giải trừ độc tố cho mình.

Dùng xong thì bỏ phương tiện, không nên mang vác theo nữa. Có vị nào thấy một người đi trên đường nhựa mà vác chiếc bè trên lưng không? Không. Nhưng nếu ở dưới sông mà không có bè thì chết. Nói như thế để chúng ta sử dụng cái bè cho đúng. Bè là để qua sông. Làm sao bảo đảm an toàn cho mình, ta giữ gìn để có bè tốt mà qua được sông. Qua sông rồi thì bè trở thành vô dụng.

Khiến họ bỏ vọng về chân. Rồi sau đó khai thị cho họ, dạy biết cái Bản lai thanh tịnh, ngộ nhập Tri kiến địa chân như. Nghĩa là nhân kế tựu kế, chỉ cho chúng sanh qua sông vũng vàng, làm chủ rồi không bị các pháp kéo lôi, đó là Bản lai diện mục thanh tịnh chân như của chính mình.

CHÁNH VĂN

TỔNG NÊU PHÁP DỤ VÀ ĐỀ MỤC CỦA KINH

Diệu Pháp Liên Hoa kinh, năm chữ. Hai chữ Diệu Pháp là chỉ cho Pháp thật. Pháp tức là tâm xưa nay trong sạch. Tâm ấy, xưa nay không sanh không diệt, chẳng sạch chẳng nhơ, chẳng thêm chẳng bớt. Ở phiền não mà chẳng loạn động, trụ trần lao mà không nhiễm ô. Cho nên nói, tâm xưa nay trong sạch là vậy.

Lại tâm này, là bản nguyên của chư Phật, là Phật tánh của chúng sanh. Tròn đồng thái hư, lớn không bờ mé. Linh linh lặng lặng, phôi xưa bầy nay. Trạm trạm lóng trong, tức không tức sắc. Không thể dùng tâm thức suy lường mà biết được. Đức Thế Tôn, vì muốn đem một việc lớn, “Tâm này” trao phó cho hàng Bồ-tát, gây tâm nhân địa, làm gốc tu nhân. Nhiên hậu, có thể thành tựu quả địa tu chứng, nên nói rằng Diệu Pháp.

Nên biết, tâm này trong các kinh đều khai thị nó trước nhất. Phương tiện đặt tên, mỗi chỗ chẳng đồng. Như Tâm Kinh Bát-nhã thì “Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa”. Lại bảo: “Bồ-tát Quán Tự Tại”. Cũng nói: “Chân thật chẳng hư”. Kinh Tịnh Danh nói: “Pháp môn Bất nhị”. Hoặc là “Chẳng nghĩ bàn”. Kinh Kim Cương dạy: “Nhu thể sanh tâm thanh tịnh”. Lại dạy: “Nên không chỗ trụ mà sanh tâm ấy”. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Biển tánh Tỳ-lô”. Lại nói: “Trí Căn bản”. Kinh Lăng Già cho rằng: “Tự giác thánh trí”. Kinh Lăng Nghiêm chỉ: “Diệu minh nguyên tịnh”. Lại nói: “Nhu Lai tàng tánh”. Kinh Viên Giác thì “Nhân địa pháp hạnh” hoặc là “Viên Giác diệu tâm”. Kinh A-di-đà nói: “A-di-đà Phật”. Lại nói: “Kinh công đức chẳng thể nghĩ bàn, hết thầy chư Phật đều hộ niệm”. Kinh Đại Bát Niết-bàn thì dạy: “Thân Kim Cương chẳng hoại”. Đến như kinh Pháp Hoa này là “Diệu Pháp Liên Hoa”, là “Một đại sự nhân duyên”. Lại, “Phật tri kiến đạo”. Hay là, “cứu cánh Phật tuệ”. Cũng lại, “Trí nhất thiết chủng” v.v... Như thế bao nhiêu thứ danh hiệu, đều tùy dụng mà đặt ra, có vô lượng sự sai khác. Thế nên nói là “Diệu Pháp”.

Hai chữ Liên Hoa là thí dụ. Lấy trong sạch chẳng ô nhiễm làm nghĩa. Vì tất cả sự vật trong thế gian, chẳng kham làm dụ cho tâm, nên cưỡng lấy hoa sen để ví cho nó. Bởi loài hoa này sanh trong nước bùn, mà chẳng bị nước bùn làm ô uế. Cũng như tâm ở trong trần lao, mà chẳng bị trần lao làm mê hoặc. Nhưng, tâm không hình tướng, hoa có xanh, vàng. Nhân hoa mà rõ cái thấy, do thấy mới biết hoa. Hoa là sắc tướng vô tình, còn thấy biết chính là chân tâm. Chỉ chẳng vọng sanh phân biệt thì vật ngã tự như như.

Kinh là sợi chỉ xuyên suốt tâm. Bảy quyển bao hàm hơn sáu muôn lời, đều là những số của tâm. Lấy một sợi chỉ xuyên hết lại thành một kinh vậy. Nhưng, chỗ tỏ bày của kinh là môn học Định, Tuệ. Thế là nói lướt đi, kỳ thật gồm cả Giới trong đó, do Giới giúp cho Định Tuệ. Nhân Giới sinh Định, do Định phát Tuệ. Thế nên, Giới là phương tiện đầu của Định Tuệ, há có thể lãng quên được ư?

Nói Định Tuệ, tức là tông chỉ của Thiên định. Tuy trong các kinh đều nói Định Tuệ, nhưng có Định Tuệ Tiểu thừa, Định Tuệ Nhị thừa, hoặc Định Tuệ của Quyền thừa Bồ-tát. Đến như kinh này thì Phật tuệ rất ráo, chỉ bày Nhất thừa, Phật tri kiến đạo, khiến các chúng sanh rất ráo đều được Trí nhất thiết chủng.

Nên biết, Định Tuệ trong kinh này nói, chẳng phải Định Tuệ của các kinh khác mà có thể so sánh được. Kinh nói: “Tặng kinh Pháp Hoa này, rất bền chắc sâu xa, không người có thể đến”.

Nay, đức Phật giáo hóa hàng Bồ-tát được thành tựu rồi, nên vì họ mà chỉ bày. Nhưng kinh Pháp Hoa, mới bắt đầu khai thị khiến họ ngộ nhập. Đến kinh Lăng Nghiêm, thì nghĩa Đại thừa đã rành rõ, mọi việc đã hoàn tất. Thế nên biết, kinh Pháp Hoa cùng kinh Lăng Nghiêm làm tiêu biểu cho nhau. Do đó, kinh Pháp Hoa cũng có tên là “Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương kinh”.

Kệ rằng:

*Đề kinh năm chữ, nghĩa u huyền,
Diệu Pháp Liên Hoa(1), Phật tuệ viên,
Thanh-văn(2), Độc giác(3), khôn lường xét,
Bản lai thanh tịnh, bật trần duyên,
Theo thời chẳng muội Chân tri kiến,
Chỗ hiển mở bày thật quả nhân,
Pháp dụ cùng nêu, ngời đại sự,
Tâm hoa rực rỡ, chiếu vô biên.*

(1) DIỆU PHÁP LIÊN HOA: Diệu Pháp là Pháp diệu khó nghĩ, vượt hơn các pháp. Lại kinh pháp này là vua trong các kinh của Phật nói.

Liên Hoa là dụ như hoa sen. Một loại hoa sánh với các loại hoa khác có năm điều đặc biệt:

- 1- Có hoa là có gương: nhân quả đồng thời.
- 2- Mọc trong bùn lầy mà vẫn trong sạch thơm tho.
- 3- Cọng hoa từ gốc đã tách rời cành lá.
- 4- Loài ong bướm không bu đậu.
- 5- Không bị người dùng làm đồ trang điểm.

Nói Diệu Pháp Liên Hoa là gồm cả dụ lẫn pháp trong đó. Thông thường các Phật tử chỉ gọi tắt hai chữ là Pháp Hoa mà thôi.

(2) Thanh-văn: Các vị này sanh cùng thời với Phật, được nghe pháp Tứ Đế ngộ lý Vô sanh, chứng quả A-la-hán. Thanh văn có bốn bậc:

- | | |
|---------------|--------------|
| 1- Tu-đà-hoàn | 2- Tu-đà-hàm |
| 3- A-na-hàm | 4- A-la-hán |

(3) Độc giác: Còn gọi là Bích-chi Phật. Có hai hạng:

a) Các vị ra đời không gặp Phật, cũng không gặp chánh pháp, nhưng nhờ chứng kiến cảnh hoa héo lá khô v.v... mà tự ngộ lý vô thường dứt Kiến tư hoặc, thoát ly sanh tử luân hồi. Vị này gọi là Độc giác.

b) Các vị ra đời gặp Phật gặp chánh pháp, tu quán mười hai nhân duyên, chứng ngộ vô sanh thoát ly sanh tử luân hồi. Vị này gọi là Duyên giác. Cả hai hạng trên cứ nơi quả chứng thì ngang với A-la-hán.

GIẢNG

Diệu Pháp Liên Hoa kinh, năm chữ. Hai chữ Diệu Pháp là chỉ cho Pháp thật. Pháp tức là tâm xưa nay trong sạch. Tâm ấy, xưa nay không sanh không diệt, chẳng sạch chẳng nhơ, chẳng thêm chẳng bớt. Ở phiền não mà chẳng loạn động, trụ trần lao mà không nhiễm ô. Cho nên nói, tâm xưa nay trong sạch là vậy.

Lời văn của ngài Minh Chánh rất sáng. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa có thật pháp và thí dụ. Liên hoa là dụ, Diệu pháp là thật. Diệu pháp là chỉ cho tâm xưa nay không sanh không diệt, không nhơ không sạch không thêm không bớt. Ở phiền não mà chẳng loạn động, trong trần lao mà không nhiễm ô. Cho nên nói là tâm xưa nay trong sạch. Đó là nói về tâm thể của chúng ta.

Lại tâm này, là bản nguyên của chư Phật, là Phật tánh của chúng sanh. Tròn đồng thái hư, lớn không bờ mé. Linh linh lạng lạng, phô xưa bày nay. Trăm

trạm lóng trong, tức không tức sắc. Không thể dùng tâm thức suy lường mà biết được. Đức Thế Tôn vì muốn đem một việc lớn, “Tâm này” trao phó cho hàng Bồ-tát, gây tâm nhân địa, làm gốc tu nhân. Nhiên hậu, có thể thành tựu quả địa tu chứng, nên nói rằng Diệu Pháp.

Ở trên đã dẫn, ở dưới nói thêm, Lại tâm này... một loạt, để chỉ cho chúng ta biết tâm này là bản nguyên của chư Phật, là Phật tánh của chúng sanh. Tròn đồng thái hư, lớn không bờ mé. Linh linh lạng lạng, phô xưa bày nay... Nghĩa là tâm trùm hết, linh linh lạng lạng. Những từ này thật sâu sắc, đọc lên đã đủ, không thể giải thích được nữa. Giải thích sẽ trật đi. Linh linh lạng lạng.

Trạm trạm lóng trong, nghĩa là gì? Chữ Trạm (湛) là lắng yên, bất động, không bị sai sử lay chuyển bởi những thứ bên ngoài.

Tức không tức sắc: Tâm ấy cũng là không, cũng là sắc.

Không thể dùng tâm thức suy lường mà biết được. Nghĩa là tâm đó không thể dùng sự suy lường bằng trí thức mà biết được. Chỉ nhận ra, hằng sống.

Đức Thế Tôn, vì muốn đem một việc lớn, “Tâm này” trao phó cho hàng Bồ-tát, gây tâm nhân địa, làm gốc tu nhân. Mục đích ra đời của đức Phật, vô lượng các bậc Thánh, là đem việc lớn “Tâm này” giao phó, ở đây nói hàng Bồ-tát nhưng chính là chỉ cho chúng ta biết mình có tâm ấy, để gây tâm nhân địa, tức tâm của mình là cái gốc tu nhân.

Nhiên hậu, (然後) là sau đó Có thể thành tựu quả địa tu chứng, nên nói rằng Diệu Pháp.

Nên biết, tâm này trong các kinh đều khai thị nó trước nhất. Phương tiện đặt tên, mỗi chỗ chẳng đồng. Như Tâm Kinh Bát-nhã thì “Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa”. Tức là chỉ cho Tâm. Nó là kinh Tâm. Bát-nhã ba-la-mật tức là trí tuệ viên mãn. Ba-la-mật là Đáo bỉ ngạn.

Lại bảo: “Bồ-tát Quán Tự Tại”. Kinh Bát-nhã, đương cơ Phật nói pháp là Bồ-tát Quán Tự Tại. Phật bảo với Bồ-tát Quán Tự Tại, mà ngầm hiểu là đức Phật dạy chung cho tất cả chúng sanh.

Cũng nói: “Chân thật chẳng hư”. Kinh Tịnh Danh nói: “Pháp môn Bất nhị” hoặc là “Chẳng nghĩ bàn”. Kinh Kim Cương dạy: “Như thế sanh tâm thanh tịnh”. Lại dạy: “Nên không chỗ trụ mà sanh tâm ấy”. Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Biển tánh Tỳ-lô”. Lại nói: “Trí Căn bản”. Kinh Lăng Già cho rằng: “Tự giác thánh trí”. Kinh Lăng Nghiêm chỉ: “Diệu minh nguyên tinh”. Lại nói: “Như Lai tàng tánh”. Kinh Viên Giác thì “Nhân địa pháp hạnh”. Hoặc là “Viên Giác diệu tâm”. Kinh A-di-đà nói: “A-di-đà Phật”.

A-di-đà Phật tức là Vô lượng thọ, Vô lượng quang. Chỉ cho pháp thể thanh tịnh của chính mình. Thành ra kinh A-di-đà nói: A-di-đà Phật.

Lại nói: “Kinh công đức chẳng thể nghĩ bàn, hết thầy chư Phật đều hộ niệm”. Bất khả tư nghĩ công đức chư Phật nhất thiết hộ niệm.

Kinh Đại Bát Niết-bàn thì dạy: “Thân Kim Cương chẳng hoại”. Đến như kinh Pháp Hoa này là “Diệu Pháp Liên Hoa”, là “Một đại sự nhân duyên”. Lại, “Phật tri kiến đạo”. Hay là, “cứu cánh Phật tuệ”. Cũng lại, “Trí nhất thiết chủng” v.v... Như thế bao nhiêu thứ danh hiệu, đều tùy dụng mà đặt ra, có vô lượng sự sai khác. Thế nên nói là “Diệu Pháp”. Nói diệu pháp là bởi năng dụng hay dụng lực của tâm lớn lao vô cùng vô tận vậy.

Hai chữ Liên Hoa là thí dụ. Lấy trong sạch chẳng ô nhiễm làm nghĩa. Vì tất cả sự vật trong thế gian, chẳng kham làm dụ cho tâm, nên cưỡng lấy Hoa sen để ví cho nó. Bởi loài hoa này sinh trong nước bùn, mà chẳng bị nước bùn làm ô ướ. Cũng như tâm ở trong trần lao, mà chẳng bị trần lao làm mê hoặc. Nhưng, tâm không hình tướng, hoa có xanh, vàng. Nhân hoa mà rõ cái thấy, do thấy mới biết hoa. Hoa là sắc tướng vô tình, còn thấy biết chính là chân tâm. Chỉ chẳng vọng sanh phân biệt thì vật ngã tự như như.

Câu kết cho chúng ta hình ảnh gì? Như trong kinh Viên Giác nói, người muốn nhận ra mặt trăng thật thì phải từ ngón tay mà nhìn lên mặt trăng thật trên kia. Cho ngón tay là mặt trăng sẽ có lỗi vừa làm hư ngón tay, vừa không nhận ra mặt trăng thật. Ở đây cũng vậy, tâm không hình tướng, hoa thì có xanh, vàng. Nhân hoa mà rõ cái thấy, do thấy mà biết hoa. Nhân dụ mà chỉ ra pháp thật. Người có trí từ dụ nhận ra pháp thật. Hoa là sắc tướng vô tình còn thấy biết chính là chân tâm.

Chỉ chẳng vọng sanh phân biệt thì vật ngã tự như như. Chúng ta đừng chạy theo vọng thức, đừng sanh phân biệt thì vật ngã tự như như.

Kinh là sợi chỉ xuyên suốt tâm. Bảy quyển bao hàm hơn sáu muôn lời, đều là những số của tâm. Lấy một sợi chỉ xuyên hết lại thành một kinh vậy. Nhưng, chỗ tỏ bày của kinh là môn học Định, Tuệ. Thế là nói lướt đi, kỳ thật gồm cả Giới trong đó, do Giới giúp cho Định Tuệ. Nhân Giới sanh Định, do Định

phát Tuệ. Thế nên, Giới là phương tiện đầu của Định Tuệ, há có thể lãng quên được ư? Ở đây giải thích chữ Kinh, “Kinh” có ý nghĩa là xâu suốt lại. Bảy quyển bao hàm sáu muôn lời. Có bài tán đầu kinh Pháp Hoa:

Hơn sáu muôn lời, thành bảy cuốn,

Rộng chứa đựng vô biên nghĩa mầu.

Trong cổ nước cam lộ rịn nhuần,

Trong miệng chất đề hồ nhỏ mát.

Bên răng ngọc trắng tuôn xá-lợi,

Trên lưỡi sen hồng phóng hào quang.

Dầu cho tào tội hơn núi cả,

Chẳng nhọc Diệu Pháp vài ba hàng.

Bài tán này rất hay. Chỗ tỏ bày của kinh là môn học Định, Tuệ. Nói Định Tuệ là nói lược, kỳ thật có Giới trong đó nữa. Giới giúp cho Định Tuệ. Nhân Giới sanh Định, do Định phát Tuệ, cho nên Giới là phương tiện đầu của Định Tuệ, há có thể lãng quên được ư?

Nói Định Tuệ, tức là tông chỉ của Thiên định. Tuy trong các kinh đều nói Định Tuệ, nhưng có Định Tuệ Tiểu thừa, Định Tuệ Nhị thừa, hoặc Định Tuệ của Quyền thừa Bồ-tát. Đến như kinh này thì Phật tuệ rất ráo, chỉ bày Nhất thừa, Phật tri kiến đạo, khiến các chúng sanh rất ráo đều được Trí nhất thiết chủng. Định Tuệ của kinh này nói là gì? Nhất Phật thừa. Trong nhà Phật có Định Tuệ Nhị thừa, Định Tuệ Quyền thừa Bồ-tát v.v... nhưng Định Tuệ của kinh này nói là Nhất Phật thừa và rất ráo Nhất thiết chủng trí.

Nên biết, Định Tuệ trong kinh này nói, chẳng phải Định Tuệ của các kinh khác mà có thể so sánh được. Kinh nói: “Tạng kinh Pháp Hoa này, rất bền chắc sâu xa, không người có thể đến”.

Nay, đức Phật giáo hóa hàng Bồ-tát được thành tựu rồi, nên vì họ mà chỉ bày. Nhưng kinh Pháp Hoa, mới bắt đầu khai thị khiến họ ngộ nhập. Đến kinh Lăng Nghiêm, thì nghĩa Đại thừa đã rành rõ, mọi việc đã hoàn tất. Thế nên biết, kinh Pháp Hoa cùng kinh Lăng Nghiêm, làm tiêu biểu cho nhau.

Do đó, kinh Pháp Hoa cũng có tên là “Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương kinh”.

Ở đây nói lại chỗ này một chút. Đức Phật giáo hóa hàng Bồ-tát được thành tựu rồi, nên vì họ mà chỉ bày. Nhưng kinh Pháp Hoa, mới bắt đầu khai thị khiến họ ngộ nhập. Như trước đã nói, kinh Pháp Hoa giống như đào giếng thấy đất ướt, biết chắc có nước. Đến kinh Lăng Nghiêm, thì nghĩa Đại thừa đã rành rõ. Tức là kinh Lăng Nghiêm chỉ cho cái Diệu tịnh minh tâm, hay là cái Kiến chân nguyên minh, tức chỉ cho tâm thể của mình. Mọi việc đã hoàn tất. Sau khi khai thị rõ ràng rồi, đến giai đoạn nhận được chính xác và thể nhập. Thế nên biết, kinh Pháp Hoa cùng kinh Lăng Nghiêm, làm tiêu biểu cho nhau. Hai kinh này làm tiêu biểu cho nhau. Do đó, kinh Pháp Hoa cũng có tên là “Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương kinh”. Chữ Vương là vua. Vua trong các kinh. Kinh vua Diệu Liên Hoa rất rộng lớn.

Kệ rằng:

Đề kinh năm chữ, nghĩa u huyền,

Diệu Pháp Liên Hoa, Phật tuệ viên,

Thanh văn, Độc giác, khôn lường xét,

Bản lai thanh tịnh, bất trần duyên,

Theo thời chẳng muội Chân tri kiến,

Chỗ hiển mở bày thật quả nhân,

Pháp dụ cùng nêu, ngời đại sự,

Tâm hoa rực rỡ, chiếu vô biên.

Hoa sen so sánh với các loại hoa khác có những điểm đặc biệt. Ở đây tóm lại có năm điều.

1. Có hoa là có gương: Hoa sen nở ra là có sẵn gương ở trong rồi, gọi là nhân quả đồng thời. Nghiệm lại với pháp tu của chúng ta rất đặc biệt.

2. Mọc trong bùn lầy mà vẫn trong sạch thơm tho: Hoa sen sinh trưởng từ trong bùn lầy nước đọng, hôi nhơ, nhưng hoa lại thơm. Đó là điểm đặc biệt của hoa sen.

3. Cọng hoa từ gốc đã tách rời cành lá. Cọng tách rời cành lá từ dưới gốc.

4. Loài ong bướm không bu đậu. Ong bướm không bu đậu hoa sen. Ngộ thật. Tôi nghĩ ong bướm thì hoa nào cũng bu đậu, nhưng đặc biệt hoa sen nó không dám bu.

5. Không bị người dùng làm đồ trang sức. Người nữ trang sức hoa trên đầu như hoa hường hoa cúc, ít thấy ai cài cái hoa sen tổ bố trên đầu. Đó cũng là điểm đặc biệt.

Điểm đặc biệt của hoa sen là mọc trong bùn lầy mà vẫn trong sạch thơm tho. Chúng ta không thể nào chạy trốn xã hội này, đừng nói phải đến nơi nào đó yên mới tu được! Ở đây, ngay đây bây giờ mà tu không được thì đừng nói chạy đi đâu. Nếu muốn tìm kiếm nơi nào khác mới tu được, thì chẳng khác người đứng núi này trông núi nọ. Nếu không chịu khó, không dám đương đầu với thực tế, không chấp nhận sống với hoàn cảnh hiện tại, thì không thể tiến trên bước đường tu tập. Làm sao trong bùn lầy chúng ta vẫn trong sạch như hoa sen. Làm sao trong cuộc sống này với bao nhiêu vướng mắc mình vẫn tự tại. Mình là mình. Giữa bùn lầy mình vẫn thơm tho. Thơm tho ở đây không phải y cứ trên hình thức ăn chay, niệm Phật, tụng kinh mà khi làm tất cả công việc đều không đâm trước, không thấy tướng ngã tướng nhân. Như các vị Bồ-tát xả thân đắp cầu, làm đường... mà tâm luôn luôn an vui thanh tịnh.

Cọng hoa sen từ gốc đã tách rời cành lá, loài ong bướm không bu đậu, không bị người dùng làm đồ trang điểm. Chúng ta tu hành như thế nào để đừng bị cuốn hút, đừng tạo nghiệp. Chúng ta cố gắng phấn đấu từng hơi thở, từng tâm niệm, nhắc nhở nhau tu hành, chuyển cho được nghiệp tập của mình, để được giải thoát an vui ngay trong cõi đời uế trước này.

CHÁNH VĂN

TỔNG NÊU NHÂN DO TÔNG CHỈ KHAI THỊ NGỘ NHẬP

Phân duyên khởi của các kinh, mỗi mỗi khác nhau. Nhân duyên kinh này, lấy ánh sáng mà dẫn, từ trong vô lượng nghĩa lưu xuất. Vô lượng nghĩa cũng là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Hạng thượng căn thấy đó, đã

tròn đầy yếu cơ Khai, Thị, Ngộ, Nhập, chẳng nhọc đức Thế Tôn từ chánh định dậy, lại diễn nói thêm. Nên trong kinh nói: “Pháp ấy chẳng thể nghĩ bàn, tướng lời nói lặng lẽ. Nhưng các loài chúng sanh khác không thể hiểu thấu, nên xin ra muốn nghe”.

Khai là phá bỏ vọng tưởng tình thức kia, bày tỏ căn tánh chân thường tức là Phật tri kiến, tâm bản lai thanh tịnh.

Thị là đã khai phá vọng thức rồi, liền chỉ ra căn tánh chân thường, là Phật tri kiến, tâm bản lai thanh tịnh.

Ngộ là chúng sanh từ kiếp vô thủy đến giờ, chẳng biết chân tánh xưa nay trong sạch. Chỉ nhận bốn đại, năm uẩn làm thân, sáu thức vọng tưởng làm tâm. Nên cần phải mở bày, mới có thể giác ngộ “tình thức là vọng, căn tánh là chân”.

Nhập là đã biết vọng thức, nhận ra chân tánh, bèn hồi tâm ngộ nhập tánh chân thật, chóng bỏ thức tình vọng tưởng. Lại, Nhập cũng chính là nghĩa “nhập lưu vong sở”. Là thu nhiếp các thức trở về căn nguyên, trái bỏ cảnh giới vọng trần vậy.

Kệ rằng:

*Pháp Hoa một đại sự nhân duyên,
Khai Thị khiến cho Ngộ Nhập liền (1).
Phóng quang sáng tỏa, bừng mắt đạo,
Từ tam-muội dậy, chỉ linh nguyên.
Hoa lòng, nhận thấu chân tri kiến,
Biển tánh, vào giòng giác biến viên.
Hãy dừng chớ có dùng lời nói,
Mây bay, từng gợn, vốn thiên nhiên.*

(1) KHAI, THỊ, NGỘ, NHẬP: Tất cả các đức Phật Thế Tôn ra đời chỉ vì muốn cho chúng sanh “Khai thị ngộ nhập Phật tri kiến”. Chúng sanh được khai thị ngộ nhập Phật tri kiến rồi lòng Phật mới thỏa, nguyện Phật mới xong, một đại sự nhân duyên ra đời của các Ngài mới hoàn tất.

Kinh nói: “Các đức Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà hiện ra trong đời. Xá-lợi-phất! Thế nào nói rằng các đức Phật Thế Tôn hiện ra trong đời chỉ vì một đại sự nhân duyên?”

Các đức Phật Thế Tôn vì muốn chúng sanh khai mở Phật tri kiến để được thanh tịnh mà hiện ra trong đời. Vì muốn chỉ thị Phật tri kiến cho chúng sanh mà hiện ra trong đời. Vì muốn cho chúng sanh tỏ ngộ Phật tri kiến mà hiện ra trong đời. Vì muốn tất cả chúng sanh chứng nhập Phật tri kiến mà hiện ra trong đời. Xá-lợi-phất! Đó là các đức Phật Thế Tôn vì đại sự nhân duyên mà hiện ra trong đời vậy.”

] Phật tri kiến chính là bản giác diệu tâm, là chân tánh bình đẳng của tất cả Thánh phàm. Từ xưa đến giờ khắp cùng pháp giới, Phật và chúng sanh vẫn đồng một thể tánh này. Thể tánh dù đồng, nhưng mê chính nó là chúng sanh, ngộ chính nó là Phật. Ngộ tức thuận theo tánh. Thuận theo tánh thì luôn luôn thụ hưởng bốn đức “thường, lạc, ngã, tịnh”. Mê là trái tánh theo trần. Trái tánh theo trần hẳn luôn hồi sanh tử đảo điên khôn cùng. Vì trần lao là cảnh “huyễn mộng vô thường”.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Trái giác hợp trần, trái trần hợp giác”, là đây.

GIẢNG

Đây là phần Tổng nêu nhân do tông chỉ Khai Thị Ngộ Nhập. Nhân do là nguyên nhân hay lý do về tông chỉ Khai Thị Ngộ Nhập. Đầu kinh Pháp Hoa nói “Đức Thế Tôn ra đời là vì một đại sự nhân duyên”, tức một việc lớn, một nhân duyên lớn. Nhân duyên lớn đó là muốn khai thị ngộ nhập cho chúng sanh. Tức mở bày chỉ ra cho chúng sanh nhận được, thể nhập được tri kiến Phật của chính mình. Đó là lý do chánh yếu của chư Phật thị hiện ra nơi đời.

Tri kiến Phật được Hòa thượng Tôn sư nói rất nhiều lần qua những thời giảng kinh hoặc Ngũ lục của chư Tổ. Nhà thiền nói tánh giác, chân tâm, hay Ông Chủ của chúng ta. Các đức Phật ra đời nhằm chỉ cho chúng ta nhận được tánh giác của chính mình. Tại sao phải chỉ như thế? Vì chúng ta có sẵn cái đó nhưng quên đi. Chữ Mê (迷) trong nhà Phật có nghĩa là quên đi. Bởi quên nên chúng ta chạy theo vọng trần. Vọng trần là gì? Vọng trần gồm những thức tình điên đảo, vọng tưởng trùng trùng điệp điệp, nhiều lớp nhiều đời chồng chất. Chúng ta đã quên gốc, lại bị vọng tình vọng thức bu bám nên quên lại càng quên, càng mờ mịt không biết lối về, không nhận ra được gốc Phật, không nhận ra được tánh giác của mình. Do đó điên đảo tạo nghiệp, lăn quẩn trong luân hồi sanh tử, không có ngày cùng.

Bây giờ chúng ta được học lại những lời dạy cao quý của chư Phật, của các thiện hữu tri thức, chỉ mong muốn chúng ta một điều duy nhất là nhận lại.

Nhận lại cái gì? Nhận lại tánh giác của mình, nhận lại cái mà mình bỏ quên. Chỉ khi nào chúng ta nhận lại, sống được với tánh giác thì mới dừng cái vòng luân quần, cắt đứt những lăng xăng điên đảo từ vô lượng kiếp tới nay. Cắt đứt nó rồi chúng ta hết khổ, không bị trôi lăn nữa. Hòa thượng Tôn sư luôn nhắc nhở chúng ta đừng quên tánh giác, đừng chạy theo vọng tưởng. Ngài dạy vừa dấy niệm là phải tỉnh, dừng, đừng chạy theo, không để nó kéo lôi. Do tỉnh dừng nên được định, biết nó không thật, không để nó kéo lôi là tuệ. Định tuệ hiện tiền là chúng ta sử dụng được trí Bát-nhã của mình rồi.

Với người nhiều công phu, ngay bây giờ có thể biết được tình hình mình sẽ bị luân hồi sanh tử hay không? Biết bằng cách nào? Đó là, nếu có một dấy niệm mà mình làm chủ, đừng để nó kéo lôi, không chạy theo và biết nó hư giả, điểm trán nói: Chính mày mà ta bị trôi giạt, bị kéo lôi, lay hoay lăn quần trong vòng luân hồi từ vô số kiếp đến nay. Bây giờ ta không còn lắm, không còn mê đảo nữa. Bọn bây không còn cơ hội, không đủ sức dẫn dắt ta đi đâu được nữa! Nếu như tất cả thiên sinh chúng ta đều điểm trán được vọng tưởng, những dấy niệm của mình hằng ngày, hằng giờ, từng phút giây là quý vị có thể làm chủ được rồi. Người hằng sống được như vậy là người nhận và sống được với tánh giác của mình. Điều này thật ra rất giản dị, đâu có gì khó! Song mình làm không được vì mê mà thôi. Mê là quên đi tánh giác của mình.

Như anh chàng nợ sáng mai chuẩn bị đi dự hội, đem bút tất mới ra mang. Anh trông một chiếc bút tất vô xong rồi lại quên, trông tiếp chiếc còn lại vô chân đó. Chết dở! Mất hết một chiếc không biết tìm đâu, lục hết ngăn tủ, các ngăn kéo, không có chiếc bút tất. Là tại vì hai chiếc trông vô một chân. Tình trạng chúng ta cũng vậy. Mình có sẵn tánh giác rồi nhưng hơi lằm cẩm một chút. Lằm cẩm chứ không do ai lấy mất của mình. Do lằm cẩm nên cái này chòng chéo lên cái kia, tánh giác ẩn đâu mất, kiếm không ra. Quên là như vậy đó. Mê giác ở trong chúng ta. Nhớ, không quên là giác. Quên, không nhớ là mê. Lằm cẩm một chút là nằm bên bờ mê. Nhớ ra, tỉnh lại là đứng bên kia bên giác. Mê và giác không có biên cương cố định.

Cho nên trong công phu tu tập chúng ta phải nâng cao trình độ tỉnh. Cái tỉnh hiện tiền thì được định, tức là vững vàng. Định tỉnh thì không bị mê. Bởi vậy tất cả các thiên sinh chúng ta mỗi ngày đêm đều có ngôi thiên. Ngôi thiên là thế thù thắng nhất để gây dựng cái tỉnh. Tuy ngôi thiên có tỉnh, nhưng cái tỉnh đó vẫn bị lung lay. Ví dụ mình đi kéo củi nó bị lung lay, làm vườn bị lung lay, tiếp khách lại càng dễ lung lay hơn nữa. Cho nên sự tỉnh giác này phải được duy trì và chú ý thực tập trong tất cả mọi lúc, mọi nơi.

Khi chúng ta tập trung ngồi thiền, có ba bước:

1. Điều hòa thân. Nguyên tắc của pháp ngồi thiền là sau khi thân đã điều hòa rồi thì ngồi yên cho tới chừng nào xả ra mới cử động. Nhờ sự khống chế đó trong một thời gian nhất định, chúng ta nuôi lớn cái tĩnh. Tĩnh được nuôi lớn thì định được phát huy. Định tĩnh phát huy thì định tuệ song hành.

2. Điều hòa hơi thở. Hơi thở điều hòa thì thân thể chúng ta sẽ biến thông, nhẹ nhàng, thư thái.

3. Điều tâm. Đây chính là mục đích chánh của người thực tập tọa thiền. Chúng ta áp dụng pháp tu “Biết có chân tâm” để nhận ra tánh giác của chính mình.

Mỗi ngày thiền sinh đều phải thực tập như thế. Đây chính là những nguyên tắc để bảo trì thân, bảo vệ hơi thở, cuối cùng là hướng dẫn tập trung vào công phu tu hành. Mỗi ngày ít nhiều gì, các thiền sinh chúng ta đều sống và trải qua những thực tập này. Nếu như ngày nào chúng ta thiếu áp dụng sống tĩnh giác mình sẽ cảm thấy khó chịu. Tại vì ta quen thực tập tĩnh giác rồi. Cho nên sự tu hành rất hay và có ý nghĩa đặc biệt. Ví dụ giờ giải lao huynh đệ năm ba người cùng đi, vui vẻ nói chuyện tới công và vượt qua công. Bỗng nhiên quý vị nhớ ra quy luật thiền viện không cho phép mình ra ngoài đường, cho nên các huynh đệ quay lại. Đó là những khuôn khổ nhỏ, nếu chúng ta thường xuyên tu tập áp dụng sẽ tạo thành chất liệu nuôi dưỡng sự tĩnh giác.

Nếu sự tĩnh giác của vị nào kém thì tu không tiến, vì sức nỗ lực không có. Tự lực không có, giống như người bị bệnh tai biến vậy, thân họ bại hoại hai phần ba, một phần tư hay phân nửa... xem như mất tự chủ, không tự điều khiển được. Làm sao tất cả thiền sinh chúng ta nuôi dưỡng phát huy cho được sự tĩnh giác. Dù rằng chỗ này chưa phải là Phật, song nó là chất liệu đảm bảo cho tương lai của mình. Nó được hình thành ngay trong cuộc đời hiện tại, có giá trị hay không là từ tinh thần này.

Nhà thiền rất coi trọng những thiền sinh có trình độ tĩnh giác cao. Từ sự quý trọng đó, họ được nuôi dưỡng, được tạo điều kiện để phát huy sự tĩnh giác hiện tiền, mạnh mẽ. Vì thế Hòa thượng Viện trưởng thành lập mô hình các thiền viện chuyên tu ở những nơi như núi cao yên tĩnh. Ngày xưa, khi chưa thành lập thiền viện Trúc Lâm ở Đà Lạt, ngài từng tới lui Vũng Tàu, nơi có rừng núi và khí hậu tốt hạ thủ công phu tu thiền. Tâm nguyện của Hòa thượng muốn tạo những nơi thích hợp cho các vị có duyên tu thiền, phát huy

cho được sự tỉnh giác càng sâu càng tốt. Ngài dạy: Mấy chú mà tỉnh giác thì không ai làm gì được hết. Ngược lại, sức tỉnh giác yếu thì dù nằm trùm mền trong Bệnh xá, ma quỷ vẫn dắt mình đi như thường.

Trở lại chuyện Mê. Mê là bỏ quên. Quên gì? Quên ở đây không phải quên tiền quên bạc, quên địa vị danh vọng mà là quên cái gốc, quên tánh giác của mình. Mới nguy chứ! Quên cái mà nếu nhớ được mình sẽ giác ngộ giải thoát, tự tại, làm chủ hoàn toàn, không bị ma quái khống chế lôi đi. Phải chi quên được tiền bạc danh vọng thì nhẹ nhàng, đỡ khổ biết mấy. Mỗi chiều chúng ta tụng Bát-nhã nghe Phật nhắc cái này không, cái kia không để nhớ tánh giác. Nhưng nhắc hoài mình cũng vẫn cứ quên!

Tu thiền thật ra là một phương pháp tu hành mà không có phương pháp gì hết. Có khi chúng ta không cần tụng kinh nữa, chỉ làm sao đừng quên cái gốc. Khi thành đạo dưới cội Bồ-đề, đức Phật đã thốt lên: Lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng Như Lai, tại sao ngu mê bỏ quên để bị luân hồi sanh tử? Ngài thấy toàn thể chúng sanh có khả năng giác ngộ, có trí tuệ đức tướng Như Lai, nhưng không hiểu tại sao bỏ quên để thành ngu mê, bị trôi lăn trong luân hồi sanh tử. Từ đó ngài phát đại bi đại nguyện nhắc nhở, chỉ vẽ, làm sao cho họ nhớ và sống lại với tánh giác của mình.

Trong kinh Pháp Hoa, anh cùng tử được người bạn cho viên ngọc, gắn trong chéo áo mà anh cứ quên. Lúc say xỉn khổ sở, trôi giạt, gặp lại người bạn cũ. Anh ta bảo:

- Hồi đó tôi cho anh viên ngọc cột trong chéo áo, sao không chịu đem ra dùng?

Nhận ra mình có viên ngọc, lập tức anh chàng cùng tử trở thành giàu có, hết lang thang khổ sở.

Tóm lại chúng ta đừng quên, đừng mê. Đừng quên đừng mê là nuôi dưỡng tánh giác.

Phần duyên khởi của các kinh, mỗi mỗi khác nhau. Nhân duyên kinh này, lấy ánh sáng mà dẫn, tức Phật phóng ánh sáng giữa chặng mây, từ trong vô lượng nghĩa lưu xuất. Vô lượng nghĩa cũng là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Hạng thượng căn thấy đó, đã tròn đầy yếu cơ Khai, Thị, Ngộ, Nhập. Ở đây hạng thượng căn đương cơ là ngài Xá-lợi-phất. Sau khi nhận ra tri kiến Phật rồi, ngài được Phật thọ ký sẽ thành Phật.

Chẳng nhọc đức Thế Tôn từ chánh định dậy, lại diễn nói thêm. Nên trong kinh nói: “Pháp ấy chẳng thể nghĩ bàn, tướng lời nói lặng lẽ. Nhưng các loài chúng sanh khác không thể hiểu thấu, nên xin ưa muốn nghe”. Lẽ ra đó là chỗ không phải nói gì hết, đức Thế Tôn dùng những hình ảnh, hạng thượng căn từ đó nhận ra và được thọ ký. Tuy nhiên với đại đa số chúng sanh ưa muốn nghe là vì chưa nhận ra.

Ở đây giải thích:

Khai là phá bỏ vọng tưởng tình thức kia, bày tỏ chân tánh chân thường tức là Phật tri kiến, tâm bản lai thanh tịnh. Khai là phá bỏ vọng tưởng, phá bỏ tình thức, bày tỏ chân tánh. Chúng ta nghiệm lại cái gì thuộc về vọng tưởng, thuộc về tình thức thì bỏ đi. Vọng tưởng là gì? Là những lăng xăng ngược xuôi, dính mắc trong lòng chúng ta. Bên trong như thế, còn bên ngoài là cảnh duyên xung quanh, cảnh nào chúng ta cũng mắc mứu, cũng dính hết, nó cũng thuộc về loại bà con quyến thuộc của vọng tưởng.

Người tu thiền làm sao để trị được những bệnh này? Tức là bên trong làm chủ, không bị những lăng xăng lôi dẫn. Đối với các hiện tượng, các cảnh duyên bên ngoài, bình thản an nhiên, không chạy theo, không dính mắc. Người được như thế là người có sức làm chủ, sống được với chân tánh của mình. Được như vậy là như như đối với các pháp. Như như đối với các pháp là bên trong yên ổn, niệm lăng xăng không dẫn đi được. Đối với cảnh duyên bên ngoài cũng không phải chạy theo. Cảnh là cảnh, tâm sáng suốt vẫn sáng suốt, không vì cảnh mà tâm mê mờ. Người được như thế là người như như đối với các pháp.

Thị là đã khai phá vọng thức rồi, liền chỉ ra căn tánh chân thường, là Phật tri kiến, tâm bản lai thanh tịnh. Chữ Thị có nghĩa là chỉ ra. Khi vọng tưởng đã bị khai phá, chúng ta làm chủ được, chúng không lôi kéo mình nữa, đức Phật mới chỉ tới phần chúng ta có tri kiến Phật ở ngay nơi tự thân.

Ngộ là chúng sanh từ kiếp vô thủy đến giờ, chẳng biết chân tánh xưa nay trong sạch. Chỉ nhận bốn đại, năm uẩn làm thân, sáu thức vọng tưởng làm tâm. Nên cần phải mở bày, mới có thể giác ngộ “tình thức là vọng, căn tánh là chân”. Ngộ nghĩa là nhận ra. Nhận ra cái gì? Nhận ra từ vô thủy kiếp đến nay chúng sanh quên mất chân tánh vốn sẵn có của mình, nên trôi dạt trong luân hồi sanh tử. Trong các thứ mê chấp, cái mê chấp lớn nhất của chúng ta là mê chấp thân tâm hư giả cho là thật. Từ đó bám víu, yêu thương, muốn bảo vệ nó, cho nên tạo vô số nghiệp. Bây giờ đức Phật mở bày, chỉ ra cho

chúng sanh nhận được “tình thức là vọng, căn tánh là chân”, để chúng sanh không còn chìm đắm trong kiến chấp sai lầm, thoát khỏi nỗi khổ sanh tử.

Nhập là đã biết vọng thức, nhận ra chân tánh, bèn hồi tâm ngộ nhập tánh chân thật, chóng bỏ thức tình vọng tưởng. Lại, Nhập cũng chính là nghĩa “nhập lưu vong sở”. Là thu nhiếp các thức trở về căn nguyên, trái bỏ cảnh giới vọng trần vậy. Chữ Nhập ở đây có thể thêm từ cho dễ hiểu là thể nhập, tức là vào được nhà của mình, là ông chủ sống tự do tự tại hoàn toàn, không còn bị bất cứ thứ gì câu thúc nữa. Khi được đức Phật khai, thị xong chúng ta ngộ rồi, buông bỏ thức tình vọng tưởng cho nên nhận và sống được với thể tánh chân thật của mình. Ngài Minh Chánh bảo là thu nhiếp các thức trở về căn nguyên, bỏ lại cảnh giới vọng trần. Nhập cũng chính là nghĩa nhập lưu vong sở. Ở đây nói theo tinh thần kinh Lăng Nghiêm. Nhập lưu là vào dòng, vong sở là quên. Nhập lưu vong sở là vào được dòng thánh, quên cái dòng luân hồi sanh tử từ lâu nay. Thành thử bây giờ làm sao chúng ta thiền định để vào được chỗ đó. Chỗ đó là chỗ nào? Là tánh giác của mình.

Tóm lại Khai Thị Ngộ Nhập là đức Phật chỉ cho chúng ta biết mình có tánh giác, có pháp thể thanh tịnh, thường trú bất sanh bất diệt, bây giờ quay về nhận lại. Nhân lời dạy của Phật mà ta nhận ra tâm chân thật có ở nơi mình. Pháp của Phật dạy giống như nhân ngón tay thấy được mặt trăng. Nhân cái này nhận ra cái kia. Nếu ai không nhân ngón tay thấy mặt trăng trên kia, lại cho ngón tay là mặt trăng thì làm hỏng đi ngón tay mà không bao giờ biết được mặt trăng. Cho nên Khai là một cách nói. Sở dĩ chúng ta có cái đó mà quên. Bây giờ Phật muốn dẫn chúng ta đến cái đó, chỉ cho chúng ta thấy, rồi tự chúng ta nhận ra, quay về hằng sống với cái đó.

Chư Phật với tâm nguyện muốn chúng sanh hết khổ được vui, các ngài chỉ cho chúng ta biết mỗi người đều có tánh giác. Nói tánh giác là một cách nói thôi, mỗi chúng ta đều có khả năng thành Phật. Nói khả năng thành Phật cũng là một cách nói thôi. Như đức Thế Tôn nói chúng ta là Phật sẽ thành. Muốn nhận lại tánh giác chúng ta phải định tĩnh, cứ lăng xăng theo trần cảnh hoài thì không bao giờ nhận được tánh giác. Nói tánh giác, nói trí tuệ, nói pháp thân, nói chân như, nói Niết-bàn... cũng do chính mình tự ý thức buông bỏ những lăng xăng, làm chủ được đối với tất cả các cảnh duyên thì mới nhận ra cái chân thật ấy. Người nào học Phật, hiểu Phật, áp dụng đúng như vậy là thành công. Phải xoay lại, phản quan tự kỷ, từ nơi mình mà được, không từ bên ngoài đến.

Chỗ này các thiền sư đưa ra ví dụ, như sư tử, khi có người liệng ra một cục xương, nó không chụp cục xương mà chụp người liệng cục xương. Đó là phản quan. Người tu thiền là người phản quan giỏi nhất, có trí lực mạnh nhất, để thấy ngược lại chính mình, không làm các pháp tạm bợ bên ngoài. Như nghe nói cánh tay đẹp, có kẻ mê cánh tay đó. Người trí lực kém chưa thể soi thấu để thấy từng tế bào, từng thớ xương, từng lớp da, từng mảng bầy nhầy hình thành cánh tay nên mới thích cánh tay đẹp ấy. Đây là người không biết quán chiếu. Người biết quán chiếu sẽ phân tích, phẫu thuật thấy rõ cánh tay không có gì đẹp ngoài một mớ da thịt gân xương tạm kết hợp mà thành, nên họ không mê cánh tay. Cái đẹp không có trong mớ bầy nhầy, không có trong thớ xương trắng, không có trong mớ gân vụn. Tóm lại cái đẹp không có thật. Nói cánh tay đẹp chẳng qua là do mê, không thấy thấu tận căn để các pháp, nên mới có các thứ sai lầm nói theo sau.

Mọi thứ trên đời này, nếu sử dụng trí tuệ quán chiếu thì không có gì vướng mắc chúng ta được cả. Nhưng có điều chúng ta không gan, không dám nhìn thẳng mà thôi. Cả ngôn ngữ cũng không có chủ thể cố định. Như bây giờ tôi nói được thế này là nhờ có hàm răng, chưa sủng cái nào, hai môi không sứt, lưỡi đầy đủ để phát ra âm thanh rõ ràng. Nhưng nếu như một bộ phận nào hư đi, răng thiếu, môi trớt... thì tôi nói ra không ai nghe được. Mọi cố chấp chẳng qua là quan niệm, thành kiến từ chỗ điên đảo vọng tưởng mê lầm của chúng ta mà ra. Từ đó chúng ta vướng mắc rồi tạo nghiệp với nhau.

Ở đây đức Phật quy tất cả về tâm, không có cái khác. Khai cũng khai mở tâm. Thị cũng chỉ ra tâm, tức tri kiến Phật. Ngộ là nhận lại tâm. Nhập tức thể nhập chân tâm. Bây giờ chúng ta ngồi thiền, thọ trai, tụng kinh, làm tất cả việc trong chúng... tựu trung vì một việc duy nhất là để vào được tánh giác. Tánh giác cũng gọi là bản lai diện mục, là chân tâm, là Ông Chủ. Mỗi danh từ diễn đạt một điều dụng của tâm. Như nói tánh giác là nặng về giác, nói bản lai diện mục là chỉ cho mặt mặt thực xưa nay của chúng ta v.v... Khi đến được chỗ đó rồi thì mọi danh từ đều không còn ý nghĩa nữa. Vào được chỗ đó rồi thì chỉ nhận ra thôi, không nói gì hết.

Tất cả những sinh hoạt tu học, việc làm, mọi thi vị trong đời sống của chúng ta đều nhằm làm sao nhập vào được chỗ này. Vào được chỗ này thì quên. Quên gì? Quên trần cảnh, quên bạn bè, quên tiền bạc, quên địa vị, quên ăn ngon, quên mặc đẹp... quên hết. Cho đến cuối cùng quên cái thân này luôn, bỏ sạch vọng tưởng nữa là thành Phật. Cho nên vào dòng được rồi thì kết quả đương nhiên là quên. Nếu chưa quên cái này thì chưa vào cái kia. Hai cái này nghịch chiều, cái này đậm đà thì cái kia yếu nhạt.

Tóm lại, công huân tu hành hằng ngày của chúng ta đừng nghĩ chỉ ở lúc ngồi thiền, tụng kinh, mà chủ yếu là trong tất cả sinh hoạt đều phải tu. Sở dĩ chúng ta bị sắp đặt vào quy chế thời khóa như vậy là vì mình còn yếu quá đi, thả ra là chạy theo ngoại trần, là đắm nhiễm. Vì vậy có những nguyên tắc để kéo về, lấy lại thể Ông Chủ từ từ. Bao giờ chúng ta tự tại rồi thì thôi, nói gì tụng kinh hay ngồi thiền. Bây giờ chưa tự tại, chưa làm chủ được thì phải tụng kinh, ngồi thiền. Chúng ta đang sử dụng phương tiện, phải biết phương tiện có giá trị trong một giới hạn nào thôi. Chúng ta đang sống, đang hòa hội với nhau, đang sử dụng những phương tiện để tiến đến nhập lưu, hằng sống được với tánh giác của mình. Sống được với tánh giác rồi, trần cảnh sẽ không làm gì được mình. Khi đó thả chúng ta về thành phố hoặc đi Tây đi Tàu không còn sợ nữa, tự do thừa hành Phật sự, làm lợi ích cho chúng sanh. Nhưng bây giờ thì chưa được.

Huynh đệ cũng đừng bao giờ lợi dụng chữ phương tiện. Thầy nói khỏi tụng kinh, tới giờ tụng kinh không ai tụng hết cũng kỳ lắm. Anh em đang sống trong một tập thể có tổ chức, có nguyên tắc, có sự hòa hợp và áp dụng phương tiện như vậy. Hòa thượng không nói chúng ta phải tụng kinh suốt đời. Cứ tụng đi, chừng nào ngài thấy chúng ta tự tại, làm chủ được thì không cần tụng nữa. Cũng như Hòa thượng bảo tất cả thiền sinh phải ngồi thiền hai tiếng đồng hồ, nhưng ngài không bắt buộc mãi như thế. Nếu người nào ngồi hai tiếng, rồi ba tiếng, tiến dần lên năm ba ngày một cách tự tại, chừng đó Hòa thượng không bảo mình phải ngồi thiền hai tiếng nữa. Còn bây giờ thì phải theo đúng sự hướng dẫn của ngài và qui định chung của thiền viện.

Nói tóm lại, khai thị ngộ nhập là tinh thần chủ yếu nằm trong bản hoài của các đức Phật ra đời, nhằm chỉ cho chúng ta nhận lại gia bảo nhà mình, hằng sống được với nó. Như vậy chúng ta sẽ được tự tại giải thoát.

CHÁNH VĂN

NÊU RÕ DIỆU LÝ THEO MỖI PHẨM TRONG KINH PHÂN GIẢI

Phẩm Tựa, vào đầu nói: “Phật nói kinh Vô lượng nghĩa xong, ngài vào chánh định Vô lượng nghĩa xứ. Thân tâm chẳng động, giữa chạng mảy

phóng ánh sáng trắng, chiếu thẳng đến phương đông, tương các cảnh giới bên đó đều hiện rành rõ”, ấy là sao?

Bởi ánh sáng này trưng biểu cho nhãn căn thấy tánh, tức là Diệu pháp đạo lớn Nhất thừa chẳng nghĩ bàn, cũng là Tối thượng Phật thừa. Lại phương đông thuộc mộc, can tạng chúng ta cũng thuộc mộc. Trong can ngoài nhãn, tinh quang chiếu kiến. Chiếu kiến này chính là tâm. Thân tâm chẳng động phóng ra ánh sáng, là trưng biểu cho tâm thường lặng lẽ, ánh sáng thông cả chiếu kiến. Tâm này xưa nay trong sạch chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng chúng sanh theo chiếu bỏ mất chân tông, đuổi cảnh mà bị lưu chuyển. Ấy bởi chấp nhận vọng thức làm tâm vậy.

Thế nên, đức Thế Tôn hiện ánh sáng giữa chặng mây chẳng động này, khiến các chúng sanh bỏ vọng về chân, mà chuyển thức thành trí. Đương cơ, ngài Di Lặc khởi nghi, là theo thức mà tỏ bày tướng cảnh giới hiện bên ngoài kia. Bồ-tát Văn Thù nêu rõ bản nhân của ánh sáng nhiệm mầu. Nghĩa là hiện nay thấy điềm ấy như xưa. Đây lại trưng biểu cho thức theo cảnh mà hiện, cảnh từ căn mà có. Căn tức là ứng dụng của tâm, đây cũng chính là trí căn bản.

Nên biết, một ánh sáng mà hiện khắp, nhằm bày tỏ gốc là một tinh minh chia làm sáu hòa hợp. Vào một căn mà viên ngộ cả sáu căn, vào một pháp mà chóng rõ hết các pháp là đây.

Kệ rằng:

*Phật tuệ chiếu soi khắp phương đông,
Cùng thời, chúng hội khởi nghi đồng.
Mở đầu Di Lặc, Khai mê thức,
Chỉ thẳng Diệu quang, Thị giác không.
Lập một phá ba, toan trước hiển,
Ngộ quyền về thật, sẽ sau thông.
Pháp môn tùy Nhập, dù vô lượng,
Đồng đến Liên Hoa, pháp môn mê mông.*

GIẢNG

Tiếp theo là phần nêu rõ diệu lý theo mỗi phẩm trong kinh phân giải. Trước nhất là Phẩm Tựa, vào đầu nói: “Phật nói kinh Vô lượng nghĩa xong, ngài vào chánh định Vô lượng nghĩa xứ. Thân tâm chẳng động, giữa chặng mây

phóng ánh sáng trắng, chiếu thẳng đến phương đông, tương các cảnh giới bên đó đều hiện rành rõ”, ấy là sao?

Ở đây nêu lên câu hỏi sau khi Phật nói kinh Vô lượng nghĩa xong, ngài vào chánh định Vô lượng nghĩa xứ, thân tâm chẳng động, giữa chạng mờ phóng ánh sáng trắng, chiếu đến phương đông v.v... tất cả các hiện tượng đó là sao? Theo tinh thần Thiền, ngài Minh Chánh điếm qua từng sự kiện cho chúng ta thấy. Bởi ánh sáng này trung biểu cho nhãn căn thấy tánh, tức là Diệu pháp đạo lớn Nhất thừa chẳng nghĩ bàn, cũng là Tối thượng Phật thừa. Tức nói về ánh sáng biểu trưng cho nhãn căn thấy tánh. Đây là điếm quan trọng của nhà Thiền.

Đọc tụng kinh Pháp Hoa, nếu không được sự chỉ điếm của các thiền sư theo tinh thần Thiền, chúng ta sẽ không nhận được yếu chỉ của kinh thông qua cái hiện tại sinh động này. Cái nhìn của nhà thiền rất đơn sơ nhưng sâu sắc, giúp chúng ta nhận được bản tâm ngay nơi sáu căn này. Từ trước, rất nhiều vị trì tụng kinh Pháp Hoa nhưng chưa hề biết Phật tri kiến là gì hoặc ngỡ rằng tri kiến ấy của Phật, chứ mình không có phần. Chư Phật ra đời là nhằm chỉ cho chúng sanh Phật tri kiến của chúng sanh, giúp chúng sanh nhận ra Phật tri kiến của mình.

Phẩm Tựa nêu lên hình ảnh Phật phóng quang giữa chạng mờ, ánh sáng trắng chiếu thẳng phương đông. Từ ánh sáng đó chúng sanh thấy được tất cả hiện tượng sinh hoạt của mình. Ở đây nói ánh sáng này biểu trưng cho nhãn căn thấy tánh, tức là Diệu pháp đạo lớn Nhất thừa chẳng nghĩ bàn, cũng là Tối thượng Phật thừa. Ánh sáng đó không phải hào quang bên ngoài, mà từ tâm phát ra. Giữa chạng mờ chính là chân tâm vậy.

Lại phương đông thuộc mộc... Đây là lối giải thích liên hệ tới Ngũ hành. Các Tổ mình ngày xưa hay nói như vậy. Để làm gì? Để chúng ta từ đó nhận lại việc của mình. Phật giáo Việt Nam vào thời Trần chủ trương Tam giáo đồng nguyên. Trong đó có Khổng giáo, Lão giáo và Phật giáo. Giai đoạn đầu chúng ta theo tập cấp của Khổng giáo, con người được giáo dục lớn lên theo lễ giáo như thế, học hành, thi cử, đỗ đạt, làm việc đều theo nếp nhà Nho. Giai đoạn thứ hai là giai đoạn Đạo giáo. Tức luyện đan, tu pháp thần tiên, sống hàng nghìn tuổi, bước đi từ đầu non này qua đầu non khác v.v... vui thích với Bồng Lai tiên cảnh. Sau khi đã sống trải nếm đủ mùi đời rồi, bây giờ con người ước mơ tuổi thọ kéo dài, sống nhẹ nhàng thanh thản nơi cảnh non Bồng nước Nhược. Đến giai đoạn thứ ba trở về với Phật, sống với chính mình. Bây giờ buông tất cả mơ ước giả tạm, sống trong tinh thần rỗng rang

sáng suốt, tự tại giải thoát. Trở lại bình thường, không ước mơ gì nữa, thôi ngược xuôi, không còn dính mắc mọi thứ xung quanh. Sống được với tinh thần Phật, đó là sống Thiền. Tâm như, cảnh như, tâm cảnh không dính nhau gọi là tâm cảnh như như.

Tuy chủ trương như thế, nhưng trên thực tế ít ai đi hết ba giai đoạn trên. Có người gục ở đoạn thứ nhất, có người lan man bước sang đoạn thứ hai. Giai đoạn này lại không có thầy, nếu có bước sang con người cũng sống trong những giấc mơ thôi. Cuối cùng thấy giấc mơ không phải là hiện thực, họ từ bỏ và chuyển sang giai đoạn thứ ba, đó là trở về với chính mình. Ba giai đoạn trên, ít có ai thực hiện được trọn vẹn. Tới một giai đoạn nào đó, ngã tư nào đó, người ta rẽ. Mà đi ngã rẽ thì chẳng tới đâu. Đó chính là sự hụt hẫng giữa giấc mơ và hiện thực.

Con người luôn luôn bị dẫn dắt bởi thể lý tâm lý, giống như người đứng giữa ngã tư đường không biết mình phải đi ngã nào? Thân thì muốn đi ngã này mà tâm lại hướng về ngã khác. Đạo Phật không chấp nhận như vậy, chỉ chấp nhận cái hiện thực bình thường an nhiên tự tại. Mà muốn được như thế trước nhất phải bình thân, định tĩnh. Cho nên với người tu thiền, điều đầu tiên không thể thiếu được là tinh thần tự tỉnh giác. Tự tỉnh giác để làm gì? Để những ngã rẽ kia, mọi thứ hấp dẫn xung quanh cuộc đời này không làm gì chúng ta. Chúng ta vẫn nghe, vẫn thấy, vẫn ngửi, vẫn nếm nhưng đều bình thân trước tất cả. Ta không chạy trốn thứ nào, cũng không làm thứ nào.

Con đường đó là con đường Thiền. Vậy nên các thiền sư, các hành giả trong tông môn thường nhắc nhở chúng ta, quan trọng ở công phu áp dụng. Làm sao chủ động được các giác quan, tiếp cận với trần cảnh không bị kéo lôi, chúng ta không lầm chạy theo bất cứ cảnh duyên nào bên ngoài. Người được như vậy là người tự tại, cũng gọi là người sống với nếp thiền. Từ hướng đó chúng ta nhận ra được ý nghĩa của thiền, định nghĩa được thiền là gì trong đời sống này.

Hòa thượng Viện trưởng đình ninh nhắc dạy chúng ta, tỉnh giác liên tục và làm chủ được các dấy niệm, đó là sống với Ông Chủ, với tánh giác của mình. Khởi nói Thiền nói Đạo chi, sống được với Ông Chủ không bị cảnh duyên kéo lôi, không lầm cảnh duyên xung quanh là đủ rồi. Thiền là như thế. Nói đến Thiền thì có nhiều cách, nhiều phương thức áp dụng. Phương thức không bị vướng, bị kẹt bởi bất cứ cảnh duyên nào là phương thức của Thiền tông. Nói phương thức nhưng nó không có phương thức gì hết, không có bài bản nào cố định. Ở đây chủ trương tỉnh giác. Tỉnh giác không phải là

phương pháp, nó là một sự an nhiên, tinh táo sáng suốt bình thường. Khi cần soi rọi thì soi rọi, không cần thì bình thường. Không nói sáng không nói tối, không nói tỉnh không nói mê.

Nhiều người cho rằng phương pháp này không tưởng. Không phải không tưởng. Vì từ lâu nay chúng ta đụng cái nào là dính cái ấy, các thiền sư nói ta giống như con cầu, cái gì cũng liếm. Nói pháp dính pháp, nói cảnh dính cảnh, nói tâm dính tâm, nói trí dính trí... Ở đây nói không có một pháp cố định để chúng ta vào không được vô không nổi, mới không kẹt dính. Rõ ràng như vậy.

Ở Trung Hoa có quan Thị Lang Bạch Lạc Thiên là một văn hào lỗi lạc. Khi đến trấn nhậm vùng mà thiền sư Ô Sào đang trụ hóa ở đó. Chữ Ô Sào có nghĩa là ổ quạ. Đặc biệt kỳ lạ hơn thiên hạ, thiền sư Ô Sào tìm một ngọn cây, làm cái ổ ngồi trên đó. Bạch Lạc Thiên đến trấn nhậm vùng này nghe danh thiền sư Ô Sào, đến yết kiến. Khi đến thấy ngài ngồi trên cây, ông đứng dưới nói:

- Ngài ở chỗ chi mà nguy hiểm?

Thiền sư trả lời:

- Chỗ của ta không có nguy hiểm, chỗ của ông mới nguy hiểm.

Bạch Lạc Thiên thưa:

- Chỗ của con có gì nguy hiểm?

Thiền sư bảo:

- Chỗ của ông dưới một người mà trên muôn người. Vua thương thì quân thần ghét, được lòng dân thì mất lòng vua. Tính mạng của đại quan cùng thân quyến đều lệ thuộc vào lòng yêu ghét của vua, sự tật đổ tị hiềm của bạn bè. Một chiếc ghế được kê trên đầu lưỡi của thiên hạ thì làm sao bì được với sự cứng chắc của cội cây này!

Bạch Lạc Thiên nghe xong im lặng, cúi đầu. Sau đó ông hỏi tiếp:

- Xin Ngài chỉ cho đại ý của Phật pháp?

Thiền sư liền đáp:

- Chư ác mạc tác,
Chúng thiện phụng hành,
Tự tịnh kỳ ý,
Thị chư Phật giáo.

Dịch:

Chớ làm các điều ác,
Vâng làm các việc lành,
Tự thanh lọc ý mình,
Là lời chư Phật dạy.

Bạch Lạc Thiên nghe xong bảo:

- Những lời ngài vừa nói, đứa bé chín tuổi cũng thuộc.

Thiền sư mỉm cười:

- Đứa bé chín tuổi cũng thuộc nhưng chưa chắc ông già bảy mươi làm được.

Tới đây Bạch Lạc Thiên mới bắt đầu kính lễ, xin thọ giáo với thiền sư Ô Sào.

Bài kệ thiền sư dạy, ở đây những thiền sinh trên mười năm chưa chắc đã làm được. Bao giờ chúng ta làm chủ được các giác quan, các dấy niệm của mình, luôn sống với ông chủ, không bị cảnh duyên bên ngoài kéo lôi, chừng ấy thôi khỏi phải tụng Pháp Hoa, tụng Bát-nhã... tụng gì cả. Làm chủ được các dấy niệm thì định tuệ đồng đẳng, y như lời dạy của Lục Tổ Huệ Năng. Lúc đầu nhiều người phê phán pháp của Hòa thượng Viện trưởng dạy giống ngoại đạo, không nằm trong kinh điển nào hết. Nhưng sự thực đây là pháp môn chỉ thẳng, ai có hành trì mới biết.

Kinh Pháp Hoa nhằm chỉ cho chúng ta tri kiến Phật, để chúng ta nhận ra tánh Phật ngay nơi chính mình. Tại sao trong kinh phải nói đức Phật phóng ánh sáng, có sự chứng kiến của chư Phật, chư Bồ-tát từ các phương đến? Tại vì ánh sáng ấy là ánh sáng tự tâm, không phải ánh sáng của điện đèn. Tương

hào quang sáng giữa chạng mây là chỉ cho ánh sáng tự tâm. Nói một cách bình thường không ai tin, nên phải có chư Phật và Bồ-tát khắp mười phương chứng minh cho điều đức Phật Thích Ca nói là đúng. Cho nên biết thấy được tất cả mọi thứ bằng con mắt tâm là thấy được chân lý.

Ngày nay chúng ta đủ duyên đủ phước hành đạo, thật là quý báu. Nếu để mất cơ hội này, mất duyên này mình sẽ trôi dạt không biết về đâu? Cho nên chúng ta phải tranh thủ làm sao nhận ra được yếu chỉ đó. Mỗi ngày huynh đệ được sống, được học hiểu, được áp dụng tu tập như thế này thì thật không còn gì quý bằng! Đầu đêm cuối đêm, các vị ngồi thiền, tụng kinh, đọc sách, nghe giảng, làm các công tác Phật sự đều biết rõ ràng. Đó là chúng ta sống đạo, sống với tri kiến Phật. Cho nên chúng ta cố gắng đừng cho tâm xen tạp, tỉnh giác liên tục thì tiến thẳng trên con đường Phật đạo, chùng nào bằng Phật mới vừa lòng con. Ngược lại, nếu chưa như thế thì chúng ta dễ thoái chuyển, nhìn qua nhìn lại, thấy thế này cực, thế kia sướng. Cứ đặt vấn đề hoài, càng đặt càng không hài lòng, cuối cùng bỏ cuộc. Vì vậy đã lập chí tu hành đòi hỏi chúng ta phải quyết liệt, quyết tử, khẳng định như thế, không có gì lay chuyển được.

Bây giờ còn trẻ còn sức khỏe các huynh đệ không siêng tu, đến lúc thân thể suy kém, mất thăng bằng, làm sao áp dụng công phu, làm sao chúng ta giữ được chánh niệm, làm sao hành trì liên tục nổi. Lúc đang có điều kiện chúng ta chưa chịu yên tu, còn ngó qua ngó về, đợi đến khi sức khỏe suy thoái, bệnh tật ập đến chỉ còn nằm đó, hoàn toàn mất hết tự chủ. Trong lúc tỉnh sáng quyết định rõ ràng, mình không chịu làm, đợi đến lúc mơ mơ, muốn nói nói không được, làm sao mà “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành” nữa. Cho nên bây giờ là chúng ta phải hạ quyết tâm thôi.

Học kinh Pháp Hoa là để nhận ra tri kiến Phật của chính mình. Tri kiến Phật này không phải của người khác, không phải của Phật Bồ-tát cho chúng ta, mà chính chúng ta có sẵn. Chư Phật ra đời chỉ cho chúng ta cái chúng ta có sẵn. Thành ra học kinh Pháp Hoa là đem cái của mình ra dùng. Đến giai đoạn chúng ta phải nhận được viên bảo châu vô giá, nhận ra tri kiến Phật của mình, cắt đứt mọi thứ ngược xuôi, những lằng xằng từ trước đến giờ. Ngài Minh Chánh làm Pháp Hoa đề cương này cũng nhằm nhắc nhở chúng ta cái đó. Người tu Phật không cần phải nhận thêm tòa nhà nào, sự nghiệp nào ngoài tri kiến Phật của chính mình. Hãy lấy viên bảo châu vô giá trong chèo ra dùng để không còn ngược xuôi, nghèo khó, lang thang xin ăn vất vả nữa, chấm dứt cuộc đời cùng tử, trở về với đời sống trường giả vốn có từ vô thủy.

Phần dưới thiền sư Minh Chánh nói về Ngũ hành... là do ảnh hưởng Tam giáo đồng nguyên từ thời Trần. Thật ra điều này không phải mê tín, mà là cái nhìn của Nho Lão vào thời đó như vậy. Thông hiểu nên văn minh khoa học trong thời đại của mình, cũng hỗ trợ nhiều cho việc giáo hóa của các thiền sư đương thời. Trong thời đại chúng ta ngày nay tối kỵ sự mờ mịt, cho nên chúng ta không được mờ mịt. Mọi thứ đều được đưa ra ánh sáng, bởi vậy thiền phải được tiếp cận với quần chúng. Nói lý chung chung, không có kinh nghiệm thực hành, sẽ không có ai nghe ta đâu. Đó cũng là điều khiến cho thiền tăng chúng ta phải hiểu và tu cho tới nơi tới chốn.

Mê tín hay chánh tín không có biên thùý nào cố định cả. Ta làm gì mà không biết manh mối, làm mà không thông, bày đặt ra đủ chuyện, đó là mê tín dị đoan. Thiền tăng có trách nhiệm làm sao cho mọi thứ trong cuộc sống phải được mở sáng. Không mở sáng bằng kiến thức thu gặt trong học hỏi, mà mở sáng bằng tâm tuệ giác, từ công phu tu hành của chúng ta. Người có công phu, mỗi ngày khám phá được những tâm tướng phiền não vọng động, không bị nó lôi kéo nữa, đó là có trí tuệ Bát-nhã. Hồi xưa không biết chúng ta cho thân này là thật, bây giờ từ trí tuệ Bát-nhã thấy rõ nó không thật nên không tham đắm, không chấp kẹt nó nữa. Nhờ thế chúng ta bớt khổ vì thân.

Các nhà khoa học thể nghiệm việc bên ngoài, còn người tu thiền thể nghiệm việc của mình. Như nói về thân thì người tu hành không bao giờ cho thân này thật. Cho đến tâm cũng vậy, người có công phu thấy không thật. Tất cả hiện tượng trên thế gian này, dưới con mắt người có trí tuệ đều không thật, không có chủ thể. Ngày nay khoa học cũng dần dần thấy như thế. Phân tích từ những vật chất lớn tới những hạt điện tử cực nhỏ, cuối cùng không tìm ra vật chất cụ thể, ngoài bầu hư không mênh mông trường tại. Cho nên khoa học càng nghiên cứu càng phát minh càng thấy lời Phật dạy là chân lý. Với con mắt trí tuệ Bát-nhã, hành giả thấy các pháp lưu hành trước mắt, thể tánh rỗng không.

Công năng hành thiền đem lại cho hành giả những lợi ích rất to lớn và thiết thực. Cho nên thiền sư Đại Giác tông Lâm Tế nói trong Luận Tọa Thiền “ngồi thiền là ngồi làm Phật”. Ngồi một giờ là làm Phật một giờ, ngồi hai giờ là làm Phật hai giờ... Thế thì bây giờ chúng ta ngồi thiền như thế nào để được gọi là ngồi làm Phật? Các tổ không bao giờ nói ngoa, chỉ vì chúng ta tu hành không đúng như những gì cổ đức chỉ dạy thôi. Những ai chưa hành thiền đúng thì chưa đạt được kết quả tốt, mà chỉ là học trên sách vở. Ngồi thiền phải mở sáng mắt trí tuệ ra, soi thấy thân tâm hư vọng, không theo,

như thế mới an định. Có định mới có tuệ. Định tuệ hiện tiền mới gọi là Phật chứ!

Học ngữ là sao? Là bắt chước nói theo những ngôn ngữ nhà thiền, chứ không dám buông tay, để nhận ra cái chân thật. Đối với thiền, phải dám buông tay mới nhận ra được tánh Phật. Như thiền sư Ô Sào dám làm ổ trên ngọn cây để sống mới sáng đạo. Thiền tông có những hành giả dám đi vào cuộc lữ ấy, bỏ tất cả để nhận được cái trọn vẹn nhất. Trong cuộc lữ ấy nếu không dám buông thả tay, còn một chút vướng mắc thì chẳng những đời này mà nhiều đời kế tiếp cũng chỉ là kẻ học ngữ thôi, không thể nào nhận được bản tâm chân thật.

Khi nghe một vị Luật sư nói các thiền sư chấp không, ngài Đại Châu bảo: “Các ông mới là người chấp không”. Vị Luật sư hỏi: “Chúng tôi căn cứ lời Phật dạy, giữ gìn mọi thứ oai nghi tế hạnh, vì sao chấp không?” Thiền sư mới chỉ “Kinh điển văn tự là phương tiện giả lập, chấp trên những thứ đó, không phải chấp không là gì?”. Một khi chúng ta vướng mắc vào phương tiện, cả đời loay hoay lẫn quẩn, không có lối ra. Quả thật nhìn lại quá trình tu hành, đôi khi chúng ta không có lối thoát. Như ngài Đại Giác nói một giờ ngồi thiền là một giờ làm Phật. Chúng ta ngồi thiền hai ba giờ mà không có một phút làm Phật, vì sao? Vì chưa dám buông tay.

Xét lại công phu, với quá trình tu hành như thế sẽ đưa chúng ta tới đâu? Đó là điều xót xa nhất của mình. Tuổi thọ không cho phép chúng ta kéo dài thêm giờ phút nào, tới lúc chấm dứt dù muốn hay không, ta phải chấp nhận. Không luật sư trạng sư nào chạy chữa được khoảng này cả. Dù hạng quyền quý giàu sang địa vị cỡ nào cũng không giải quyết được. Chuyện hiện thực hôm nay chúng ta cứ lơ là, để ngày tàn tháng lụn trôi qua, chấp nhận một cuộc sống mơ hồ, kéo dài cuộc lữ trong vòng luân hồi không lúc nào tỉnh. Đức Phật bảo thật đáng thương.

Chúng ta còn tranh chấp hơn thua, xấu đẹp, dài ngắn v.v... đủ thứ chuyện, làm sao nhập tri kiến Phật được. Ngài Đại Châu cảnh giác chúng ta bằng một thông báo chung là chớ có chấp ngôn ngữ văn tự. Luật nghi, văn tự trong từng pho kinh điển đều không thật, bằng chứng rõ ràng là chúng ta có thể in ra được mà. Nếu nó thật làm sao người ta in hàng trăm tập cho khắp thế giới. Cái thật không thể đem cho được. Cho nên phải biết ngôn ngữ văn tự như ngón tay chỉ mặt trăng, chớ nó không phải là mặt trăng. Nương kinh điển để nhận ra tri kiến Phật nơi mình, chớ không phải học kinh điển để nói như con vẹt. Học kinh là để tu, không học thì không biết đường mà tu,

nhưng nhớ không được chấp kinh. Nếu như kinh tạng để nằm ì trong tủ không ai sờ mó tới, không ai dịch giải ra, không ai giảng nghĩa thì có lợi lạc gì đâu. Không một pho kinh nào tự ngồi dậy nói tôi là tri kiến Phật đây.

Chỗ này Hòa thượng Viện trưởng nói giống như lâu nay khách khứa đầy nhà, bây giờ mời hết khách ra. Không cần phải nói ông chủ, ông nào còn lại đó là ông chủ, khỏi phải giới thiệu. Chủ thì không đi đâu, khách khứa mới tới lui lãng xãng. Những người tới lui không phải là chủ. Cũng thế các pháp trần phiên nào chột hiện chột mất, không thật, còn cái chủ trì bên trong thì cứ thế không đến không đi, bất sanh bất diệt. Nhưng nghe nói bất sanh bất diệt ta liền chấp bất sanh bất diệt, cho Phật tánh bất sanh bất diệt thì chết cứng ngay đó, coi như Phật tánh bị mình đóng cái mác ngay đó.

Có những món đồ ai làm ra không biết, nhưng khi tới mình, ta đóng cái mác tên vào thì nó là của mình. Tức thì ai đụng tới không được, đụng tới là cù cặn nổi lên. Điên đảo của chúng sanh là như thế, mất quyền làm chủ là như thế. Bây giờ mình thu hồi lại quyền làm chủ, không bị những lãng xãng bên ngoài khuấy động nữa, sống trở về với tri kiến Phật của mình. Đừng vương kẹt bất cứ thứ gì có hình tướng, có sanh diệt nữa, thì lập tức giải thoát an vui ngay.

Tâm này xưa nay trong sạch chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng chúng sanh theo chiếu bỏ mất chân tông, đuổi cảnh mà bị lưu chuyển. Ấy bởi chấp nhận vọng thức làm tâm vậy. Đó là sự lầm mê của chúng sanh từ nhiều kiếp đến nay. Nhận giả làm chân, nhận khách khứa bên ngoài làm mình, nên tạo nghiệp khổ cho nhau.

Thế nên, đức Thế Tôn hiện ánh sáng giữa chặng mây chặng động này, khiến các chúng sanh bỏ vọng về chân, mà chuyển thức thành trí. Đương cơ, ngài Di Lặc khởi nghi, là theo thức mà tỏ bày tướng cảnh giới hiện bên ngoài kia. Bồ-tát Văn Thù nêu rõ bản nhân của ánh sáng nhiệm màu. Nghĩa là hiện nay thấy điềm ấy như xưa. Đây lại trưng biểu cho thức theo cảnh mà hiện, cảnh từ căn mà có. Căn tức là ứng dụng của tâm, đây cũng chính là trí căn bản. Theo cái nhìn của thiền sư, mọi hiện tượng chung quanh đều từ tâm, từ trí của mình hiện ra. Nếu người nhận bóng giả bên ngoài thì bị thức tình vọng tưởng kéo lôi, ngược xuôi theo nó. Từ đó nhận lại tức thì nhận được tâm thể.

Trong nhà đầy người lãng xãng tới lui, nhưng mình biết rõ đó là khách, nên không sợ làm ông chủ hiện tiền, không bị động theo cảnh duyên bên ngoài. Đây là tinh thần phản quan trong nhà thiền. Tuy chúng ta biết tất cả muôn

cảnh đều từ gốc này lưu xuất, nhưng nếu chạy ra thì mất gốc, còn nhớ nhận lại gốc thì những lãng xãng bên ngoài tự nhiên lặng. Cách tu phản quan tự kỷ rất nhẹ nhàng, ai cũng có thể tu được.

Nên biết, một ánh sáng mà hiện khắp, nhằm bày tỏ gốc là một tinh minh chia làm sáu hòa hợp. Vào một căn mà viên ngọc cả sáu căn, vào một pháp mà chóng rõ hết các pháp là đầy. Lối nói của các thiền sư rất giản dị. Những điều ngài nói ở đây rất giống trong kinh Thủ Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm, Phật ví dụ như một căn nhà có sáu cửa lớn nhỏ, giữa nhà có viên ngọc sáng. Viên ngọc phát ánh sáng ra sáu cửa, chúng ta nhận ra viên ngọc cũng từ sáu cửa này. Kinh Lăng Nghiêm gọi viên ngọc đó là Viên Trạng Thường Tính hay Bản Tịnh Minh Thể, Diệu Tịnh Minh Tâm của chúng ta. Quay lưng với ánh sáng này chạy ra ngoài, Phật cho đó là người ngược xuôi theo trần cảnh, bị cảnh duyên kéo lôi, không nhận được Viên Trạng Thường Tính của mình.

Bây giờ từ sáu căn chúng ta nhận lại tánh giác của mình, chớ không từ đâu khác. Giống ánh sáng phát ra, chúng ta biết ánh sáng đó từ viên ngọc. Muốn nhận được nguồn ánh sáng đó trọn vẹn thì phải quay về nhận lại viên ngọc, không chạy theo những thứ bên ngoài. Kinh Lăng Nghiêm nói là “Bội trần hợp giác”. Còn hạng người chạy theo trần cảnh bên ngoài, bỏ quên Viên Trạng Thường Tính gọi là “Bội giác hợp trần”.

Ý của kinh Lăng Nghiêm và kinh Pháp Hoa không hai. Nghĩa là nếu ai còn mắc mứu cảnh duyên bên ngoài thì người đó không bao giờ nhận được tri kiến Phật. Chỉ có người gan dạ, dám buông mới nhận được tánh giác của mình. Người đó sống, thể nhập được tri kiến Phật. Người tu thiền, dù lúc tụng kinh, cuộc ruộng, bửa củi, nấu cơm, làm tất cả công việc đều có thể nhận lại tri kiến Phật. Ngồi thiền bị muỗi cắn, nóng bức chịu không nổi là chạy theo cảnh duyên nóng bức, khổ vui thì không phản quan tự kỷ. Người như thế dù ngồi một trăm năm, cũng không nhận ra tri kiến Phật. Người đang cuốc đất thấy nhọc nhằn, thấy như vậy như kia, tu không được, đó là cái thấy của phàm phu tục tử, không cần thiết với người muốn nhận lại tri kiến Phật.

Người bửa củi người nấu cơm, hành đường, trị nhật cũng vậy. Ví dụ người trị nhật nhằm đêm mưa gió lạnh lẽo, thấy tại sao mình phải cực thế này, trong khi có người nằm ngủ hoặc đang ngồi thiền sung sướng v.v... trong lòng bức bội, đó là hạng người chạy theo vọng trần, không phản quan tự kỷ, nên không nhận được tri kiến Phật. Cho nên chỗ này không có biên cương

giữa ma đạo và Phật đạo, ai nhận ra thì trong mọi thời mọi cảnh đều nhận được, còn không nhận thì trầm luân sanh tử suốt kiếp. Tổ Qui Sơn bảo “Không nhận được thì muôn đời suốt kiếp mang lông đội sừng”. Mang lông đội sừng là sao? Do không nhận được tâm Phật nên khởi lên những niệm tham sân si. Chính những niệm này dẫn ta vào ngạ quỷ, súc sanh hay thọ hình khổ nơi địa ngục v.v... Nếu mình bị động hoai thì đời đời kiếp kiếp phải như thế thôi.

Bây giờ các thiền tăng chúng ta phải cố gắng nhận ra tánh giác của mình, để cuộc sống của chúng ta có ý nghĩa. Nói ý nghĩa nhưng không có ý nghĩa gì hết. Ăn cơm là ăn cơm, gánh nước là gánh nước, cuốc đất là cuốc đất, hốt rác là hốt rác, bửa củi là bửa củi, làm tất cả công việc là phương pháp để chúng ta làm Phật. Do đó cung cách là cung cách Phật, việc làm là Phật sự, không có nặng nhẹ, xấu tốt, ta người trong đó. Được như vậy là tự tại giải thoát, không luận đại tăng tiểu tăng, không luận hàng xuất gia hay tại gia, nhận ra được tri kiến Phật rồi thì hết trầm luân, ngay đây lập tức chúng ta bỏ được những lớp lang của quỷ đói, của địa ngục, của súc sinh...

Trong thiền viện, sáng mai thầy thì quét sân, thầy xách nước, thầy chạy xe, thầy làm việc này thầy làm việc kia, mỗi người một phận sự, giống như một bản đại hòa tấu nhịp nhàng, thể hiện trọn vẹn ông Phật của mình. Chúng ta học theo gương Bồ-tát Thường Bất Khinh, ngài không nói nhiều, không dạy gì khác ngoài một việc, khi gặp bất cứ ai, nam nữ cư sĩ, tục gia xuất gia, ngài đều bái bái nói “tôi không dám khinh các ngài, các ngài là Phật sẽ thành”. Chỉ một câu nói đó, một bài pháp đó, dù bị mạ nhục, đánh đập, khinh chê, ngài cũng chỉ như thế mà thôi.

Kệ rằng:

Phật tuệ chiếu soi khắp phương đông,

Cùng thời, chúng hội khởi nghi đồng.

Mở đầu Di Lạc, Khai mê thức,

Chỉ thẳng Diệu Quang, Thị giác không.

Lập một phá ba, toan trước hiển,

Ngộ quyền về thật, sẽ sau thông.

Pháp môn tùy Nhập, dù vô lượng,

Đồng đến Liên Hoa, pháp môn mê mông.

Mỗi một phẩm ngài Minh Chánh tóm ý bằng một bài Đường thi.

Lập nhất phá tam tiên dự hiển, lập một xe trâu trắng phá ba bốn xe dê xe hưu. Ý phá đối đãi không thật để chỉ ra tri kiến nhất Phật thừa.

Trong phẩm Tựa thiên sư Minh Chánh nói diệu lý trong mỗi phẩm. Kinh này có 28 phẩm, ngài nói diệu lý của mỗi phẩm qua ánh sáng của thiên tông.

Tuy nhiên việc nhận được tri kiến Phật, sống được với tánh giác không bị cảnh duyên kéo lôi, nói dễ mà làm không dễ. Do đó chúng ta không nên xem thường thời gian ở thiền viện. Nếu ai xem thường, không chịu gắng gổ tu hành, chỉ thiệt hại cho mình mà thôi, sau này hối không kịp. Thời gian quý báu thế này, quý vị sẽ không tìm được ở đâu nữa, chùng đó ngồi mà trách, tại sao hồi đó không nỗ lực, cuối cùng chỉ còn đồ thừa như vậy như kia. Quý vị đừng nghĩ ngồi thiền, tụng kinh mới là tu. Nếu ngồi ngủ thì cũng không tu gì hết, một trăm năm ngủ lại là ngủ. Đây là pháp môn lưu thông, mở rộng ra để chúng ta có thể áp dụng tu trong mọi tình huống, mọi sinh hoạt, không nên cuộc việc tu vào trong một giới hạn, như thế sẽ thiệt thời lắm.

Các thiên sư khi được hỏi đạo, thường trả lời những câu không có trong kinh điển nào hết. Có vị nghe tiếng thầy hương đăng đánh rơi bao nhang cái soạt trên chánh điện liền ngộ đạo. Việc ấy không có trong kinh điển đâu. Nếu chúng ta chấp kinh là lắm. Cho nên người xưa biểu chúng ta hãy nhìn về phương nam mà xem sao Bắc Đẩu. Hoặc nói con ngựa của quan huyện ăn mà con trâu của quan tỉnh no, vị nào khéo thì nhận ra sống được. Nó không cuộc hạn cố chấp, chúng ta sống phải thoải mái bình thản và chấp nhận mọi tình huống. Cuộc đời của mình không phải là một chiếc thuyền chỉ lướt trong cái hồ không có sóng gió. Nên nhớ đây là chiếc tàu ra khơi, thuyền trưởng dờ là chết chìm. Cho nên huynh đệ phải cố gắng.

Phẩm Phương Tiện, Thí Dụ, Tín Giải, Thọ Ký

Chúng ta sẽ học đề cương các phẩm Phương Tiện, Thí Dụ, Tín Giải và Thọ Ký. Chữ “đề” là nắm lên, chữ “cương” là cương lĩnh. Học đề cương kinh Pháp Hoa là nắm cho được phần cương lĩnh của kinh. Vì học đề cương, nên

không dẫn giải kỹ trong văn từ, chỉ học những ý chính, để nắm cho vững mà áp dụng tu hành. Cách học này đòi hỏi chúng ta phải tự học, tự nghiên cứu thêm trong nguyên bản kinh Pháp Hoa. Quan trọng là làm sao nắm được pháp tu để hành trì, không luận nhiều đến văn nghĩa.

1. PHẨM PHƯƠNG TIỆN

Chữ Phương Tiện là dùng phương cách tiện lợi để chỉ cho người học thấy biết về cái gì đó. Nhớ rằng phương tiện chỉ tạm dùng trong một giai đoạn nào thôi, không phải là chỗ đến cuối cùng. Ở đây cũng vậy, điều chúng ta học là những phương tiện để nắm được yếu chỉ kinh Pháp Hoa, giúp chúng ta nhận ra tri kiến Phật của mình, chỉ thẳng bản lai xưa nay của mỗi người. Chúng ta đã có sẵn cái đó, nhưng bỏ quên nên bụi đời, lang thang theo dòng trôi giạt mãi. Bây giờ do túc duyên nào đó, ta lại có cơ quày đầu và được sự hướng dẫn của Phật, dù trong thời kiếp mạt, xa dần với chánh pháp nhưng vẫn có thể nghe chánh pháp, làm sống dậy chủng tử Phật từ xưa nay. Như vậy là có phúc duyên rất lớn!

Người tu thường chú trọng tới công phu. Bởi thiếu công phu, dù chúng ta học giỏi bao nhiêu cũng chỉ là đếm của báu nhà người. Như nhân viên ngân hàng, đếm bạc từ sáng tới chiều mà bản thân không có một đồng. Ở đây cũng vậy, muốn nắm vững đề cương, phải có công phu hành trì. Tôi không phủ nhận kiến thức. Kiến thức rất cần nhưng không khéo chúng ta sẽ bị các thiên sư chê là vương mắc. Có kiến thức thì mắc kẹt kiến thức, không kiến thức mắc kẹt không kiến thức. Tóm lại với người đắm trước, có kiến thức cũng chết mà không kiến thức cũng chết. Rõ ràng chỉ có công phu, may ra lóe lên trí tuệ giúp mình thoát khỏi lưới mê.

Từ vô lượng đời, chúng ta trôi giạt, dính mắc bởi những duyên rườm rà, chúng bao phủ ta giống như tơ lưới con kén con tằm, không nhúc nhích cục kịch gì được. Cho nên bây giờ phải tháo gỡ. Người chưa có chủ lực, dễ bị những thứ bên ngoài dẫn đi, có khi nó dập chết mình tại chỗ luôn. Như bình thường chúng ta thế này, nhưng có bệnh là mất tự chủ liền. Khó tìm được một người nghe nói một tuần nữa chết mà cười bình thường. Hiếm hoi lắm. Nhà thiền cần loại người như thế.

Phương tiện thì không phải thật. Phật đưa ra hình ảnh ba xe rồi cuối cùng trở về một cỗ xe lớn, để dụ cho ban đầu Thế Tôn nói ba thừa, sau đưa về Nhất Phật thừa. Phật thừa là chỉ Tri kiến Phật, tức nói đến tánh giác sẵn có của chúng ta. Người ham tu, quyết tâm tu thành Phật, không còn nghĩ đến những

việc chung quanh. Lòng lúc nào cũng rỗng rang, cắt đứt tất cả các duyên để được giải thoát. Do chỗ mong mỏi đó nên nghe ai nói tu năm ba bữa thành Phật liền chạy theo. Trên thực tế của cuộc đời, người ta hay bị vấp ngã bởi những lối rẽ, bởi ngã tất. Rõ ràng công phu phải được thực hiện từng bước một, khắc phục, chiến đấu can trường, dũng mãnh và dứt khoát lắm mới gầy dựng được sự định tĩnh, sáng suốt. Việc gầy dựng này đòi hỏi một ý chí tu hành kiên cố, không thoái chuyển.

Nói tới ý chí, chư huynh đệ thấy có người không nói gì hết mà làm, làm lủi làm. Trong lúc làm, nếu có vấp ngã họ gầy dựng trở lại, tự họ tìm cách đứng vững, cương quyết khẳng tâm, phấn chấn tiến tới. Hạng người này dù chậm lụt hay què mùa tới đâu, nhất định cũng sẽ thành tựu. Ngược lại người dù thông minh lanh lợi mà lười biếng, cuối cùng chẳng đi tới đâu. Nếu thấy công phu có tiến bộ, chúng ta sẽ cảm nhận niềm phấn khởi, toát mồ hôi hạn sau thời gian khắc phục, chịu đựng. Từ đó chúng ta phấn phát, thích thú trong việc tu hành. Ví dụ chiều hôm đó quý vị thấy mệt mỏi không muốn tụng kinh, không muốn ngồi thiền, nhưng rán theo chúng, hoan hỷ phấn chấn, nghiêm túc khắc phục. Gan hơn nữa là tăng giờ ngồi thiền, cho đến toát mồ hôi thì mọi lười biếng, tâm tối bu bám tan hết. Quý vị hân hoan đứng lên vững vàng. Một lần hai lần như vậy thì các thứ giải đãi, hôn trầm, vọng tưởng ngán mình lắm. Nếu không như thế, cứ xiu xiu ềnh ềnh, ba thứ tâm tối nó sẽ bám vào gỡ không ra. Niềm kính an thật sự chỉ có trong quá trình công phu, không thể tìm ở đâu khác, không có trong ti vi, không có trong đi-quần, không có trong sự lười nhát, trong điên đảo vọng tưởng. Cho nên thời gian còn khỏe mạnh, anh em quyết tâm tu hành, nhất định sẽ có những kết quả tốt đẹp.

Thiền viện chủ trương đào tạo những thiền sinh gạo cội, có bản lĩnh mới duy trì, mở mang, phát huy đúng tinh thần thiền tông. Những vị chạy theo ngôn ngữ văn tự, coi chừng cuối cùng sẽ bị thiền sư Minh Chánh quở “công phu luống uổng một đời ai!” Những hình ảnh bất diệt của các bậc đại tăng Việt Nam là nhục thân của các thiền sư như ngài Vũ Khắc Minh, Vũ Khắc Trường, Như Trí... còn để lại cho Phật giáo đồ Việt Nam cái linh hồn bất tử. Hay như quả tim của Bồ-tát Quảng Đức, không có tác phẩm thứ hai, làm rung động hàng vạn vạn trái tim trên toàn thế giới. Đó là gì? Là công đức tu hành. Là chân tâm hiển bày.

Tôi nhớ trước khi Hòa thượng Thiện Châu theo Phật, ngài có về thăm thiền viện chúng ta, ở đây chơi một ngày với Hòa thượng Ân sư và chư tăng. Hòa thượng là một tăng sĩ có học vị tiên sĩ đặc biệt nhất. Thế nhưng ngài đã nói

về bằng cấp như sau: “Bằng cấp chỉ để treo mà chơi, nó không nói lên được điều gì. Chư tăng nhớ cho, bao nhiêu tinh huyết chúng ta tạo dựng được chỉ y cứ trên công phu thể nghiệm của mình, theo sự chỉ dạy của Phật, của Bồ-tát, chư vị tổ sư truyền lại”. Nếu đức Phật Thích Ca để lại cho chúng ta bằng tiền sĩ thì bây giờ chúng ta không tu được đâu. Hoặc Bồ-tát Văn Thù, Bồ-tát Phổ Hiền ban cho chúng ta bằng cử nhân, thì cũng chẳng mở được con mắt trí tuệ cho mình.

Vậy các ngài để lại cái gì? Như tổ Bồ Đề Đạt Ma chín năm xoay mặt vào vách, không nói một lời, đợi đến khi Thần Quang đứng trong tuyết, chặt tay dâng lên hỏi pháp an tâm, ngài mới động môi “Đem tâm ra ta an cho”. Động môi mà chẳng nói lên điều gì. Nhờ vậy dòng thiền trực chỉ mới sống động và lưu truyền mãi trên đời. Chớ nếu tổ Bồ Đề Đạt Ma xuống núi mở pháp hội giảng giải nọ kia, người ta hoan nghinh nhiệt liệt “ông thầy giảng hay quá”, thì có lẽ sẽ không tìm được Nhị tổ Huệ Khả đứng dưới tuyết, chặt cánh tay cầu pháp an tâm rồi. Cho nên gốc của sự tu là ở chỗ thực hành, trải nghiệm đến tận xương tủy mới được.

Ở đây nói không học không có nghĩa là không biết giáo lý, không biết cách tu. Mà không học là không học trên chữ nghĩa. Học xong thì buông bỏ hết đề tu. Thiền viện chủ trương học để tu chứ không thi lấy bằng cấp. Các anh em phấn phát lên. Buổi khuya vị nào có bệnh ngáp từ ba giờ tới năm giờ thì cố gắng cắt đứt cơn ngáp, cũng như cắt đứt cơn nghiện vậy. Nghe kiếng thức chúng là trời dậy, không ngáp nữa, rửa mặt rồi uống một chung nước nóng vô, phấn chấn lên diện Phật. Chiêm ngưỡng và đánh lễ chân dung đức Thế Tôn, phát tâm ngòi thiền chết bỏ, đau chân mấy cũng không xả. Ngòi nghe như hai chân cháy rụi, cho nó cháy luôn. Đừng tưởng nó cháy rồi uốn éo, kéo ra kéo vô, kéo hoài nó cũng vậy thôi. Kéo bên đây nó đau bên kia, nhúng tới cũng đau mà ngã lui cũng đau. Kệ nó. Quên nó đi, tự nhiên sẽ không còn thấy đau nữa. Như vậy mới tăng tiến công phu được chứ! Có nhiều anh em ngã tới ngã lui một hồi, rồi kê cái đầu lên bồ đoàn...ngáy pho pho. Khỏe quá, hết đau. Tọa thiền kiểu đó thì nguy, vì đã chui vào hang quỷ rồi.

2. THÍ DỤ

Phật nói phẩm Thí Dụ, những người có trí nhân thí dụ mà nhận ra ý chánh Phật muốn nói. Tuy nhiên việc nhận ra yếu chỉ Phật dạy đòi hỏi nơi công phu của chúng ta nữa. Sự thể nghiệm luôn luôn đóng vai trò quyết định.

3. TÍN GIẢI

Tín là tin, giải là hiểu. Hiểu rồi mới nhận, cởi mở, giải bày. Phẩm cuối cùng ở đây, được thiền sư Minh Chánh nêu rất rõ trong đề cương. Đó là phẩm Thọ Ký.

4. THỌ KÝ

Từ phương tiện tới dẫn dụ, chúng ta nhận ra thì được ấn chứng. Thọ ký là ấn chứng đã được như thế. Nhưng trong kinh Pháp Hoa, không có vị Bồ-tát, vị đệ tử nào được Phật bảo: “Ta thọ ký cho ông, lát nữa ông thành Phật”. Nghe lời thọ ký của đức Thế Tôn, chúng ta le lưỡi luôn. Nghĩa là phải gặp bao nhiêu trăm ngàn muôn ức đức Phật phụng thờ, tu tập, được những tam muội gì, trải qua kiếp số tu hành và lợi ích chúng sanh không thể tính kể mới thành Phật.

Thời gian kiếp số của người Ấn Độ thật là mệnh mông bất tận. Hai ba mươi tiểu kiếp, hai ba mươi trung kiếp, ba bốn hay vô số đại kiếp... dài ơi là dài! Nói đến thời gian như thế là nói đến sự sống trải, gan dạ và công phu thể nghiệm của hành giả. Nhưng một điều lý thú nhất, chắc chắn nhất là chúng ta có phần. Do đó nghe nói tri kiến Phật mình nhận ra, tuy cái nhận của mình không bằng người xưa. Hồi xưa các vị có túc duyên đặc biệt, từ kim khẩu đức Thế Tôn chỉ bày, các ngài nhận ra dễ dàng. Chúng ta tuy kém hơn nhưng cũng nhận ra được mình có tánh Phật là điều vinh dự rồi. Nếu không nhận ra thì không biết mình ra ra sao, đi về đâu?

Phật nói chúng ta đâu có nghèo, cũng không phải thiếu, mà có của báu vô lượng. Không riêng chúng ta như thế mà tất cả chúng sanh đều có của báu vô lượng. Nhưng tại sao bây giờ mình nghèo thiếu, phải hiểu lời Phật như thế nào đây? Phật nói không sai, nhưng tại mình bụi đời. Nhìn lại chúng ta không vương bên này cũng kẹt bên kia, cứ lao ra ngoài mà quên xoay lại mình. Người nặng về tổ chức, người thích khoa bảng, học vị, thuyết giảng, công tác từ thiện xã hội... số người ngồi yên nhìn lại chính mình để sửa đổi, chuyên hóa chưa nhiều. Cho nên chư huynh đệ chúng ta hãy dừng bước phong trần, trở về ngôi nhà xưa của mình. Trong thiền viện được chừng mười vị chuyên nhất, thấp sáng được ngọn đuốc trí tuệ của mình, cũng đủ làm sáng rực cả đạo tràng này. Phật dạy một vị sắp thành đạo, mười phương thế giới chấn động, trời đất rung chuyển, cung ma sụp đổ. Năng lực của sự tu tập to lớn như vậy đó.

Ngày xưa đức Phật ngồi dưới cội Bồ-đề thành đạo, chuyển pháp luân làm long trời lở đất. Ngài tu trong rừng, thành đạo dưới cội cây, nhập diệt cũng dưới bóng đại thọ. Tự tại như thế. Chúng ta bây giờ bị vật chất bu bám thật khó tu. Ngài Qui Sơn nói ham hố lợi danh, lẩn thẩn theo đời, bèn thành quê kệch v.v... là quả chúng ta đó. Thật đáng xót xa cho mình! Sự an lạc trong đạo không phải miếng ăn ngon, không phải vị ngọt của các cảm giác, mà nó có từ sự phấn phát quyết liệt của hành giả, xoay lại nơi chính mình để nhận lại nguồn an vui miên viễn. Không thể tìm được niềm an vui từ các cảnh duyên sanh diệt bên ngoài.

Có câu chuyện thế này. Một nhóm người chuyên trình diễn về quỷ la sát. Họ nói năng, múa mai theo kiểu quỷ la sát. Sau thời gian trình diễn ở vùng ấy, khách xem đã chán, họ dọn đi nơi khác. Trên đường họ phải băng qua một cánh rừng nguy hiểm. Trong nhóm có người bảo không khéo gặp quỷ la sát thật, nó xoi tái bọn mình hết. Nói thì nói nhưng họ vẫn cứ đi. Đến giữa rừng vào ban đêm, họ đốt một đống lửa nghỉ. Đồ đạc trang phục quỷ la sát để cạnh đó, tất cả mọi người đều mệt mỏi, họ cùng nằm dài ra ngủ. Đến khuya lạnh quá, có anh dậy lấy đồ quỷ la sát mặc vô cho ấm. Lát sau anh bên cạnh lạnh quá, lò mò ngồi dậy, thấy anh mặc đồ la sát, tưởng quỷ la sát thật, liền hét lên “quỷ la sát”. Cả đám thức dậy thấy quỷ la sát thật, thế là cùng nhau chạy bạt mạng. Anh mặc đồ quỷ la sát cũng hoảng, tưởng có quỷ la sát thật nên tháo chạy theo các bạn. Chạy cho đến té nhào, quần áo xúc sỏ, chạy hết nổi nữa, họ quay lại nhìn, té ra anh bạn mặc đồ la sát bây giờ hiện nguyên hình chính là bạn mình, chứ không phải quỷ.

Câu chuyện làm mình thấy tức cười. Chúng ta cũng vậy, tự tạo ra bao nhiêu cảnh tượng rồi trở lại kinh sợ, thán oán những gì mình đã vẽ ra. Nào ngờ tất cả đều từ tâm sanh. Cho nên bây giờ cần phải tỉnh, phải buông xuống hết thì yên thôi. Chỉ có tu mới gánh vác nổi sự nghiệp trí tuệ, mở sáng tông phong. Phải có tu mới chiếu thông được điều mình học. Chính công phu tu hành mới thể nghiệm thực được những gì chúng ta hiểu thông qua kinh điển. Chư huynh đệ tụng Bồ-đề giải thoát trăm lần, ngàn lần mà không có chút công phu thì Bồ-đề giải thoát đó chỉ là văn tự, không dính dáng gì tới sự an lạc giải thoát. Cho tới chừng nào mình nhận ra được mặt mắt thật xưa nay thì mới bình yên, giống như mấy anh chàng giả quỷ la sát trong câu chuyện kia vậy.

Chúng ta tụng kinh không phải để Phật nghe, mà để tự xem lại mình rồi khắc phục, bỏ những nghiệp tập xấu dở đi. Đêm nào cũng quyết tâm như thế đâu lo gì không thành tựu. Ở thiền viện, giờ tụng kinh không tăng, giờ hành trì

không tăng, nhưng phẩm chất bên trong phải được tăng lên. Tu như vậy mới tiến. Giờ tụng sám hối sáu căn, giờ tọa thiền, những giờ giấc khác, nếu chúng ta xoáy đúng vào chỗ thật thì sẽ được biến thông, sẽ hài hòa tăng tiến. Ngoài ra mỗi ngày chư tăng có thêm giờ học Phật pháp tức là giờ hun đúc nhắc nhở. Nhân ngón tay mà nhận ra mặt trăng. Chư huynh đệ tăng tiến vươn lên, không nên nằm ì một chỗ. Như vậy không xứng đáng là đệ tử của Phật, không xứng đáng là người xuất gia, cầu hạnh giác ngộ giải thoát.

CHÁNH VĂN

Thọ ký(1) là chỉ thẳng tâm bản lai thanh tịnh này, tức chân như Phật, tri kiến đạo. Dùng tâm này làm nền tảng tu nhân, tương lai chứng được quả vị trong sạch trang nghiêm cõi Phật. Chính trong kinh đã nói: “Nhân như thế, duyên như thế, quả như thế, báo như thế, rốt ráo trước sau đều như thế”.

Tổ Bá Trượng cũng nói: “Chẳng làm nhân quả” là đây!

GIẢNG

Người công phu như thế, thể hiện như thế, sống như thế, làm như thế, quyết tâm như thế thì sẽ đến chỗ như thế. Chúng ta sống một đời sống đầy đủ phẩm chất của người có công phu, nhất định sẽ tới chỗ an vui thanh tịnh, không chạy đàng nào khác. Nên nhớ đừng đi ngả tẽ. Ở thiền viện học như thế, tu như thế, sinh hoạt như thế. Mai một gặp ai nói đừng theo Hòa thượng nữa, theo tôi chừng ba tháng là giải quyết hết tất cả nghiệp tập, liền đi theo. Đó là ma mị cám dỗ người. Kẻ yếu thì bị nó hút hồn thôi. Không có nghiệp tập nào giải tỏa như thế đâu. Nghiệp tập do mình tạo, mình không giải tỏa được thì không ai giải tỏa cho. Chuyện trong bụng mình không nói ra thì không ai biết. Ngài Hoàng Bá nói: “Dù một ngàn đức Phật ra đời cũng không biết được chỗ bất động của ông”.

(1) THỌ KÝ: Đức Phật nói trước những việc sắp đến của vị đó một cách chắc chắn như: sau bao nhiêu năm sẽ thành Phật danh hiệu gì, ở cõi nào và tuổi thọ bao nhiêu v.v...

CHÁNH VĂN

Chư thiên mừng khen, là bởi các trời xưa ở trong chỗ tu hành do phước hữu lậu mà được sanh lên cõi trời, nhưng chưa thoát khỏi luân hồi và năm thứ tướng suy(2). Nay nghe được tâm trong sạch mâu nhiệm như

hoa sen, đồng thời rõ được yếu chỉ xuất thế, mừng rõ tự biết sẽ là Phật, nên cùng nhau khen ngợi vậy.

Trong phẩm Thí Dụ, nhà lửa là dụ cho ba cõi, sáu đường. Lửa là dụ cho sanh, già, bệnh, chết v.v... tám thứ khổ và vô lượng phiền não. Ông trưởng giả là dụ cho Phật. Các con ông trưởng giả là dụ cho đệ tử Phật. Ba xe là dụ cho lời dạy thuở xưa. Nhất thừa là chỉ cho cơ lớn vui thích. Chàng cùng tử bỏ cha chạy trốn là dụ chúng sanh mê căn nhận thức. Mà thức thì tản mạn theo sáu trần, chưa từng phản chiếu lại căn nguyên. Đã nhờ tiếp nhận, mà vẫn còn tự khi ta là phàm phu, lòng không chút hy vọng.

Than ôi! Đức Thế Tôn đành nhận tướng phàm phu mà tùy nghi vì nói.

(2) Năm thứ tướng suy của chư thiên: Khi các Ngài hưởng hết phước trời sắp đi đầu thai thì năm thứ tướng này hiện ra:

- 1 - Quần áo thường dơ bẩn.*
- 2 - Trên đầu tóc rối, hoa tàn tạ.*
- 3 - Thân thể hôi nheo.*
- 4 - Dưới nách thường ra mồ hôi.*
- 5 - Không thích chỗ ngồi của mình.*

GIẢNG

Đây là lời của ngài Minh Chánh, qua cảm khái về sự việc trước mắt của tất cả chúng sanh và chính bản thân mình, nên ngài làm đề cương này.

Tất cả những dụ nói ở trên đều nằm trong phẩm ví dụ của kinh Pháp Hoa. Nhà lửa dụ cho sanh già bệnh chết, tám thứ khổ và vô lượng phiền não. Tại sao nói nó là lửa? Vì nó làm chúng ta khó chịu còn hơn lửa nữa. Như lửa đốt mình chỉ nóng thôi, nhưng hôm nào bị phiền não, chẳng những nóng bức mà còn mất ăn mất ngủ, buồn bực, tu tập không được. Tay chúng ta rủi bị đun trong lửa một cái xèo, nó đau nhức theo kiểu bị lửa đốt cháy, chỉ đau đớn trên thân phần này thôi. Trong khi lửa phiền não nguy hại hơn nhiều. Nó đốt tiêu những cơ hội tốt đẹp của mình, từ lửa phiền não chúng sanh tiếp tục tạo

nghiệp thêm, luân chuyển dài lâu trong nhiều kiếp sống khổ đau. Nói tóm lại, trong tất cả các thứ lửa, lửa phiền não là đáng sợ nhất.

Nhìn chung huynh đệ chúng ta ai cũng có một túi phiền não. Không biết nó ở đâu, chứa trong hộp trong đờn nào, mà có cơ hội là nó nhảy ra liền. Có loại phiền não tự tôn, có loại phiền não tự ti... Bây giờ muốn giải trừ phiền não, phải làm sao? Phải có trí tuệ sáng suốt, cụ thể là phải có công phu tu hành. Không có công phu tu hành, không làm sao giải trừ được phiền não. Người thiếu công phu tu hành, thiếu tinh lực, thiếu trí tuệ, thấy cái gì cũng phiền não, nghe cái gì cũng phiền não, ăn cái gì cũng phiền não, làm cái gì cũng phiền não hết. Quái lạ! Cái này đâu có sung sướng, đâu có thoải mái thích thú gì, mình cũng không muốn cất chứa nó làm chi, nhưng không hiểu sao nó cứ bày ra đó, ì ra đó.

Bây giờ chúng ta cố gắng triệt tiêu. Nói triệt tiêu giống như chiến sĩ chiến đấu với hư không vậy. Biết nó ở chỗ nào mà đập cho một hèo? Ai biết được phiền não mình ở đâu? Ngồi thiền mò mẫm từ ngày này tới ngày kia, không biết nó ở đâu, mà hờ chút là nó ló đầu ra liền. Bây giờ phải có trí, có công phu lắm mới thắng được nó, thắng nó rồi mới an lạc. An lạc rồi mới được thọ ký thành Phật.

Kệ rằng:

Thân Tử mong nhờ nhận trước tiên,

Hoa Quang cõi Phật quả y nhiên,

Các trời hớn hờ vui đồng tánh,

Hai dụ tuyên dương rõ đôn viên,

Đầu hứa ba xe, sau tặng một,

Trước cho nhà cỏ cuối thêm kiên,

Trong đây quyền thật đều phô diễn,

Được ý quên lời mới là hiền.

Bài kệ thơ Đường này rất hay. Chi bài kệ này, chúng ta tu đủ thành Phật rồi.

Năm thứ tướng suy của chư thiên hiện ra khi các ngài hưởng hết phước trời, sắp đi đầu thai là:

1. Quần áo thường dơ bẩn.
2. Trên đầu tóc rối, hoa tàn tạ.
3. Thân thể hôi nhơ.
4. Dưới nách thường ra mồ hôi.
5. Không thích chỗ ngồi của mình.

Chư thiên trên trời phước báu nhiều vô lượng, nhưng lúc gần hết phước thì năm tướng này hiện ra. Dưới nách thường ra mồ hôi, chúng ta bị ròi nghe. Không thích chỗ ngồi của mình, khi phiền não mình đi kiếm chỗ này chỗ kia tu, như vậy cũng hiện tướng suy này. Quần áo thường dơ bẩn. Thân thể hôi nhơ. Ta có luôn. Trên đầu tóc rối, hoa tàn tạ. Mỗi chư thiên do phước báu của họ, trên đầu thường có hoa tươi xinh xắn. Khi nào phước hết, các hoa này héo. Mà ở trên đó rớt, không chắc được rớt xuống đây. Chỉ những ai có duyên với Phật pháp mới rơi xuống cõi người, bằng không là đi thẳng xuống âm phủ luôn hay thọ sanh vào các đường dữ, chứ không phải chơi. Bởi vì suốt một quá trình thụ hưởng, không có cơ hội gây dựng công phu cho định tuệ phát sinh. Một khi thụ hưởng hết phước rồi giống như cái thùng rỗng, rớt thì rớt tặn xuống đáy luôn.

Do đó đạo Phật không chủ trương sanh lên thiên giới. Được phước thì hưởng nhưng cứ hưởng hoài, hết phước rớt xuống rất nguy. Ở cõi người phước tuy không bằng chư thiên, nhưng nhờ thế chúng ta biết tu. Công phu là điều hết sức quan trọng. Chúng ta biết sợ tội, sợ nhân quả, biết tỉnh giác để tu là những cơ hội tốt. Cho nên các vị thánh, các vị tu Bồ-tát đạo phần nhiều thị hiện trong cõi người, vì chỉ có cõi này đủ điều kiện để tu tiến nhất. Nên biết được thân người là một phước báu rất lớn, chúng ta phải nỗ lực, phấn đấu giải trừ phiền não để thoát khỏi nỗi khổ lớn sanh tử.

Chúng ta muốn được thọ ký, muốn sống với tri kiến Phật thì phải nhận hiểu lời Phật dạy và có công phu. Cụ thể chúng ta vâng giữ đúng thời khóa trong thiền viện, nâng cấp công phu ngày một cao hơn, không để nó loãng hay lệch lạc, không để mất thời gian. Việc này đòi hỏi huynh đệ chúng ta tự ý thức, tự nỗ lực.

Phẩm Dược Thảo Dụ Và Hóa Thành Dụ

CHÁNH VĂN

Dược thảo dụ là nói căn có lớn nhỏ, trí có chậm mau, cơ có sâu cạn.

Bởi trong chúng Thanh Văn, hoặc nghi rằng pháp Đại thừa này, hạn trí lớn như Xá-lợi-phất, mới có thể lãnh thọ, bọn ta đâu kham nổi, nên đức Phật dùng thí dụ mà sách tiến họ. Bảo họ biết pháp ấy có thông cả lớn nhỏ, kẻ thượng trung hạ trí đều có thể đồng tu, chỉ ở phương tiện chứng đắc có mau chậm chẳng đồng thôi.

GIẢNG

Có một số hàng đệ tử Thanh Văn của đức Phật mang mặc cảm mình là hạng căn cơ thấp kém, trong khi pháp Như Lai nói là pháp tối thượng, không thể áp dụng viên mãn được. Nghĩa là dù quý ngài khổ công tu cũng không đạt đến chỗ cao tốt. Việc thành Phật chỉ dành cho hạng người căn khí đặc biệt, còn quý ngài không có hy vọng đó. Đây chẳng qua là mặc cảm thôi, chứ pháp Phật dạy một vị bình đẳng. Diệu pháp chỉ một vị, vị đó là vị gì? Vị Phật, vị nhất thừa. Phật chỉ làm một việc duy nhất là dạy chúng ta tu hành để thành Phật. Song do chỗ áp dụng, do sở hành của mỗi người khác nhau mà pháp Phật chia ra hoặc sâu hoặc cạn.

Ở đây chúng ta cũng phải dẹp bỏ mặc cảm. Thật ra đây là loại mặc cảm nguy hiểm mà thôi. Từ mặc cảm này chúng ta tu không tiến. Người có tinh thần cầu tiến, thấy huynh đệ tu tốt thì mình càng cố gắng tích cực, quyết tâm hơn. Huynh đệ tu được như thế, mình cũng tu được như thế, không nên mặc cảm mà trở ngại việc tiến tu. Tuy nhiên chúng ta ít ai được như vậy. Thấy người hơn mình thì ganh tị hoặc tự rút đầu rút cổ, mặc cảm chắc mình không có phần, không hy vọng. Không sáng suốt thấy được việc mình phải làm, cứ loay hoay lẫn lộn buồn tủi, càng trở ngại cho công phu tu hành, trở ngại cho nguyện lành của mình. Thật đáng tiếc! Do đó thiên tăng phải dứt khoát phá tan mặc cảm này.

Phá tan mặc cảm không có nghĩa là kiêu ngạo, mà chỉ nuôi dưỡng quyết tâm vươn lên. Người Tây phương nói: “Muốn là được, quyết là thành”. Nếu cái muốn của chúng ta không chính chắn, không tới mức thì sở nguyện không thành. Người không có quyết tâm, lơ lửng, xen tạp những ý niệm vẩn vơ,

suốt đời chẳng làm được việc gì cả. Một khi cảnh duyên bên ngoài xen vô rồi thì cứ lơ lửng qua ngày, mê mờ không sáng suốt, không nỗ lực tu tập. Cho nên ở đây Phật dạy:

CHÁNH VĂN

Cũng như một trận mưa nhuần thấm khắp hết, mà các cây cỏ hấp thụ có khác nhau, song nhuần thấm vẫn là một. Tu hành chỉ nương nơi tâm Diệu Liên Hoa này, một bề hướng thẳng tới trước cũng có lúc đến nhà.

GIẢNG

Một trận mưa nhuần thấm khắp hết, các cây cỏ hấp thụ tuy khác nhau, nhưng cái nhuần thấm nước mưa là một, chứ không khác. Cây cỏ có khác, cây lớn hấp thụ khác, cây nhỏ hấp thụ khác, nhưng sự nhuần thấm nước mưa không khác. Chỉ nương nơi một tâm Diệu Liên Hoa này tức là nương nơi Tri kiến Phật. Căn cứ từ chất Phật đó mà tu, mà hành đạo kiên trì, quyết tâm tiến thẳng thì sẽ thành công.

Chúng ta đã được hấp thụ trận mưa pháp của đức Phật, tuy trận mưa pháp đó cách chúng ta một thời gian đáng kể, trên hai ngàn năm. Nhưng bây giờ chúng ta vẫn được hấp thụ, vẫn nhuần thấm. Chỉ còn một điều là nếu chúng ta quyết tâm thẳng tiến, không để cho việc tạp xen vào, nhất định chúng ta thành công. Không lý gì người xưa tu hành thành công, bây giờ chúng ta tu không được, chẳng lẽ mình đành chịu dang dở sao? Chúng ta phải kiên quyết, phải thể hiện ý chí thật tốt. Sở dĩ có những xen tạp là do hoàn cảnh riêng tư, do biệt nghiệp của mỗi người, đó không phải là cái chung. Đừng nên mắc mưu những thứ đó, hãy gác nó qua một bên, dốc lòng chuyên tâm vào một việc tu thôi.

Chư huynh đệ đừng nghĩ rằng chúng ta muốn tu thành Phật, phải là những vị đạo cao đức trọng, có trách nhiệm lớn, có uy tín, có những đóng góp to lớn cho Phật giáo. Hiểu như thế là sai lầm. Tất cả chúng ta đều xứng đáng cả. Bởi vì màu áo, phẩm hạnh, thân tướng trang nghiêm của chúng ta thể hiện tròn đầy tính chất thanh tịnh giải thoát. Cho nên không thuyết pháp được, chúng ta vẫn là những vị thầy có trách nhiệm đối với công việc hoằng pháp thông qua phần thân giáo. Không phải là trụ trì, chúng ta vẫn là những vị thầy có trách nhiệm gìn giữ giáo pháp của Như Lai thông qua nếp sống đạo hạnh của mình. Dù không có uy tín, không có đệ tử, không có môn đồ, nhưng chính bản thân chúng ta là cột trụ cần thiết giữa cuộc đời này, nói lên tinh thần đạo pháp, tinh thần tu hành giác ngộ giải thoát của người con Phật.

Tất cả chúng ta đều ý thức và thực hành được như vậy thì đạo pháp tốt, giáo hội tốt, chùa chiền tốt, tăng đoàn tốt... mọi thứ đều tốt.

Ngày hôm nay, giữa cuộc sống này, các anh em không đợi thành một ông thầy lớn, mà ngay khi còn là một tiểu tăng, sống trong ngôi chùa quê chuyên tu như thế này, thể hiện được dáng dấp, tư cách, nói năng và cư xử với nhau giữa huynh đệ với huynh đệ, huynh đệ với thầy, huynh đệ với tất cả mọi người chung quanh, thể hiện tròn đầy ánh sáng Phật pháp, thể hiện là người thấm nhuần trận mưa pháp của đức Thế Tôn. Đó là điều rất cần với người thật tâm tu hành. Nếu ở đây, bây giờ chúng ta không làm được việc đó thì ngày mai dù có lên núi hay xuống biển, đi Tây đi Tàu chi cũng chẳng làm được gì. Không có chuyện tương lai khi đã đánh mất hiện tại. Những người như thế rất dễ bị tham dục thế gian như quyền lợi, danh vọng công trối lồi đi, làm hư hỏng cả đời tu.

CHÁNH VĂN

Hóa thành dụ là lời dạy thuở trước, nói nhân, nói duyên, nói giới, nói định. Hàng đệ tử Thanh văn tạm diệt thức tâm, trụ trong khô định, gọi là Niết-bàn. Kỳ thật chưa viên mãn tuệ tự tại, mà lại dừng ở trong đó, ấy gọi là dừng nơi hóa thành. Nên trong kinh nói: “Ta dù trước nói các ông được diệt độ, chỉ hết sanh tử, mà thật chẳng diệt. Nay các ông hãy gắng tiến lên, chỉ có trí tuệ Phật”.

Thế thì biết, kinh này mục đích là xiển dương Phật tuệ, biểu lộ Phật tri kiến, khuyên bảo người người cùng tu tiến, thẳng đến đạo tràng tịch diệt, mới là Phật tuệ rốt ráo, bảo sở của đại Niết-bàn.

GIẢNG

Hóa Thành dụ là sao? Là Phật lập bày phương tiện tạo ra Hóa thành để cho chúng sanh bớt ngán trên con đường trở về Bảo sở. Như từ đây về thành phố bảy mươi cây số, ngán lắm, đi bộ không nổi. Nếu vị dẫn đường không có phương tiện, ông cứ nói vào tai chúng ta phải đi bảy mươi cây số, mỗi cây số là bao nhiêu thước, gặp những khó khăn gì, mưa nắng thế nào. Nói như thế thì chắc không còn ai theo hết, họ sẽ gục ngã dọc đường, sẽ bỏ ông đi một mình. Trái lại, vị dẫn đường có phương tiện, có trí tuệ, sẽ động viên “Các anh ráng lên, coi vậy chứ không xa đâu, chân của chúng ta còn khỏe mà. Đoạn đường này tuy như thế nhưng đến đoạn đặng kia không có bụi bặm chi cả, tốt lắm”. Hoặc thấy anh em mệt quá, liền dụ “Ráng đi, đặng kia có nước uống, có võng cho mấy anh nằm nghỉ. Chúng ta gần tới nơi rồi

v.v... Cứ như thế, qua một đoạn lại động viên, dần dần dẫn cả đoàn đi đến nơi đến chốn. Việc đó không có tội chi cả.

Trong đây đức Phật dùng Hóa Thành để dẫn dắt chúng sanh từ bờ mê dần dần về đến bến giác. Hóa thành dụ không phải là Bảo Sở. Chữ “Hóa” là hóa ra, hóa ra cái thành để dụ dẫn mọi người đến đó. Tại vì thấy đường dài, đoàn người ngán rồi, chân họ bắt đầu lết bết. Phật bảo gần đây có cái thành, đầy đủ tiện nghi, các người nên mau đến đó để được nghỉ ngơi. Hóa Thành dụ là như thế.

Khi mọi người tới được Hóa Thành rồi, nghỉ ngơi khỏe rồi, Phật bảo hãy ráng đi chút nữa, còn không xa sẽ đến đích cuối cùng. Ở đây chỉ là nơi tạm dừng chân thôi, không thể ở lâu. Dùng phương tiện hướng dẫn chúng nhân, họ tin được thì đi tới nơi. Đó là quyền biến của một bậc đạo sư dẫn đường cho đoàn người của mình đi đến nơi đến chốn. Chúng ta lười nhác nhiều đời nhiều kiếp rồi, lại không có sự sáng suốt, thích ngủ thích ăn... Do đó chúng ta cần phải đi theo sự hướng dẫn của các bậc đạo sư. Nếu ngang đây tự cho là viên mãn thì hỏng.

Đời sống tu hành của chúng ta, thời gian có là bao nhiêu đâu? Chưa biết hai mươi, ba mươi hoặc mười năm, năm năm thì hết. Cho nên ở giai đoạn đầu huynh đệ ráng lên. Còn cư sĩ ráng tu, ráng làm việc cho có công đức, ráng tập vào nề nếp cho quen, chịu muỗi cắn ngòi thiên cho vững, chạy lạt quen lòng, buông bỏ hết những chuyện đời từ trước đến nay. Phải vứt hết, để nhàn thắm nếp sống của người tỉnh giác. Qua giai đoạn đó rồi thì sẽ được xuất gia. Nhưng xuất gia rồi sao nữa? Xuất gia cũng chưa rồi. Phải học, học dài dài năm năm mười năm. Vị nào tối dạ thì hai ba chục năm. Học rồi sao nữa? Những gì quý vị đã được học, tiếp thu ra sao, phải áp dụng và sống cho được với tinh túy ấy. Phần tu tập của bản thân tương đối tạm ổn, chúng ta còn phải truyền đạt những kinh nghiệm tu tập lại cho người sau. Đó là nền tảng của sự tu hành.

Từng giai đoạn với những cung cách sống, nề nếp của các thiên tăng chúng ta là như thế. Đường dài, dốc ngược, ai mà có tâm niệm tự mãn, không tự chủ thì chẳng đi tới đâu. Người đó sẽ bỏ cuộc. Cho nên chúng ta phải cố gắng. Hòa thượng Viện trưởng dạy người tu thiền phải phát tâm trường viễn, phát tâm kiên cố. “Trường viễn” là lâu xa không nản. “Kiên cố” là dù có trở nghịch gì cũng không lay chuyển. Dài lâu là một chuyện mà bất động không lay chuyển là một chuyện khác. Có được những điều kiện đó, đầy đủ ý chí thì việc tu hành thành công dễ dàng.

Như các thiền sinh tu ở thiền viện Thường Chiếu mười năm, tiếp thu Phật pháp hết rồi, sinh hoạt đã nắm vững, đường lối chủ trương không còn lơ mờ, tương đối vững vàng. Nhưng Hòa thượng không ưng, về Trúc Lâm ở hai chục năm nữa. Lên đó làm gì? Cũng quét sân, nấu cơm, đào rãnh thông chum, mùa lạnh thì chịu lạnh, mùa nắng chịu nắng. Tưởng gì lạ! Như thế mười năm, hai ba mươi năm nữa, cho tới chừng nào bình thân an nhiên “Thế à!” trước mọi thứ. Chừng đó Hòa thượng đuổi xuống núi: “Mấy ông đi đi”. Xuống đó làm gì thì tùy. Gánh đất, đắp cầu... nhớ là làm mọi việc bằng đên tuệ, bằng cái tâm vững vàng, thể hiện đại từ bi, thanh tịnh giải thoát. Ở thiền viện nào, Hòa thượng cũng đều tập trung nuôi nấng, đào tạo những con người như thế.

Đối với những đệ tử xem như có trường lớp rồi, nhưng tự mãn ở chỗ của mình, nên đức Phật dùng Hóa Thành để nâng các vị ấy lên. Vì vậy sự nhắc nhở hay những phương tiện sách tấn giúp mình thăng tiến hơn nữa gọi là hóa thành.

CHÁNH VĂN

Kinh này mục đích là xiển dương Phật tuệ, biểu lộ Phật tri kiến, khuyên bảo người người cùng tu tiến, thẳng đến đạo tràng tịch diệt, mới là Phật tuệ rốt ráo, bảo sở của đại Niết-bàn.

GIẢNG

Mục đích của kinh Pháp Hoa là Phật muốn chúng sanh vượt qua Hóa thành, tiến lên Bảo sở. Trong đây có những từ “Phật tuệ” hay “Tri kiến Phật” tức là chỉ cho sự giác ngộ giải thoát sau cùng. Nói Phật tuệ hay nói Tri kiến Phật cũng giống như nói tánh giác. Đức Phật khuyên bảo người người cùng tu tiến, thẳng đến đạo tràng tịch diệt, đó là Phật tuệ rốt ráo, bảo sở đại Niết-bàn. Chỗ đó không còn vướng mắc, không có một niệm, không bị động bởi bất cứ cảnh duyên nào. Người được như thế là người có lực lượng, có định tĩnh và trí tuệ.

CHÁNH VĂN

Kệ rằng:

Cội, cành, nhánh, lá, số nhiều đa,

Chẳng ngoài ba bậc ấy thôi mà,

Mưa pháp khắp nhuần loài dược thảo,

Phật thừa cùng thọ hội Liên hoa,

Đại thông trí thắng, nhân còn đó,

Bồ-tát Sa-di, chánh hộ gia,

Chớ kẹt Hóa thành, nên tiến lộ,

Ngay đây Bảo sở, chẳng đâu xa.

GIẢNG

Cội, cành, nhánh, lá, số nhiều đa,

Chẳng ngoài ba bậc ấy thôi mà,

Cọng nhánh lá thì nhiều nhưng không ngoài ba bậc thượng, trung, hạ.

Mưa pháp khắp nhuần loài dược thảo,

Phật thừa cùng thọ hội Liên Hoa,

Một trận mưa pháp các cây cỏ đều được thấm nhuần. Thấm nhuần nhưng tùy theo mỗi loại. Cỏ thấm nhuần khác, cây lớn thấm nhuần khác. Tuy được nước mưa thấm nhuần, nhưng mỗi loại cây có khác. Nói khác nhưng không khác chi hết, tựu trung đều nhắm tới Phật thừa, thấm nhuần chừng nào tới chỗ rốt ráo của Phật pháp mới thôi.

Đại thông trí thắng, nhân còn đó,

Bồ-tát Sa-di, chánh hộ gia,

Ở đây nhắc lại trong quá khứ có đức Phật Đại Thông Trí Thắng, mười sáu vị Sa-di v.v... là biểu trưng chánh pháp, phát huy hộ trì chánh pháp này.

Chớ kẹt Hóa thành, nên tiến lộ,

Ngay đây Bảo sở, chẳng đâu xa.

Hai câu chót là khuyên chúng ta chớ kẹt vướng nơi Hóa Thành mà phải tiến tới Bảo Sở. Đến Hóa Thành thì biết cách Bảo Sở chẳng còn xa nữa. Tuy nhiên, nếu chúng ta không nhận được chỗ không cách xa thì sẽ trở ngại cho việc tu hành của mình. Sở dĩ chúng ta tu không tiến, là vì có quan niệm lâu xa, mặc cảm làm không nổi. Bởi quan niệm như thế nên chúng ta bị thoái hóa, hư hỏng, giữa dòng bỏ cuộc. Bây giờ chúng ta phải thay đổi quan điểm bằng cách thể hiện công phu tu hành, cung cách sống trong sinh hoạt thời thường.

Quyết tâm của chúng ta là thực hiện Phật đạo, cho nên dù hiện tại có những trở ngại, hoặc các biến thái ngăn cản quá trình chúng ta thực hiện Phật đạo, mình cũng nhẫn vượt qua. Thiếu đức nhẫn chúng ta sẽ không làm gì được, chỉ thấy khó khổ, tự sanh thói chuyển. Do đó Phật dạy nhẫn là mẹ của muôn cửa công đức, nhẫn được sẽ thành tựu tất cả. Ở đây không nói nhẫn mà nói không cách xa, nó nằm trong tầm tay, chúng ta có thể thực hiện được. Nếu còn mù mờ chỗ này, chúng ta tu khó tiến.

Sáng đạo là gì? Là thấy được việc của mình làm, đường của mình đi. Chúng ta làm không phải bị bắt buộc hay làm mà không hiểu gì hết. Một ngày một bữa, dù chỉ ghé qua thiền viện một ngày thôi, đường đi nước bước, sự tu hành chúng ta nắm rõ. Người như thế dễ sáng đạo, dễ nhận ra được việc chính của mình. Lâu nay chúng ta không nhận được việc sanh tử là gì nên cứ làm mê. Sợ chết nhưng lại gây nghiệp để phải chết, thế thì đâu phải là người sáng. Bây giờ hiểu đạo rồi, mình không sợ chết mà tự tại với cái chết. Quan trọng là đừng gây nhân để bị chết. Không gây nhân xấu là người sáng đạo, chỉ thế thôi. Chứ không phải người sáng đạo là người có thần thông bay lên, biết quá khứ vị lai, hoặc hét một tiếng đảo lộn cả càn khôn vũ trụ, trùng con mắt lên là đèn đuốc tắt hết. Không phải thế. Người sáng đạo là người tự tại với tất cả. Trước nhất là tự tại với cái ăn mặc, ngủ nghỉ, làm việc, tiếp xúc mọi thứ, hoàn toàn tự chủ. Người được như thế thì đối với việc sống chết luôn bình thản an nhiên.

Nhiều người nói thế này, với tôi sao cũng được hết. Ai nói tôi xấu dở, dốt nát... cũng được, nhưng chửi cha tôi thì không được. Mới nghe thấy hay. Nhưng nghiệm lại xem chửi cha với nói những thứ kia có khác nhau đâu. Nếu người thực sự tự tại được đối với tất cả những hý luận thì vấn đề chửi cha không là gì nữa. Phải vậy mới được chứ. Hoặc nói sáng bỏ ăn cũng được, giữa buổi bỏ ăn cũng được, trưa bỏ ăn cũng được, nhưng chiều phải cho tôi ăn một bữa thật no... thì cũng như không. Chiều ăn chuẩn bị, để rồi sáng trưa khỏi ăn, chứ có gì lạ đâu. Tự tại là sáng ăn cũng được, trưa ăn

cũng được, chiều ăn cũng được, khi ăn chỉ thấy ăn thôi. Chỉ thấy ăn đây không có nghĩa là ham ăn, mà dạ dày đòi cung cấp thì phải cung cấp cho nó làm việc. Nó làm việc để mình yên ổn mà tu. Vậy thôi.

Một khi đạo lực của các anh em phát triển được rồi, cái cốt bên trong đã vững, thì mọi thứ chung quanh sẽ chuyển. Bên trong an nhiên tự tại, thì bên ngoài hiện tượng bình thản giải thoát. Ngược lại bên ngoài bồn chồn, bức xúc, cau có... chứng tỏ cốt bên trong chưa xoay đúng chiều của tâm an định. Cho nên phải xoay chuyển bên trong. Dáng vẻ bên ngoài tuy không thật, nhưng nó thể hiện cái cốt bên trong, do đó không thể xem thường. Nhiều vị nhân thấy dáng vẻ bên ngoài của các bậc thầy trang nghiêm khả kính mà đến với đạo. Có người nghe thuyết pháp mà đến với đạo. Có người nghe chư tăng tu hành thanh tịnh mà đến với đạo v.v... nhiều cách lắm. Tóm lại, trong ngoài tương ứng nhất như mới được xem là viên dung.

Các vị nhớ. Từ dáng đi đứng, từ cách đánh chuông đánh mõ, từ cách nâng bát dùng cơm, cách nói năng, cách cầm dụng cụ đi làm công tác, cách nằm nghỉ, cách nhìn ngó v.v... tất cả những oai nghi đó đều thể hiện ánh sáng bên trong của mình. Chúng ta đánh chuông là đánh để cho mọi người nghe và hòa được tiếng kinh của toàn chúng, đánh mõ cũng vậy. Đánh từ giữa khoảng quán niệm vài mới có âm thanh, đánh có lực của cái tay, đánh vừa phải, không quá lớn cũng không quá nhỏ. Đánh mõ hay khánh tụng trường canh phải cho đều. Tụng nhanh cũng được, tụng chậm cũng được, tụng lớn cũng được, tụng nhỏ cũng được, theo nhịp hòa điệu của đại chúng. Người ta tụng lớn mình tụng lớn, người ta tụng nhỏ mình tụng nhỏ. Người ta xướng giọng trầm mình tụng giọng trầm, người ta xướng giọng bổng mình tụng giọng bổng, mới là hòa. Chứ người ta xướng cao mà mình tụng giọng thấp là mất hòa, đánh mõ tụng nhanh mà mình tụng chậm là mất hòa. Thể hiện một thời kinh được gọi là hòa âm phải như thế. Một thời kinh được hòa âm, bên ngoài nghe rất hay, lay chuyển tâm trạng người nghe nhiều lắm. Nếu trong tâm có vấn đề thì quý vị sẽ đánh nhanh, hoặc trong chúng sắp ngủ gục hết mà quý vị vẫn mơ hồ thả từng tiếng, chắc chắn lát sau cả chúng nằm bẹp xuống hết.

Kính lễ cũng vậy. Đức Phật không biểu mình lay ngại. Tự chúng ta phát tâm muốn đánh lễ Thế Tôn mà. Vậy tại sao vào điện Phật rồi không chịu lay cho đàng hoàng. Phải kính lễ đàng hoàng chứ! Đầu điện tiếp túc quy mạng lễ. Cớ sao mình bày rồi mình không được siêng năng? Chúng ta phải soát xét lại, nhiều khi tu lâu rồi quen, không còn siêng năng nữa. Sự không siêng năng đó thể hiện vừa lay vừa ngáp ngược. Ông ở bên thấy vậy cũng ngáp

ngược. Những hình ảnh ấy xem ra cũng quan trọng lắm, vì nó tác động đến tín tâm của người Phật tử bên ngoài nhìn vào.

Thời tu hành của chúng ta luôn luôn có thiện thân hộ pháp, hộ giáo hộ giới, ủng hộ đạo tràng già lam v.v... Các vị đó luôn luôn có mặt để hỗ trợ mình. Chúng ta tu hành đàng hoàng người ta mới ủng hộ chớ, nếu tu hành không ra chi ai thèm ủng hộ mình. Nếu chư vị không hỗ trợ làm sao mình bình yên tu được. Chư huynh đệ thấy sống hàng trăm mấy chục người như thế này mà bình yên hết, cơm gạo không thiếu, cũng không có chuyện gì, nhất định là có sự hỗ trợ của các bậc thiện thân, luôn cả những vị lãnh đạo quốc gia, đàn na tín thí. Cho nên chúng ta phải tu cho tốt mới xứng đáng và có thể đền đáp được các ân sâu ấy.

Hồi trước tôi còn trẻ khỏe nên theo sát chư tăng hướng dẫn từ cách lạy Phật, tụng kinh, đánh mõ, đánh chuông, đi đứng, ngủ nghỉ... mỗi mỗi đều chỉ vẽ. Bây giờ tôi già rồi, sức khỏe kém, các anh em lớn phải chỉ dạy lại cho người nhỏ. Như vậy mới duy trì được mạng mạch Phật pháp, duy trì và phát huy được tâm nguyện tu hành của chúng ta tới ngày viên mãn, xứng đáng là hàng đệ tử xuất gia của Như Lai.

Chúng ta đang ở trong giai đoạn Hóa Thành, nếu cố gắng không lâu sẽ đến Bảo Sở. Mong tất cả ghi nhớ và thực hành cho.

Phẩm Ngũ Bá Đệ Tử Thọ Ký, Thọ Học Vô Nhân Ký Và Phẩm Pháp Sư

CHÁNH VĂN

Hàng Hữu học Vô học(1) đều được thọ ký, cho đến hạng người chỉ nghe một kệ, một câu, hoặc tùy hỷ cúng dường kinh này, cũng đều được Phật thọ ký cho đạo Bồ-đề.

(1) Hữu học và Vô học: Các vị chứng từ quả A-na-hàm trở xuống chưa được giải thoát còn phải học tập nên gọi là Hữu học. Các vị nào chứng quả A-la-hán đã được giải thoát thì đối trong pháp Thanh văn không còn phải học tập gì nữa nên gọi là Vô học.

GIẢNG

Đến đây hàng Hữu học, Vô học đều được thọ ký. Hạng người chỉ nghe một kệ một câu, hoặc tùy hỷ cúng dường kinh này cũng đều được Phật thọ ký cho đạo Bồ-đề.

Hữu học và vô học là hạng nào? Trong bốn quả Thanh văn, hữu học là từ thứ nhất cho tới thứ ba, tức Tu-đà-hoàn cho tới A-na-hàm. Quả thứ nhất là mới dự vào dòng thánh, cũng gọi là quả Dự lưu. Quả này còn phải bảy lần sanh tử nữa, nhưng không mất chủng thánh. Từ Tu-đà-hoàn qua quả thứ hai là Tư-đà-hàm. Quả này còn trở lại cõi đời một lần nữa, cũng gọi là quả Nhất Lai. Từ Tư-đà-hàm qua quả thứ ba là A-na-hàm. Quả này không còn trở lại cõi đời nữa, cũng gọi là quả Bất Hoàn. Vô học là quả vị cuối cùng thứ tư, quả A-la-hán, cũng gọi Vô sanh. Chư Tỳ-kheo nào có phúc báo đặc biệt, xuất gia gặp Phật khai thị liền chứng được quả thứ tư. Có những vị ngay trong thời Phật, nghe Phật gọi “Thiện lai Tỳ-kheo”, thì viên thành chỗ này. Có vị tu một tuần lễ, hoặc ba tháng, cũng có vị suốt đời mới chứng thánh như tổ A-nan.

Bây giờ những kinh điển thiên như Lăng Nghiêm, Niết-bàn, Bát-nhã, Pháp Hoa, Kim Cương v.v... Hòa thượng đã giảng rõ. Nhưng mình đội khối âm u tăm tối nhiều đời nhiều kiếp quá, cho nên tu hoài mà vẫn chưa dự vô hàng nào. Nếu có thể thì dự vào hàng hữu học mà kể như không chính thức. Vì sao? Vì có khi lên lớp, có khi không lên lớp, làm sao chính thức, làm sao dự vào hàng hữu học?

Nghĩa thường, hữu học tức là còn phải học. Vô học là chỗ không còn học nữa. Vì vô sanh tức không còn bị sanh tử luân hồi nữa thì học cái gì? Chỗ này định nghĩa như củi hết lửa tắt. Đến đây mọi dây mơ rễ má, vọng tưởng đều bị định lực của các ngài cắt đứt, tuệ giác của các ngài thấy rõ quá trình trước đó là hàm hồ đau khổ, cho nên các ngài không đi lại con đường ấy nữa. Định thể này là một loại định lực phi thường của các bậc thánh A-la-hán, ngang ngửa với định lực của các vị Bồ-tát Đệ Bát Bất Động Địa.

Bởi thế anh em mình cố gắng tu cho tới nơi tới chốn, phải khắc phục để vượt qua tất cả những khó khăn, rồi sẽ tới nơi. Nhận rõ như vậy, tuy rằng mình chưa phải là người rỗng rang sáng suốt, nhưng không còn bị làm đường lạc lối nữa và có niềm tin vững vàng.

Hạng người chỉ nghe được một kệ, một câu là ai? Là những vị Bồ-tát, có chủng tánh đại thừa. Chúng ta nếu được nghe Tri kiến Phật, có chút niềm tin là biết mình có chủng Phật rồi. Tùy theo mỗi người phát triển nhanh hoặc

chậm, cho tới hôm nay chúng ta được nghe trọn vẹn Tri kiến Phật của chúng ta.

Tri kiến Phật này nhà thiền gọi tánh giác hay Bản lai diện mục. Chúng ta đã nghe Tri kiến Phật, bây giờ quay về nhận lại, sống cho được với Tri kiến Phật của mình. Đó là quá trình công phu của các thiền sinh trong thiền viện. Nếu chúng ta nhận được như vậy, từ chủng xa xưa, từ niềm tin tự thân, chúng ta nỗ lực công phu chuyên cần, nhất định có ngày sẽ thành tựu.

Thành tựu cái gì? Thành tựu niềm tin. Ngày xưa chúng ta tin mà không vững, bây giờ tin chắc hơn. Công phu mau hay chậm tùy vào mỗi huynh đệ. Mau cũng là việc của chúng ta, chậm cũng là việc chúng ta, chứ không phải của ai hết. Do vậy ta cảm thấy phấn khởi. Rõ ràng mình có quyền định đoạt cho việc tu hành của mình. Chúng ta tự nguyện tu, không do sự bắt buộc nào, không do hoàn cảnh nào, nhất định không thể suy suyển, chểnh mảng, mất thời gian thuận lợi của mình.

Biết như vậy rồi ta không thể ngồi đó đợi cơ hội tốt, không như kẻ ôm cây đợi thỏ. Người nắm chắc trong tay phương pháp, con đường, việc làm một cách rõ ràng, trong từng phút giây quyết định thực hiện cho được mục đích của mình. Sáng tỏ hay lu mờ, tiến hay thoái, đều tùy nơi chúng ta, chứ không do ai cả. Bồ-tát Thường Bất Khinh có mặt và chỉ đạo trực tiếp cho những người đang trong quá trình nhận và sống với tánh giác này. Chúng ta có duyên với Phật pháp nhiều đời nên hôm nay được nghe trọn vẹn về tri kiến Phật. Bao nhiêu ngôn từ đó, nếu chúng ta nhận và thực hành được là xứng đáng một đời tu lắm rồi.

Tôi nghĩ ngày xưa, trong số người mà Bồ-tát Thường Bất Khinh gặp, trong đó chắc có mình. Có lẽ hồi đó chúng ta nghe ngài nói “tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài sẽ thành Phật”, nhưng ta không tin trái lại còn hủy báng Ngài, cho ngài là con người mất bình thường nên ta mới chịu trôi dạt tới bây giờ. Tuy nhiên nhờ được nghe như thế mà ta kết chủng duyên Phật đến ngày hôm nay.

Chung quanh mình bao nhiêu thứ ràng buộc, vướng mắc, nhưng ta cũng cố gắng tu tập buông bỏ, đứng lên. Nếu không ta sẽ phải chịu đựng gánh nặng này còn lâu xa và nhiều hơn nữa.

Thế thì ta còn ngại gì, còn đợi gì? Chỉ quyết tâm nữa mà thôi. Từ đây dốc lòng xả bỏ thân này, dùng mãnh cương quyết cắt đứt mọi dây mơ rễ má chung quanh, tiến lên. Chư huynh đệ tuy đã xuất gia nhưng mỗi vị đều còn

có sự ràng buộc nào đó, chưa mạnh dạn bút ra được. Người chưa có vợ con thì có cha mẹ, rồi thân thuộc, bạn bè... Đi từ bắc vô nam quen biết thêm một lô người dọc đường. Rồi lộ trình từ đây đến cảnh giới Phật còn xa xôi vô vàn, không biết chúng ta mang thêm bao nhiêu quyến thuộc nữa đây? Chúng ta hiện diện ở đâu cũng có quyến thuộc, luôn luôn kết chặt với các duyên.

Hạng người nào cũng có quyến thuộc. Người dù lỗ mãng, xấu xí, răng cò xệu xạo... đủ thứ khiếm khuyết, nhưng không bao giờ bị mọi người ghét bỏ hết. Giả như trong chúng, một trăm hai mươi chín người ghét cũng có một người thương. Thấy đó nói chuyện nghe không được nhưng mà có duyên gì đâu! Bởi vậy nên khổ. Ít khi nào con mắt chúng ta tron tru. Nó dán tới đâu là có chuyện tới đó. Người ta đang đi không đụng chạm chi tới mình, vậy mà nói “cha này sao thấy ghét quá”. Rõ ràng con mắt kẻ mê dán tới đâu thì sinh sự tới đó.

Tri kiến Phật hay tánh giác của mình không hề có loại bà con quyến thuộc dính mắc đa dạng như thế. Nó rỗng rang sáng suốt, nhưng ta chỉ nói mà không biết. Nói được mà làm không được. Đó là một khuyết điểm vô cùng lớn lao của người tu hiện nay. Bao giờ chúng ta dám nhận những khuyết điểm đó mới tiến được. Bên Nho học nói cái nhìn của người quân tử là tự khiêm tự khắc với mình mà phải khoan dung đại độ với tất cả.

Đức Thế Tôn đã dạy tánh giác vốn rỗng rang sáng suốt, nhưng chúng ta nhìn ra ngoài thì âm u tăm tối, quay về mình lại rộn ràng trăm thứ. Thế thì làm sao giác ngộ? Chuyện không đơn giản bởi vì chúng ta vướng mắc nhiều quá, đa đoan trăm mối, không chịu buông bỏ thì đừng bao giờ mở miệng nói khoát về cái rỗng rang sáng suốt ấy. Hồi quý vị mới bước vô cửa thiền viện, chưa biết Tri kiến Phật là gì, bản lai diện mục là gì. Bây giờ ai cũng thuộc lòng, nào là từ bi, trí tuệ, Bát-nhã, thiền định, Niết-Bàn, giải thoát, thanh tịnh... thuộc đủ hết nhưng không áp dụng được cái nào, nguy chưa! Điểm này mỗi người cần phải nghiệm lại.

Ví dụ nói từ bi mà mình chưa từ bi, nói trí tuệ mình không có trí tuệ, giải thoát cũng không, giác ngộ cũng không, chân như bình đẳng cũng trót. Rồi sao? Chỉ nói thôi. Chỗ này phải bỏ khuyết. Bỏ khuyết bằng công huân tu hành. Như trên đã nói nơi pháp hội ngày xưa chúng ta có dự, bởi có dự như thế nên đức Thế Tôn thọ ký cho người thời ấy, ngài cũng thọ ký cho chúng ta. Chúng ta có tánh Phật thì chúng ta sẽ thành Phật. Các vị hãy phân khởi như vậy.

CHÁNH VĂN

Bởi được nghe kinh này, dù chưa lên địa vị thánh, nhưng đã thấy chân nhân, xưa nay trong sạch. Đã có nhân như thế, hẳn được quả như thế. Dụ như có sẵn châu báu trong chéo áo. Lại như đào giếng ở chỗ cao nguyên, đã thấy đất ướt, biết chắc rằng nước chẳng còn xa.

GIẢNG

Đây là những lời quả thật thi thiết, giản dị. Thiên sư thường không nói lời trau chuốt. Ngài nói giống như đào giếng đến được giai đoạn đất ướt thì tin sẽ có nước. Mục đích của người đào giếng là để được nước, họ tâm niệm và chắc chắn như vậy. Công phu tu hành của chúng ta ngày hôm nay cũng thế. Công phu tu hành bao nhiêu cũng chỉ để thể nhập tánh Phật của mình. Sống thực, sống lại với cái đó, chắc chắn chúng ta sẽ có niềm tin. Đến nước rồi thì tha hồ thọ dụng.

Nước đó là nước gì? Nước pháp, nước cam lồ siêu thoát. Ai chưa nhận, chưa dùng được nước này thì giống như người đi ngoài sa mạc, chỗ cát nóng bức khi mặt trời lên. Nếu được sự hướng dẫn đúng đắn, kẻ bộ hành tìm ra chỗ có nước thì thật sung sướng, tạm qua cơn hiểm nghèo. Còn người quờ quạng trong cát trắng khô khan, khát cháy cổ không biết đâu là đâu, thì sẽ phơi xác trên sa mạc. Thành ra nói đào giếng được tới đất ướt là tin tức tốt.

Các thiên sinh đến thiên viện tu học nếu không có niềm tin, có lẽ các anh em đã quải gói đi mất, không tội gì mà ở chung trong thiên viện với các quy chế bó buộc. Ít nhiều gì mỗi chúng ta cũng có nếm được chút nước pháp. Người nào chưa thưởng thức được cũng nắm chắc trong tay cái tin tức công phu đào giếng đã đến đất ướt. Có thể ta mới dẹp hết trăm ngàn thứ ngổn ngang, an nhiên sống tu hành. Đó là giá trị niềm tin của mỗi chúng ta vậy.

Chắc rằng chúng ta nhớ mình có viên minh châu cột trong chéo áo, tuy nhiên đôi lúc lại quên. Lúc nào lên thầy bỏ ngời thiên bỏ tụng kinh, làm gì đó là quên quách viên ngọc của mình rồi. Những lúc quên như thế là cà kê, lang man bên ngoài, đem thêm những thứ cù cặn xấu xí vô, càng chôn vùi viên ngọc của mình. Quý vị có xem chuyện “Cửa Tùng Đôi Cánh Gà” thì thấy rõ lắm. Vị tăng mang cái “Mê Ngộ Cảnh” xuống núi, lo rọi bên ngoài riết mà không rọi mình. Tới chừng rọi lại thì thấy chính mình là ma quái nanh vuốt dữ dằn, dữ dằn hơn những ma quái bên ngoài nữa. Chết dở không!

Phật bảo viên ngọc nắm sẵn nơi chúng ta, vậy tại sao không lấy ra xài? Nó trở ngại gì, có cần phải đi làm thuê làm mướn mới lấy được viên ngọc đó không? Không hề. Chỉ đưa tay vô chéo áo lấy ra xài thôi. Chéo áo của mình mà, nó hiện hữu đó. Phật nói cõi Ta bà này là cõi “Kham Nhẫn”. Ngày xưa tôi không biết tại sao cõi này lại có tên kham nhẫn. Bây giờ càng tiếp cận đời sống chung quanh, mới thấy quả thật là kham nhẫn.

Nhìn thấy các vị lớn tuổi của viện đã sáu bảy mươi tuổi, trung trung khoảng ba bốn mươi tuổi, trong số ấy tìm một vị hoàn toàn không có chút bệnh, không hề có. Không nhức đầu cũng sổ mũi, không chân run rẩy thì cũng mắt mờ tai điếc... nhưng rồi ai cũng kham nhẫn. Tới giờ ăn thì đi ăn, tới giờ tụng sám hối thì tụng sám hối, tới giờ ngồi thiền thì ngồi thiền, không dám trốn. Nhiều vị lâu lâu cũng muốn trốn nhưng thấy ngại ngùng quá. Mình vô đây tu chứ đâu phải vô đây để trốn ngồi thiền tụng kinh. Mỗi lần trốn thấy xấu hổ quá, bởi vì việc này mình tự nguyện chớ đâu có ai bắt buộc. Cho nên ráng. Tới giờ thiền đau lưng cũng ráng, ngủ gục cũng ráng, ẹo một bên cũng ngồi, đầu quay vù vù cũng ngồi, bị thiền trượng đập ê ẩm cũng ngồi. Tất cả đều kham nhẫn đi lên đứng lên. Chư huynh đệ anh hùng như thế tôi trân trọng lắm, cho nên cũng ráng theo quý vị. Mỗi người thể hiện đúng với danh nghĩa mà đức Thế Tôn gọi cõi này là cõi kham nhẫn. Chúng ta từng phút từng giây sống kham nhẫn.

Như trong bản kinh nói, người được hạt châu trong chéo áo, người đào giếng ở cao nguyên thấy đất ướt v.v... thì tất cả chúng ta đều có phần. Do đó đức Phật thọ ký cho các hàng đệ tử, trong đó sẽ có chúng ta.

CHÁNH VĂN

***Đất ướt là nhân gần của nước, tâm trong sạch là hạt giống của Bồ-đề.
Lục Tổ đại sư khi trao tâm ấn, Ngài từng dạy kệ:***

***Đất tâm sẵn các giống,
Mưa khắp mầm chồi sanh.
Chóng ngộ, hoa tình sạch,
Bồ-đề quả tự thành.***

GIẢNG:

Khi đất tâm của chúng ta hàm chứa sẵn hạt giống Bồ-đề, thì gặp điều kiện thuận lợi nó sẽ nảy mầm. Tất cả hoa tình sạch hết là nói chúng ta đã nhận tới chỗ viên mãn thì quả Bồ-đề tự thành.

Phật thọ ký cho tất cả hàng hữu học và vô học, những người có niềm tin khi nghe một kệ một câu kinh tùy hỷ. Đức Phật quả thật từ bi, không bỏ sót ai hết. “Tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài đều sẽ thành Phật”. Đó là một lời thọ ký có thể nói quyết liệt và hiện thực nhất. Phật không thọ ký cho chúng ta thành pháp sư, Hòa thượng, trụ trì, am chủ... mà là thành Phật, phẫn khởi chưa? Vậy thì chúng ta vững niềm tin rồi.

CHÁNH VĂN

Kệ rằng:

*Kiều Trần Như, cùng các bạn thân,
Cả thầy năm trăm nhận một lần,
Hữu học thầy đều sẽ làm Phật,
Thanh văn cũng được chứng Năng nhân,
Nghe kinh cúng dường rõ chân tánh,
Tùy hỷ xét tu, trông chánh nhân,
Chẳng khác cao nguyên đào tìm mạch,
Thấy bùn biết nước đã kề gần.*

GIẢNG

Chư huynh đệ nhớ, chuyện tu hành là chuyện của mình. Mọi sinh hoạt do tự tâm chúng ta phát ra, muốn vào nề nếp, bây giờ chỉ còn phải cố gắng thôi. Chữ gắng nghĩa là sao? Chữ gắng có từ chữ phẫn miễn của Hán tự, tức là phải phẫn đấu và chấp nhận vượt qua tất cả khó khăn để thành tựu đạo nghiệp. Chuyện tu hành là chuyện của mình, chứ đâu phải ai khác, gắng một chút là được thôi. Mong tất cả ghi nhớ và cùng nhau hành trì cho được tốt đẹp.

Phẩm Hiện Bảo Tháp

CHÁNH VĂN

Tháp Phật Đa Bảo vọt hiện lên chứng minh, là biểu trưng cho Diệu pháp của bản lai thanh tịnh, được sự hộ niệm của các đức Phật thuở quá khứ và sự ủng hộ gìn giữ của các đức Phật thời hiện tại, cũng là chỗ tu chứng của các đức Phật trong tương lai. Số mục theo đời chia làm ba, nhưng tâm này chỉ là một. Từ xưa đến giờ, trước sau chẳng khác. Cũng chẳng

theo trình tự đổi đời của ba thuở. Thế nên, kinh Kim Cương nói: “Tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai cũng chẳng thể được”.

GIẢNG

Với người tu hành luôn khắc tinh, để ý đến công phu của mình, chịu cực chịu khó, chấp nhận gian lao, chịu mọi thử thách là vì mình thương mình, chứ không vì ai khác. Nếu ai không vì mình mà nói vì người khác, e rằng công phu đó chẳng đi tới đâu cả. Tâm sanh tử diêu vợi từ vô lượng kiếp chúng ta đã đeo mang, nên rồi loay hoay lẫn lộn từ đời này sang đời khác, không có ngày cùng. Người biết như vậy, mà không chịu thương mình để giải quyết cho rồi thì quả thật là tay cực kỳ phiêu lưu. Chư huynh đệ nắm vững ý đó mà hạ thủ công phu tu hành. Mình thương mình mà xuất gia, chấp nhận tất cả để trong từng phút giây, gây dựng sự tinh sáng, quyết tâm chấm dứt nhiều kiếp trôi lăn. Có như vậy mới gọi là hồi đầu thị ngạn.

Phẩm Hiện Bảo Tháp là giai đoạn đức Phật chỉ cho chúng ta biết mình đào giếng tới đất ướt, sắp tới nước và sẽ dùng được nước. Nếu không được chỉ rõ thì đào giếng tới nước, ta sẽ chết ngộp trong nước, chứ không biết dùng nước. Chư Tổ thường nói các ông đứng trong nước ngập đầu mà kêu khát nước, hoặc “Bính Đỉnh tìm hỏa”, Bính đỉnh là lửa mà đi tìm lửa nữa... đại loại đều chỉ cho những kẻ ở trong tánh Phật mà đi tìm tánh Phật.

Mỗi chúng ta đều có tánh Phật. Tánh Phật ấy được sự hộ niệm của chư Phật thuở quá khứ, sự ủng hộ gìn giữ của các đức Phật thời hiện tại, cũng là chỗ tu chứng của các đức Phật trong tương lai. Số mục thì có thời quá khứ hiện tại tương lai, nhưng thực ra như kinh Kim Cương nói: “tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai cũng chẳng thể được”. Hay là từ xưa tới giờ trước sau chẳng khác, chẳng theo trình tự đổi đời v.v... Nghĩa là cái đó hiện tiền ngay đây, của chính mình mà ta không nhận ra.

Chúng ta có tánh giác mà quay lưng với nó, rồi kêu Phật ban cho. Đêm đêm niệm Bồ-tát Quán Thế Âm cầu Bồ-tát cho con sự bình an. Trong khi sự bình an dính trên lưng lại không chịu nhận, có lạ chưa? Đã thế thì chúng ta là kẻ phiêu lãng rồi, chấp nhận đứng trên đầu bờ tử sinh, đứng trên chỗ điêu linh, ngược xuôi dong ruổi, chẳng biết ta là gì. Mình không thương mình, đợi ai thương mình?

Số mục theo đời chia làm ba, nhưng tâm này chỉ là một. Từ xưa đến giờ, trước sau chẳng khác. Cũng chẳng theo trình tự đổi đời của ba thuở. Ngài

nói tâm này chỉ là một, không còn cách nào khác nữa. Nhưng chúng ta cũng chưa dám nhận.

CHÁNH VĂN

Lại Phật Đa Bảo là biểu trưng cho Pháp thân. Hiện tại đức Thích Tôn là biểu trưng cho Ứng thân. Chư Phật phân thân khắp nơi trong mười phương là biểu trưng Hóa thân. Đây nhằm bày tỏ ba thân cùng một lý vậy.

GIẢNG

Ứng thân, Pháp thân, Hóa thân đều là tâm thể của chúng ta. Nói Phật thì có Pháp thân Phật, Báo thân Phật, Hóa thân Phật. Tuy có nhiều danh từ nhưng thực sự là nói tâm thể của chính chúng ta. Tâm thể thì thế nào? Rõ ràng sáng suốt trùm khắp. Rõ ràng nếu không có tánh đó chúng ta sẽ không biết gì cả. Bây giờ ta biết tất cả. Thiên hạ chửi ta biết, bụng đói ta biết, thấy huynh đệ, thiên viện v.v... tất cả mọi cảnh vật và con người, chúng ta đều biết hết. Như vậy bên trong chúng ta có cái gì, chúng ta mới biết chứ! Nếu bên trong không có tánh giác thì nhất định ta không biết gì hết. Nghe tiếng gì mình biết, thấy cái gì mình biết, có mùi vị gì mình biết, có xúc giác gì mình biết, như vậy chúng ta bên trong có cái gì đó, nên mới tác dụng biết như thế. Rõ ràng mỗi chúng ta đều có sẵn tánh biết. Nhà thiền gọi tánh biết ấy là bản lai xưa nay của chúng ta. Nhận được cái đó thì giàu có vô vàn, khổ đau không còn làm gì được chúng ta.

CHÁNH VĂN

Tháp bảy báu là biểu trưng cho bảy đại, năm uẩn, thân và tâm. Đức Phật trong đó khen “Lành thay” đối với đức Thích Tôn, đây là biểu trưng Pháp thân Phật, ẩn kín trong lâu năm uẩn bảy đại mà phát huy ra sáu căn thấy, nghe, hiểu biết ấy vậy. Chính trong kinh Lăng Nghiêm nói Như Lai tạng tánh là đầy. Đại chúng muốn mở cửa tháp báu để thấy đức Đa Bảo Như Lai. Nhưng đức Phật kia có lời thệ lớn, là cần đợi các phân thân của đức Thích Tôn trong mười phương nhóm họp đông đủ, Ngài mới xuất hiện. Đây là biểu trưng cho hành nhân, muốn tự thấy tâm thể xưa nay của mình, tức phải thu cái nhìn nghe trở lại. Thu nhiếp sáu căn, chẳng cho căn tánh tán loạn ngoài cảnh giới sáu trần. Đến lúc một niệm không sanh, liền đó tự thấy tâm thể xưa nay của mình.

GIẢNG

Tới đây thì tháp Phật Đa Bảo vọt lên chứng minh v.v... Tháp bảy báu là biểu trưng cho bảy đại, năm uẩn, thân và tâm. Chúng ta học về pháp số, về kinh giáo đã nắm rồi. Năm uẩn là gì? Bảy đại là gì? Thân và tâm là gì? Năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng gọi là năm ấm. Chữ uẩn có nghĩa là nhóm họp, chữ ấm có nghĩa là che đậy. Sắc tức sắc pháp gồm có bốn đại: địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại. Trong thân này có đủ bốn thứ: Cứng là địa đại như xương, hơi thở là phong đại, hơi ấm là hỏa đại, nước là thủy đại.

Bốn thứ thọ, tưởng, hành, thức thuộc về tâm. Nội cảm thọ không chúng ta tu mấy chục năm cũng chưa thể nghiệm hết được. Nó là một loại vọng tưởng, người ta thường nói tâm mình nhưng thực ra nó là vọng tưởng. Các loại cảm thọ chẳng qua là bóng dáng của tiền trần, cho nên nó là vọng tưởng. Thế mà chúng ta chấp nhận, nuôi dưỡng, sống và bị nó đẩy vào thế lầm nhận chính là mình, cho nên ta nuôi vọng tưởng và sống với vọng tưởng.

Thứ hai là tưởng. Tưởng tượng của chúng ta dồi dào lắm, ta ngồi đây mà có thể tưởng voi tưởng trâu, tưởng thứ nọ thứ kia. Ngồi nghe làn gió mát thoảng qua là tưởng tượng Đà Lạt lạnh lẽo cô đơn chẳng hạn. Thế thì tưởng tượng cũng thuộc về vọng, nó sâu kín hơn vọng tưởng thứ nhất một chút.

Thứ ba là hành tức những dòng niệm nghĩ. Các triết gia phương Tây thường nói “Có suy nghĩ là có tôi”. Theo tinh thần Phật dạy, suy nghĩ chẳng qua là vọng tưởng. Loại vọng tưởng này sâu sắc hơn các loại vọng tưởng kia. Tưởng tượng thì phải có một hình bóng nào đó để căn cứ, rồi tưởng tượng. Cái suy nghĩ ở đây, đối tượng sâu kín bên trong. Chúng ta dùng trí não suy gẫm về cái gì, xét nét về cái gì, đây là lãnh vực của ý thức, không phải tâm thể, nên nó là vọng tưởng.

Cuối cùng là thức, chú này vô cùng bén nhạy. Nó chuyên phân biệt hay biện biệt. Trong chữ Hán, “biện” có nghĩa là chia chẻ, “biệt” là từng món từng phần. Cho nên đến giai đoạn này, mọi hiện tượng vừa nhìn tới liền được phân tích nhận định tận căn đế, giống như đang trong lúc phẫu thuật vậy.

Thế gian cho những người ý thức nhạy bén lanh lợi là thông minh, nhìn sâu hiểu rộng. Với nhà Phật, hạng người ấy chưa đáng khen ngợi, chưa thể giải thoát, giác ngộ được. Do vậy các triết gia, bác học có hiểu biết rộng lớn, nhưng không phải là người giải thoát. Mẫu người lý tưởng của đạo Phật là mẫu người giác ngộ giải thoát, đó mới là đỉnh cao. Bởi thế chúng ta xuất gia, dám bỏ những thứ người khác không bỏ được, như bỏ cha bỏ mẹ, bỏ tất cả để tiến thẳng vào công phu dẹp sạch những suy tư biện biệt, những vọng

tưởng điên đảo, với mục đích thể nhập tâm thể sáng suốt trùm khắp của chính mình.

Hòa thượng Viện trưởng dạy vừa có niệm khởi, bỏ đi. Tại sao bỏ đi? Vì biết nó là vọng tưởng. Vừa có niệm khởi dù đó là niệm gì, cũng đừng để nó kéo đi, như thế là người được định, có tinh lực. Biết vọng tưởng không thật nên không chấp nhận nó, đó là tuệ. Có định và tuệ rồi thì mọi thứ trên đời chỉ là mớ bong bong vô nghĩa. Người xuất gia mà ngồi đó tư tưởng thì quả thật đáng bị quả trách. Chúng ta ngồi thiền chìm sâu trong những suy gẫm, đó chính là điên đảo vọng tưởng. Như thế là đã đánh mất cái định tuệ bản hữu của mình. Cái định tuệ bản hữu này không phải tìm ở đâu cả. Vừa có một dấy niệm mình không động, không chạy theo, cũng không dấy khởi gì hết mà bình thản an nhiên, đó là định tuệ hiện tiền, đó là người có lực lượng, không gì có thể phá hại được. Người đó là người có cung thiền định và kiểm trí tuệ. Chúng ta học và tu là để nhận lại cái bản hữu này.

Đọc lịch sử của đức Thế Tôn, tới khoảng ngài sắp thành đạo, ma quân rầm rộ phủ vây, nghe rằng múa kiếm hù dọa đủ thứ chuyện. Bọn ấy hỏi:

- Ông sợ ta không?

Bồ-tát Sĩ Đạt Đa trả lời:

- Ta không sợ.

- Ông nói dối. Ông có một mình lại tay không, bọn ta đông đảo và khí giới như thế này mà ông nói không sợ?

Ngài trả lời:

- Ta có cung thiền định và kiểm trí tuệ, biết các người không thật nên ta không sợ.

Như vậy cung thiền định và kiểm trí tuệ ở đâu? Ở sẵn ngay nơi ta, nhưng mình quay lưng bỏ đi, có người nhắc cũng không chịu nhận, nên mới bị ma nhác. Nó nghe rằng mình hết hồn chạy tuốt, cung đâu mà thiền định, kiểm đâu mà trí tuệ!

Người thật sự tu hành sẽ cảm nhận được công phu của mình. Bao giờ ta còn điên đảo bởi những hiện tượng bên ngoài tức là chưa vào được công phu. Tánh giác rỗng rang sáng suốt chưa hiện bày thì luôn bị các vọng tưởng kéo

lôi hoặc rơi vào một trong bốn trường hợp thọ, tướng, hành, thức như Phật đã nói ở trên. Ngược lại cả ngày lẫn đêm, trong tất cả thời, mọi sinh hoạt, nếu người có công phu, có lực lượng thì không gì làm lay chuyển nổi.

Trong Thiên Quan Sách Tấn ngài Hoàng Bá nói, cái đó của các ông khi hiện bày thì dù bao nhiêu đức Phật ra đời cũng không biết được, đừng nói là ma quân. Tuy nhiên cái phi thường rơi vào tay thô đế cũng trở thành tầm thường. Còn người đã phi thường thì bất cứ cái gì trong tay cũng trở thành phi thường. Người có công phu tự thâm nhận sự tĩnh lặng an lạc thực sự nơi mình. Chỉ có điều mình biết rõ là cái an lạc này chỉ là giai đoạn, chưa phải rốt ráo nên không bị đắm chìm trong ngã tẻ. Nếu người tu mà không có cảm nhận an vui nào hết, sẽ không tu nổi. Như các vị cư sĩ tập tu một thời gian thấy chán nản, mệt mỏi thì làm sao tu tiến? Khi nào chúng ta nhận được mình có tánh Phật sẽ bình an. Trời nắng cũng bình an, trời mưa cũng bình an. Mọi thứ chung quanh đều là những chất liệu cần thiết bổ sung cho công phu tu hành của chúng ta.

Công phu hành thiền là tự nguyện, tự nhận, tự sống lại với tâm thể rỗng rang sáng suốt của mình. Tuy nhiên những danh từ này cũng chưa phải thật, nó là dụng có ra từ tâm thể kia. Bao giờ vọng tưởng yên lặng hết thì không cần nói từ gì cả. Vì vậy chúng ta học kinh Duy Ma Cát, ngay chỗ pháp môn Bất Nhị, ngài Duy Ma Cát không nói. Các vị đại thánh người thì diễn tả như vậy người diễn tả như kia, chỉ tôn giả Duy Ma Cát im lặng. Đó là thể hiện tròn đầy tánh giác. Lý tưởng đỉnh cao của chúng ta ở chỗ ấy. Nói thể cũng là một cách nói để động viên chư huynh đệ tu hành thôi. Thật ra chỗ này càng nói càng xa.

Tháp bảy báu là biểu trưng cho bảy đại, năm uẩn, thân và tâm. Đức Phật trong đó khen “Lành thay” đối với đức Thích Tôn, đây là biểu trưng Pháp thân Phật, ẩn kín trong lầu năm uẩn bảy đại mà phát huy ra sáu căn thấy, nghe, hiểu, biết ấy vậy. Tức là pháp thân Phật ẩn kín trong tháp bảy báu, nhưng biểu trưng ra ngoài là thấy nghe hiểu biết, tức các giác quan của chúng ta. Mỗi người chúng ta đều có pháp thân nằm ẩn trong lầu năm uẩn. Nó biểu hiện ra ngoài qua thấy nghe hiểu biết, tức là những cảm giác từ các giác quan của chúng ta.

Nếu chúng ta thấy đẹp thấy xấu và chạy theo các duyên bên ngoài, coi như chúng ta đã cắt đứt cái mạng mạch tánh của mình rồi. Do vậy mà sống theo pháp trần vọng tưởng điên đảo, bị trầm luân sanh tử. Nghe cũng như thế. Như ta ngồi nghe tiếng xe chạy, tiếng người nói chuyện, tất cả âm thanh

trong khu vực này đều nghe hết. Nếu ta chạy theo một loại âm thanh nào, liền khi đó cắt đứt sinh mệnh, quên mất giác tính. Tóm lại, chúng ta có sáu giác quan, chúng đều biết, đó là biểu trưng sáng suốt của tâm thể. Tuy nhiên chúng ta lao theo bên ngoài thì mất mình.

Kinh Lăng Nghiêm nói mỗi chúng ta đều có cái Viên Trạm Thường Tính. Như viên ngọc sáng để trong căn phòng, nó phát ánh sáng ra sáu cửa. Chúng ta nhìn thấy gốc cây đẹp liền chạy theo, muốn gốc cây đó của mình, bằng mọi cách đem xe cẩu cẩu về để trước nhà. Đó là chúng ta đã cắt đứt sinh mệnh, giác tánh của mình. Cho nên nơi sáu cửa, chúng ta không chịu quay về mà lao theo pháp trần là nhận giặc làm con. Từ đó mê mờ ngược xuôi theo cảnh duyên bên ngoài. Người như thế Phật nói chưa thể nhận ra Viên Trạm Thường Tính, Diệu Tịnh Minh Thể của mình. Ở đây cũng vậy, chúng ta đang ngồi thiền, đang tụng kinh, đang làm công việc mà lao theo, vướng mắc, không sống với tánh giác của mình là đã xa cội nguồn.

Trong sự tu hành, chỉ mình khéo nhận thôi. Tuy chúng ta có sẵn cái đó nhưng không khéo nhận thì cũng không được chi. Người khéo nhận ra thì cắt đứt dòng trầm luân sanh tử, các nỗi khổ đều đứng. Nỗi khổ lớn nhất của chúng sanh là u mê, không nhận được đâu là thật, bám theo cái giả tạo nghiệp, để trôi nổi trong luân hồi sanh tử. Sanh chỗ này chết chỗ kia, nay trôi lên mai sụt xuống, thay hình đổi dạng đời kiếp trôi lăn. Đây là nỗi khổ trầm thống nguy hiểm nhất, chứ không phải khổ thiếu ăn thiếu mặc, thiếu tình thương gì. Cái khổ đó chỉ trong đời này, nó giả tạm thôi, còn cái khổ kia đến bao giờ ta sáng đạo, phá được màn tam tối mới giải trừ hết. Nếu chúng ta cứ tam tối, lăng xăng điên đảo hoài là nuôi dưỡng gốc khổ, sẽ phải chịu ngược xuôi dính mắc dài dài trên con đường sanh tử triền miên.

Chúng ta không nhận định được như thế thì quả thực là mù mờ. Suốt đời chỉ sống với vọng tưởng, hết đời này đến đời khác. Con người với dây mơ rễ má trầm luân sanh tử, từ đâu tới đâu mình không biết. Do đó tổ Quy Sơn nói “Tiền lộ man man vị tri hà vãng” đường trước mờ mờ chưa biết về đâu. “Tùng tư thí tri hồi quá, lâm khát quật tỉnh hề di” từ đây mới biết hồi hận, đợi đến khát đào giếng thì làm sao cho kịp. Cho nên hiểu biết rồi thì ráng tu, chớ lăng xăng hoài giống như người đợi khát chày cổ mới đào giếng thì làm sao kịp, chắc phải chết khát.

Tu hành thật ra không khó, chỉ ta chịu tu, ta biết thương mình hay không thôi. Một khi quyết tâm rồi nhất định chúng ta sẽ tu tiến, sẽ gắn bó với Phật

pháp. Tuy nhiên trong kinh A Hàm, Phật có dạy dù học hiểu Phật pháp thấu đáo rồi nhưng có người tu tiến, có người tu không tiến. Vì sao? Vì nhận ra mà người chịu sống thì mới đến Niết-bàn, còn người nhận ra mà không tu thì không đến được Niết-bàn. Rõ ràng như thế. Chúng ta còn ngao du, còn lãng xãng thì không được gì cả.

Nhưng đức Phật kia có lời thệ lớn, là cần đọi phân thân của đức Thích Tôn trong mười phương nhóm họp đông đủ, Ngài mới xuất hiện. Đây là biểu trưng cho hành nhân, muốn tự thấy tâm thể xưa nay của mình, tức phải thu cái nhìn nghe trở lại. Thu nhiếp sáu căn, chẳng cho căn tán loạn ngoài cảnh giới sáu trần. Đến lúc một niệm không sanh, liền đó tự thấy tâm thể xưa nay của mình. Đoạn này ngài dạy chúng ta phải thu nhiếp sáu căn trở lại. Chúng ta ngồi thiền, hành thiền, sống thiền, sinh hoạt thế nào mà các giác quan không dính mắc trần cảnh. Đó là hằng sống với tâm thể xưa nay của mình.

CHÁNH VĂN

Bởi tâm thể không hình nhưng tác dụng của tâm có dấu vết, ứng hiện ra các căn. Hợp cơ, chỉ hiển bày kiến căn, mà sáu căn vẫn đủ. Căn là chỗ của tâm quang ứng dụng, tâm tức là căn thể xưa nay. Đây là tâm căn soi lẫn nhau, thể dụng đều rõ rệt. Muốn thấy bản tâm từ căn mà vào. Trong kinh nói: “Từ ánh sáng mà được lửa, nắm mũi là dắt cả con trâu”.

GIẢNG

Kiến căn là mắt, dùng một căn nhận ra tánh giác thì các căn khác đều biết. Ở đây nói muốn thấy bản tâm, từ căn mà vào. Nói rõ hơn là muốn nhận được cái Viên Trạng Thường Tính thì từ các giác quan của chúng ta mà soi lại. Các tổ sư thiền tông Việt Nam dạy thường phản quan tự kỷ, tức là từ ánh sáng kia soi rọi, nhận lại cái Viên Trạng Thường Tính của chính mình, như trong Đề cương kinh Pháp Hoa tổ Minh Chánh đã chỉ đây.

Từ mắt thấy chúng ta không chạy theo, xoay trở về sống với chính mình, là sống với cái Viên Trạng. Từ nghe không chạy theo thanh trần, phản quan sống lại với cái Viên Trạng, các giác quan khác cũng vậy. Cho nên ở đây nói “Từ ánh sáng mà được lửa, nắm mũi là dắt cả con trâu”. Chúng ta đừng sợ gì hết, sống được với tâm thể xưa nay rồi thì mọi thứ đều đầy đủ. Giống như hạt châu để trong ché áo, bao giờ nhận ra được, lấy xài là giàu có muôn hộ.

CHÁNH VĂN

Lại đức Phật Đa Bảo biểu trưng cho tâm thể xưa nay. Đức Thích Tôn biểu trưng cho căn dụng của căn tánh. Các Hóa Phật biểu trưng cho thức tấn mạn theo sáu trần. Nay thì chuyển thể đến dụng là nghĩa các phân thân nhóm họp. Nhiếp dụng về thể là nghĩa thấy được Phật Đa Bảo. Hai đức Như Lai cùng ngồi một tòa trong tháp là nghĩa xưa nay một lý, cũng chính là nghĩa thể dụng không hai. Lại có nghĩa là ba thân đồng một thể. Các học giả, phải hiểu như thế!

GIẢNG

Ở đây nhắc lại đức Phật Đa Bảo trong tháp báu là biểu trưng cho tâm thể, đức Thích Tôn là biểu cho ứng dụng căn tánh, tức là ứng thân, hóa thân. Các hóa Phật biểu trưng cho thức tấn mạn theo sáu trần tức là những hóa thân tùy loại mà hiện các tướng sai biệt. Trong phẩm Phổ Môn, Bồ-tát Quán Thế Âm có tam thập nhị ứng, nghĩa là tùy theo loại chúng sanh mà ngài ứng hóa ra ba mươi hai thân để giáo hóa chúng. Như muốn độ loài quỷ trong địa ngục khổ đau, ngài hiện ra đại quỷ thần tức Tiêu diện Đại sĩ hay gọi một cách bình dân là ông Tiêu. Bồ-tát Quán Thế Âm, vì từ bi muốn độ loài quỷ đói nên thị hiện một đại quỷ lực như thế để nhiếp thống ma quỷ, đưa họ trở về con đường tu hành.

Trong đạo tràng này, dù nội viện hay khu ngoại viện chung quanh, tất cả huynh đệ đều hướng về đời sống của người xuất gia, sống hạnh thanh tịnh giải thoát, cố gắng nỗ lực tu và kích dương động viên cho huynh đệ chung quanh cùng tu cho đến sáng đạo. Mình vừa tu vừa giáo hóa. Như huynh đệ ngồi thiền ngủ gục hoài, muốn rút lui mà thấy mình ngồi nghiêm trang tề chỉnh quá nên vị ấy thấy xấu hổ, không bỏ đi mà cố gắng ngồi ngay thẳng tỉnh táo lên. Cho nên mình tu đàng hoàng, sẽ là chỗ nương cho huynh đệ cùng tu. Đó là chúng ta hỗ trợ nhau tu. Như vậy mình đã làm được việc vừa tự độ vừa độ tha, vừa tự tu vừa giáo hóa những chúng sanh có liên hệ gần gũi với mình cùng tu. Đó là những huynh đệ cùng ăn một mâm, cùng sống trong một thiền viện, cùng làm một việc. Đời sống trở nên có ý nghĩa biết bao nhiêu, nhưng nếu ta không biết sẽ thấy buồn tẻ lắm.

Sống trong tập thể hơn một trăm thiện hữu tri thức mà mình không dính dáng với ai hết, là một khiếm khuyết lớn. Làm sao thấy huynh đệ ở thiền viện là bà con ruột thịt của mình. Phật nói tất cả người nam là cha của ta, tất cả người nữ là mẹ của ta, người ngang với ta là anh chị, người nhỏ hơn ta là em út, không ai là không ruột thịt của mình. Đợi gì cha mẹ anh em ở nhà mới là ruột thịt. Chỉ thay đổi quan niệm như thế là tu tiến rồi.

Ở đây nói Phật Đa Bảo là pháp thân, hiện thời Phật Thích Ca là ứng thân, các vị Phật hóa ra của đức Thích Ca là hóa thân. Muốn cho pháp thân hiện bày thì ba thân này cùng về một thể. Do đó kinh nói tháp Đa Bảo được mở cửa, Phật Đa Bảo mời đức Thế Tôn lên, hai vị Thế Tôn ngồi chung một tòa, gọi là trở về với pháp thể thanh tịnh. Trước khi ngồi một tòa như thế thì các ứng hóa thân của Phật Thích Ca khắp trong mười phương đều tập trung về hết, bấy giờ tháp Đa Bảo mới được mở cửa, rồi đức Phật Thích Ca, Phật Đa Bảo ngồi chung một tòa trước đại chúng. Đó là chuyện thức dụng, phân thân nhóm họp các nơi trở về.

CHÁNH VĂN

Kệ rằng:

***Nhân gì tháp báu vọt trước đây,
Lại nghe trong đó tiếng "Lành thay",
Đại Nhạo Thuyết Tôn, nghi đến hỏi,
Thích-ca Văn Phật quyết tỏ bày,
Phân thân vốn thật Mâu-ni hóa,
Tháp báu nguyên là cổ Phật đài,
Đấy chỉ ba thân về một chỗ,
Tòa sen cùng ngự, lý không sai.***

GIẢNG:

Nhân gì tháp báu vọt trước đây, trong kinh đã chỉ rõ nhân duyên tháp báu hiện ra là đức Phật muốn nêu bày tất cả chúng sanh đều có pháp thân thanh tịnh ẩn nơi thân năm uẩn này. Lại nghe trong đó tiếng “Lành thay”, khi bảo tháp vọt lên, đại chúng trong hội nghe tiếng đức Phật trong ấy nói “Lành thay, lành thay”, đó là lời Phật Đa Bảo khen ngợi đức Phật Thích Ca. Vì ngài thế nguyện nơi nào có giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì ngài thị hiện đến chứng minh, khen lành thay lành thay.

Đại Nhạo Thuyết Tôn nghi đến hỏi, Thích-ca Văn Phật quyết tỏ bày, bấy giờ trong hội có vị Bồ-tát tên là Đại Nhạo Thuyết, thấy những sự kiện ấy mới nghi và hỏi, đức Phật Thích Ca liền vì tỏ bày. Phân thân vốn thật Mâu-ni hóa, Tháp báu nguyên là cổ Phật đài, phân thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni khắp mười phương giáo hóa chúng sanh, đó chỉ là thân ứng hóa thôi, không phải thân chân thật. Trong tháp báu này mới là pháp thân Phật.

Đẩy chỉ ba thân về một chỗ, Tòa sen cùng ngự lý không sai. Muốn pháp thân hiện thì phải gom hết các phân thân của Phật Thích-ca về một nơi, pháp Đa bảo mới mở, để nói lên ý nghĩa chúng ta muốn thể nhập pháp thân thì mọi vọng tưởng lăng xăng phải lặn hết, trở về pháp thân mới được. Chúng ta sống được với tâm xưa nay của mình là tâm thể rỗng rang sáng suốt thì được yên ổn, không còn khổ nữa.

Phẩm Đề-Bà-Đạt-Đa

CHÁNH VĂN

Phẩm Đề-bà-đạt-đa, là chỉ cho người tu hành đã ngộ tâm Diệu liên hoa. Lúc muốn tu tiến phải như đức Thế Tôn, trong tâm chỉ còn Diệu pháp, cõi bỏ mọi yêu thích, quên mất nỗi nhọc nhằn, sẵn tới trong gian lao, và nhẫn nhục phát tinh tấn lớn, mong mỗi đến thành Phật mới thôi. Người xưa nói: “Thấy người hiền, nghĩ rằng ta sẽ được như họ, thấy kẻ ác, trong tâm hãy tự tỉnh lấy!”

Nhưng trong tiết này, là biểu trưng lia tướng ngã, xả sân hận, kiêu mạn, giải đãi... Chính cái tâm hay xả ấy, bèn thành hạt giống trí tuệ, nên rồi Đề-bà cũng sẽ làm Phật. Đến như việc Long nữ thành Phật, lý ấy cũng rất u huyền.

Xét ra, vì nhiều tham dục, nên phải đọa vào loài súc sanh, mà rồng là loài có ưu thắng hơn các loài khác. Hơn thế nữa, đã thọ thân cái trong loài rồng, thì tâm ngu si, tham dục kia, hẳn lớn không gì hơn. Thế mà đức Văn Thù giáo hóa cũng có thể làm Phật. Bởi Văn Thù là tượng trưng cho hạt giống trí tuệ. Bảo rằng, kia tuy thọ thân rồng cái, mà cũng hàm chứa hạt giống trí tuệ. Kia, sau khi cõi viên bảo châu dâng lên đức Phật, là biểu trưng đã xa lia tâm tham dục, gìn giữ tâm trí tuệ. Liền chuyển nữ thân thành tướng nam tử, đó là biểu trưng cho tâm bỏ tham dục, liền thành giống trí Bồ-đề. Qua phương nam, nơi cõi Vô Cấu liền thành Chánh giác. Phương nam tức tâm địa rỗng sáng. Vô Cấu tức trong sạch. Liền thành Chánh giác tức chỉ cho đã ngộ đạt tâm châu, xưa nay rỗng rang sáng suốt, trong sạch, bèn chóng vượt hành tướng của ba thừa bốn quả, tiên thẳng vào chân tế, thì làm sao nghiệp báo của sáu đường mà có thể trói buộc được u? Tổ sư Vĩnh Gia nói:

Chứng thật tướng, không nhân pháp,

Sát-na diệt hết nghiệp A-tỳ.

Bởi văn tiết của kinh này, nhằm bày tỏ tất cả chúng sanh trong ba cõi, bốn loài, sáu ngả, đều có Phật tánh. Chỉ vì theo nghiệp thức mà bị trôi lăn trong sáu ngả. Nếu gặp duyên phát giác, được nghe kinh điển Pháp Hoa, thấy được tâm xưa nay trong sạch, liền khi ấy chuyển tham sân si thành Giới Định Tuệ. Thế nào mà chẳng có thể chóng làm Phật?

Kệ rằng:

*Thế Tôn đã từng làm quốc vương,
Vi đạo quên thân chẳng thể lường,
Hái trái cúng dường gìn Diệu pháp,
Lượm cây nấu nướng hiến tiên nhân,
Đành rành nhẫn nhục thành vô thượng,
Đề-bà, thầy ta việc phi thường,
Long nữ cõi châu dâng đức Phật,
Ý lìa tham ái lộ châu vương.*

GIẢNG

Phẩm Đề-bà-đạt-đa, là chỉ cho người tu hành đã ngộ tâm Diệu liên hoa. Lúc muốn tu tiến phải như đức Thế Tôn, trong tâm chỉ còn Diệu pháp, cõi bỏ mọi yêu thích, quên mất nỗi nhọc nhằn, sấn tới trong gian lao, và nhẫn nhục phát tinh tấn lớn, mong mỗi đến thành Phật mới thôi. Người tu nhận được tâm rồi chưa đủ. Trong kinh A Hàm, có một bài kinh nêu lên sự kiện này. Ngoại đạo đến hỏi Phật, tất cả môn đệ được Ngài chỉ giáo, nhận được tâm rồi, họ đều được Niết-bàn chăng? Đức Phật trả lời: “Có người nhận được tâm rồi tu tiến đến Niết-bàn, có người nhận được tâm mà cứ lảng xãng bên ngoài thì không vào được Niết-bàn”.

Ở đây cũng vậy. Người tu hành ngộ được tâm Diệu liên hoa nhưng muốn nhập tri kiến Phật phải quên mất nỗi nhọc nhằn, sấn tới trong gian lao và nhẫn nhục phát tinh tấn lớn. Phát nguyện tu hành cho tới chừng nào thành Phật mới thôi. Đã nhận ra tâm thật rồi mà không chịu hành trì, giữa đường bỏ cuộc, hoặc nghe nói hiểu gật đầu, cười mỉm rồi thôi. Những người như thế đừng nói kiếp nào, đến đức Phật Di Lặc ra đời cũng không xong việc. Bởi vì họ chỉ nhận, chỉ nghe, chỉ hiểu bên ngoài mà không hành trì, không chịu tu, không có công phu, làm sao thành tựu giác ngộ được.

Nghe nói ngã mạn liền hiểu ngã mạn, nhận được ngã mạn là bệnh đáng bỏ, nhưng bản thân mình không bỏ ngã mạn, thì làm sao hết ngã mạn. Không hết ngã mạn mà muốn thành Phật, điều đó không bao giờ có. Người tu như người đào giếng trên cao nguyên, đào đến đất ướt là một tin vui, đảm bảo nếu đào tiếp sẽ đến nước. Điều đó có thể tin chắc như vậy. Trái lại, cũng đào giếng nhưng lúc đào lúc không, đào đến đất ướt rồi bỏ cuộc hoặc không tin việc đào giếng này, mà muốn có nước uống thì không bao giờ có.

Nêu lên sự kiện đó để làm gì? Để hiểu rằng nếu chúng ta không chịu tu, không chịu buông bỏ những thói hư tật xấu của mình mà muốn thành Phật, chuyện ấy nghe mà chơi. Hoặc mình thấy người này xấu, người kia dở, mà những thói hư tật xấu của mình không lòi ra, không bỏ nó, thì chỉ nói được việc của người khác, càng tạo thêm nghiệp xấu cho mình mà thôi. Cho nên người tu, một khi có duyên nhận được những yếu chỉ qua lời dạy của các bậc tôn túc, chúng ta cố gắng phấn đấu tu tiến như đức Thế Tôn đã dạy.

Thượng nhân Minh Chánh nhắc Lúc muốn tu tiến phải như đức Thế Tôn, trong tâm chỉ còn Diệu pháp, cõi bỏ mọi yêu thích, quên mất nỗi nhọc nhằn, sấn tới trong gian lao, và nhẫn nhục phát tinh tấn lớn, mong mỗi đến thành Phật mới thôi. Chính trong kinh này, ở phần đầu đức Thế Tôn cũng đã kể lại sự duyên giữa Ngài và Bồ-tát Di Lặc. Trong thời xa xưa, Ngài cùng Bồ-tát Di Lặc đồng thời phát tâm tu hành, nhưng Bồ-tát Di Lặc thông thạo giỏi dẫn những việc bên ngoài, quên mất việc chính của mình, nên thành Phật sau đức Thế Tôn.

Chúng ta cũng vậy. Nghe nói tâm, nói tánh, nói Phật, nói đạo v.v... hiểu hết, nhưng mắc lãng xãng ngoài phố chợ, nên việc gắng gổ loại bỏ thói hư tật xấu để được rộng rang sáng suốt thành Phật thì không làm. Chuyên làm việc bên ngoài mà biểu sạch bên trong, điều đó không thể có. Nếu chúng ta chỉ nói kiến tánh, nói thành Phật... mà mù mịt lợi trong sinh lây, quờ quạng trong đêm đen, dù cho chúng ta có nói hay cũng chẳng dính dáng gì đến việc hết nghiệp. Loại người như thế Phật tổ nói đêm ba mươi đến, các ông không có gì chóng đỡ. Đêm ấy Diêm Vương gõ đầu chúng ta, quỷ sứ xách cổ chúng ta, nếu chúng ta không thể đối đáp được.

Đề-bà-đạt-đa theo sử học không phải ai xa lạ, ngài là vị đệ tử của đức Thế Tôn, mà cũng là người anh em trong dòng họ hoàng tộc Thích Ca. Lặn về thăm Ca-tỳ-la-vệ, đức Thế Tôn độ được hoàng tộc, tông thân của mình xuất gia rất nhiều. Trong đó có các vị như Nan Đà, La Hầu La, Đề-bà-đạt-đa... Sau khi xuất gia rồi Đề-bà-đạt-đa tu chứng tứ thiên, có thần thông, nhưng

tâm tham vọng chưa sạch. Ngài nghĩ đức Thế Tôn đã lớn tuổi, ngài là người có khả năng thay thế thống lĩnh tăng đoàn. Vì ôm cái mộng ấy nên ngài gây tội ác, cuối cùng đọa địa ngục. Nhưng đức Phật đã từng nói: “Sở dĩ ta thành Phật mau là nhờ nghịch hạnh thiện tri thức Đề-bà-đạt-đa”. Cho nên Đề-bà-đạt-đa là một vị thiện tri thức nghịch hạnh của Như Lai. Khi ở địa ngục, A Nan đến thăm, ngài nói ở trong địa ngục giống như ở trong tứ thiên, nghĩa là an vui chứ không đau khổ gì cả.

Phẩm Đề-bà-đạt-đa nêu lên yếu chỉ để chúng ta thể nghiệm đời tu của mình. Yếu chỉ đó là gì? Thứ nhất, Đề-bà-đạt-đa sau khi đủ duyên xuất gia làm tăng, ngài tu chứng các quả vị trong đạo và có thần thông. Nhưng những thứ lãng xãng chưa hết, nên nó có cơ hội bộc phát mà không hay, cuối cùng những tác động này làm hỏng việc lớn của ngài. Đây là một kinh nghiệm, là một bài học cho chúng ta. Vì vậy tổ Minh Chánh dạy sau khi nhận được Diêu liên hoa tâm rồi, phải phát chí dũng mãnh, siêng năng tinh tấn nhẫn chịu tất cả khó khăn, tiến tới, cho tới chừng nào tu hành thành Phật mới thôi.

Học qua đoạn này chúng ta nhận được yếu chỉ vô cùng to lớn của người xưa. Nếu không có lời dạy, không có những ý chỉ để chúng ta nhận được chỗ thâm sâu trong công phu tu hành, đôi khi chúng ta làm tưởng lậu hoặc đã sạch hết, từ đó mà hỏng đi một đời. Đỉnh cao nhất là sấn tới tu hành cho đến lúc nào thành Phật mới thôi. Bây giờ chúng ta chưa thành Phật, ngang đây muốn nhàn, muốn bỏ thời khóa, không chịu theo nề nếp để tu tiến, đó là sai lầm. Những sai lầm này sẽ đưa chúng ta đi xuống dần như Đề-bà-đạt-đa phải vào địa ngục. Do tham vọng không điều phục được, gây rối trong tăng đoàn, tổ chức xúi vua A-xà-thế giết cha, bản thân ngài hại đức Phật để lên lãnh đạo giáo đoàn v.v... Kết quả không lên được mà lại rớt xuống địa ngục. Việc này cho chúng ta rất nhiều suy ngẫm.

Cởi bỏ mọi yêu thích, quên mất nỗi nhọc nhằn, sấn tới trong gian lao, và nhẫn nhục phát tinh tấn lớn, mong mỗi đến thành Phật mới thôi. Nếu chúng ta quyết một đường thẳng tiến, chắc rằng sẽ thành công. Người xưa nói: “Thấy người hiền, nghĩ rằng ta sẽ được như họ, thấy kẻ ác, trong tâm hãy tự tỉnh lấy!”. Đây cũng là một bài học nữa. Hiện thời trong giảng đường này có trên hằng trăm khuôn mặt, không khuôn mặt nào giống khuôn mặt nào. Từ dáng đi, giọng nói, ánh mắt, cái mũi, cái miệng, cái tai v.v... không ai giống ai. Sở dĩ khác vậy là do nghiệp riêng của từng người, cho nên nhà Phật dạy phải sợ nhân quả. Mình thấy rõ nhân duyên và biết sợ nhân quả.

Sợ nhân quả là sao? Hễ gây nhân bất hảo thì sẽ đưa đến quả xấu. Cho nên chúng ta nhắc nhở, cảnh tỉnh nhau đừng làm việc xấu. Ở đây dạy: “Thấy người hiền thì nghĩ rằng ta sẽ như họ”. Muốn được như họ thì ta phải cố gắng tu nhân hiền. Mình tìm hiểu người kia thành tựu pháp nào, họ sống ra sao v.v... Nếu chưa đủ những điều kiện đó mình cố gắng học, cố gắng sửa. Đó là chuyện bình thường, cái gì người ta làm được mình làm được. Người trước tu hành thành Phật, chúng ta tu hành cũng thành Phật, chớ không lẽ người trước tu được mà chúng ta tu không được. Chúng ta không nên nuôi mặc cảm yếu đuối, tự ti. Lúc nào cũng tự gắng tự khắc, tự nhận mình có khả năng thành Phật và mọi người cũng đều có như nhau. Chỉ là khéo nhận khéo dùng khéo tu khéo sống thì sẽ được thành Phật sớm. Thành ra thấy người hiền thì nghĩ rằng ta sẽ được như họ.

Thấy kẻ ác thì trong tâm hãy tự tỉnh lấy. Ví dụ đi một đoàn người bảy tám vị, người đi trước té ngã, mình đi đằng sau phải tránh chỗ trơn trượt hay hầm hố ở trước. Chẳng lẽ ta để cho mình té ngã như người trước? Cho nên phải tỉnh, phải đề dặt, phải coi dưới chân là đất cứng hay hầm hố gay góc. Biết đó là bẫy, là trơn trượt mà bước lên để té thì quá si mê. Biết nguy cơ như thế mình phải tỉnh. Ví dụ chúng ta biết thân này hư giả, cảnh duyên không thật, mạng sống ngắn ngủi, mà cứ ngồi đó chờ chết, như vậy đâu phải là người sáng. Bậc đại tượng phu không như thế, nhìn ngó, suy xét trong từng bước đi đều có sự tỉnh sáng.

Nhưng trong tiết này, là biểu trưng lia tướng ngã, xả sân hận, kiêu mạn, giải đãi... Chính cái tâm hay xả ấy, bèn thành hạt giống trí tuệ, nên rồi Đề-bà cũng sẽ làm Phật. Đến như việc Long nữ thành Phật, lý ấy cũng rất u huyền. Người tu khi biết mình còn cái gì dở thì phải bỏ. Những biểu tướng nóng giận v.v... hiện ra ngoài, còn tham lam kiêu mạn ẩn kín thâm lặng bên trong. Hai nghiệp này nương nhau, đủ điều kiện nó bung ra, gây thành tội nghiệp lớn. Thường những người nóng nảy hay bị đổ vỡ, khó thành công trong sự nghiệp. Bởi vì có khi gầy dựng cả năm trời, nóng giận một chút đá đổ hết. Nhà Phật nói một đóm lửa sân đốt tan cả rừng công đức. Như có vị xuất gia tu hành cả năm bảy năm, nhưng một lúc nóng nảy không dẫn được, làm tiêu tan hết công đức mình đã tu tập trong thời gian qua. “Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chương môn khai”, một niệm tâm sân nổi lên, trăm ngàn cửa chương ngại mở ra là vậy.

Xả sân hận rồi còn phải xả giải đãi. Giải đãi là lười biếng. Đây cũng là một trạng thái của tâm. Sự việc đó người ta làm một ngày, mình không ưa nên kéo dài hai ba ngày hoặc bỏ cuộc. Người ta tập ngồi thiền trong vòng một

tháng, có thể ngồi một tiếng. Mình giải đãi nên một tháng mà chưa ngồi được 15 phút. Nếu không ai nhắc nhở, hai ba tháng vẫn chưa ngồi được 15 phút. Lần lần xem thường mọi sự nhắc nhở, do đó ở chùa ba bốn năm vẫn không ngồi thiền được 15 phút. Có hạng người như thế, nhưng ai động tới thì không chịu. Họ nói người này người kia thể này thể khác nhưng bản thân lại nuôi dưỡng nhiều thói hư tật xấu. Do đó tu hoài mà không thành Phật.

Giải đãi là một tâm bệnh rất êm dịu. Mình đang nằm nghe nó lằng lằng, dù cho giờ đó là giờ ngồi thiền, giờ tụng kinh hay giờ đi học. Nếu không ai nói gì hết, mình nằm đơng đưa một hồi, nhắm mắt lại và thiếp đi, nghe nó khỏe, nó êm biết chừng nào. Chính vì quá êm dịu nên ta không bao giờ muốn loại trừ nó, khó phát hiện nó là kẻ dẫn ta đi vào mê lộ. Có khi chúng ta nghĩ rằng tu thành Phật là làm những chuyện lớn lao lắm, đặc biệt lắm. Không phải thế. Chỉ cần chúng ta hành trì đúng và đều thời khóa tu tập mỗi ngày của thiền viện là tốt rồi.

Ví dụ 6 giờ 30 có thời sám hối, huynh đệ đều hoan hỷ sấn bước lên đường tu tập, riêng ta thấy trong lòng ương ương, mệt không phải mệt, buồn ngủ không phải buồn ngủ, lười biếng không phải lười biếng, nhưng thấy hơi có cái gì đó. Cái gì đó mà không kịp thời chấn chỉnh để nó lan ra, lớn ra, đến lúc không thể sửa được nữa, đành phải xách gói về nhà thôi. Trong khi mọi người nghiêm túc áp dụng đúng thời khóa, riêng mình lẩn thân đi tới đi lui, chả làm nên việc gì, lại còn bày ra chuyện tác hại cho bản thân và huynh đệ, thì thật là tệ hại. Phật dạy phải sấn tới, cố gắng phấn đấu, vượt qua những nghiệp tập xấu. Rõ ràng như vậy.

Kê nữa là kiêu mạn. “Kiêu” là những kiêu khí bên ngoài, chữ này có bộ “mã” bên cạnh, tức kiêu khí như con ngựa, nhảy dựng lên. “Mạn” là thấy mình hơn kẻ khác. Kiêu mạn là thấy mình ngon hơn người ta, nhưng không biết mình có ngon thiệt không. Ngon hơn là hiền hơn, tinh táo hơn, nhẫn nhục hơn, xả bỏ hơn, sáng suốt hơn, an lạc hơn, giải thoát hơn... Nhưng để cho kiêu khí về những cái ngon ấy hiện ra thì không được, nó là một loại bệnh. Bệnh cố chấp, mê lầm về chính mình, lúc nào cũng cho ta là đúng, là hơn hết. Người không giải trừ những cố chấp ấy, dù có gặp vô lượng đức Phật ra đời cũng không lợi ích gì. Nuôi dưỡng những tật đó sẽ là dây mơ rễ má, dẫn dắt họ đi trong vòng luân hồi sanh tử tăm tối.

Người nào sở trường cái gì thì kiêu mạn về cái đó. Ai giỏi văn sẽ có kiêu khí về văn, giỏi toán kiêu khí về toán, giỏi kinh tế xã hội kiêu khí về kinh tế xã hội. Hễ có chữ giỏi hơn, siêu vượt hơn thì có kiêu khí đi song song theo.

Như người giỏi ngồi thiền, có thể ngồi suốt hai tiếng đồng hồ, nghe ai ngồi chỉ 5 phút 10 phút, liền xem thường. Những thứ ấy tế nhị, thâm kín, nhỏ nhen mà len lỏi trong lòng mình. Nếu chúng ta chưa buông bỏ, chưa làm chủ được thì nó là nguyên nhân làm chướng đạo rất lớn.

Cho nên không cần phải nói nhiều, nội ba thứ sân giận, giải đãi, kiêu mạn, chúng ta trị nó, buông bỏ được nó cũng đảm bảo nhận ra tánh giác của mình. Nó có tác dụng lớn như vậy.

Chính cái tâm hay xả ấy, bèn thành hạt giống trí tuệ, nên rồi Đề-bà cũng sẽ làm Phật. Đến như việc Long nữ thành Phật, lý ấy cũng rất u huyền. Ở đây nói nếu chúng ta xả được, làm chủ được những tật bệnh thì chúng Bồ-đề, chúng giác ngộ giải thoát nó sẽ hiện thành. Cho nên nói một cách rõ ráo, ai cũng có thể thành Phật, ai cũng có thể phát huy được chúng tánh Phật của mình. Vì vậy Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều là Phật sẽ thành.

Xét ra, vì nhiều tham dục, nên phải đọa vào loài súc sanh, mà rồng là loài có ưu thắng hơn các loài khác. Rồng là một trong tứ linh: long, lân, qui, phụng. Chỉ có qui là chúng ta được thấy, còn các loài lân, phụng, long chúng ta chỉ thấy hình, chứ không biết nó ra sao, chưa ai thấy rồng thiệt. Nói về súc sanh thì rồng là loại súc sanh ưu việt, nhưng hình tướng thật ra sao, không ai biết.

Trong kinh nói Long nữ là con của Long vương dưới Long cung, là rồng cái mới tám tuổi thôi, được đức Văn Thù chỉ giáo, nhận ra tâm thể. Trong hội Pháp Hoa, Long nữ biểu trưng nhận được tâm và thành Phật trước các vị đại thánh đệ tử của đức Thế Tôn trong chớp mắt. Long nữ nói với ngài Xá Lợi Phất “các vị xem đây, việc tôi thành Phật nhanh không thể tưởng tượng”. Bây giờ Long nữ cỡi hạt châu tên búi tóc của mình dâng lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nhận hạt châu, liền đó Long nữ bay qua phương nam, ở nước Vô Cấu chuyển nữ thành nam thành Phật tức thì, trước mắt các vị thánh chúng.

Chúng ta lưu ý chi tiết chuyển thân nữ thành nam, chớ không mang nguyên lớp rồng cái. Chuyển là gì? Là xả bỏ vậy. Chuyển là chuyển đổi, chuyển từ cái này sang cái khác. Như chúng ta là nam tướng, nếu thành Phật cũng chuyển chứ không mang tướng này. Vì mang tướng này mà lỡ mình thấp quá thành ra ông Phật lùn, khó coi. Phật thì phải trang nghiêm tốt đẹp. Cho nên tâm thanh tịnh thì chuyển tất cả các tướng tốt đẹp theo. Bây giờ tu tạo nhân tức là chuyển, chuyển từ nhân tố.

Dù hiện nay chúng ta đang bị những nghiệp tập trầm kha, nhưng nếu chịu chuyển cũng sẽ chuyển được, bỏ được những nghiệp tập đó. Bỏ hết nghiệp tập mới thành tựu tuệ mạng, giác ngộ giải thoát. Đó là điều trong giáo lý đức Phật nói và chúng ta thể nghiệm được qua đời sống tu hành. Chúng ta tu là đang làm cuộc chuyển hóa lớn, từ thân đến tâm. Ai không chuyển hóa thì trong vài hôm thôi, có thể từ hình thức này đổi sang hình thức khác. Ví dụ mình không chịu cạo tóc nữa, để cho tóc ra dài rồi cắt tём chẳng hạn, chẳng bao lâu sau mình đi đâu có cả một đoàn thể thẳng tử phược đi theo. Ngược lại, người chịu chuyển thì khác. Đầu tiên là chuyển cái đầu tóc đẹp thành cái đầu trọc, chuyển tất cả y phục quý báu của thế gian thành áo giải thoát, tức áo vải của nhà tu. Chuyển những kiêu khí của người có quyền tước, danh vọng thành kẻ khát sĩ ôm bình bát đi xin ăn từng nhà. Nhưng nếu đang trong cuộc chuyển đó mà chúng ta dừng lại, thoái lui để cho lớp bụi bên ngoài phủ lên thì nó sẽ là nhân tố gây trở ngại quá trình chuyển đổi từ cái xấu thành cái tốt, từ triền phược thành giác ngộ giải thoát.

Xét ra, vì nhiều tham dục nên phải đọa vào loài súc sanh, mà rồng là loài có ưu thắng hơn các loài khác. Hơn thế nữa, đã thọ thân cái trong loài rồng, thì tâm ngu si, tham dục kia hẳn lớn không gì hơn. Thế mà đức Văn Thù giáo hóa cũng có thể làm Phật. Hiện tại chúng ta thuộc hạng nào, si mê điên đảo cỡ nào, nhưng nếu đủ duyên được hướng dẫn, phát huy trí tuệ thì có thể lột bỏ, xa lìa tất cả ngu si tăm tối, quay về với chủng Phật của mình. Ở đây nói chuyện Long nữ là loài rồng cái tuổi nhỏ, ái nghiệp sâu dày mà được Bồ-tát Văn Thù giáo hóa thành Phật.

Chúng thật tướng, không nhân pháp,

Sát-na diệt hết nghiệp A-tỳ.

Đây là câu trong Chứng Đạo Ca của ngài Huyền Giác. Chúng được thực tướng thì không còn nhân không còn pháp nữa. Được như thế trong tức tắc thôi có thể diệt hết tất cả nghiệp chướng sâu nặng nhất.

Bởi văn tiết của kinh này, nhằm bày tỏ tất cả chúng sanh trong ba cõi, bốn loài, sáu ngã, đều có Phật tánh. Ba cõi là cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Bốn loài là noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh. Chúng ta nằm trong loài thai sanh. Sáu ngã là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thiên, nhân, a-tu-la. Tất cả đều có Phật tánh hết.

Chỉ vì theo nghiệp thức mà bị trôi lăn trong sáu ngã. Nếu gặp duyên phát giác, được nghe kinh điển Pháp Hoa, thấy được tâm xưa nay trong sạch, liền

khi ấy chuyển tham sân si thành Giới Định Tuệ. Thế nào mà chẳng có thể chóng làm Phật? Chẳng những chúng ta mà tất cả chúng sanh trong sáu đạo luân hồi, vì còn sanh tử nên còn luân hồi, chớ chúng sanh nào cũng có Phật tánh. Nếu đủ duyên chuyển được nghiệp thức thì thành Phật tức thì, chưa đủ duyên chưa chuyển được nghiệp thức thì mãi miết trôi lăn trong sáu ngã. Nếu luận về kiếp số của luân hồi sanh tử thì không biết ngõ nào mà nói, không có con số nào có thể tính nổi. Sự trôi giạt từ kiếp này sang kiếp khác, dài lâu vô kể.

Đức Phật nói tuổi của chúng ta bằng tuổi của Phật, mà Phật trong kiếp xa xưa nào đó tầm đạo tu nhân, cho đến sau cùng thị hiện ở Ấn Độ vượt thành đi tu, bao nhiêu năm khổ hạnh, thiền định dưới cội Bồ-đề chiến thắng ma quân thành Phật, trên bốn mươi năm thuyết pháp giáo hóa chúng sanh, cuối cùng nhập Niết-bàn ở Song Lâm. Trong thời kỳ này chúng ta ở đâu? Loay hoay lẫn lộn trong sáu nẻo luân hồi. Cho tới bây giờ ngài đã xong việc, đã làm những Phật sự như thế, với thời gian trên hai ngàn năm trăm năm, chúng ta vẫn cứ trôi lăn. Không biết thời gian sau nữa, đức Phật Di Lặc ra đời thuyết pháp dưới cội Long Hoa, giáo hóa chúng sanh, mình ở đâu nữa. Nếu bây giờ chúng ta không chịu chuyển, chưa chịu sống lại với tâm Diệu liên hoa của mình thì lúc đó ở đâu. Bởi vậy tổ Qui Sơn nói đường trước mờ mờ chưa biết về đâu.

Nói đến công phu tu hành, không phải chuyện đơn giản, không làm bằng tâm hời hợt được, cũng không phải chuyện cơm ăn áo mặc tầm thường. Nếu tâm sân hận chưa chịu bỏ, bệnh giải đãi chưa trừ, cái kiêu khí chúng ta thế này, thế nọ chưa dẹp thì con đường Phật đạo còn xa vời lắm. Sự hành trì chưa đúng mà muốn thành Phật là điều không bao giờ có. Chuyện tu hành khó thì khó vô vàn, nhưng làm được sẽ thấy không khó. Người xưa thành tựu chúng ta cũng có thể thành tựu nếu chịu khó.

Kệ rằng:

Thế Tôn đã từng làm quốc vương,

Vì đạo quên thân chẳng thể lường,

Hái trái cúng dường gìn Diệu pháp,

Lượm cây nấu nướng hiến tiên nhân,

Đành rành nhân nhục thành vô thượng,

Đề-bà, thầy ta việc phi thường,

Long nữ cõi châu dăng đức Phật,

Ý lìa tham ái lộ châu vương.

A-tu là một vị tiên trưởng tên Vô Tử, tiền thân của Đề-bà-đạt-đa.

Trong phẩm này cốt lõi là làm sao trị được những tật hư dờ của chúng ta. Từ giải đãi xem thường tất cả những quy chế của thiên môn, ta không sáng suốt, không bình tĩnh, do đó nên không nhẫn chịu được những hoàn cảnh khó khăn. Ta bộp chộp nóng nảy, nuôi dưỡng tâm sân hận ngày càng lớn. Hoặc được chút chút gì đó ta tự cậy tài, kiêu khí bày ra. Đây là những gai góc, những côn đảo tù hãm tánh giác của mình. Nếu nuôi dưỡng, chưa chịu xả những tật xấu này thì con đường tu hành trở về tánh giác còn xa diệu vợi.

Học lại lời kinh của Phật Tổ dạy, để huynh đệ chúng ta lấy đó làm chuẩn thẳng, mỗi ngày mỗi tu tiến. Khắc phục được những cái dở, chúng ta từ từ trưởng thành, trầm tĩnh sáng suốt, có đầy đủ ý chí, tư cách thể hiện tròn đầy con người chân thật. Càng tu phải càng biểu trưng hình ảnh của một chân tăng có công phu, chuyển đổi được những nghiệp tập của mình. Như vậy mới xứng đáng là đệ tử của đấng giác ngộ giải thoát.

Phẩm Trì

CHÁNH VĂN

Tỳ-kheo ni thọ ký, là ý nhiếp phục Long nữ thành Phật ở trước. Bởi súc sanh cái ngộ tâm, còn có thể thành Phật thay, huống là người nữ hộ tâm mà chẳng được đạo hay sao? Không vì hình tướng để chia nam nữ, một tâm thanh tịnh xưa nay đồng.

Lại Bồ-tát trì kinh, nghĩa là người tu hành muốn hộ trì kinh này, thì chốn chốn nơi nơi, phải mặc áo nhũn nhục, giữ giáp tinh tấn, cầm kiếm trí tuệ, vào rừng phiến nã, dứt giống vô minh, khiến tâm được thường không tịch, tri kiến rộng suốt, không các chướng ngại. Dù hành đạo này, mà bị đánh mắng cũng phải nhẫn chịu. Tâm này chẳng tán động, cùng tốt thuở vị lai, trọn không mảy may thoái chuyển.

Như gió giữ thế giới, bền chắc chẳng động. Như đất chở chúng sanh không chút nhàm mỏi. Đấy mới thật là Phật tử biết gìn giữ tâm, cũng chính là người hoàn toàn không có ngã, thật sự là vị Bồ-tát hộ pháp vậy.

Kệ rằng:

*Chớ đem năm chướng báng chư ni,
Thọ ký rành rành chẳng thiếu gì,
Di Mẫu ngộ tâm, thành Chánh giác,
Da Thủ kiến tánh, chứng Bồ-đề,
Đã hay thấy đạo, mới hành đạo,
Rõ suốt vô vi, nói hữu vi,
Bồ-tát trì kinh nào có tướng,
Pháp nhãn vô sanh khéo siêng trì.*

GIẢNG

Tỳ-kheo ni thọ ký, là ý nhiếp phục Long nữ thành Phật ở trước. Phẩm Tỳ-kheo ni, nói đến các vị Tỳ-kheo ni được Phật thọ ký. Sau khi các vị đại thánh, các tôn giả đệ tử lớn được đức Phật thọ ký, trong hội chúng Tỳ-kheo ni cũng đoái mong đức Thế Tôn thọ ký. Nên tới phẩm này Phật thọ ký cho chúng Tỳ-kheo ni. Ở đây nhắc lại việc Long nữ chỉ tám tuổi, được đức Văn Thù trợ hóa tu tâm và thành đạo.

Bởi súc sanh cái ngộ tâm, còn có thể thành Phật thay, huống là người nữ hộ tâm mà chẳng được đạo hay sao? Không vì hình tướng để chia nam nữ, một tâm thanh tịnh xưa nay đồng. Lời nói này đả thông tất cả những vướng mắc từ xưa nay. Không vì hình tướng chia nam nữ, một tâm thanh tịnh xưa nay đồng. Câu nói này vượt ngoài tất cả hình thức, phạm vi đối đãi, nói thẳng một tâm đồng. Một tâm đây tức là tánh giác, khả năng thành Phật. Nói đến tánh giác thì không trái không phải, không nữ không nam, khả năng thành Phật ai cũng có.

Lại Bồ-tát trì kinh, nghĩa là người tu hành muốn hộ trì kinh này, thì chôn chôn nơi nơi, phải mặc áo nhẵn nhụi, giữ giáp tinh tấn, cầm kiếm trí tuệ, vào rừng phiến não, dứt giống vô minh, khiến tâm được thường không tịch, tri kiến rộng suốt, không các chướng ngại. Dù hành đạo này, mà bị đánh mắng cũng phải nhịn chịu. Tâm này chẳng tán động, cùng tột thuở vị lai, trọn không mảy may thoái chuyển.

Bồ-tát trì kinh này tức là gìn giữ trí kiến Phật của mình. Kinh chính là tâm, tâm chính là trí kiến Phật. Muốn trì kinh phải có giáp nhũc để bảo vệ. Giữ giáp tinh tấn, cầm kiếm trí tuệ vào rừng phiền não, dứt giống vô minh, khiến tâm được thường tịch. Một loạt những việc làm thuộc về công phu, chính chúng ta phải trải qua. Muốn thành tựu đến nơi đến chốn, hằng sống được với tánh giác, không thể chỉ nói suông thôi. Tổ Vĩnh Gia nói từ nhẫn lực, nhưng chúng ta chưa vận dụng tới độ đó, bởi vì mình sống quá tiện nghi, còn gì nữa mà nhẫn! Chưa thực hành đến đức nhẫn cao độ, nghĩa là chưa thành tựu được đức nhẫn sâu dày. Chúng ta chỉ nhẫn bình thường thôi mà còn chưa nhẫn được, mong chi tu sáng đạo.

Đời sống của một người tu hành nhất là của một thiền sinh, phải sống bằng trí tuệ, bằng khả năng giác ngộ, không nên quan tâm đến việc ăn mặc thường tình. Ở đây mặc áo nhũc, giữ giáp tinh tấn, nghĩa là chúng ta siêng năng và chịu đựng. Người tu luôn cầm kiếm trí tuệ trên tay, song hành với kiếm trí tuệ là cung thiền định. Trong công phu hằng ngày, nếu thiếu chịu đựng thì sẽ đổ vỡ hết, không siêng năng cũng trở thành ma lười nhác, khiến mọi người chán chê. Nếu chúng ta không có tinh lực thì nói gì đến định lực. Không có định lực, làm sao phát huy trí tuệ được.

Trí tuệ nói ở đây là trí tuệ Bát-nhã, xuyên thủng được tất cả những tham đắm, chấp trước ngũ ngã từ lâu nay, chứ không phải trí tuệ học ở cấp I, cấp II, cấp III v.v... Tất cả những kiến thức đó đối với người hành đạo không quan trọng. Bởi vì đôi khi những kiến thức ấy sẽ dẫn chúng ta càng đi càng xa đạo. Do có kiến thức nên dễ vướng vào hý luận, chữ nghĩa, mà lý luận nhiều là đi ngược lại với đạo lý, với sự tu hành chân chánh. Nhiều người rất có trình độ, muốn xuất gia, sắp đặt đủ thứ chuyện nhưng tới chùa ở một tuần lễ phiền não rồi cuốn gói đi. Vì họ chỉ hiểu chứ không hành được, nên chịu không nổi nếp sống thiền môn.

Trí tuệ Bát-nhã từ chỗ chuyên tâm, phản quan tự kỷ mà ra, chứ không phải lượm lặt bên ngoài. Thiền sư Toàn Khoát nói đồ bên ngoài là đồ giả, không phải của báu nhà mình. Người tu hành phải là một chiến tướng, có áo giáp tinh tấn tức là siêng năng. Siêng năng liên tục chứ không phải siêng năng từng đoạn từng phần. Chúng ta thường chỉ siêng năng một quãng nào thôi. Ví dụ từ sáng tới chiều mình siêng năng làm việc, nhưng từ 6 giờ 30 chiều cho tới 5 giờ sáng mình không siêng năng làm nữa, mà siêng năng ngủ. Ở đây nói là siêng năng liên tục. Quý vị học kinh, luật, luận thật nhiều, mà không siêng năng thì không đi tới đâu hết, giữa đường bỏ cuộc.

Người không chịu đựng được sẽ làm vỡ tất cả những công trình của mình. Thiên định không có thì trí tuệ ở đâu ra, nếu có cũng chỉ là trí tuệ hiểu biết chuyên bên ngoài. Anh em hơn huynh đệ một chút liền nghĩ mình có trí tuệ, điều này không đúng đâu. Huynh đệ đi ăn về im lặng nghỉ ngơi, làm việc xong cũng không nói gì, rảnh rang đọc sách là người có trí tuệ... Còn kẻ cứ lú lo đủ thứ chuyện, lại cho mình hơn huynh đệ, thật ra là người kém trí tuệ.

Dứt giống vô minh, khiến tâm được thường không tịch, tri kiến rộng suốt không các chướng ngại. Dù hành đạo này, mà bị đánh mắng cũng phải nhận chịu. Tâm này chẳng tán động, cùng tốt thuở vị lai, trọn không mảy may thối chuyển, từ đây mãi mãi cho đến khi nào thành Phật mới thôi. Bằng Phật mới vừa lòng mình, không hề thối chuyển. Thiên sư Minh Chánh dạy dù bị đánh mắng cũng phải nhận chịu, không tán động từ đây cho đến cùng tốt thuở vị lai. Tức là cho đến ngày nào chúng ta thành Phật trọn không có mảy may thối chuyển.

Như gió giữ thế giới bền chắc chẳng động, như đất chở chúng sanh không chút nhàm mỏi. Đây mới thật là Phật tử biết gìn giữ tâm, cũng chính là người hoàn toàn không có ngã, thật sự là vị Bồ-tát hộ pháp vậy. Thế giới quan của Phật giáo diễn tả những phương trời vô cùng vô tận. Ví dụ nói thời kỳ suy hoại của kiếp giảm có bốn giai đoạn gồm Thành, Trụ, Hoại, Không. Kiếp Hoại đã bắt đầu và thời của chúng ta là thời kỳ Hoại. Các hiện tượng nước ngập, do tầng ozon bị thủng nên tia cực tím soi xuống những vùng băng đã kết thành từng khối, làm băng này tan ra tạo thành nguồn nước dội xuống gây ra lũ lụt. Trong kinh nói là nước ngập thấu lên các tầng trời.

Qua giai đoạn nước ngập rồi tới giai đoạn hết nước, trái đất sẽ khô cằn và lửa bắt đầu cháy. Cháy cho tới tầng trời Tam Thiên, Tứ Thiên, nghĩa là cháy hết mười tám tầng trời của cõi Sắc. Sau khi lửa cháy hết rồi sẽ có những trận gió. Ở đây nói gió giữ gìn thế giới, có học mới biết câu này. Một trận gió thổi qua, tất cả trở thành bình địa. Bởi vì vạn vật đã cháy tiêu hết, chỉ còn tro bụi. Đây là thời hoại hết, tiếp đến sẽ chuyển sang kiếp không.

Kiếp Không dài vô số kể. Qua kiếp Không sẽ dựng lập trở lại kiếp Thành. Bắt đầu cũng từ những trận gió. Khi gió thổi qua sự sống từ từ gầy dựng trở lại. Lúc đó chúng sanh sống tuổi thọ vô lượng vô biên, phước báu đầy đủ. Dần dần dân số đông đảo, họ bắt đầu tranh giành thức ăn và đất đai, ngô ngã bĩ thử phát sinh, tuổi thọ lại giảm dần cho tới chúng sanh sống khoảng trên hai ngàn tuổi thì đức Phật Di Lặc ra đời.

Chúng sanh có mặt ở đây đang sống trong kiếp Hoại nên tuổi thọ cứ giảm dần. Cứ một trăm năm giảm một tuổi, chừng nào chúng sanh trên địa cầu này chỉ sống tới mười tuổi là một đời người, xem như cùng cực của kiếp Hoại. Bây giờ xảy ra các tam tai như trên đã nói. Lúc đó con người ác vô kể, những thức ăn và đồ vật đang dùng sẽ trở thành các công cụ giết người độc hại ghê gớm.

Rõ ràng chúng ta thấy đó, bây giờ thức ăn trở thành độc tố rất nhiều. Từ đâu ra? Thức ăn bản chất không phải độc, nhưng do lòng tham của con người mà thành độc. Ví dụ con người tham cấy lúa được nhiều vụ, muốn tăng năng suất lên cao để thu tiền, nên tống độc tố vô trong lúa. Người dân tiêu thụ lãnh đủ. Hoặc trồng nhãn, trồng điều, trồng khoai đều dùng các loại thuốc dinh dưỡng, thuốc tăng trưởng cho nó mau lớn. Do vậy đã đưa chất độc làm ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, phát sinh các căn bệnh trầm trọng gây nguy hiểm đến tính mạng của cộng đồng như ung thư...

Tất cả những việc làm này không do ai chỉ bày cả, mà từ ác tâm của chúng sanh ra. Bây giờ mình tham đắm, làm gì cũng muốn trăm năm ngàn năm. Thử tưởng tượng khi tuổi thọ chỉ còn mười tuổi thì tham vọng, tâm ác độc của con người sẽ ghê gớm tới đâu nữa. Tuy nhiên bây giờ những người có chủng Phật đặc biệt sẽ trụ thành. Nghĩa là trong số vô lượng chúng sanh chịu sự suy thoái của thời kiếp, có những chúng sanh gây dựng được chủng Phật. Họ nghe hiểu và tu thập thiện, dù tu không hoàn chỉnh nhưng vẫn có chủng tốt. Kiếp Hoại hết nhưng chủng thiện không hoại. Những chúng sanh nào biết phát huy chủng thiện, sẽ hoán chuyển sang thế giới có nhiều phúc lạc. Do đó nếu người tu hành chân chánh sẽ không sợ gì về chuyện kiếp Hoại, không sợ lửa gió hay lũ lụt chi hết. Vì phước sẽ hoán chuyển họ đến nơi thuận lợi yên ổn. Dù ở thế giới nào họ vẫn tu tập, vẫn sống hiền lành. Rõ ràng tạo nhân lành thì hưởng quả lành.

Ngày xưa Sơ tổ Trúc Lâm xuống núi, vào trong dân gian giảng dạy Thập thiện để chuyển hóa nhân dân. Hòa Thượng Ân sư của chúng ta tuy dạy thiện nhưng cũng tùy cơ duyên của chúng sanh, ngài dạy giáo lý thâm diệu, vừa thiên vừa giáo chứ không nói thuần thiên. Bởi vì nói thuần thiên tuy hay song những người căn cơ kém làm không được. Đó gọi là phương tiện thiện xảo của các bậc thiện tri thức.

Tâm này chẳng tán động, cùng tốt thuở vị lai trọn không mảy may thối chuyển. Như gió giữ thế giới bền chắc chẳng động, như đất chõ chúng sanh không chút nhàm mỏi, đầy mới thật là Phật tử biết gìn giữ tâm, cũng chính là

người hoàn toàn không có ngã, thật sự là vị Bồ-tát hộ pháp vậy. Tâm vững như gió giữ thế giới không động, như đất chở chúng sanh không chút nhàm mỏi. Chúng ta thấy đất có sức chịu đựng không gì bằng. Đào xới cũng được, thả đồ dơ lên cũng được, đi bằng đôi chân cũng được, mà nện bằng các mũi nhọn cho lũng cũng được. Không khi nào đất nói gì. Làm sao tâm nhẫn của chúng ta cũng như vậy.

Chớ đem năm chướng báng chư ni,

Thọ ký rành rành chẳng thiếu gì,

Di Mẫu ngộ tâm, thành chánh giác,

Da Thâu kiến tánh, chứng Bồ-đề,

Đã hay thấy đạo, mới hành đạo,

Rõ suốt vô vi, nói hữu vi,

Bồ-tát trì kinh nào có tướng,

Pháp nhẫn vô sanh khéo siêng trì.

Chớ đem năm chướng báng chư ni nghĩa là không nên y cứ trên hình tướng nam nữ mà phân biệt, cho rằng người nữ nhiều chướng ngại, không thể làm được việc lớn. Như trong kinh nói người nữ không được làm chuyển luân thánh vương, người nữ không được làm Phật v.v... đó là những chướng ngại của họ. Thế gian thường có định kiến cho rằng tâm người nam rộng lớn, tâm người nữ nhỏ hẹp. Ở đây nói đến tâm thì không có tướng nam nữ cho nên khuyên nhắc chúng ta không căn cứ những hình thức ấy mà chê bai nữ nhân.

Việc thọ ký của đức Thế Tôn rành rành đó. Di mẫu ngộ tâm thành chánh giác. Di mẫu là di của Phật, tức bà Kiều Đàm Di, đứng đầu bên Ni giới. Da thâu kiến tánh chứng Bồ-đề, tức bà Da Du Đà La kiến tánh và chứng Bồ-đề. Thành ra thiên sư Minh Chánh nói về ngộ tâm, kiến tánh, thấy đạo, rõ suốt v.v... chứ không nói người nữ, không nói nghiệp chướng, không nói cao thấp chi hết.

Đã hay thấy đạo mới hành đạo,

Rõ phước vô vi nói hữu vi,

Bồ-tát trì kinh nào có tướng,

Pháp nhãn vô sanh khéo kiên trì.

Chúng ta tu tâm, hành đạo từ tâm, mặc giáp nhẫn nhục, tinh tấn và chịu đựng, đủ định lực để phát huy trí tuệ Bát-nhã. Việc lớn của người tu là như thế. Người tu mà thiếu trí tuệ thì không thành tựu đúng như pháp được. Lúc ở ngoài đời, chưa xuất gia quý vị sống và theo qui luật của thế gian. Mọi người được sinh ra, được nuôi dưỡng lớn lên, được đi học và gây dựng cuộc đời, đó gọi là sự nghiệp thế gian. Tùy theo phước duyên mỗi người mà họ thành công hay thất bại trên đường đời. Nhưng vào đạo thì không đặt sự nghiệp trên các lãnh vực ấy mà đặt trí tuệ lên trên. Có trí tuệ thì sống đúng, làm đúng với chánh pháp, không đọa lạc, không đau khổ. Không có trí tuệ thì dù thành công kiêu nào cũng vẫn khổ như thường.

Theo tinh thần Phật giáo đại thừa, không luận người xuất gia hay hàng cư sĩ tại gia, những vị hộ giới hộ pháp, những vị Quốc Vương, những vị làm công tác lãnh đạo Quốc gia... nếu được huấn luyện, được nuôi nấng trong niệm thiện, phát huy theo hướng thiện thì các vị ấy sẽ làm rất nhiều việc lợi ích cho chúng sanh. Đôi khi họ có điều kiện làm được nhiều việc hơn người xuất gia nữa. Trái lại nếu không được nuôi dưỡng trong chánh pháp, để tâm tham sân si chi phối, chẳng những họ không làm được điều gì lợi ích cho dân tộc, mà còn gây tạo nhiều nghiệp nhân bất thiện, làm khổ mình khổ người. Điều này thật nguy hiểm, rất đáng lo sợ. Tóm lại Bồ-tát vào đời với mọi hình thức, không nhất thiết phải là người xuất gia, bởi vì hạnh nguyện của các ngài được thể hiện theo nhiều cách, nhiều phương thức khác nhau.

Ở đây chúng ta cố gắng tự kiểm và lấy những điểm này làm chuẩn mực quyết định công phu của mình. Thứ nhất là siêng năng liên tục. Thứ hai là chịu đựng bền bỉ. Thứ ba là tinh lực thường xuyên và mạnh mẽ. Những điều kiện đó hoàn chỉnh rồi thì trí tuệ sẽ sáng tỏ viên mãn. Trí tuệ này không phải do cầu nguyện, không do Phật ban cho, mà do công phu của ta phát sinh.

Quý vị có đọc truyện Tây Du thì biết. Trong thời gian Tôn Hành Giả học đạo, chỉ mỗi việc ông thầy kêu đổ cái ống nhổ ở chỗ không trời đất là đủ bí rồi. Đâu có chỗ nào không phải trên trời dưới đất, chỉ còn cách nốc vô bụng là yên thôi. Cho nên ông nốc quách cái ống nhổ vô bụng. Quý vị tưởng tượng xem, đàm giải của mình nhổ ra còn không thể nuốt lại được, huống là của người khác, vậy mà Tôn Hành Giả nuốt vô bụng một cách bình thường.

Rõ ràng phải là người nuôi chí lớn mới làm nổi chuyện ấy. Do đó ông theo học đạo chẳng bao lâu, đã được những thần dụng biến hóa khôn lường.

Người nào đối với ngô ngã bĩ thử triệt hết đi thì mới phát huy đại sự được. Ở đây nói nếu chúng ta cắt đứt các duyên chung quanh thì sẽ nhẹ nhàng, dù không được Phật thọ ký cho thành Phật, nhất định cũng sẽ thành Phật thôi. Vì vậy mong tất cả huynh đệ kiên trì nuôi lớn đức nhẫn bằng chính nguồn trí tuệ nơi mỗi chúng ta.

CHÁNH VĂN

Bốn hạnh an lạc, là bảo người hộ trì tâm này, nếu ở trong Già-lam, hoặc nơi chợ búa, phải khéo nương nơi bốn hạnh an lạc, đáo xứ tùy duyên mà thuyết pháp giáo hóa.

GIẢNG

Phẩm An Lạc Hạnh nói về hạnh an lạc của người tu, đặc biệt là người xuất gia. Chúng ta sống như thế nào, tu tập như thế nào để những người chung quanh tiếp cận với mình cũng được an lạc. Hạnh an lạc gồm có bốn:

1. Hành xứ: Bỏ-tát luôn nhẫn nhục, nhu hòa, không bị ngoại cảnh kéo lôi hay tác động.
2. Thân cận xứ: Bỏ-tát không gần gũi vua quan hay những người có quyền thế, người tu theo ngoại đạo... Bỏ-tát luôn thấy tánh Không của các pháp.
3. An lạc hạnh: Sau khi Như Lai diệt độ, người nào muốn nói kinh Pháp Hoa phải trụ trong an lạc hạnh. Nghĩa là không nói lỗi người, không kiêu mạn, không giải đãi, không oán hận, không ganh tỵ. Phát khởi tâm đại bi với tất cả chúng sanh, đối với Bỏ-tát phải cung kính cúng dường như bậc Thầy.
4. Phát đại bi tâm: Trong đời mạt pháp, ai muốn thọ trì kinh này phải sanh tâm đại bi với hàng xuất gia cũng như tại gia. Đối với chúng sanh, phát nguyện khi ta thành tựu chánh giác sẽ độ tận chúng hàm linh.

Làm sao để bản thân mình được an lạc, an trú trong chánh pháp, làm lợi lạc cho chúng sanh. Người xuất gia là người mang chí cả, mang tinh thần siêu việt thượng cầu Phật đạo hạ hóa chúng sanh.

Trong giai đoạn thượng cầu Phật đạo, chúng ta học tập và áp dụng lời Phật dạy vào đời sống. Nghiên cứu tiếp thu những tinh ba Phật pháp, tôi luyện và sống làm sao cho chân hạnh được hiện bày. Huynh đệ học Phật pháp không phải để phô trương ra ngoài, biểu trưng cho mọi người thấy mình thông minh, hiểu nhiều nhớ nhiều. Quan trọng nhất là áp dụng được Phật pháp vào đời sống của mình, như thế mới có thể thực dụng được hạnh an lạc như ở đây nói.

Già-lam là chùa, viện, nơi người tu hành an trú. Trong lúc hành đạo, chúng ta có mặt ở đâu đều thể hiện tròn đầy hạnh an lạc. Trong chùa cũng vậy, ở am thất cũng vậy, đi giáo hóa chúng sanh cũng vậy. Bây giờ đang sống trong thiền viện là đại già-lam, trước nhất bản thân chúng ta phải thể hiện hạnh an lạc. Đó là hạnh gì? Hạnh giữ giới, thiền định, tỉnh giác liên tục. Dù chưa được hoàn toàn như thế, nhưng với tâm nguyện, sự kiên quyết, chúng ta nỗ lực giữ gìn oai nghi tế hạnh, giữ gìn đạo đức, thể hiện tròn đầy hạnh an lạc.

Trong luật kể lại câu chuyện thế này. Có một vị tăng lỡ đường giữa chốn rừng núi. Nửa đêm, ngài tìm được một hang đá và định nghỉ lại đó. Người ta cho hay nơi này có quỷ dữ, hầu hết những người tá túc qua đêm đều mất mạng, họ khuyên ngài không nên nghỉ nơi đây. Nghe thế nhưng ngài vẫn bình thường. Vào trong hang ngài dọn dẹp, lấy đại y treo chắn ngang phía trước làm cái màn, lấy hạ y trải xuống làm nệm, lấy trung y đắp trên thân. Ngài tọa thiền quá nửa đêm, hành đứng hạnh của người xuất gia. Sau đó ngài nghỉ đêm trong tỉnh giác, không khởi niệm nào khác. Ngài an tường nghỉ ngơi tới cuối đêm thì thức dậy tịnh tọa tiếp.

Qua đêm ấy mọi người chung quanh đều sợ hãi, họ chuẩn bị đèn xem sự cố thế nào. Đến nơi, họ thấy cả một lối mòn đi xung quanh cái hang đó, chỗ gần đại y dẫu nước miếng của con quỷ chảy xuống vẫn còn. Nó nghe mùi thịt thèm lắm, nhưng tiến vô không được vì có các vị thần hộ giáo, hộ giới, hộ pháp đã vây quanh bảo vệ vị tăng. Đó là công đức của một bậc tu hành thanh tịnh, giới luật trang nghiêm. Mọi người thấy vậy kính nể vô cùng. Nhìn vị tăng bình thường, không biểu hiện thần lực gì cho thiên hạ khiếp sợ, mà bên trong thể hiện tròn đầy cốt lõi của người đã an lạc.

Từ đó chúng ta mới hiểu lời nói của Bồ-tát Sĩ Đạt Đa với bọn ma vương khi ngài sắp thành đạo quả “ta có cung thiền định và kiếm trí tuệ, biết bọn này là không thật nên ta không sợ”. Vị tăng trong câu chuyện trên cũng thể hiện cung thiền định và kiếm trí tuệ, thể hiện sự bình an kiên định của một người tu hành. Chúng ta không hành đạo để được thần thông mà cốt ở hạnh lực, sự

nhấn nhục và tỉnh giác. Chân thật thì bất hư, chánh đạo thì không có gì hại được. Nếu tâm chúng ta vững thì cảnh duyên chung quanh không làm gì được mình. Nhiều người đổ thừa tại thế này thế kia, nhưng thực chất là tâm mình chưa yên, nên bị động bởi những thứ chung quanh, bị các pháp lôi kéo. Từ đó mà mê mờ không tự chủ được, rồi lãng xăng tạo nghiệp lẩn quẩn trong luân hồi sanh tử.

Với người hành đạo chân chính, mọi quyết định chủ yếu ở nơi mình. Các huynh đệ nắm vững như thế thì sự hóa đạo rộng rãi và lợi lạc rất lớn. Bây giờ chúng ta chưa sống được với tánh giác, phải làm sao? Cái khổ của người tu là khi hiểu điều gì đó mà chưa làm được. Hiểu thì có hiểu, nói cho người ta nghe được mà mình làm chưa được, nghĩ lại xấu hổ khổ tâm vô cùng. Khi thấy xấu hổ khổ tâm thì phải phấn đấu, cố gắng làm cho được điều mình hiểu. Tổ Bồ Đề Đạt Ma khi đến Trung Quốc, người ta hỏi “Thế nào là Tổ?”, ngài đáp “Hạnh giải tương ưng”, tức hành động và sự hiểu biết đi đôi với nhau. Hiểu và làm đúng tức là Tổ.

Chúng ta là thiên sinh phải phấn đấu tích cực, rèn luyện như thế nào để làm được điều Tổ đã dạy. Chỉ hiểu và nói thôi, không làm được chúng ta cảm thấy rất xấu hổ. Đó là vì ta yếu đuối quá. Rõ ràng mọi thành tựu đều từ công phu, sự phấn đấu và quyết tâm của chúng ta, không thể trông đợi ai khác. Huynh đệ nắm vững như thế thì đường đi trước mắt mở rộng, chân trời ta đến tự tại và thênh thang bởi không vướng mắc chi hết. Những vướng mắc trong lòng được đả thông thì bên ngoài bình yên. Giả dụ như sau một thời gian khoảng năm mười năm, hai mươi năm, các thiên sinh trở thành những thiên sư, phải vào chỗ ồn náo giáo hóa, chúng ta cũng sống được an lạc. Làm lợi ích cho chúng sanh, mà trong lòng nguyên vẹn nguồn an lạc, tinh thần vô ngã vị tha được thể hiện tròn đầy trong từng cử chỉ oai nghi. Được vậy thì thật là đáng kính trọng và tuyên dương.

Dù ở chợ búa hay giữa chiến trận, nếu chúng ta hằng sống được với tánh giác tròn đầy, mọi sự rối rắm chết chóc sẽ không dính dáng gì tới ta. Người được như vậy đảm bảo đêm ba mươi, đối đầu với Diêm vương vững vàng tự tại. Người ta hỏi thiên sư phút chót làm gì? Phút chót tự tại ra đi. Nơi nào chúng sanh cần thì đến, chẳng ngại gian lao, chẳng từ khó nhọc. Đó là lời tuyên thệ của bậc đại trí tuệ, đại Bồ-tát. Bây giờ mình chưa tuyên thệ, nhưng chắc chắn con đường ấy ta sẽ đi và sẽ tới. Nếu chúng ta không chuẩn bị, tới lúc đó sẽ như con cua bị bỏ vô nồi nước sôi, Diêm Vương sẽ nuốt chửng mình, khỏi cần phải hỏi cung.

Thiền tăng thì không thể quơ tay quơ chân như cua bị bỏ vô nồi nước sôi được, cho nên bây giờ chúng ta phải chuẩn bị, thể hiện hạnh an lạc trong công phu. Thiền tăng sống an vui, chết tự tại mới đúng tinh thần của nhà thiền. Điều này không phải nói để chơi, nếu anh em chưa được như vậy thì phải ráng cho được. Bởi vì dù muốn dù không, cũng sẽ đến lúc mình đối diện với Diêm vương. Tùy huynh đệ thôi, ai muốn cho quý sứ nó cura thì cứ lười biếng không tu, muốn vô chảo dầu sôi thì cứ tham đắm si mê theo ngũ dục. Nên nhớ nếu ta không tỉnh sáng, không có công đức tu hành, lỡ gây nghiệp ác thì dù không muốn, quý sứ cũng lôi đầu mình xuống địa ngục.

Nghiệp từ những vọng động điên đảo của chúng ta mà ra, chứ không phải từ đâu hết. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp điên đảo không làm chủ được, nói năng và hành động sai quấy, từ đó hình thành nên một năng lực, năng lực đó dẫn chúng ta đi. Nói dễ hiểu hơn năng lực là một thói quen. Thói quen này được lặp đi lặp lại nhiều lần, nó tạo thành lực. Năng lực này từ ba nghiệp mà thành. Khi nó đã thành rồi thì sẽ dẫn chúng ta đi vào con đường tương ứng. Ví dụ vị đó không biết hút thuốc, nhưng bạn bè rủ hút riết, họ tập hút. Lần đầu đưa thuốc vào miệng sặc và ho, nhưng lần thứ hai bớt đi, lần thứ ba nghe dễ chịu một chút, lần thứ tư kê vô miệng ngậm tự nhiên, không thấy sặc thấy ho gì cả, lại còn nghe ngon nữa. Cứ thế, một ngày hút một điếu, rồi hai điếu, ba điếu cho đến một ngày hút cả bao. Đến khi thói quen tạo thành năng lực, tức thành nghiệp rồi thì nó có sức mạnh phi thường. Bây giờ con ghiền nổi lên, nó bắt hút thì phải hút, không thể cưỡng lại được. Cho nên người tu sợ nhất là nghiệp, bởi vì khi nó có năng lực rồi thì ghê gớm lắm.

Hiện tại chúng ta chưa cảm nhận được sự an lạc như thế nào, vì mình ít khi được an lạc. Nhưng nếu chúng ta đã thâm nhập, đã thể nghiệm được rồi thì sẽ thấy an lạc trị được phiền não, có thể giúp ta đương đầu với Diêm Vương một cách tự tại. Người an lạc đi ngã nào cũng an lạc. Thiền tăng chúng ta phải đầu tư vào năng lực của trí tuệ để chiến thắng được năng lực của nghiệp. Như vậy mới đảm bảo đêm ba mươi, ta thoát khỏi quý dữ. Nhà thiền hay nói về đêm ba mươi sau cùng. Vào đêm này, thiền viện hay tổ chức phổ trà, các bậc tôn túc thường nhắc nhở sách tấn đại chúng nỗ lực công phu, tăng trưởng đạo hạnh, ngõ hầu khi vô thường đến, chúng ta không rơi vào các con đường tối tăm.

Người xưa bảo kẻ nào gây tạo nghiệp ác nhiều thì vừa thoát thân, thấy cảnh giới chung quanh tăm tối, trên trời sấm sét, những tiếng tru tréo của các loài thú dữ, cảnh tượng khiếp đảm đến mức không thở nổi. Họ bỏ chạy đến chỗ

nào thấy bụi lùm liền chui vô trốn. Vừa vô là thọ thân lông lá sùng gác. Đó là đường đi của những người mang ác nghiệp. Trái lại những người có thiện nghiệp, tu hành có đạo hạnh, khi bỏ thân hiện hữu này tự nhiên thấy bầu trời thanh thang, gió mát, trăng trong, ánh sáng rực rỡ họ liền đến đó. Vào trong ấy rồi là đã thọ thai ở những cảnh giới an lạc.

Đêm ba mươi của chúng ta như thế. Cho nên không phải đợi tới lúc đó mình mới chuẩn bị, không phải đợi tới lúc khát cháy cổ mới đào giếng, sẽ không còn kịp nữa. Phải chuẩn bị ngay bây giờ bằng sự nỗ lực tu tập từng giờ từng khắc. Nếu có ai hỏi quý vị khi xả bỏ thân tứ đại này sẽ đi đâu? Quý vị có thể nói “sẽ tự tại chọn đường mà đi”. Trả lời được như thế, đảm bảo chuyến độc hành độc bộ của quý vị hết sức an lạc thanh thang. Không nên tới lúc đó nhờ người ta hộ niệm, hay giống như con cua bị bỏ vô nồi nước sôi.

CHÁNH VĂN

Hoặc nơi chợ búa, phải khéo nương nơi bốn hạnh an lạc, đáo xứ tùy duyên mà thuyết pháp giáo hóa.

Hãy lấy giới luật làm trước để dẫn đường, dù cùng lẫn lộn với thế tục, hòa quang mà vẫn tự tại, giữ tâm trong sạch như gìn tròng con mắt.

GIẢNG

Đáo xứ tùy duyên là đến đâu cũng tùy duyên. Tùy duyên mà bất biến, tùy duyên mà vẫn tự tại, chứ không phải tùy duyên mà bị động.

Đây là những lời dạy chí thiết của Thiền sư Minh Chánh. Lấy giới luật làm trước để dẫn đường nghĩa là đường đi của chúng ta có giới luật bảo vệ, không sợ đi lạc, không sợ bị ngoại ma uy hiếp. Dù lẫn lộn trong thế tục hòa quang nhưng mà vẫn tự tại. Hòa quang nhưng không mất mình. Chúng ta cũng như mọi người nhưng đặc biệt mình không quên tánh giác. Ngài dặn giữ tâm trong sạch như gìn tròng con mắt, câu nói này rất tốt cùng. Giữ cái tỉnh sáng, cái tâm thanh tịnh như gìn tròng con mắt, không để dính bụi bặm bên ngoài. Dù loại bụi bặm nào, vàng ngọc mà đưa vô con mắt đều thành bệnh. Phiền não vọng tưởng xả bỏ đã đành, mà Bồ-đề Niết-bàn cũng phải viễn ly, vì tất cả đều là bụi. Nói trắng ra như vậy để chúng ta không bị kẹt trên đường tu.

CHÁNH VĂN

Trong chứa chí đạo, ngoài chẳng khinh khi kẻ khác. Chí nguyện phải thân được hạt châu trên búi tóc để đại phá bốn ma. Một mai thấy suốt tâm bản lai ngộ nhập chân như tri kiến địa.

GIẢNG

Ngài nói trong lòng chứa chí đạo, chí đạo nghĩa là gì? Như trong Tín Tâm Minh, tổ Tăng Xán nói “Chí đạo vô nan, duy hiềm giảng trạch”. Chỗ tốt đạo không khó, chỉ ngại giảng trạch. Chỗ chí đạo giống như cái tâm của mình rỗng rang sáng suốt. Nó hiện bày đây thôi nhưng muốn nhận, muốn sống được với nó thì đừng ngược xuôi, đừng vướng mắc. Giảng trạch tức là tâm lăng xăng điên đảo, nó hoạt động như con khi, nắm đông bắt tây, toan tính việc nọ việc kia. Người tu thiền muốn được định mà giỏi toan tính quá thì khó được định lắm. Cho nên ai so đo toan tính, bèn chạy trốn với tất cả các cảnh duyên, người đó khó được thiền định.

Người được thiền định là người thấu thoát, là người bất động đối với tất cả các cảnh duyên, cho nên không toan tính gì hết. Các pháp vốn như thế. Như nói cái đồng hồ đẹp, mình chỉ biết vậy thôi, chứ không tìm xem nó đẹp thế nào, của ai. Đó là sống chỗ chí đạo. Tổ thứ ba Thiên tông Trung Quốc là ngài Tăng Xán đã nói: “Chí đạo vô nan, duy hiềm giảng trạch”, nghĩa là chỗ tốt của đạo không khó, chỉ sợ tâm lựa chọn phân biệt. Một câu nói này, chúng ta áp dụng được có thể thành đạo. Lời này đâu có gì cao kỳ, mà hết sức giản dị, nhưng nếu chúng ta khởi niệm lăng xăng mắc mưu thì khó. Trong kinh Lăng Nghiêm nói theo niệm là bội giác hợp trần, không theo niệm là bội trần hợp giác.

Một niệm vừa khởi lên chúng ta bị nó dẫn tức là giảng trạch, khởi niệm tăng ái, bị hấp lực của nó dẫn đi. Ngược lại chúng ta bình thản trước tất cả mọi cảnh duyên và không theo tạp niệm loạn động thì không giảng trạch, từ đó trí tuệ Bát-nhã hiện tiền. Điều này có khi ta nói được, truyền đạt được, nhưng chưa làm được vì ta nuôi khí vượn nhiều quá, đầu óc toan tính lung tung, tâm chưa định, niềm tin đối với chánh pháp chưa vững. Từ đó ta sống theo vọng tưởng điên đảo, tạo nghiệp vô cùng để rồi chuốt quả khổ. Nhìn lại mình thấy vô lý quá. Cho nên ở đây thượng nhân Minh Chánh dạy chúng ta những lời rất cụ thể, nói trắng ra hết, không che dấu gì cả.

Người sống được với chí đạo, không bao giờ khinh khi kẻ khác, không thấy mình được như vậy như kia. Chí nguyện phải thân được hạt châu trên búi tóc để đại phá bốn ma, ý muốn nói chúng ta là một vị tráng sĩ xông pha chiến

trận, thì phải chiến thắng ma quân, đạt được hạt châu vô giá trong búi tóc. Tức là nhận ra và hằng sống với tâm chân thật của mình. Một khi được như thế thì việc tiếp cận đại phá ma quân không còn ngần, không còn sợ nữa. Như Tướng quốc được vua ban thanh bảo kiếm, có thể dùng nó chém tội gian thần trước và tâu vua sau. Người này được quyền như vậy. Người được hạt châu cũng vậy, có một quyền năng lớn lao phi thường. Bao giờ chúng ta là vị tráng sĩ nhận được hạt châu đó, chúng ta mới có thể đại phá ma quân.

Một mai thấy suốt tâm bản lai ngộ nhập chân như tri kiến địa, thấy suốt tâm bản lai là ngộ nhập tri kiến Phật. Tâm bản lai cũng chính là tri kiến Phật. Trong công phu hàng ngày, chúng ta tập trung để luôn tỉnh và sống được với tánh giác. Như vậy lộ trình trở về quê hay thâm nhập tri kiến Phật không có gì trở ngại nữa. Đó là phần lý giải mà ngài Minh Chánh toát yếu lại lời dạy của đức Thế Tôn trong phẩm An Lạc Hạnh.

Có bài kệ:

CHÁNH VĂN

***Diệu Pháp Liên Hoa, đề mục trên,
Bản lai thanh tịnh, rộng trời thênh,
Tới lui hành xứ, mắt tâm sạch,
Qua lại thân gia, tránh tị hiềm,
Cũng chẳng khi người, mà tự đại,
Chỉ nên niệm Phật, một lòng bền,
Một mai đại phá ma quân trận,
Tự tín hoa sen, lúc mọc lên.***

GIẢNG

Hai câu đầu muốn nói Diệu Pháp Liên Hoa cũng chính là tâm, là tri kiến Phật, là bản lai diện mục hay bản lai thanh tịnh của chúng ta.

Tới lui hành xứ, mắt tâm sạch,

Qua lại thân gia, tránh tị hiềm,

Hai câu này răn dạy chúng ta trong mọi sinh hoạt, phải giữ tâm trong sạch, làm sao thể hiện được bản lai thanh tịnh. Chỗ qua lại đó không có những tị hiềm, không có giảng trạch. Đó là chỗ chí đạo. Chúng ta phải luôn tỉnh giác

không chạy theo những huyễn duyên, không bị các hiện tượng trần cảnh kéo lôi, tức là người bội trần hợp giác, chứ không phải bội giác hợp trần.

Cũng chẳng khi người, mà tự đại,

Chỉ nên niệm Phật, một lòng bền,

Ở đây nói niệm Phật nghĩa là sống được với tâm mình. Phật chính là tâm, là giác, chứ không phải niệm Phật là chỉ niệm danh hiệu. Niệm Phật là hằng sống với tánh giác của mình.

Một mai đại phá ma quân trận,

Tự tín hoa sen, lúc mọc lên.

Được như thế chúng ta là người chiến thắng ma quân. Vào đêm ba mươi sau cùng của cuộc đời mình, chúng ta tự tại ra đi, không bị nghiệp dẫn, không hốt hoảng với tất cả các hiện tượng xung quanh. Người tu thiền phải là người làm chủ được, giải quyết việc sanh tử của mình, chứ không phải tới lúc bị nghiệp dẫn lảng xãng sợ hãi. Muốn được như vậy, ngay bây giờ huynh đệ không được chần chừ nữa, nỗ lực tinh tấn tu tập. Phấn chân lên, chớ sanh tâm lười mỏi.

Chúng ta chưa chiến thắng được nghiệp tập, bạn hữu ta chưa chiến thắng được nghiệp tập, bây giờ mình hỗ trợ nhau để cùng chiến thắng nó. Do đó không có vấn đề tị hiềm ở đây, mà chỉ có sự thông cảm thương mến và dìu dắt nhau đồng tu đồng tiến. Hòa thượng Tôn sư thường nhắc nhở phải sáng được việc của mình. Một thiền sư Trung Hoa nói “Việc lớn chưa sáng như đưa ma mẹ, việc lớn đã sáng như đưa ma mẹ”. Nếu như làm được việc này thì không ngán mớ hồ sơ của Diêm vương. Nếu không chuẩn bị kịp tới lúc đó chỉ còn biết méo miệng, đờ lưỡi, không nói gì được khi thấy gậy gộc, chảo dầu sôi, cưa sắt, chia ba, gươm đao vây quanh khiếp đảm. Bây giờ chỉ còn có thụ hình mà thôi. Thảm thương thay!

Tóm lại, phẩm An Lạc Hạnh được toát yếu trong bốn hạnh như trên đã trình bày. Bốn hạnh này nếu chúng ta thực hiện được, đương nhiên trở thành người dũng sĩ đầy đủ sức lực, nhận được hạt châu trên búi tóc, giải quyết xong vấn đề sanh tử. Việc này mỗi người phải tự đương đầu, không ai có thể thay thế cho ai được cả. Sư phụ của chúng ta cũng không thể làm thế cho chúng ta, tất cả những vị thiện thần hộ giáo hộ giới cũng không thể thay thế

chúng ta. Mỗi chúng ta phải từng bước, từng phút giây, từng giai đoạn cố gắng tô tròn việc này.

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất

CHÁNH VĂN

Đất cỗi Ta-bà nứt ra, Bồ-tát từ dưới đất vọt lên. Bồ-tát tượng trưng cho hạt giống trí tuệ Phật. Đất nứt vọt ra là chỉ cho tâm lúc hết tình thức vọng tưởng, tức thì hạt giống trí tuệ từ trong đó mà hiển hiện lên. Bởi lúc vọng thức chưa phá, thì trí tuệ bị vọng tưởng che lấp. Mà trí tuệ lại ở dưới đó, chỗ sâu kín rất khó thấy. Nên kinh nói: “Tại thế giới Ta-bà này, trụ trong không trung của phương dưới” ấy vậy.

GIẢNG

Đất nứt vọt ra là chỉ cho tâm lúc phá hết tình thức vọng tưởng, tức thì hạt giống trí tuệ từ trong đó mà hiển hiện lên. Nói theo pháp tu của chúng ta, một niệm vừa dấy khởi mình không lao theo, không chấp nhận nó, an trú bình thường là trí tuệ từ bên trong vọt ra. Nhờ thế vọng tưởng lãng xăng, hiện tượng trước mắt không dẫn mình đi được. Ngay lúc ấy trí tuệ Phật hiện ra, trí tuệ Bát-nhã được hiện bày.

Trí tuệ Bát-nhã không từ đâu đến, không phải cái bên ngoài, mà do ta không làm chạy theo vọng tưởng. Lục Tổ dạy định tuệ hiện tiền chính là đây vậy. Chúng ta thường biết rõ ràng, ngay lúc ấy định tuệ hiện bày đầy đủ. Định là bất động và tuệ là trí tuệ Bát-nhã. Ở đây hàng Bồ-tát từ dưới đất vọt lên là tượng trưng cho trí tuệ Phật hay tâm thể của mình. Trí tuệ Phật hiện bày thì thức tình vọng tưởng không còn dấy khởi.

Bởi lúc vọng thức chưa phá, thì trí tuệ bị vọng tưởng che lấp. Chúng ta chưa đập phá vọng tưởng nên hạt giống trí tuệ chưa hiện bày. Bao giờ phá sạch lưới vô minh điên đảo, trí tuệ mới hiện bày giống như chư Bồ-tát vô lượng từ dưới đất vọt lên.

Mà trí tuệ lại ở dưới đó, chỗ sâu kín rất khó thấy. Nên kinh nói: “Tại thế giới Ta-bà này, trụ trong không trung của phương dưới” ấy vậy. Trí tuệ tuy sẵn có, nhưng thức tình vọng tưởng nhiều đời lãng xăng che lấp nên nó không hiển hiện ra, không dùng được. Hiện tại chúng ta đang tu bằng cách không

để vọng tưởng kéo lôi. Tuy không nói tâm thể hiện bày, mà chỉ không để vọng tưởng kéo lôi, tự nhiên tánh giác sẽ hiện bày.

CHÁNH VĂN

Bởi tuy bị vọng thức che đậy, mà chẳng tạp vọng tưởng, chỉ chưa có dịp hiển hiện ra thôi.

GIẢNG

Câu nói này khích lệ chúng ta rất nhiều. Chúng sanh không ai không tu được, chỉ quyết hay không quyết mà thôi. Nếu mình biết tánh giác luôn hiện tiền thì không theo vọng tưởng làm gì. Hòa thượng Viện trưởng thường nói “liều liểu thường tri”, một khi tánh biết đầy đủ, hiện tiền thì chúng ta sống với tâm an lạc. Giản dị như thế. Ở đây nói nó chưa có dịp hiển hiện ra, chứ không phải không có.

CHÁNH VĂN

Nếu chẳng phải kinh này khai thị, thì dù có các người thông minh trong thế gian, đến các bậc lão túc, gồm tất cả suy nghĩ xét lường của họ, chắc chắn cũng chẳng biết. Thế nên, kinh Kim Cương bảo: “Bị người khinh tiện” là đây.

GIẢNG

Nơi trí tuệ Phật, không thể dùng sự ức niệm suy lường mà có thể biết được. Giả như tất cả những người thông minh nhất cõi này hoặc cõi trời, các hàng Nhị-thừa... gom hết mọi hiểu biết, suy xét của họ để tìm trí tuệ Phật cũng không biết được. Hành giả tu thiền phải nắm vững công phu, tâm lặng yên thì định tuệ hiện bày.

Chủ trương của Hòa thượng Ân sư là Thiền giáo đồng hành. Tu thiền và học kinh để chứng minh công phu của mình không sai với lời dạy của Phật Tổ. Thời điểm của chúng ta, tu thiền không có thiện hữu tri thức chứng minh thì phải nhờ lời Phật chỉ giáo, các bậc Tổ sư hướng dẫn tu tập. Từ đó ta so lại xem pháp tu, công phu của mình đúng hay không. Vì vậy các thiền sinh chúng ta chọn pháp Thiền giáo đồng hành làm chỗ căn bản. Chư huynh đệ nắm vững, về sau vừa hành trì vừa hướng dẫn đàn hậu lai đi đúng đường lối như vậy.

CHÁNH VĂN

Nay nhờ được khai thị, mới biết vọng tưởng vốn không, giống trí từ trong đó mà xuất hiện.

Kệ rằng:

*Đất cõi Ta-bà nứt bên trong,
Vô biên Bồ-tát vọt lên không,
Di Lạc chẳng tường đại sĩ ấy,
Thế Tôn liền bảo “ngã nhi đồng”
Thọ kiếp trần sa, tuyên chân giáo,
Từ thuở lâu xa, học chánh tông,
Đầy hiển thức tâm khi phá sạch,
Bồ-đề giống ấy hiện viên thông.*

GIẢNG

Bài kệ này đúc kết lại những điều đã nói ở trên.

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất mở ra cánh cửa sau cùng cho chúng hội bước vào cõi chân thật. Chư Bồ-tát từ dưới đất vọt lên nhưng hoàn toàn trong sạch, không nhơ nhiễm, không tối tăm. Trái lại các ngài thuần tịnh, trong sáng. Vì sao? Vì các ngài không rời tri kiến Phật, hằng sống với tánh giác. Chư Bồ-tát từ dưới đất vọt lên không ai khác hơn là chính chúng ta. Nếu không có tánh Phật sẵn có, chúng ta không thể nào tu hành được trong đời ác ngũ trược này. Đó chính là niềm vui, niềm tin lớn lao nhất cho huynh đệ chúng ta trên lộ trình tu đạo và hành đạo.

Phẩm Như Lai Thọ Lượng

CHÁNH VĂN

Phẩm Thọ Lượng là tiêu biểu cho pháp thân chân thể, xưa nay trong sạch, chẳng sanh chẳng diệt, sống lâu chẳng thể nghĩ bàn. Người tu hành, nên thích thú tinh thần này, đồng thời phát tâm Bồ-đề, mong cầu được chứng. Nếu người chỉ được nghe Phật sống lâu chẳng thể nghĩ bàn, một lòng tin nhận, thì người ấy được trí tuệ chẳng thể nghĩ bàn, đời tương lai ắt chứng được “sống lâu chẳng thể nghĩ bàn” như thế. Bởi hiển bày

thức tâm sanh diệt đã diệt, thì chân tâm tịch diệt chẳng sanh chẳng diệt hiện tiền. Kinh nói: “Này thiện nam tử, các ông nên tin hiểu lời nói chắc thật của Như Lai”. Phật bảo ba lần như thế.

Khi đó, trong chúng đại Bồ-tát, ngài Di Lạc làm thượng thủ, đồng chấp tay bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, cúi xin ngài nói, bọn chúng con sẽ tin lời của ngài”. Bạch rõ ba lần như vậy.

Nay kẻ tối hạ bản tiện Giác Đạo Tuân này, xin cuối đầu qui mạng lễ.

GIẢNG

Phẩm Thọ Lượng là nói về tuổi thọ của Pháp thân Phật. Phẩm Thọ Lượng tiêu biểu cho pháp thân chân thể, xưa nay trong sạch, chẳng sanh chẳng diệt sống lâu chẳng thể nghĩ bàn. Thể tánh trùm khắp, tuổi thọ vô cùng. Chúng ta không thể dùng con số hay ví dụ để tính tuổi thọ của pháp thân. Vì nó vượt ngoài không gian, thời gian, vượt ngoài mọi hạn lượng.

Người tu hành, nên thích thú tinh thần này, đồng thời phát tâm Bồ-đề, mong cầu được chứng. Người tu hành nếu chỉ sống trên hiện tượng giới hạn thì sẽ không phát huy được chỗ chân thật không hình tướng, không sanh diệt. Tâm thể vô hạn, các hiện tượng hiện cảnh hữu hạn. Vì vô hạn nên không có gì trói buộc, còn cái hữu hạn dễ vướng mắc, ràng buộc, nhưng lại luôn biến đổi, có đó rồi không đó. Tạo ra khó khổ mà cũng không bảo quản được mãi mãi. Ví dụ như thân chúng ta, từ ngày sinh ra cho tới già chết, muốn bảo trì viên mãn trọn vẹn, không phải là điều dễ dàng.

Cho nên nhìn vào cuộc đời, không có gì bền vững. Kẻ giàu, người nghèo, tất cả đều vô thường. Mạng căn và phước duyên mỗi người khác nhau, song tất cả đều nằm trong điều kiện giới hạn, rất khó gìn giữ. Vậy nên cần cầu thoát ly, bỏ thân huyễn giả để trở về sống với thân chân thật. Điều này đòi hỏi chúng ta phải dứt khoát, mới có thể khắc phục được tập nghiệp của mình, dần dần ra khỏi trần lao sanh tử. Ví dụ khuya hôm nay, đại chúng đều tinh tấn lên Thiên đường ngồi ngay ngắn, nghiêm chỉnh tọa thiền. Riêng mình lại gật gù rồi bỏ cuộc, đi làm việc khác. Đây chính là hiện tượng không cố gắng, không làm chủ được, để nghiệp lực đẩy mình đi xa. Ở trong tập thể mà không dính dáng gì với tập thể. Từ một giờ một ngày, rồi nhiều giờ nhiều ngày như thế, thân xác mình sống ở đây nhưng tinh thần ở chỗ khác. Đó là hiện tượng của sự thoái hóa, cần phải chỉnh đốn ngay lập tức. Nếu không chúng ta sẽ khó giữ được tâm Bồ-đề.

Thân chúng ta trải qua từng chặng. Hai mươi đến ba mươi tuổi, ba mươi đến bốn mươi tuổi, bốn mươi đến năm mươi tuổi, năm mươi đến sáu mươi tuổi. Nếu ở thập kỷ hai mươi ba mươi tuổi, mình không tập làm chủ thì đừng nói tới thập kỷ năm mươi sáu mươi. Vì đến thập kỷ sáu mươi, chúng ta chỉ tạm dùng thân này với hình thức bên ngoài, chớ tinh thần đã suy yếu, không còn mãnh liệt hay mạnh mẽ như lúc trẻ nữa. Đến giai đoạn này muốn hạ thủ công phu cũng không hạ thủ nổi. Do đó làm sao anh em phải vào nề nếp, nhất là hoàn chỉnh công phu trước thập kỷ ba mươi bốn mươi. Tiền nợ cơm áo không phải là chuyện đơn giản. Cho nên chúng ta phải cố gắng tỉnh sáng trước khi đối đầu với Diêm vương.

Chúng ta phải biết thương mình. Biết thương mình thì đừng để nợ nần vây bủa. Cho nên ngay bây giờ phải thực tâm nghĩ đến việc chính của mình. Nói đến tuổi thọ của Phật là nói đến tâm thể của chúng ta. Việc tu tập hay làm các thiện sự chỉ là phát huy hình thức bên ngoài, đó chỉ là những phúc vụn, những cái tầm thường thôi. So với công phu của đức Phật trong khoảng chưa thành chánh giác, chúng ta không được tí xíu nào cả. Từ khi ngài đối chiếu y với người thợ săn, lang thang trong rừng khổ hạnh, học pháp và chứng các tầng thiền định. Thân thể suy cùng đến tột độ... Chúng ta chưa có gì để bì được, sáng tới bữa ăn, trưa lại một bữa ăn nữa, ăn trưa chưa xong thì lại tới bữa ăn chiều. Tối đến ngủ gà ngủ gật, sáng ra lại để duôi, chưa dứt khoát việc tu hành. Thử hỏi bao giờ thành Phật đây?

Học thì chúng ta cũng học, hiểu cũng có hiểu, nhưng phần áp dụng còn lơ lửng. Bởi lơ lửng nên cuộc sống hằng ngày bị bức xúc, tinh thần không an ổn, việc tu không tiến. Người xưa khi xét thấy công phu chưa tiến là trầm thống vô cùng. Còn chúng ta bây giờ thấy bình thường thôi, không cảm nhận đau xót trong lòng chút nào cả. Do đó mình tu không tới đâu hết. Các vị ngày xưa nói do công phu không miên mật nên mới ngủ gục. Nếu chúng ta có bệnh này phải khắc trị ngay, không để như vậy đến hết cuộc đời mình. Đừng bao giờ mê muội như thế. Thời gian thuận lợi chỉ đến với chúng ta trong một giai đoạn nào thôi, rất giới hạn. Vì vậy chúng ta tranh thủ giải quyết cho xong việc của mình, không thể xem thường.

Ngài Từ Minh ở chỗ thiền sư Thiện Chiếu, những phút giây tâm miên mật không liên tục, ngài dùng dùi nhọn để trong lửa đỏ và đâm vào bắp đùi mình. Người xưa tự kỷ luật nghiêm khắc như vậy. Những tấm gương này nếu chúng ta không được học, không noi theo thì không thể tu tiến. Cho nên các huynh đệ ý thức đến yếu tố miên mật trong công phu. Miên mật có nghĩa là liên tục. Tổ sư đã từng nói, nếu tâm ban đầu giữ được liên tục lâu dài thì

việc tu thành Phật là chắc chắn thôi. Mỗi huynh đệ phải tự kiện toàn lấy mình. Kiện toàn giới đức, kiện toàn định lực, kiện toàn trí tuệ. Chúng ta phải tự ý thức mình là người tu, không thể chứa chất ma mị trong tâm. Khi bản thân mỗi cá nhân tốt thì tập thể cũng sẽ tốt, toàn đạo tràng tốt theo.

Tuổi thọ của Như Lai là vô lượng vô biên, không gì có thể tính kể. Cho nên tất cả thế gian này tập trung trí lực như ngài Xá Lợi Phất lại cũng không thể nghĩ bàn chỗ đó. Đó cũng chính là tâm thể của chúng ta, tuổi thọ của chúng ta. Còn tuổi thọ vài ba chục năm của thân cha mẹ sanh đây không có gì đáng nói cả. Vì vậy cho nên các Thiên sư nói khi bỏ thân này như cởi được chiếc áo mùa hạ, như đắp chiếc chăn mùa đông, rất là nhẹ nhàng, không có gì đáng sợ hãi cả.

Khi đó, trong chúng đại Bồ-tát, ngài Di Lặc làm thượng thủ, đồng chấp tay bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, cúi xin ngài nói, bọn chúng con sẽ tin lời của ngài”. Bạch rõ ba lần như vậy. Các vị Bồ-tát vô lượng vô biên từ dưới đất vọt lên mà Phật nói là con của Phật. Các vị này đã tu vô lượng vô biên kiếp. Chuyện này các đại Bồ-tát thượng thủ không hiểu nổi. Do đó Phật liền nói tuổi thọ của ta vô lượng vô biên, nên mới độ vô lượng vô biên các vị Bồ-tát. Phẩm này nói đến pháp thể và lực dụng của Như Lai. Công đức của pháp thể là như thế. Vinh dự lớn lao nhất là tất cả chúng ta đều đầy đủ pháp thể. Bây giờ muốn nó hiện tiền thì đừng để vọng tưởng kéo lùi.

Nói trở lại pháp tu của chúng ta, với các dấy niệm mình không dễ duôi, không bị dẫn bởi cảnh, bởi tâm vọng tưởng. Sống tỉnh sáng, làm chủ được tất cả cảnh duyên, dần dần pháp thể sẽ hiện tiền.

CHÁNH VĂN

Kệ rằng:

*Nghe rồi xoay thấy chủ nhân ông,
Mới rõ tu chân chẳng dụng công,
Hay chuyển pháp luân, trần số chúng,
Quay về giác đạo, tịnh tâm đồng,
Được nghe Phật thọ lâu xa út,
Phước lớn nhân duyên bằng thái không,
Tạo tác cúng dường, công hữu lậu,
Suy lường thọ mạng, đức vô song.*

GIẢNG

Bài kệ này diễn tả pháp thân vô cùng vô tận. Chúng ta nhận được chủ nhân ông là do chỗ chân dụng công. Phần tự lợi lợi tha đầy đủ, độ tận chúng sanh, công đức không thể nghĩ lường. Dem hư không thênh thang rộng lớn không bờ mé ví với cái đó cũng không bì được. Cho nên lấy công đức hữu lậu suy lường với thọ mạng vô lượng của Như Lai, trọn không chút dính dáng. Hữu lậu thì hữu cùng, hữu sinh thì hữu diệt. Chân tánh pháp thân vô cùng vô tận, không sanh không diệt. Tánh giác là gì và làm sao sống được với tánh giác là phần của mỗi chúng ta.

Con đường thẳng tắt đến với tánh giác vẫn là không theo dây niệm vọng tưởng. Ngay đây đã có định tuệ. Pháp tu như vậy, chúng ta phải nắm vững và thực hành cho đến nơi đến chốn. Khi mình đã tin nhận, đã có công phu thì dù vật đổi sao dời mình cũng bình an, hăng sống như thế. Thế nên tôi mong mỗi chư huynh đệ kịp nhận ra việc chính của mình, tha thiết thương mình. Nên nhớ chỉ có mình giải quyết cho mình, không ai thay thế được. Mỗi chúng ta tự vươn lên, tự gây dựng cho mình sự nghiệp giác ngộ giải thoát.

Phẩm Phân Biệt Công Đức, Tùy Hỷ Công Đức Và Pháp Sư Công Đức

CHÁNH VĂN

Phẩm Tùy Hỷ Công Đức.

Do kinh này, nguyên lai là mở bày thức tâm vọng tưởng của chúng sanh, chỉ rõ tri kiến Nhất thừa Phật tuệ thanh tịnh. Nên vào đầu kinh Phật phóng quang có hai ý:

- 1. Nhân ánh sáng mà được thấy rõ.***
- 2. Hiện cảnh mà dẫn khởi thức tâm.***

Khiến hạng người chấp thức sanh nghi, để rồi theo chỗ nghi ngờ của họ mà chỉ bày. Di Lạc đương cơ khởi nghi, ấy vì Di Lạc từ xưa đến giờ dùng thức mà tu. Nhưng thức thì nhiều lưu chuyển, niệm niệm sanh diệt. Trong đoạn kinh trước nói: “lòng thường ôm giải đãi, say đắm nơi danh lợi không chán, luôn đạo nhà giàu có”.

Đoạn kinh nói trên là chỉ cho thức tâm vậy. Lấy Di Lạc mà ví cho cả chúng sanh, từ vô thủy đến giờ, chấp vọng thức này làm thể. Nay trên hội được nghe kinh Pháp Hoa, khế hợp với bản tâm, chân như thanh tịnh, chẳng sanh chẳng diệt. Mới hay tâm này, là nhân chánh thành Phật. Nương nơi đây tu hành tiến vào, thì mỗi pháp mỗi pháp đều là công đức, thẳng đến thành Phật, lại chẳng còn theo vọng thức lưu chuyển nữa. Đó cũng là tiêu biểu cho nghĩa chuyển thức thành trí vậy.

Nên biết, nếu có người được nghe kinh này, quyết định tương lai thành Phật. Thế nên đều phải tùy hỷ.

Nhưng tùy hỷ kinh này lần lượt đến người thứ năm mươi, công đức của người này, chẳng thể đem những công đức khác, mà có thể so sánh bì kịp. Huống nữa là pháp sư, siêng năng thọ trì đọc tụng kinh này, thì tự thấy thiên chân chẳng động, sáu căn thanh tịnh bản nhiên. Đây là công đức của pháp thân, dù có tính đếm, thí dụ, cũng chẳng lường xiết.

GIẢNG

Vào đầu kinh Pháp Hoa chúng ta thấy Phật hiện tướng phóng hào quang từ lông trắng ở giữa chân mày. Hào quang đó soi khắp trên dưới mười phương cõi, hiện rõ lục thú luân hồi. Nguyên lai để mở bày thức tâm vọng tưởng của chúng sanh, chỉ rõ tri kiến nhất thừa Phật tuệ thanh tịnh. Chỉ ra đâu là thật, đâu là không thật, cái nào là thức tâm vọng tưởng, cái nào là nhất thừa Phật tuệ thanh tịnh.

Hòa thượng Ân sư dạy vừa có một niệm dấy khởi, biết nó không thật, buông đi. Nếu chúng ta thực hiện được như vậy thì không bị niệm kéo đi. Từ đó ta vạch bày được Phật tuệ Nhất thừa tri kiến của mình. Những hình ảnh ta tiếp xúc đều là thức tâm không thật. Người nào biết được như vậy là có trí dụng, tri kiến Phật từ đó được hiện bày. Trái lại trong tiếp duyên xúc cảnh ta không nhận được đâu là thật, đâu là giả, bị cảnh duyên kéo lôi, chạy theo niệm lăng xăng, thì bị thức tình vọng tưởng nhận chìm. Người như vậy tri kiến Phật tuệ không bao giờ mở cửa. Chỉ khi chúng ta làm chủ được, không bị mắc mưu bởi các duyên, tri kiến Phật tuệ mới hiện bày. Tu tập cho đến khi nào chúng ta tự tại, không còn bị vướng mắc, chao đảo bởi các hiện tượng bên ngoài, lúc đó không nói thức tâm, cũng không nói tri kiến địa, không nói Phật tuệ thanh tịnh... mà lúc đó là lúc như như, hằng sống được với ông chủ.

Trước khi nói kinh, Phật phóng ánh sáng từ lòng trắng giữa chân mày, ánh sáng đó soi khắp mười phương cõi, cho chúng ta thấy tất cả cảnh giới, để rồi theo chỗ nghi ngờ của chúng sanh mà chỉ bày. Ở đây đương cơ là Bồ-tát Di Lặc, pháp tu của ngài dựa trên thức tâm.

Di Lặc đương cơ khởi nghi, ấy vì Di Lặc từ xưa đến giờ dùng thức mà tu. Nhưng thức thì nhiều lưu chuyên, niệm niệm sanh diệt. Trong đoạn kinh trước nói: “lòng thường ôm giải đãi, say đắm nơi danh lợi không chán, luôn đạo nhà giàu có”. Những người lòng thường giải đãi, không vui, không năng nổ, tuy cũng sợ khổ muốn tu, nhưng chưa dứt khoát. Nếu có duyên bên ngoài rủ rê mạnh hơn, họ chạy theo liền. Huynh đệ nào lười nhác tu học, lười nhác làm công việc trong chúng, đó là sống theo thức tình vọng tưởng, chưa nhận và sống với tâm thể thanh tịnh của mình.

Người say đắm nơi danh văn lợi dưỡng sẽ bị thức tâm nhận chìm. Người không siêng năng tu hành, cứ bỏ bê thời khoá, trong lòng nuôi dưỡng những danh văn lợi dưỡng, liên hệ với những nhà quyền quý, cuối cùng sẽ bị những thứ ấy câu thúc, không thể tu hành được. Cho nên vị nào từ thời mới tu hay giao thiệp với quần chúng Phật tử để tư lợi về mình, trước nhất tự bản thân họ đánh mất thì giờ tu tập, sau là không thể giữ được cương lĩnh tu hành. Vì mục đích chánh yếu của đời tu đã bị xoay chuyển. Huynh đệ người nào có tâm như thế, sớm muộn gì rồi cũng bỏ đạo. Bởi vì đạo lý không hấp dẫn bằng danh văn lợi dưỡng. Ngược lại nếu sự giao thiệp đó có lợi cho tập thể, bản thân họ không tham đắm danh văn lợi dưỡng thì người đó có phước. Tuy nhiên không khéo họ cũng bị vướng mắc vào các việc phước thiện ấy. Vì thế phải xác định lập trường của mình là khai mở tuệ giác, chấm dứt phiền não khổ đau. Phước thiện chỉ có giá trị hữu hạn, không phải là mục đích cứu cánh của người xuất gia cầu giải thoát.

Những thứ bên ngoài không thiết thực đến việc tu hành của chúng ta. Nó dễ làm dây khởi thức tình vọng tưởng. Một khi thức tình vọng tưởng hưng phấn rồi thì tâm thể rộng rang sáng suốt bị phủ che. Vì vậy chủ trương tu ở thiền viện, Hòa thượng dạy tất cả thiền sinh phải đề cao tỉnh giác. Vì nếu không tỉnh giác là mê. Mê là quên. Quên đi tánh giác bản hữu thanh tịnh sẵn có của mình. Từ đó bị mắc mứu, chạy theo những vọng tưởng lăng xăng điên đảo. Trong kinh Lăng Nghiêm gọi là chạy theo bóng dáng sáu trần.

Người sống được với tánh giác thì thức tình không làm gì được. Từ tỉnh giác phát huy tâm thái sáng suốt, xóa tan mọi mê mờ si ám. Nếu mình cứ lơ mờ, thức tình trôi lên, tánh sáng kia bị phủ che. Vì vậy Hòa thượng dạy vừa có

một niệm dấy khởi, chúng ta phải buông cho được những niệm đó. Tức là không để thức tình vọng tưởng dấy lên, bộc phát và lôi kéo chúng ta đi vào mê lộ.

Bồ-tát Di Lặc thị hiện gương hạnh tu hành trước, nếu việc nào không chính đáng chúng ta phải tránh để không bị vướng vào đó, mất thì giờ. Đức Thích Ca nói giữa Ngài và Bồ-tát Di Lặc cùng phát tâm xuất gia một lượt. Bồ-tát Di Lặc thích giao thiệp với những nhà giàu có, lẩn quẩn theo việc danh lợi, nên thành Phật sau đức Thích Ca. So sánh như thế để chúng ta khởi tâm quyết liệt trong công phu tu tập.

Chúng ta xuất gia và thọ giới của Phật là có nhân duyên lớn, có công đức. Ánh sáng ban đầu tuy nhỏ nhưng nó sẽ phát huy và được soi khắp. Một ông hoàng con trong tương lai sẽ thành một ông vua lãnh đạo khắp thiên hạ. Chúng ta chỉ là người mới phát tâm tu hành, nhưng nếu tu hành chân chánh nhất định sẽ thành Phật, giáo hóa lợi ích vô lượng chúng sanh. Chúng ta đã xuất gia và thọ giới của Phật, cố gắng nêu cao tánh giác, đừng để thức tình có cơ hội dấy lên kéo lôi mình. Được vậy nhất định sự tu hành sẽ tăng tiến.

Đoạn kinh nói trên là chỉ cho thức tâm vậy. Lấy Di Lặc mà ví cho cả chúng sanh, từ vô thủy đến giờ, chấp vọng thức này làm thể. Nay trên hội được nghe kinh Pháp Hoa, khế hợp với bản tâm chân như thanh tịnh, chẳng sanh chẳng diệt. Mới hay tâm này, là nhân chánh thành Phật. Ở đây nói Bồ-tát Di Lặc là một vị Bồ-tát thị hiện cầu danh, tu từ thức tâm vọng tưởng, trải dài kiếp số mới thành tựu Bồ-đề. Chúng ta cũng như thế, thường bị thức tình vọng tưởng kéo lôi, nên việc tu hành trì trệ. Chúng ta thường quên lãng tánh giác nên bị vọng tưởng lăng xăng nhận chìm. Trong đó có ngũ dục tài, sắc, danh, thực, thù. Nếu không khéo mình sẽ bị cái dục thứ năm là ham ngủ nhận chìm, không ngoi đầu lên nổi.

Tinh thần tu hành miên mật, sẽ giúp hành giả vượt thắng mọi chướng ngại. Trong mọi thời khóa tu hành lúc nào mình cũng giữ đều đặn, thậm bảo vệ sự tỉnh giác thì tham, sân, si, vọng tưởng điên đảo... sẽ không làm gì được mình. Đây là kinh nghiệm của những bậc đi trước và cũng là bài học thể nghiệm của những vị hiện tại. Nếu không qua được cửa này đừng nói tới chuyện vào thiên định. Muốn vào thiên định phải có sự miên mật trải dài mới được.

Chúng ta nghe nói sanh tử cũng ngán, thấy người khác chết cũng sợ, nhưng vẫn còn dể dôi, chưa chuẩn bị gì cho bản thân. Ta cứ ham chơi, ham ăn,

ham lười biếng, cầu danh lợi... do đó chưa vào được chỗ miên mật. Nếu ngán việc sanh tử, lúc nào cũng nỗ lực công phu, như vậy mới ra khỏi sanh tử được chứ. Bây giờ ta thử công phu miên mật, xem có trị nổi bệnh dễ duôi, lười nhát, vọng tưởng lăng xăng không.

Thiền sinh trong hoàn cảnh hôm nay, một xã hội hiện đại, văn minh bắt buộc càng phải vững chắc trong công phu thiền định. Có thiền định mới phát sinh trí tuệ giáo hóa chúng sanh. Nếu chúng ta chưa thực hiện được những ý nguyện trên thì im lặng. Im lặng không có nghĩa là đầu hàng mà để chuẩn bị một tư thế mạnh mẽ hơn, kiên quyết hơn. Biết các pháp không thật, tại sao mình phải đầu hàng? Bây giờ chúng ta chưa làm được, nhất định sau đó sẽ làm được.

Thiền sư luôn luôn khắc phục, chứ không cầu xin. Khi cầu xin là mình chấp nhận sự yếu đuối cả đời, không vươn lên được. Một nhà tu, tuy hiện nay còn những niệm lăng xăng, nhưng sẽ phát huy trọn vẹn thành Phật và độ tất cả chúng sanh. Chính những người tu hành mới dám phát nguyện vào địa ngục để giáo hóa chúng sanh, giúp họ nhận ra tánh giác và hết khổ. Việc làm của chúng ta to lớn như thế.

Nên biết, nếu có người được nghe kinh này, quyết định tương lai thành Phật. Thế nên đều phải tùy hỷ. Nghe được kinh này, tức là nghe được Phật tri kiến, nhận được Phật tri kiến của chính mình. Nhận đây là nhận Phật nhân, Phật gốc. Nhận được mình có gốc Phật mới phát tâm tu hành thành Phật. Trong kinh Pháp Hoa nói những đồng tử giỡn chơi, chúng đùa cát thành tháp Phật, chúng niệm Phật, đều được Phật huyền ký cho những đứa bé này tương lai sẽ thành Phật.

Nhưng tùy hỷ kinh này lần lượt đến người thứ năm mươi, công đức của người này, chẳng thể đem những công đức khác, mà có thể so sánh bì kịp. Huống nữa là pháp sư, siêng năng thọ trì đọc tụng kinh này, thì tự thấy thiên chân chẳng động, sáu căn thanh tịnh bản nhiên. Đây là công đức của pháp thân, dù có tính đếm, thí dụ, cũng chẳng lường xiết. Công đức của người hành trì kinh này rất rộng lớn, nhắc đến người nơi một niệm tùy hỷ với tri kiến Phật, nhất định cũng sẽ thành tựu Bồ-đề. Nếu hành trì đúng sẽ thấy được chân tánh bất động và sáu căn thanh tịnh bản nhiên.

CHÁNH VĂN

Kệ rằng:

*Dật-đa hội ngộ, chánh nhân đồng,
Xin hỏi Năng nhân, lòng xét công,
Tùy hỷ vì người mà chỉ dạy,
Văn Tư Tu tự chứng viên dung,
Vĩ chẳng thí chủ công tuy lớn,
Đâu sánh nghe kinh, đức chẳng cùng,
Huống nữa thọ trì siêng giảng thuyết,
Sáu căn thanh tịnh hiển thân thông.*

GIẢNG

Đây là phẩm nói về công đức của người nhận ra tánh giác, hằng sống với tánh giác, người không bị thức tình vọng tưởng kéo lôi. Chúng sanh bị dòng đời lôi cuốn nên quên tánh giác gọi là mê. Quay về được tâm thanh tịnh bản nhiên, không bị vọng tưởng kéo lôi gọi là giác. Đó là điều mà thiền sinh chúng ta phải nhớ. Mong tất cả chư huynh đệ cùng hạnh, cùng hướng, cùng nguyện sẽ khắc phục những khiếm khuyết của mình, để chúng ta đồng bước vào giai đoạn công phu miên mật tăng tiến. Nếu công phu miên mật tăng tiến rồi, lúc ấy chúng ta hiện tiền, hiện bày rộng rang sáng suốt. Vui thú biết là bao!

Phẩm Thường Bất Khinh Bồ-Tát

CHÁNH VĂN

Phẩm Bản sự của Bồ-tát Bất Khinh. Đây nói việc trước đã từng làm, là nhiếp ý sáu căn thanh tịnh ở trước. Nghĩa là Phật xưa lúc thực hành đạo Bồ-tát, tâm hành bình đẳng. Biết rõ tất cả chúng sanh thấy đều có Phật tánh, sáu căn thanh tịnh bản nhiên. Mỗi mỗi đều sẽ làm Phật, nên thường thực hành hạnh phổ kính, lòng không chút ngã mạn.

Chẳng nghĩ mình trì giới mà khinh khi kẻ hủy phạm. Chẳng cậy có trí tuệ mà cho kia ngu si. Cũng chẳng khoe mình cao quý mà xem thường người hạ tiện... Cho đến thấy các loài bò bay máy cưa, côn trùng nhỏ nhút cũng chẳng bỏ lòng thương xót, mà thấy đều mến yêu và càng bảo bọc chúng hơn. Chính đây là lòng từ bi bình đẳng, là nghĩa bất khinh vậy. Người tu hành phải nên học như thế!

***Lại Bất Khinh còn ám chỉ người tu hành, chẳng nên tự khinh mà thoái
khuất.***

***Nên biết sáu căn trong sạch, tâm thể xưa nay của mình cùng chư Phật
không khác. Các ngài đã được làm Phật, tại sao ta lại cố thủ ngu si để làm
gì? Cổ đức có câu: “Kia đã trượng phu, ta cũng vậy”.***

***Đến chỗ này, các học nhân cần phải nhận rõ. Lại kinh Kim Cương cũng
có dạy: “Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp”.***

GIẢNG

Đây là phẩm bản sự của Bồ-tát Thường Bất Khinh. Thường Bất Khinh có nghĩa là luôn luôn không dám khinh bất kỳ ai. Bởi vì tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật. Đây là điều đức Thế Tôn đã khẳng định ngay khi ngài thành tựu đạo quả Vô thượng Bồ-đề. Tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật nhưng vì ngu mê nên bị chìm đắm và khổ đau trong luân hồi sanh tử. Chúng sanh chịu luân hồi sanh tử là do không tin vào nhân quả.

Theo luật nhân quả, đã gây tạo nhân gì thì sẽ gặt hái quả ấy. Nhưng chúng sanh thường không sợ nhân, cứ gây tạo một cách bừa bãi, gây tạo bằng tâm điên đảo vọng tưởng. Gây những nhân như thế thì quả của nó không phải quả thường, mà là quả mang lông đội sừng, trầm luân khổ ải. Trong kinh Địa Tạng đức Phật có nói giả như cha với con, nhưng nghiệp của con con chịu, của cha cha gánh, không ai thế ai được. Như huynh đệ chúng ta cùng tu một pháp môn, ở chung một thiền viện, nhưng mỗi người có căn nghiệp, có tập nhân riêng, không ai giống ai.

Hiểu rõ như thế, chúng ta đừng gây tạo những nghiệp nhân bất thiện. Nếu có gây tạo thì nên gầy dựng lại khả năng thành Phật của mình, không gây tạo gì khác. Chúng ta khi nghe nói tri kiến Phật đều biết mình có phần. Đó chính là niềm vui vô cùng to lớn. Cho nên việc duy nhất của mình là tác Phật. Để thực hiện sứ mệnh của một vị Bồ-tát gieo rắc niềm tin cho chúng sanh về khả năng thành Phật của họ, Bồ-tát Thường Bất Khinh gặp bất cứ ai cũng đều bái và nói “Tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài là Phật sẽ thành”. Dù bị đánh bị đuổi, ngài cũng chỉ nói câu đó, giữ một tâm nguyện, một việc làm duy nhất. Đó là tấm gương cho chúng ta học và hành về niềm tin tuyệt đối về tri kiến Phật sẵn có nơi mình. Đồng thời Bồ-tát Thường Bất Khinh cũng dạy cho chúng ta đốn tận gốc cây cờ ngã mạn, qua hình ảnh gặp ai ngài cũng bái. Bởi vì ngã mạn rất chướng ngại trên bước đường tu tập để đi tới giác ngộ giải thoát.

Đoạn đường từ đây cho đến ngày thành Phật, nếu chúng ta không quyết định thì sẽ trải dài thân xác sanh đây, chết kia... không biết đến đời kiếp nào mới kết thúc. Một khi chúng ta khẳng định rõ ràng đường đi nước bước, chúng ta có thể đoán được tương lai và thành quả của mình. Đỉnh cao của sự tu hành là tác Phật chứ không có việc khác. Các thiền sư tuy dùng phương tiện tùy theo đối tượng hướng dẫn, nhưng cũng quy về việc tác Phật, tác tổ thôi. Hạnh Thường Bất Khinh phải được chúng ta thực hành, chớ không phải hiểu biết suông.

Đây nói việc trước đã từng làm, là nhiếp ý sáu căn thanh tịnh ở trước. Nghĩa là Phật xưa lúc thực hành đạo Bồ-tát, tâm hành bình đẳng. Biết rõ tất cả chúng sanh thấy đều có Phật tánh, sáu căn thanh tịnh bản nhiên. Mỗi mỗi đều sẽ làm Phật, nên thường thực hành hạnh phổ kính, lòng không chút ngã mạn. Phật lúc xưa hành đạo Bồ-tát, tâm hành bình đẳng. Bồ-tát Thường Bất Khinh cũng là vị Bồ-tát biểu trưng cho quá trình tu nhân của đức Thế Tôn và của chính chúng ta nữa.

Tâm hành bình đẳng, nghĩa là tâm và hạnh bình đẳng. Biết rõ tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, là biết rõ tất cả chúng ta đều có khả năng thành Phật. Sáu căn thanh tịnh bản nhiên, là đối duyên xúc cảnh không chạy ra ngoài, không vướng mắc, không lăng xăng, lúc nào sáu căn cũng thanh tịnh rỗng rang sáng suốt. Ở đây dùng chữ bản nhiên, nghĩa là gốc của nó sáng suốt như thế. Mỗi mỗi đều sẽ làm Phật, nên thường thực hành hạnh phổ kính. Chúng ta đều có sẵn tánh Phật, bình đẳng như nhau nên mình phải cung kính, không có niệm khác. Luôn nhắc nhở, khuyến tiến, động viên nhau nhằm thực hiện cho được công phu tu tập đến viên mãn. Lòng không có chút ngã mạn, là không còn một chút cù cặn trong lòng, không thấy cái ta hiện hữu trên đời là quan trọng số một. Do đó có thể thực hành phổ kính, cúi đầu trước tất cả mọi chúng hữu tình.

Huynh đệ biết rằng tất cả chúng ta đều có khả năng thành Phật, do vậy mình không dám khinh ai hết. Khinh sao được? Tất cả đều là Phật sẽ thành, ai dám khinh Phật. Giả như bây giờ ông cụ đó bệnh hoạn ho hen, hoặc người có thân phận thấp thỏi, nhưng tương lai tất cả đều là Phật. Do đó ta không được xem thường các vị ấy. Trong cư xử, chúng ta tâm niệm sống với nhau như vậy thì tốt đẹp biết bao nhiêu. Đó là đời sống của một tăng sĩ, là gương hạnh của tăng già, một sự thể hiện vừa trí tuệ vừa đạo đức của một người tu hành. Nếu chúng ta đi con đường Phật, làm việc Phật, nhất định ta sẽ là Phật, chứ không là gì khác.

Chẳng nghĩ mình trì giới mà khinh khi kẻ hủy phạm. Trong tinh thần phổ kính, chúng ta biết tất cả đều là Phật sẽ thành thì không có những so sánh khinh khi hay tôn trọng riêng biệt. Không nghĩ mình là người trì giới, mà xem thường người phá giới.

Chẳng cậy có trí tuệ mà cho kia ngu si. Mình không ý, không tự thị ta là người khôn ngoan sáng suốt mà cho người kém cỏi.

Cũng chẳng khoe mình cao quý mà xem thường người hạ tiện... Đạo Phật chủ trương xóa bỏ giai cấp với câu nói nổi tiếng “không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ và nước mắt cùng mặn”. Thế nên không có hơn thua cao thấp trong đời sống của tăng già, của các thiện sinh. Lòng rộng rang, tâm niệm sáng suốt, việc làm duy nhất của chúng ta là tác Phật, không có cái khác.

Cho đến thấy các loài bò bay máy cưa, côn trùng nhỏ nhít cũng chẳng bỏ lòng thương xót, mà thấy đều mến yêu và càng bảo bọc chúng hơn. Tức là thể hiện lòng từ bi thương xót, hiếu thuận phổ kính đối với tất cả chúng sanh. Cho dù loài hơn mình hay kém mình đều bình đẳng, không sai khác. Điều này nhất thời chúng ta chưa làm được, nhưng nên nuôi dưỡng tâm niệm phải làm cho được. Kinh đã kể nhĩn đến các đồng tử chơi giỡn vừa cát đắp mô, xưng niệm danh hiệu Phật, đều được Như Lai thọ ký sẽ thành Phật. Để thấy rằng dù hạng nào, nếu được vun quén, hướng dẫn, phát triển hoàn chỉnh thì sẽ thành tựu được quả vị Vô thượng Bồ-đề.

Huynh đệ ý thức như vậy để tăng trưởng lòng tin nhiều hơn. Khả năng thành Phật không biên cương, không có giới hạn, bao giờ thành tựu việc ấy chúng ta mới yên lòng. Cho nên kinh Pháp Hoa mở ra một chân trời thênh thanh vô hạn, chân trời tịnh thanh, tất cả đều là Phật. Hoặc Phật đã thành, hoặc Phật sẽ thành, hoặc Phật đang thành v.v... nên chúng ta đều phải cúi đầu cung kính.

Lại bất khinh còn ám chỉ người tu hành, chẳng nên tự khinh mà thoái khuất. Chúng ta đừng ám thị rằng việc thành Phật lớn lao, mình không có phần, không thể làm được mà sanh lui sụt. Bằng tâm nguyện, bằng ý chí, mỗi chúng ta quyết tâm sẽ làm được. Nếu không biết nuôi dưỡng gốc Phật, tự khi mình thì sẽ sanh lui sụt, không thể thành tựu được chủng Phật sẵn có của mình. Phật nói những kẻ như thế thật đáng thương xót vậy.

Như sống trong thiên viện, trước khi làm thiên tăng, quý vị là cư sĩ Phật tử ở những phương trời nào. Kẻ miền đông, người miền tây, miền bắc v.v...

không phải bà con ruột thịt, cũng chưa hề quen biết nhau, nhưng do nhân duyên với Phật pháp, quý vị tựu về đây xin tu thiền. Trước khi các vị được làm thiền sinh, có một thời gian để tập sự. Tùy mỗi vị mà thời gian có khi 3 tháng, 4 tháng, 1 năm, 2 năm v.v... mới được xuất gia. Thời gian tập sự là một sự thay đổi lớn. Có những vị ôm chí cả, bước tới cửa thiền hiên ngang đòi làm Phật, không sợ muỗi mòng, xem cuộc đất trồng khoai là việc nhỏ. Nhưng khoảng ba tháng ý chí bắt đầu mòn mỏi, cuộc đất trồng khoai, thức khuya dậy sớm, ngồi thiền tụng kinh hết nổi. Thế là buổi sáng nào đó lên chào thầy đi, hoặc có vị thấy xe chạy ngang nhảy lên luôn, khỏi phải chào hỏi cho tiện. Nội khoảng đó quý vị chưa khắc phục được thì nói gì đến chuyện thành Phật.

Cho nên khoảng thời gian đầu hăng hái chưa thể tin đâu, phải trải qua thời gian dài lâu mà vẫn giữ vững tâm nguyện, thể hiện ý chí cứng cỏi mới có thể vào cửa thiền viện. Các vị cư sĩ tập tu nên hiểu sự thử thách ấy không phải là điều khó khăn, mà là chất liệu để nuôi dưỡng tâm Bồ-đề quý vị ngày một lớn mạnh. Tại mình không chịu bước tới chứ không phải tại Hòa thượng khó. Chính những khuôn phép ấy chuẩn bị cho quý vị những bước đi vững chắc trên lộ trình làm Phật. Muốn bước đi vững, đôi chân phải vững, đầu gối phải chắc cho nên phải có sự huấn tập như thế.

Ngày xưa có những pháp hội cả ngàn người, như pháp hội tổ Quy Sơn, pháp hội tổ Vĩnh Minh... Trong mấy ngàn người đó, ai có khả năng lọc lừa hết? Không vị Hòa thượng đường đầu nào đủ sức khỏe để nghe mấy thầy thừa hết mọi chuyện. Chuyện ông này phiên ông kia, ông kia thoi ông nọ, Hòa thượng Đường đầu không bao giờ xử những chuyện đó. Chỉ có, một là ông vô cửa được, Hòa thượng đường đầu chấp nhận ông, dần dần đủ đạo lực sẽ truyền tâm ấn. Hai là, ông vào cửa không được, Hòa thượng phát tay một cái cho ông bay ra ngoài luôn, chứ không có chuyện ương ương dờ dờ, sinh sự trong đạo tràng.

Hồi xưa tổ chức của chư tổ rất hay. Chúng ta không nghe các vị chức sự hoạnh hợ gì nhau. Tới giờ đại tham hoặc tiểu tham, Hòa thượng Đường đầu thăng tòa, trong chúng ra thưa hỏi, ngài ban một vài câu pháp ngữ rồi xuống. Mỗi vị ôm lấy câu nói đó sống chết với nó, nếu có chỗ đặc dụng mới dám lộ đầu ra, bằng không thì trốn biệt luôn, không có chuyện lải nhải nhiều cho ăn gây đầu. Đời sống hồi xưa với bây giờ tuy không giống nhau, nhưng nếu chúng ta thực hiện bằng tấm lòng chân thành, từ sự nhiệt tâm tu học thì không có sự cách biệt nào trong tiến trình giác ngộ cả. Ngược lại trong lòng

chúng ta còn phiền não, còn nhiều vấn đề thì khó có thể sánh kịp với công phu tu tập của cổ nhân.

Huynh đệ nhận ra được tinh thần tu học chuyên nhất sẽ thấy phần chán, thích thú. Một ngày qua là một ngày thích thú. Những đêm trăng sáng, mình đi lại trong yên vắng. Hoặc nằm nghỉ, lòng không vương mắc, nhẹ nhàng thanh thoi. Mọi động dụng đều được ánh sáng trí tuệ chiếu soi, hoàn toàn tỏ rõ, không gây một sự xáo trộn nào hết. Làm được như vậy, tại sao không thể tin nơi khả năng thành Phật của mình, mà lại tự khi cho lui sụt.

Nên biết sáu căn trong sạch, tâm thể xưa nay của mình cùng chư Phật không khác. Tu pháp nào của Phật cũng tốt, miễn sáu căn thanh tịnh là đúng. Tu thiền thì không cho các căn dính mắc bên ngoài để tâm được định. Từ định phát sinh trí tuệ. Định tuệ hiện tiền thì Phật tại thế, khỏi tìm kiếm đâu xa.

Chư Phật chư Tổ có tánh giác và đã thành tựu tánh giác, tại sao chúng ta cũng có tánh giác mà lại cố thủ ngu si? Có gì sung sướng đâu mà vẫn cứ ngu si. Nhận ra được tánh Phật thì ở đâu cũng sung sướng. Sáu căn thanh tịnh, lòng rộng rang sáng suốt thì Phật hiện tiền. Ở Tây phương hay thế giới nào cũng thế. Sở dĩ các vị đại Bồ-tát dám nguyện vào địa ngục cứu vớt chúng sanh, vì lòng các ngài rộng rang, sáu căn các ngài thanh tịnh, không vương mắc gì hết nên các ngài dám vô đó. Còn chúng ta tầm tối, nghiệp tập đen thui đen thui, vô đó bị hành hình, ai không sợ. Vào đó làm chủ, có quyền quyết định, ban sự an vui cho chúng sanh nên các Đại Bồ-tát vui vẻ vào đó, còn mình bị kêu tên tra khảo, nên khiếp sợ địa ngục là phải.

Sở dĩ chúng ta chưa tự tại là vì sáu căn chạy theo sáu trần. Lỗi ở tâm đắm trước, chứ trần cảnh như thế, nó vô tri nên đâu có tác ý hay không tác ý lôi kéo mình. Các pháp trụ ở vị trí của nó, không mời mọc, không xua đuổi, không có vấn đề gì với chúng ta, tại mình thôi. Người tham thiền đừng để vương mắc các cảnh duyên. Tinh thần phẩm Thường Bất Khinh là tinh thần tối thượng để thực hiện tánh giác của mỗi chúng ta. Mỗi chúng ta đều có tánh giác, đều có tri kiến Phật, cố gắng phát huy và sống cho được với tánh giác thì an vui tự tại.

Chúng ta đừng bao giờ xem thường khả năng thành Phật của mình, cũng không dám xem thường khả năng thành Phật của tất cả chúng sanh. Thường hành hạnh phổ kính, thực hiện tâm từ bi đối với tất cả. Đối với các thiên sinh, niềm vui lớn nhất là nhận ra tánh giác. Chúng ta nhớ tâm tâm niệm

niệm, tu tập làm sao để nhận ra và hằng sống với tánh giác. Đó là mục đích duy nhất của những người tu Phật.

Gương hạnh Bồ tát Thường Bất Khinh rất kỳ đặc. Ngài thị hiện rất bình thường, bình thường đến mức người ta thấy ngài không bình thường. Từ ăn mặc nói năng cho tới tất cả gương hạnh đều bình thường, không thể hiện ta là một bậc thầy có công đức, có trí tuệ sáng suốt... Ngài như tất cả các vị tăng, chỉ đặc biệt ở chỗ gặp ai cũng đánh lễ nói “tôi không dám khinh các ngài, các ngài là Phật sẽ thành”. Dù người kia không chấp nhận, có thái độ chống báng ngài cũng hoan hỷ. Một gương hạnh duy nhất, một việc làm duy nhất, mà trở thành một bài pháp duy nhất. Từ khi ngài có mặt, tu tập và giáo hóa chúng sanh cho tới nhập Niết-bàn cũng chỉ có thế. Nó giản dị quá, mà sao huynh đệ chúng ta làm chưa được.

Bởi vậy mới thấy việc tu khó hơn việc nói và hiểu rất nhiều. Tuy nhiên huynh đệ có tu là có tiến. Cổ đức nói: “Kia đã trọng phụ, ta cũng vậy”. Chỗ này ngài Minh Chánh nói các học nhân cần phải nhận rõ, người ta có khả năng làm Phật, mình cũng có khả năng làm Phật. Người ta làm Phật xong thì mình cũng phải làm Phật xong, không được sai lệch hoặc tự khinh mà lui sụt.

CHÁNH VĂN

Kệ rằng:

*Đọc kinh tìm lý chớ lồi đồng,
Xét kỹ mới hay hợp chánh tông,
Tin chắc chúng sanh có Phật tánh,
Chớ khi tự thoái, giữ ngu mê,
Bồ-tát Bất Khinh cơ dụng lớn,
Tỷ-khưu thượng mạn mịt mờ đồng,
Người trí biết rành sẽ làm Phật,
Không như nhóm ấy lạc ngoan không.*

GIẢNG

Phẩm Bồ-tát Thường Bất Khinh cho chúng ta một bài học lớn về hạnh cung kính của Bồ-tát đối với tất cả chúng sanh. Qua hình ảnh đánh lễ của ngài với mọi người, tự chúng ta kiểm điểm lại mình xem đã hạ được cây cờ ngã mạn tới đâu. Trên con đường tu đạo, nếu không triệt sạch kiêu mạn thì không thể học đạo và hành đạo được. Chúng ta gặp khó khăn gian khổ là thói lui,

không dám sấn tới. Chính vì thế mà đạo nghiệp khó thành tựu. Ở đây Bồ-tát dạy cho chúng ta về gương hạnh bất khinh và bất thoái chuyển ấy.

Một điểm quan trọng nữa chính là Bồ-tát đã gieo vào tâm chúng sanh rằng họ có chủng tánh Phật. Hãy quay về nhận lại và sống với tánh giác bất sanh bất diệt ấy, để chấm dứt con đường sanh tử, vĩnh viễn thoát khỏi nỗi khổ trầm luân. Đó cũng chính là mục đích ra đời của chư Phật.

Phẩm Như Lai Thần Lực Và Phẩm Chúc Lụy

CHÁNH VĂN

Phẩm Như Lai hiện thần lực. Đây chính là lúc đem trao Diệu pháp một đại sự nhân duyên. Bởi trong kinh, trước Phật phóng quang để bày tỏ nhãn căn thấy tánh. Thấy tánh này, ứng dụng từ trong tâm thể xưa nay trong sạch, vô lượng nghĩa, chẳng thể nghĩ bàn. Khiến các chúng sanh trở lại cái thấy tánh đó, xoay về quán bản tâm xưa nay của mình, mà ngộ nhập tri kiến Phật.

Tiếp đó dần dần khai diễn, tâm căn vốn cùng một nguồn với tri kiến, đồng một thể dụng chẳng phải hai. Cho đến cả sáu căn, cũng đồng là ứng dụng của tâm trong sạch xưa nay. Tâm này tức là nhất đại sự tri kiến Phật vậy. Đại chúng đã nhận ra nhưng nơi cửa sáu căn chưa biết nên từ căn nào mà vào, mới là Diệu pháp tối thượng.

GIẢNG

Thần lực của Như Lai chính là một đại sự nhân duyên trao Diệu pháp, chớ không phải hiện bày tướng thần thông. Đức Phật thường bảo Như Lai chỉ thích dùng đạo thông, không thích dùng thần thông, trừ trường hợp rất đặc biệt, bất đắc dĩ đức Phật mới dùng thần thông. Phật trước phóng quang là để bày tỏ nhãn căn thấy tánh. Nơi mỗi chúng ta đều có tánh giác, hiển thị qua các căn gọi là tánh thấy, tánh nghe. Muốn sống lại tâm chân thật xưa nay của mình thì phải từ các căn mà nhận lấy. Ở đây biểu trưng qua hình ảnh Phật phóng quang nơi nhãn căn. Từ ánh sáng trí tuệ này chúng ta có được cuộc sống thật tỉnh, an nhiên, ngoại cảnh không làm gì được. Cho nên nói từ trong tâm thể xưa nay trong sạch, phát ra diệu dụng vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Ngay đây chúng ta tự xoay lại bản tánh, nhận ra mặt mắt thật xưa nay của mình, do vậy phiền não khổ đau chấm dứt.

Từ đó triển khai công phu, chúng ta mới nhận ra tâm căn vốn cùng một nguồn với tri kiến, đồng một thể dụng. Ví như mắt thấy cảnh hoa, chỉ biết cảnh hoa, không việc khác. Bấy giờ niệm ưa thích lặng. Như vậy chính là tâm cảnh vốn cùng một nguồn tri kiến, cũng gọi là tâm cảnh nhất như. Theo ý này thì chư huynh đệ sống biết theo hiện tiền, không vương mắc bất cứ hình ảnh âm thanh nào, tâm vui buồn thương ghét bật. Khi này cần làm thì làm, cần nghỉ thì nghỉ, mọi toan tính nghĩ suy trống vắng. Từ thể tánh ứng hiện diệu dụng an nhiên tự tại. Trong nhà thiền có một giai thoại rất đẹp. Một hôm trong giờ công tác phổ thỉnh, hai thầy trò Thiền sư Quy Sơn cùng hái trà. Quy Sơn nói:

- Tịch con! Trọn ngày hái trà chỉ nghe tiếng con mà chẳng thấy hình con, hãy hiện bản hình cho ta thấy coi.

Huệ Tịch liền rung cây trà. Sư bảo:

- Con chỉ được cái dụng của nó, chẳng được cái thể của nó.

Huệ Tịch thưa:

- Chưa biết Hòa thượng thể nào?

Sư im lặng.

- Hòa thượng chỉ được cái thể của nó, không được cái dụng của nó.

Xem cách ứng xử của người xưa cho chúng ta một bài học phải sống được chỗ chân thật ấy thì đại dụng hiện tiền, không bị câu thúc bởi các cảnh duyên. Rất thống khoái.

Nếu sáu căn đều ứng dụng được như vậy, tức đã trở về một nguồn tâm trong sạch xưa nay, lo gì không được giải thoát. Đến đây đại chúng đã nhận ra nhưng nơi cửa sáu căn, chưa biết bước vào căn nào mới là diệu pháp tối thượng. Cho nên kế tiếp sẽ nói.

CHÁNH VĂN

Nên Phật lại phóng quang, biểu trưng cùng việc phóng quang trước chẳng khác. Phật hiện tướng lưỡi rộng dài, tức là biểu hiện sẽ nói pháp lớn rất ít có. Cũng lại tiêu biểu cho thiệt căn hay diễn thuyết pháp âm đại

thừa, khiến cho người nghe tâm họ có thể ngộ nhập. Lưỡi là mầm móng của tâm, lưỡi nói chính là tâm nói vậy.

GIẢNG

Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, trong đó có tướng lưỡi rộng dài. Tướng này nói lên công đức Như Lai đã nhiều đời nói lời chân thật, nói pháp mầu vi diệu độ vô lượng chúng sanh được an lạc. Trong kinh Pháp Hoa, Phật cũng hiện tướng lưỡi rộng dài vì sắp sửa tuyên nói đại pháp rất ít có, khó gặp trong đời. Hình ảnh cũng biểu trưng cho thiết căn của Như Lai luôn luôn thanh tịnh nên diễn nói nghĩa pháp cũng thanh tịnh. Vì vậy công đức của lưỡi xuất phát từ công đức của tâm. Lưỡi nói chính là tâm nói.

Ở đây những hình ảnh của Phật như phóng quang, khảy móng tay, bày tướng lưỡi rộng dài v.v... đều là diệu lực. Trong kinh thường nói tiếng tăng hắng, hoặc tiếng khảy móng tay của đức Phật vang động sáu diệu, đó là do diệu lực bên trong được phát huy. Ngài biểu trưng một cách phi thường để chúng ta đừng căn cứ vào hiện tướng kỳ đặc mà bám theo. Ngay đó phải nhận lại diệu thể của mình. Cho nên trong kinh Lăng Nghiêm nói đức Thế Tôn ấn chân một cái là hải ấn phóng quang, còn chúng ta bước xuống một cái là côn trùng bị giẫm đạp. Cành dương của Bồ-tát rưới một cái là cam lồ tưới mát tất cả khổ đau của chúng sanh. Còn mình hớp một lần đôi ba tô nước mà vẫn chưa đã khát chút nào. Nghiệp lực của phàm phu tục tử và diệu lực của chư Phật, Bồ-tát khác nhau như thế.

Ở đây nói diệu lực là sức làm chủ của chúng ta, không chạy theo, không làm, không dính mắc bởi những cảnh duyên bên ngoài.

CHÁNH VĂN

Kể lại tăng hắng, khảy móng tay phát thành tiếng. Đây chính là phút giây đối mặt thân trao pháp lớn. Bởi chỉ nhân tiếng để bày ra tánh nghe của nhĩ căn. Mà nhĩ căn viên thông thường tỏ rõ, năm căn chẳng sánh kịp. Thế nên đức Phật tăng hắng, rồi khảy móng tay, mật lệnh hãy tự hiểu lấy. Thâm dạy từ nhĩ căn mà vào.

GIẢNG

Đức Phật dùng những biểu trưng như tăng hắng, khảy móng tay để phát huy diệu lực. Từ đó chúng ta có thể nhận và sống lại với nhĩ căn viên thông của mình. Đó là chỗ để bước vào cửa viên thông. Nghe mà bám vào thanh trần là

mắt chủ, mắt viên thông. Như chúng ta ngồi đây nghe tiếng xe chạy, mình khởi niệm thắc mắc đó là xe gì, chạy đi đâu, như vậy là mắt chủ, coi như bị dẫn vô đường hẻm, không còn đi đại lộ nữa. Tu nhĩ căn là đi trên đại lộ, hằng sống với tánh nghe của mình, không bị thính trần dẫn.

Thấy bình thường như vậy tưởng dễ tu, sự thật không dễ chút nào. Bởi vì chúng ta quen chạy theo âm thanh sắc tướng bên ngoài, không quen dừng lại ở cái hay thấy hay nghe. Vì vậy mình luôn bị ngoại trần lôi đi mất tiêu. Hồi xưa, lúc chúng tôi học ở Viện cao Đẳng Phật học Huệ Nghiêm. Trước viện là một cánh đồng mênh mêng. Buổi tối, anh em đang học bài, chúng tuy trên ba trăm người mà yên lặng không một tiếng động. Liều nào học theo liều đó, chúng trường theo sát để nhắc nhở anh em. Trong không khí tĩnh lặng như vậy, chợt bên ngoài nghe có tiếng kêu cứu, mấy trăm tăng sinh tốc chạy. Người la, kẻ hét, anh rút gậy, anh vác hèo... xông lên. Nhanh đến không ngờ. Bọn cướp đêm thấy mấy thầy túa ra quá đông, chúng tháo chạy sút ống quyển!

Âm thanh có sức lôi cuốn đến như thế. Chỉ một tiếng la, một tiếng kêu cứu thôi mà có năng lực, có sức mạnh đẩy bao nhiêu người lao theo như thế. Nói tu nhĩ căn viên thông nghe dễ quá, không chạy theo thính trần là được. Nhưng chúng ta quen chạy theo thính trần rồi, nói không chạy theo là nói thôi, chớ chưa làm được. Như anh em đang ngồi thiền trong thiền đường, nghe xe đụng hay cái gì rần rần ngoài cửa, là có mặt liền. Xem coi sự việc xảy ra thế nào, xe trên đụng con lươn giữa, xe dưới tán con lươn bìa... thông thuộc. Đó là gì? Là lao theo âm thanh sắc tướng bên ngoài. Có khi nào mình được bất động, nghe cái gì cũng “thế à!” đâu. Cho nên cứ bị thính trần dẫn đi mãi.

CHÁNH VĂN

***Kinh Lăng Nghiêm nói:
Chân giáo thể phương này,
Thanh tịnh tại nghe tiếng,
Muốn được Tam-ma-đề,
Thật từ nghe mà vào.***

GIẢNG

Đây là lời kết trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn dạy Bồ-tát Văn Thù tuyên trạch 25 pháp tu của 25 vị Thánh, sau khi các ngài trình pháp tu của mình. Cuối cùng Như Lai nói chân giáo thể phương này, tức là giáo thể chân

thật của phương này, là cõi diêm phù đề chúng ta đang ở. Thanh tịnh tại nghe tiếng tức là có thể từ nơi nhĩ căn mà thanh tịnh. Muốn được Tam-ma-đê, Thật từ nghe mà vào, nghĩa là muốn được định thì từ tánh nghe mà vào. Nghe mà không chạy theo thính trần, hằng sống với tánh thể thanh tịnh.

CHÁNH VĂN

Lại bảo: “Chỉ dùng căn này tu viên thông, vượt hơn các căn khác”. Nhưng đức Phật chẳng dùng pháp âm bày tỏ nhĩ căn là biểu hiện lia tướng nói năng. Dùng âm thanh tăng hắng, khảy móng tay, để nêu rõ nhĩ căn là biểu hiện lia tướng tâm duyên. Tổ ý chỉ tánh nghe của nhĩ căn đầy đầy tròn sáng mà thôi. Chư Phật đồng phóng ánh sáng cho đến đồng tăng hắng và khảy móng tay là biểu trưng mười phương các đức Phật đồng một đạo này. Lại, biểu trưng cho tánh thấy nghe hiểu biết linh minh của đương cơ, nhất thời đồng khắp mười phương cõi nước của chư Phật, rộng suốt không ngại không tạp.

GIẢNG

Đức Phật dùng cơ khảy móng tay, tăng hắng v.v... nhằm biểu thị cho chúng ta thấy diệu lực của tâm. Mỗi người đều có diệu lực này, nhưng nếu chưa nhận và sống với tâm chân thật thì chưa thể dùng được.

Chữ “diệu” là vi diệu, lực là năng lực hay khả năng. Nói diệu lực là năng lực vi diệu. Như nói khả năng học, khả năng tu của anh thâm sâu hơn người khác, thì anh có năng lực hơn người. Tuy nhiên việc ấy chưa phải vi diệu, chưa sâu sắc. Người tu cần quá trình thể nghiệm, thể nghiệm sâu chừng nào thì năng lực cao chừng đó. Đến khi chúng ta giác ngộ, thể nhập hoàn toàn tâm chân thật thì có được diệu lực.

Nói đến vi diệu là nói đến chỗ thâm trầm, sâu kín, tức chỗ thể nghiệm tuyệt diệu. Thành ra ở đây nói diệu lực là nói đến chỗ dụng của tri kiến Phật, khác hơn khả năng bình thường. Nếu người sống được với tánh giác, từ những duyên bên ngoài xoay trở lại mình. Ngày xưa có thiền sư nghe tiếng rơi của thẻ nhang rớt xuống nền gạch mà triệt ngộ. Hoặc nghe tiếng gió thổi, cây tùng cây bách khua động mà ngộ đạo. Do đó các bậc đại tông sư thường dùng tiếng quát để giúp cho đệ tử được khai ngộ.

Người không xoay trở lại mình, không sao nhận ra chỗ đó, cũng không thể ngộ được. Chỉ có kẻ đương cơ tức người căn khí nhậm lệ mới khéo nhận ra. Thiền sư nơi một câu nói không cho chúng ta bói móc, suy nghĩ, vì đó

không phải là chỗ ngôn ngữ có thể đến được, cũng không có hình tướng âm thanh. Các thứ phân biệt của ý thức lăng xăng không dính dáng gì đến chỗ chân thật ấy.

Nói tóm lại, muốn có được diệu lực như người xưa đã nói, trước nhất chúng ta phải là người tỉnh giác. Do tỉnh giác nên không bị kéo lôi, không mắc mưu bởi cảnh duyên. Từ đó ta làm chủ được mình. Huynh đệ tu hành cũng có tỉnh giác, nhưng tỉnh giác không liên tục. Có khi trong một ngày chúng ta cắt đứt sự tỉnh giác của mình ra thành trăm nghìn đoạn, ít khi nào chúng ta thực hiện được liên tục, miên mật. Bởi vậy tạp niệm có cơ hội xen vô dấy khởi và lôi dẫn mình hoại. Tỉnh giác là cửa ban đầu, mình chưa vô nôi thì không cửa nào vô được cả. Khi ta phát huy kéo dài được sự tỉnh giác thì có sức mạnh không làm mê, không dính mắc, không chạy theo cảnh duyên. Bây giờ ông chủ mới hiện ra. Ông chủ này ở đâu? Thật ra ông chủ chưa từng vắng lúc nào, ông ngồi đó nhưng bị mình trói lại, bịt mắt bịt tai lại nên không làm gì được hết.

CHÁNH VĂN

Nên biết tiết này cùng kinh Lăng Nghiêm chỗ nêu bày số lượng công đức của sáu căn, để lựa chọn trong căn viên thông, cái thông lợi bậc nhất thì từ căn này mà vào. Đánh chuông là để hiển lộ tánh nghe chân thật của nhĩ căn, minh lợi viên thông thường tỏ rõ rất là thù thắng.

GIẢNG

Như trên đã nói đức Thế Tôn chọn nhĩ căn là pháp viên thông. Trong kinh Lăng Nghiêm Phật dùng phương tiện bảo La Hầu La đánh chuông để chỉ cho hội chúng về tánh nghe sẵn có của chúng ta. Chúng ta thường cho rằng có âm thanh thì có nghe, không âm thanh thì không nghe. Đó là hiểu biết sai lầm. Nếu không nghe làm sao biết không có âm thanh? Tánh nghe liên tục, có âm thanh thì nghe có âm thanh, không âm thanh thì nghe không âm thanh. Đẳng này có âm thanh mình nói có nghe, khi âm thanh dừng mình nói không nghe. Như vậy chúng ta lầm nhận âm thanh là mình. Phật nói chúng sanh nhận giác làm con, nên tiêu hết tài sản, tan nhà nát cửa.

CHÁNH VĂN

Kinh này thì tăng hắng, khảy móng tay, cũng cùng một ý nói trên. Kinh nói: “Tiếng tăng hắng và tiếng khảy móng tay của chư Phật nghe khắp mười phương cõi đất sáu diệu vang động”.

Quan trọng ở hai chữ “nghe khắp” vậy. Lại tăng hằng tức là bảo cho biết việc đó để xoay tròn lại. Còn tiếng khảy móng tay là để chỉ cho đã quét sạch tất cả, xưa nay không pháp có thể thuyết. Chỉ thẳng cái linh minh đó nghe khắp rộng suốt mười phương là tự tánh trong sạch xưa nay của các ông đấy. Người nghe nên như thế mà ngộ nhập.

GIẢNG

Đức Phật cũng như chư Tổ thường dùng hình ảnh biểu trưng để chỉ cho chúng ta nhận được tánh giác ngay nơi mình. Từ sáu căn ta xoay lại, đừng chạy ra ngoài thì thể nhập tri kiến Phật. Ngược lại để cho căn dính với trần thì quên mất tánh Phật. Vì vậy thiền sư Minh Chánh bảo quan trọng ở chỗ “nghe khắp”.

Còn tiếng khảy móng tay là để chỉ cho đã quét sạch tất cả, xưa nay không pháp có thể thuyết. Chỉ thẳng cái linh minh đó nghe khắp rộng suốt mười phương là tự tánh trong sạch xưa nay của các ông đấy. Người nghe nên như thế mà ngộ nhập. Thiền sư độ người không cho dụng ý thức, rất giống với đức Phật ngày xưa. Rõ ràng Phật Tổ không hai đường. Đây chính là con đường thẳng tắt và cũng là duy nhất để hành giả nhận được bản tâm.

Chúng ta tu thiền “biết có chân tâm” đúng theo lối dạy của các Tổ sư. Cái linh minh rộng suốt mười phương là từ tự tánh, vốn không lia các căn mà phát hiện. Cho nên mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi v.v... thường biết rõ ràng mà không khởi tâm động niệm, phân biệt là diệu dụng là thần lực của người giác ngộ, đâu phải từ đâu lại. Chúng ta tu hành cố gắng tập buông bỏ thói quen chạy theo ngoại cảnh phân biệt, hãy để cho thức tình nguội lạnh thì trí tuệ mới có cơ phát sáng được. Nếu phân biệt, dong ruổi nhiều quá làm sao có định tuệ. Định tuệ đã không, nói gì giác ngộ giải thoát.

CHÁNH VĂN

Sau là phẩm Chúc Lụy. Bởi trước là tự lợi, đến đây bảo phải lợi tha, tuyên dương rộng rãi pháp này, lưu bố khắp nơi chớ sanh keo kiệt. Như trong kinh Lăng Nghiêm có đoạn ngài A-nan tự phát thệ: “Mình chưa được độ, trước độ người là phát Bồ-tát tâm. Tự giác đã xong, hay giác ngộ kẻ khác là Như Lai ứng thế. Con dù chưa được độ, nhưng nguyện độ tất cả chúng sanh đời sau...”

GIẢNG

Có hai trường hợp, một là Bồ-tát phát tâm, hai là Như Lai ứng thể. Chúng ta nên nhớ, người tu thiền nói độ chúng sanh là độ chúng sanh nào? Trước độ những vọng tưởng của mình. Mỗi vọng tưởng trôi lên, mình siêu độ nó. Siêu độ nó là không dính nó, còn nó trôi lên mình theo là nó siêu độ mình. Cứ một vọng tưởng là một chúng sanh. Vọng tưởng trôi lên biết nó không thật là siêu độ nó, bằng chạy theo là nó siêu độ mình. Một là ta độ nó, hai là nó độ ta.

Khi đã phát huy được diệu lực, chúng ta phát tâm độ chúng sanh. Trước nhất là độ chúng sanh ngay nơi mình. Kế nữa tùy duyên độ chúng sanh bên ngoài. Kinh vẫn nói người phát tâm độ chúng sanh là tâm Bồ-tát, tâm Bồ-đề, tâm giác. Tâm giác, tâm Bồ-đề đều là tâm Phật. Giác tâm là tâm giác ngộ, tâm sống với tánh giác. Hằng ngày vọng tưởng vừa khởi lên, chúng ta không theo nó, không mắc mứu, coi như mình độ được nó, tức thì ngay đó là giác tâm. Trái lại, một niệm vừa khởi lên, ta quên giác tâm chạy theo vọng niệm, Phật gọi là nhận giặc làm con, hay người bỏ gốc theo ngọn.

Biết như thế rồi chúng ta không làm người lao lung, mà quay về ngôi nhà của mình, nhận lại gia bảo vô giá. Phẩm Chúc Lụy, nói Minh chưa được độ mà phát tâm độ chúng sanh, đó là công phu tu hành hằng ngày của chúng ta. Chúng sanh ở đây là chúng sanh ngay nơi mình, độ những vọng tưởng của mình. Đó là người phát tâm Bồ-đề hay phát tâm Bồ-tát. Được như vậy nhất định sẽ đi đến giác ngộ giải thoát như đức Phật. Trong giai đoạn này, chư huynh đệ siêng năng tinh cần, hằng tinh giác để siêu độ tất cả vọng tình điên đảo trùng trùng trong chúng ta. Nó khởi lên chúng ta chặt, liên tục như vậy gọi là đại tinh tấn, là người biết trở về với giác tâm.

Thật ra chuyện tu hành không phải khó, nhưng vì chúng ta quan tâm chưa đúng mức, thực hành không tới nơi tới chốn, quên mất bản nguyện của mình. Các huynh đệ có nhận thấy khuyết điểm này không? Lúc trước mình mong được đi tu, nhưng khi đi tu rồi lại quên mất bản hoài cầu đạo ban đầu. Sống trong thiền viện một thời gian không biết phải làm gì nữa, kéo dài ngày tháng lang thang vô ích, vô nghĩa. Đó là khuyết điểm rất lớn. Cho nên huynh đệ cố gắng khắc phục, san lấp cái hố ấy, mãnh tinh phát huy tâm nguyện ban đầu của mình. Người nào làm được việc đó thì có thể ngay trong đời này, một là sáng được việc của mình, hai là giải quyết sạch nghiệp thức do chúng ta gây tạo trong đời này cũng như nhiều đời, ba là làm chủ được chính mình. Nếu người tu mà không thực hiện được ba điều này thì thật uổng phí một đời tu. Cho nên các huynh đệ phải ý thức rõ bổn phận và việc làm của chính mình.

Chúng ta tự nung nấu đại nguyện, ý chí tu hành của mình. Nếu để nó nguội lạnh, mai một thì cả đời chúng ta quờ quạng, loay hoay lẫn quẩn, chẳng ra chi. Rồi nợ của đàn na tín thí, biết tính sao đây?

CHÁNH VĂN

Kệ rằng:

*Như Lai thần lực rất lạ kỳ,
Chính đã hợp căn, trau pháp thì,
Lưỡi ấy, đành rành truyền đại giáo,
Tiếng ho thâm bảo nhận văn tri,
Một phen cùng chứng chân nhân địa(1),
Tay khải viên dung Đại Mâu-ni(2),
Cúi nhận Như Lai thân trao phó,
Gió hoa tuyết nguyệt mặc thi vi.
Giao phó cho rồi Trí vô sư(3),
Liên khuyên phát khởi đại vân từ(4),
Đầy thuyền giải thoát đưa người khổ,
Kìa đất yên vui sống như như,
Như như chớ tưởng như núi đá,
Bốn tướng oai nghi cũng như như,
Lợi mình lợi người đâu lẫn tiếc,
Khiến khắp quần sanh vào Vô dư(5).*

(1), (2) Chân nhân địa hay Đại Mâu-ni: Tức chỉ cho nhân địa và quả vị vô lậu, giải thoát cùng tột, pháp thân hiển lộ, bi trí viên mãn, lợi mình, lợi người cùng khắp. Bài kệ cuối của Tam Thập Tụng Duy Thức nói:

Thử tức vô lậu giới,

Bát tư nghi, thiện, thường,

An lạc giải thoát thân,

Đại Mâu-ni danh pháp.

(3) Trí vô sư: Trí tuệ bản hữu, không phải thứ kiến giải tập thành hằng ngày. Mọi người đều sẵn có thứ trí tuệ này, nó hiện bày một cách độc đáo và tự nhiên khi cơ duyên hội đủ.

(4) Đại viên từ: Từ tâm bình đẳng cùng khắp như đám mây lớn, nó không còn đối tượng năng sở và chủ thể khách thể hay bất cứ một lý do nào.

(5) Vô dư: Niết-bàn tối hậu không còn thừa sót, tức là Đại Niết-bàn của Phật quả vậy. Tám câu thơ sau, bốn câu đầu là do dịch giả dựa ý bài thơ trước diễn ra để hợp vận với bốn câu kết của tác giả.

GIẢNG

Hai bài kệ trùng tuyên lại ý trên của phẩm Như Lai Thần Lực và phẩm Chúc Lụy. Chúng ta ghi nhớ đã là thiền sinh thì phải có công phu tu tập, có sự trải nghiệm nội tâm, có thiền định và trí tuệ. Như đức Phật đã dạy, từ sáu căn xoay lại nhận tánh chân giác nơi mình. Bây giờ mọi việc ta làm đều trở thành diệu lực. Ngược lại ta sống và tạo tác theo vọng tưởng, vô minh thì mọi việc đều trở thành nghiệp lực. Nó sẽ dẫn mình đi trong trầm luân sanh tử, thọ khổ triền miên, không có ngày dứt.

Bài kệ trong phẩm Chúc Lụy nhắc nhở chúng ta luôn nhớ tự lợi và lợi tha để viên mãn công phu tu hành của mình. Tự lợi là độ chúng sanh ngay nơi mình, tức những vọng tưởng điên đảo lãng xăng, cho chúng lắng xuống hết. Lợi tha là độ chúng sanh hữu duyên bên ngoài. Độ mà không có niệm ta hay độ, người được độ. Như vậy mới viên mãn công đức tu hành. Đó chính là chân tinh thần của người con Phật, cầu giác ngộ giải thoát.

Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự

CHÁNH VĂN

Phẩm Dược Vương Bồ-tát Bản Sự là nhiếp phẩm trước. Đã vào căn Đại thừa này, hẳn phải liã ngã ái pháp ái. Chớ ra giao du với người, hãy bỏ các nơi ồn náo, nhiếp niệm ở chốn núi rừng, và phải hết lòng lắng nghe! Kinh Kim Cương có câu: “Pháp còn nên bỏ, huống nữa phi pháp”.

Nên biết từ phẩm này trở về sau, đều chỉ rõ chỗ Văn Tư Tu ấy, để thứ lớp mà tiến vào, trực phá năm ấm, hiểu suốt ba không vậy. Nay từ phẩm này trước phá sắc ấm. Vì sắc ấm là lớp vọng tưởng bền chắc thứ nhất rất khó phá, nên phải phát tinh tấn lớn, chẳng tiếc thân mạng, mới có thể phá nổi. Như Bồ-tát Hỷ Kiến đốt thân cúng Phật. Đây nhằm bày tỏ vì đạo quên mình. Dù vào đồng lửa lớn phiền não, mà cũng chẳng thoái thác.

Lại cũng tượng trưng cho người mới vào căn này, trước được nhân không, là nhiếp động về tịnh, yên trụ trong cảnh tịnh. Sau đó tái sanh, là chứng tỏ chẳng đắm trước cảnh tịnh. Phải ở trong cảnh tịnh mà phát giác, chẳng rơi vào hầm tối hôn trầm, khiến cho tánh nghe thường rõ ràng, ánh sáng trí tuệ lạng lẽ chiếu soi, không như cái lạng lẽ của loài vô tình núi đá kia vậy. Thiền sư Hoàng Bá dạy:

Chớ chỉ quên mình với tử tâm,

Cái đó khó trị, bệnh rất thâm.

Cần kíp mạnh mẽ cảnh tỉnh lấy! Thân sau lại bỏ hai cánh tay là chỉ cho động tịnh cả hai đều quên, nhân ngã cả hai đều bật. Lập thế hoàn phục như cũ, đây để chứng minh là đã được hai cánh tay phước đức trí tuệ của Phật vậy. Kinh nói: “Do đây, Bồ-tát phước đức trí tuệ và đôn hậu đến thế ấy”.

Nên biết rằng tiết này đồng với kinh Lăng Nghiêm chỗ thứ tự mở sáu gút của sáu căn.

Kệ rằng:

*Nên biết không xưa nay chẳng kham,
Công án tiền nhân cần phải tham,
Nhận kỹ, Dược Vương nhân việc trước,
Xét cùng, Hỷ Kiến hạnh cao thâm,
Nghe kinh được định, bày rạn đức,
Cảm nhận đốt thân bỏ ý tham,
Chứng tỏ nhân không lìa tướng ngã,
Người nghe mãnh tỉnh, kiểm tri âm.*

GIẢNG

Phẩm Dược Vương Bồ-tát bản sự là nhiếp phẩm trước. Đã vào căn Đại thừa này, hẳn phải lìa ngã ái pháp ái. Chớ ưa giao du với người, hãy bỏ các nơi ồn náo, nhiếp niệm ở chốn núi rừng, và phải hết lòng lắng nghe! Kinh Kim Cương có câu: “Pháp còn nên bỏ, huống nữa phi pháp”.

Chớ ưa giao du với người. Chúng ta kiểm lại xem mình đã có được hạnh này chưa, hay vẫn còn lạng xăng chạy đông chạy tây, giao thiệp chỗ này chỗ nọ v.v... Người muốn yên mà không tránh duyên thì khó yên lắm. Quý vị

thường than tại sao tu hoài mà không định, không giác ngộ, không có trí tuệ. Trước nhất phải yên mới có định, định rồi mới sanh tuệ. Không có định mà muốn tuệ, việc này rất khó. Thành thử muốn được định phải lặng hết những lẳng xăng bên ngoài. Nghĩa là thu thúc các căn khi tiếp xúc với trần cảnh. Chúng ta tỉnh táo buông bỏ, đừng cho vướng mắc các hiện tượng, các cảnh duyên bên ngoài. Thực hành được như vậy là hành Bát-nhã, nhất định có trí tuệ. Có định có tuệ thì việc giác ngộ giải thoát không còn mơ hồ, khó khăn nữa.

Có những hạnh rất thường, rất nhỏ nên chúng ta xem thường. Từ đó công phu tu hành không tiến. Chẳng hạn như việc tránh duyên, đâu có làm gì mà chúng ta không thực hiện được. Chừng nào mình là người lực lượng, trí tuệ tròn đầy, sống được với tánh giác, bấy giờ các hiện tượng bên ngoài không xoay chuyển chúng ta nổi thì mới tự do tiếp duyên. Còn bây giờ phải tránh duyên. Nếu mình yếu mà cứ lúi tới, thì không có lối thoát. Ban đầu sửa rất dễ mà chúng ta bỏ qua, không lưu tâm, về sau hỏng cả một đời tu.

Một cư sĩ học đạo rất nhiều năm, đến trình với Hòa thượng: Phật pháp con hiểu và cũng có thực hành, nhưng sao con không được an lạc? Hòa thượng hỏi cách thức tu, áp dụng Phật pháp như thế nào. Ông trả lời: Lúc một mình con tỉnh, nhưng khi tiếp duyên thì bị kéo lôi. Hòa thượng hỏi khi bị cảnh duyên kéo lôi làm sao? Vì cuộc sống nên khi cảnh duyên kéo lôi, con cứ để nó trôi luôn. Hòa thượng nói tu như thế dù một ngàn đời cũng vậy thôi. Mình yếu đuối thì phải tránh duyên, không tránh duyên làm sao được định tỉnh, làm sao không khỏi vướng mắc bởi cảnh duyên.

Hãy bỏ những nơi ồn náo. Chúng ta xét lại xem mình có bỏ được những nơi ồn náo chưa, hay ở một mình cảm thấy buồn, cảm thấy cô đơn. Có hai ba người trao đổi việc này việc khác mình thích hơn, vui hơn. Thật ra người tu phải tránh chỗ ồn náo. Tại sao? Vì sự ồn náo thường làm ta động tâm, che khuất tánh giác. Chúng ta cứ sống với sự ồn náo, cuối cùng cả đời mình toàn là loạn động. Thành thử giai đoạn thứ hai của người tu theo tinh thần kinh Pháp Hoa là tránh chỗ ồn náo. Tránh ồn náo cũng là một cách để thiền sinh dễ được định, dễ nhiếp tâm.

Điều thứ ba là phải nhiếp niệm ở chôn núi rừng. Chữ “niệm” là nhớ tưởng. Ở chôn núi rừng xa thành thị, ở trên cao, không bận bịu phố thị xóm làng. Người ở núi lòng dễ bình yên. Điều này chúng ta có thể nghiệm được. Như nhà quý vị ở giữa thị thành, nào là âm nhạc, xe cộ, người qua kẻ lại nhộn nhịp, ồn ào. Nếu ở trên núi thì không có các cảnh tượng đó. Núi rừng không

khi nào làm ồn mình. Cho nên tâm ta dễ an định, dễ trong lặng. Đây là nói áp dụng pháp tu với người bình thường. Đối với hạng phi thường thì ở đâu cũng tu, ở đâu cũng thiền, không cần phải nói núi rừng, không cần tránh xa sự ồn náo, không cần phải ngăn ngừa sự giao thiệp, tiếp cận với bên ngoài.

Thiền viện chúng ta không ở núi, nên có cổng rào, giờ giấc tập thể đã quy định, không phải muốn đi giờ nào thì đi. Tại sao phải như thế? Tại vì chúng ta tu còn dở, chưa thể bình yên trước tất cả sự việc. Chúng ta chưa phải là người đạt đạo. Bởi vậy việc tiếp cận cần cảnh giác, có khu vực, có giới luật đàn hoàng. Nhờ có thanh quy, có sự sắp đặt, có thời khóa tu hành, có bạn hữu tốt, có những duyên thuận, được sự hộ trì của Tam bảo, huynh đệ tu trong đạo tràng này, giữ gìn được đời sống phạm hạnh, có niềm tin với pháp tu của mình. Từ đó phấn chấn, phát triển, công phu tiến nhiều hơn nữa.

Người nào vững niềm tin đối với Tam bảo, nắm chắc chủ trương đường lối tu hành, chịu khó dụng tâm liên tục, sẽ có lợi lạc ngay trong đời này. Trái lại, người chưa phải hạng phi thường mà bắt cần giới luật, không tuân theo sự sắp đặt của thiền viện thì tuy mang hình thức người tu, nhưng nội tâm không an ổn, luôn bị bức xúc, bị kéo lôi bởi cảnh duyên bên ngoài. Người như vậy, ngay hiện tại không có lợi lạc, tương lai đời sau càng bất an khôn đốn hơn nữa.

Chúng ta thường bị những cái không thật, không cần thiết làm mất thì giờ. Làm nhận nó là của mình, cả đời ôm đồm bảo bọc, gây dựng, rồi mắc mưu tới chết. Cứ thế tiếp tục tăm tối tạo nghiệp, loay hoay lẩn quẩn trong vòng còn mất trả vay, kéo dài luân hồi sinh tử không có ngày cùng. Người tu thiền là người thấy được thực chất của các pháp, sống được với lẽ thực đó nên không còn bị những cái không thật quấy rầy nữa, mà không cần xua đuổi nó. Như đêm tối chúng ta ở trong nhà, thắp sáng đèn lên thì bóng tối tự nhiên tản mát, không cần đuổi nó đi đâu hết. Chủ yếu là mở được công tắc cho đèn sáng lên, thì mọi tăm tối đều tan hết. Nó lẩn đi đâu, mình không cần phải đặt vấn đề.

Ở đây quan trọng là mỗi người phải thấy được lẽ thực của các pháp, nhận và hằng sống được với lẽ thực đó, gọi là sống với bản lai diện mục hay tánh giác của mình. Bấy giờ mọi làm mê, tăm tối ngược xuôi không cần phải đặt định, phải gởi nó đi đâu, tự nhiên nó tan loãng hết. Chúng ta không cần dụng thêm công lực nào để trị nó nữa.

Tóm lại, ba điều kiện cần thiết của người tu, một là bớt giao du, hai là bỏ nơi ồn náo, ba là nhiếp niệm ở chốn núi rừng. Hết lòng tu hành, người đó sẽ được an lạc. Chúng ta không cần đặt vấn đề tu bao lâu, mà muốn an lạc phải qua những giai đoạn này. Nếu chúng ta không biết tất cả cảnh duyên bên ngoài là cái không thể giữ gìn, thì không khi nào mình yên tâm tu hành ở chốn núi rừng hay bất cứ nơi đâu. Nếu người còn tâm vướng mắc, chưa thấy được lẽ thực thì dù có lên núi cao, ở trong hang sâu, vọng tưởng cũng lôi họ ra, không khi nào yên được.

Có một câu chuyện vui. Hai Thầy trò nọ sống trên núi đã lâu. Người đệ tử từ nhỏ đã được nuôi dưỡng trong chốn thâm sơn nên chưa từng biết phố thị và một ai khác ngoài thầy chú. Hôm đó, hai thầy trò xuống núi. Trên đường chú thấy một cô gái, ngạc nhiên chú hỏi thầy: Con đó là con gì? Thầy đáp: Con cọp, đến gần nó cẩn đó. Chú bước theo thầy mà cứ ngoáy nhìn lại con cọp. Về tới chùa, chú cứ nhớ con cọp, ăn ngủ không yên. Không chịu nổi nữa, chú đến bạch thầy: Cho con xuống núi tìm con cọp. Ông thầy biết không thể ngăn cản được nghiệp lực của người đệ tử nữa, nên đành chấp thuận thôi.

Rõ ràng khi lòng mình chưa yên, còn bị vướng mắc thì dù ở núi cao, cũng bị pháp trần lôi xuống như thường. Cho nên nói tránh duyên là phần bên ngoài, quan trọng phải thấy được thực chất của vấn đề, thấy rõ phần nội tại của mình. Giống như người chơi đồ cổ chuyên môn, nhìn qua họ liền biết cái nào thật, cái nào giả nên không bao giờ mua lầm. Còn người lờ mờ, không biết thật giả, dễ mua lầm, vì vậy nên bất an.

Ở đây cũng vậy, nếu người nhận được ông chủ, dám buông vọng tưởng, người đó đảm bảo yên tu tới già tới chết, không bị cọp beo nào công đi. Ai lạng quạng nửa tỉnh nửa mơ, ngủ mê nói mớ, sớm muộn gì cũng lầm nhận giả là thật. Đã nhận giả là thật thì cuộc đời mình khốn đốn. Sở dĩ các pháp có sự hấp dẫn là tại mình chưa ổn, trí tuệ chưa hiện tiền. Cho nên chúng ta cố gắng tu tập, có đầy đủ sự tỉnh giác. Từ đó trí dụng sẽ hiện tiền. Phật nói chúng sanh có đầy đủ trí tuệ đức tướng Như Lai, nhưng bị những lăng xăng bên ngoài cuốn hút nên quên mất đó thôi.

Người xưa dạy căn là căn, cảnh là cảnh, căn cảnh không tới nhau gọi là tâm cảnh như như. Giản dị như thế. Nhưng chúng ta muốn tâm không dong rui ngược xuôi, không vướng mắc cảnh duyên, đòi hỏi phải có năng lực, có công phu. Điều này không phải nói là được, hành không đúng cũng không được. Người chưa quyết tâm, chưa hết lòng sống chết với công phu thì nó chưa hiện hình. Chúng ta không thể lìa thân mà tìm Phật, tìm Niết-bàn ở

đâu, nhưng nếu mình cứ quay quần mắc mứu những cảnh duyên chung quanh, cũng không thể nào tìm Phật được. Ngay nơi thân này nhận, tỉnh thì sẽ thành tựu Niết-bàn tịch tĩnh an vui. Hồi trước chưa biết, ta lầm chạy theo, mê tưởng đảo điên nên ngược xuôi dong ruổi. Bây giờ biết rồi thì cắt đứt mê lầm, không ngược xuôi dính mắc bên ngoài nữa.

Kinh Kim Cương có câu: “Pháp còn nên bỏ, huống nữa phi pháp”. Người qua sông rồi, dù thuyền bè đep cỡ nào cũng phải bỏ lại. Thử tưởng tượng nếu họ vác chiếc thuyền trên lưng, chắc thiên hạ cười bẽ bụng. Giữa phố thị mà dính chiếc thuyền trên lưng, ai hỏi tại sao, nói thuyền của tôi đep quá không nỡ bỏ, mang làm kỷ niệm. Người này có lẽ không bình thường rồi. Cũng vậy, khi chúng ta đã thể nhập tri kiến Phật, đối với tất cả cảnh duyên không cần đặt vấn đề nữa, chỉ sống an ổn thôi.

Nên biết từ phẩm này trở về sau, đều chỉ rõ chỗ Văn Tu Tu ấy, để thứ lớp mà tiến vào, trực phá năm ám, hiểu suốt ba không vậy. Nay từ phẩm này trước phá sắc ám. Vì sắc ám là lớp vọng tưởng bền chắc thứ nhất rất khó phá, nên phải phát tinh tấn lớn, chẳng tiếc thân mạng, mới có thể phá nổi. Như Bồ-tát Hỷ Kiến đốt thân cúng Phật. Đây nhằm bày tỏ vì đạo quên mình. Dù vào đồng lửa lớn phiền não, mà cũng chẳng thoái thác.

Trong phẩm này có dẫn Bồ-tát Hỷ Kiến. Ngài đã phát tâm đốt thân cúng dường Phật sau khi nhận ra chủ. Bởi một khi đã nhận được cái thật rồi, cái giả không quan trọng nữa. Để chứng tỏ chỗ thâm ngộ của mình, ngài nguyện đốt thân cúng dường. Chuyện này dễ làm không? Không dễ đâu. Chúng ta đau một chút chịu không nổi, nói gì đốt thân. Mấy huynh đệ nấu com, chùng một đóm lửa nhỏ bay vào da là đã thấy đau rồi, nói gì phát nguyện đứng đó chịu cháy để cúng dường.

Nói cúng dường không phải cúng dường thân này, mà cúng dường lời nguyện của mình. Nguyện xả bỏ thân hư giả, tu hành nhận ra pháp thân chân thật, lấy tâm nguyện này cúng dường, mong chư Phật Bồ-tát chứng minh. Chứ đốt thân xông lên mùi hôi thối, có gì tốt đẹp để cúng dường? Cho nên quý trọng ở tinh thần. Tinh thần kim cương chắc thực nói được làm được. Ngoài ra việc đốt thân cúng dường cũng để chứng tỏ Bồ-tát đã phá được chấp thân, ngài phát nguyện giữa hư không: “Nếu việc làm này phát xuất từ tâm chân thật, không có niệm hối tiếc, thì xin cho thân tôi hoàn phục lại y như cũ”. Sau khi nói lời ấy rồi thân thể của ngài trở lại đầy đủ, các giác quan y như cũ. Đó là chứng tỏ tâm cúng dường của ngài chân thật và công đức tu hành cũng gần viên mãn.

Đối với chúng ta, nội làm chủ thân này không phải chuyện đơn giản. Đau bệnh yếu đuối, bị người huỷ báng, hoặc được người ca ngợi v.v... chúng ta đều bị động. Người ta đưa lên mình thích thú cũng mất mình, người ta gièm pha chỉ trích mình bực bội cũng mất mình. Như thân này ta quý trọng, mà ai nói đồ bỏ mình đâu có vui. Quả thật chúng ta luôn bị cảnh duyên quấy rầy, làm trí tuệ mê tối, không thấy được chân lý.

Vì vậy tu đến giai đoạn phá làm chấp về thân, về cái ngã thật của chúng ta là rất đáng kể. Cho nên ở đây nói: Vì sắc ấm là lớp vọng tưởng bền chắc thứ nhất rất khó phá, nên phải phát tinh tấn lớn, chẳng tiếc thân mạng, mới có thể phá nổi. Đó là lớp chấp cứng chắc nhất của chúng sanh. Nếu mình không tinh tấn mãnh liệt, không phát tâm liều bỏ thân này thì không làm sao phá nổi.

Bây giờ nói tới phát tâm quyết liệt tu hành. Ở đây chúng ta chưa bị hoàn cảnh bức xúc như thiếu cơm thiếu gạo, thiếu những tiện nghi tối thiểu cho sự sống, nên tu hành bình thường. Bao giờ sống trong cảnh thiếu thốn, khó khăn mà vẫn tu được mới là người giỏi. Nếu sự thiếu thốn tăng lên nhiều quá, nghĩa là không có cơm ăn áo mặc, không có gì hết, có lẽ chùa sẽ trống trơn không còn ai. Đừng nói tới thiếu cơm thiếu gạo, huynh đệ lỡ nói lời gì xúc phạm, mình không gây gỗ nhưng tự ái, nói: Mặc mớ gì, ngoài đời không sướng hơn sao, vô đây chi để bị như thế. Từ đó mình có lý do để bỏ đạo. Rất nhiều huynh đệ bị mặc cảm như thế.

Có huynh đệ hiểu đạo và hành đạo rất tốt, nhưng ngã kiến ngã chấp, ngã ái ngã mạn lại nhiều. Vì vậy đang khi công phu, có ai nói gì không vừa lòng, đôi khi chỉ là lời nói chơi, song tự ái liền. Nó thể hiện tức thì ra ngoài, khiến họ không giữ được công phu, không giữ được sự bình an, thậm chí đánh mất cả tình huynh đệ. Từ phiền não đó, tự nghĩ mình tu chùa nào không được, đâu nhất thiết phải ở chùa này, rồi dong ruổi ngược xuôi, mất hết khí thế tu hành, dần dần mất cả tâm xuất gia mãnh liệt ban đầu. Đó là kinh nghiệm, là bài học rất quý đối với người xuất gia chúng ta.

Nghiệm cho cùng thân này là đồ bỏ, không món nào có thể bảo đảm còn hoài với chúng ta. Phật nói thân ngũ uẩn gồm sắc, thọ, tưởng, hành, thức không thật, tạm hợp rồi sẽ tan. Phần sắc được kết cấu bởi bốn thứ đất, nước, gió, lửa, gọi là tứ đại. Đất tượng trưng cho chất cứng trong người, nước là chất ướt, lửa là hơi nóng, gió là hơi thở. Bốn thứ thọ, tưởng, hành, thức thuộc phần tâm. Những cảm thọ, tưởng tượng, phân biệt, suy nghĩ v.v... Phật nói không thật.

Chúng ta thuộc bài kinh tứ đại, Phật nói không thật mình nói không thật theo, nhưng vẫn thấy thân là thật. Quái lạ vậy. Cho nên phiền não hoài. Đó là vì chúng ta chỉ thuộc kinh mà không có công phu để đến được chỗ chắc thực, buông bỏ năm uẩn không thật, thực chứng thực đạt tánh giác chân thật của mình. Chúng ta chỉ thuộc trên văn tự, nên bị phiền não si mê dẫn dắt thân tâm trôi nổi trong dòng trầm luân sanh tử không cùng.

Con người sống không biết với bao nhiêu thứ phiền não. Sao mình dễ phiền não đến như vậy. Ăn không được phiền não, ngủ không được phiền não, người ta không thương phiền não, người ta thương cũng phiền não?! Phật nói tứ đại giống như bốn con rắn độc được nuôi chung một lồng. Đừng nói bốn, hai con thôi nó cũng cắn nhau toi bời. Con này cắn con kia, không khi nào nó nằm yên. Hà huống bốn con nhốt chung một lồng. Thì thôi, chiến tranh vô kể, phiền não vô kể.

Bây giờ nói tới thân mình. Thân cao thước bảy thước tám, nặng sáu mươi tám mươi ký, thân đẹp thân xấu, học giỏi học dở v.v... bất luận loại nào, một con gió độc thổi tới, không dành riêng cho ai, tất cả đều có thể ngã quy cả. Chúng ta vận dụng trí tuệ xét cho cùng về thân, thấy quả thật không có gì bảo đảm. Thế mà ai cũng sợ chết, bởi sợ chết nên luôn luôn bảo vệ thân. Từ đó mà tạo nghiệp.

Tóm lại, năm uẩn gồm có hai phần: Sắc uẩn thuộc về thân. Bốn uẩn còn lại là thọ, tưởng, hành, thức thuộc về tâm, tức phần tinh thần. Cả hai đều không thật, vô thường, luôn luôn bất ổn bất an, chống trái nhau.

Lại cũng tượng trưng cho người mới vào căn này, trước được nhân không, là nhiếp động về tịnh, yên trụ trong cảnh tịnh. Sau đó tái sanh, là chứng tỏ chẳng đắm trước cảnh tịnh. Phải ở trong cảnh tịnh mà phát giác, chẳng rơi vào hầm tối hôn trầm, khiến cho tánh nghe thường rõ ràng, ánh sáng trí tuệ lạng lẽ chiếu soi, không như cái lạng lẽ của loài vô tình núi đá kia vậy.

Đoạn này nói chúng ta chấp bên nào cũng không an lạc giải thoát. Một bề chấp không, hoặc một bề chấp tịnh đều không được. Hiện thời chưa công phu, chúng ta còn kẹt chấp, nhưng khi hiểu và quyết tâm tu hành, nhất định sẽ chuyển hóa, từ từ bớt có chấp cho đến hết chấp luôn. Chúng ta có sẵn nguồn trí tuệ mà không chịu tu, không chịu buông, cứ ngồi đó mong cho thành Phật, làm sao thành được. Trí tuệ bên ngoài không phải của mình. Những thứ ngoại nhập tai hại lắm, nó khiến ta không phát huy được cái sẵn có của mình. Cho nên người tu hành phải thông suốt, quán triệt, nỗ lực phát

huy nguồn tuệ giác sẵn có. Chúng ta áp dụng tu tập như thế nào để đừng vướng mắc, đừng khựng lại chỗ nào hết. Tu cho tới tâm hoàn toàn sáng suốt, được an ổn thực sự, tám gió lợi, xuy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc không làm gì mình được, chừng đó mới bảo đảm bình yên.

Thiền sư Hoàng Bá dạy:

Chớ chỉ quên mình với tử tâm,

Cái đó khó trị, bệnh rất thâm.

Đã chấp cứng vào một cái gì thì rất khó trị. Nó là bệnh trầm trọng, trị khó và lâu. Cần kíp mạnh mẽ cảnh tỉnh lấy! Do đó phải quyết tâm, tha thiết, nỗ lực tu tập, chứ không dừng ở chỗ nào hết. Phát huy đại thế, đại nguyện tu hành cho tới thành tựu viên mãn Phật đạo mới thôi. Nên nhớ việc này ai cũng thực hiện được, không nên tự ti mặc cảm mà trở thành yếu đuối khiếp nhược, đánh mất khả năng tác Phật của mình. Ở đây nói mãnh tinh là mạnh mẽ. Phát nguyện mạnh mẽ tu hành thành Phật mới vừa lòng con. Chưa thành Phật cứ tu, không nói năm năm mười năm, đời này đời khác. Chưa xong phải làm cho xong.

Người nào đã qua sông, đề nghị bỏ lại thuyền, phẩy tay mà đi cho thông khoái, tự tại. Người nào chưa qua sông thì phải chuẩn bị, nếu không có thuyền phải biết lội. Không biết lội nữa, ít ra có bè chuối bám đỡ, chứ chưa qua sông mà bỏ hết các phương tiện thì chỉ có chết chìm. Người tu không chấp nhận chết chìm, cũng không đeo mang chiếc thuyền ngồng nghênh quái lạ cho thiên hạ chê cười. Đã như vậy chúng ta phải có công phu, biết tránh duyên, nhiếp tâm và thực hiện đúng lời Phật dạy.

Thân sau lại bỏ hai cánh tay là chỉ cho động tịnh cả hai đều quên, nhân ngã cả hai đều bật. Lập thế hoàn phục như cũ, đây để chứng minh là đã được hai cánh tay phước đức trí tuệ của Phật vậy. Kinh nói: “Do đây, Bồ-tát phước đức trí tuệ và đôn hậu đến thế ấy”. Nên biết rằng tiết này đồng với kinh Lăng Nghiêm chỗ thứ tự mở sáu gút của sáu căn.

Nhận được ý chỉ kinh Pháp Hoa rồi, chúng ta buông bỏ hết hai bên, không còn nhân ngã bỉ thử, không kẹt chấp bên nào nữa. Bây giờ mới thành tựu phước đức trí tuệ của Như Lai, thật sự bước vào ngôi nhà xưa nay, chấm dứt kiếp cùng tử lang thang. Ý phẩm này cùng với lời Phật dạy trong kinh Lăng Nghiêm giống nhau. Chúng ta từ nơi sáu căn mà trôi dạt theo cảnh duyên bên ngoài, thì bây giờ cũng từ sáu căn tu tập trở về, nhận ra tánh giác chân

thật của mình. Không thể lìa thân tâm huyền mộng tìm kiếm Niết-bàn, cũng không thể nhận thân tâm hư giả là thật. Đây chính là chỗ trọng yếu trong công phu tu tập của chúng ta.

Phẩm Diệu Âm Bồ-Tát

CHÁNH VĂN

Phẩm Diệu Âm là nhiếp phẩm Dược Vương trước. Ý bảo rằng, căn này từ lúc mới vào, vẫn cần nhờ các âm thanh, để bày tỏ tánh nghe, tiêu mòn vọng niệm, vào Xa-ma-tha. Dần dần vào sâu, giữ nơi chí tịnh. Cho đến cả động tịnh đều quên. Phải ngay nơi đây mà vào Tam-ma-địa. Khi đó chẳng cần thanh trần hiện bên ngoài nữa, mà ở trong tự có diệu âm, riêng sáng, độc chiếu. Thiền sư Cổ Linh Thần Tán(1) nhắc lại:

*Linh quang riêng chiếu,
Vượt khỏi căn trần,
Bày thể thường chân,
Chẳng kẹt văn tự.
Đây là lúc rõ được pháp không vậy.*

Tiết này lấy Bồ-tát Hoa Đức làm hợp cơ, mà được Pháp Hoa Tam-muội. Nói Hoa, đó là tri kiến. Còn Đức là diệu thể của các đức đầy đủ trong bản tánh. Tóm lại, nói hoa đức là nhằm tiêu biểu cho tánh tự nghe tánh, tâm tự biết tâm, cũng chính là nghĩa minh tâm kiến tánh vậy.

Nói Pháp Hoa Tam-muội. Pháp tức là Diệu tánh chân như sẵn có. Hoa tức tánh ấy đủ Diệu năng Tri kiến thanh tịnh. Tam-muội hoặc bảo là Tam-ma-đề, đây nói rằng chánh thọ, cũng gọi rằng chánh định. Lại gọi là định tuệ đẳng trì, tức là nghĩa chánh quán vậy. Đây nói rõ, chính được đại định sẵn có tri kiến chân như, cũng là phá lớp vọng tưởng hư minh của thọ ấm thứ hai.

Kệ rằng:

*Đảnh Phật thân quang tịch chiếu thông,
Diệu Âm Bồ-tát hiện thân dung,
Rộng phô Tam-muội nêu tri kiến,
Bày hiện Nhất thừa, rõ đạo tông,
Thể dụng về như, nghe tức tiếng,
Căn trần rốt ráo, sắc mà không,*

*Chương này mượn huyền bày chân tế,
Giáo thể từ nghe vào thật dòng.*

GIẢNG:

Phẩm Diệu Âm, là nhiếp phẩm Dược Vương trước. Ý bảo rằng, căn này từ lúc mới vào, vẫn cần nhờ các âm thanh, để bày tỏ tánh nghe, tiêu mòn vọng niệm, vào Xa-ma-tha. Dần dần vào sâu, giữ nơi chí tịnh. Cho đến cả động tịnh đều quên. Phải ngay nơi đây mà vào Tam-ma-địa. Khi đó chẳng cần thanh trần hiện bên ngoài nữa, mà ở trong tự có diệu âm, riêng sáng, độc chiếu.

Phẩm Dược Vương Bồ-tát Bản Sự ở trước nói lên công tu hành đến giai đoạn phá sắc âm. Tới phẩm Bồ-tát Diệu Âm là phá thọ âm.

Mỗi chúng ta đều có tánh nghe được biểu trưng ra ngoài qua lỗ tai tức nhĩ căn. Do đó ai cũng nghe. Những vị có bệnh về căn tai hoặc người lớn tuổi cũng nghe, nhưng âm thanh không rõ ràng. Đó là âm thanh không rõ chớ không phải tánh nghe không rõ. Tánh nghe vẫn thế. Nghe có tiếng hoặc nghe không có tiếng. Chúng ta nắm vững chỗ này để ứng dụng công phu tu.

Hòa thượng Tôn sư thường dạy “nghe như không nghe” hoặc “nghe mà như điếc”. Tại sao? Vì nếu ta chạy theo âm thanh là bị trôi buộc, bị thanh trần dẫn. Nó dẫn thì đi vào con đường tạo những nghiệp nhân không tốt. Đã tạo nghiệp nhân không tốt, dù có chạy trốn đường trời cũng bị nghiệp quả thối, chắc chắn như vậy. Phật dạy mình tu từ nhân. Đối với căn tai, ta vẫn nghe bình thường, như nghe tiếng chim kêu, tiếng gió thổi động bên ngoài, nghe tiếng huynh đệ nói nhỏ với nhau, nhưng không chạy theo những âm thanh ấy, không thắc mắc, không yêu thích, không ghét bỏ. Như vậy là nghe như không nghe.

Ví dụ nghe huynh đệ nói cái gì đó không được hài lòng, gương mặt không vui, chứng tỏ bên trong bất ổn. Người biết tu ngang đó tỉnh táo sáng suốt, không làm chạy theo. Đó là một trường hợp. Kế đến, đối với những âm thanh thuận lòng, thích thú cũng không làm, không chạy theo. Người không nắm bắt bất cứ loại âm thanh nào, luôn bình thường an nhiên, như vậy là nhĩ căn viên thông.

Trong quá trình tu tập căn bản, huynh đệ nhẹ nhẹ từ từ, bước từng bước thật vững. Thứ nhất chúng ta nghe rõ ràng, thứ hai nghe mà không chấp, không dính thì được bình yên chút chút. Vì sao bình yên? Vì không bỏ cái thật chạy

theo cái giả, không bỏ chủ thể chạy theo bóng dáng bên ngoài. Thường chúng ta khổ vì chạy theo bóng dáng bên ngoài quá nhiều. Mỗi khi ngoại trần khởi động, ta chạy theo và nắm bắt. Chạy theo nó rồi giống như người cùng tử tha phương cầu thực, xa nhà nhớ quê, không biết đường về.

Người tu không có chủ lực, không có nội tại, nhất là tu thiền mà không có định tĩnh sẽ bị trần cảnh kéo lôi, rồi cột trói mình luôn. Xiềng bên ngoài dễ gỡ dễ tháo, chứ những loại trói buộc vô hình này khó gỡ lắm, ta cũng không biết manh mối nó ở đâu để mà gỡ. Có nhiều huynh đệ, cuộc đời chồng chất năm mươi, sáu mươi, bảy mươi, cho tới tám mươi năm, gần chết cũng chưa biết manh mối chỗ nào để gỡ. Thì sao? Thì mang luôn cái còng ấy đi theo, đời sau tiếp tục trói nữa. Chúng sanh theo nghiệp đã gây tạo, từ đời này sang đời khác chồng chất, hết lớp còng trói này tới lớp còng trói khác. Cho nên Phật nói rất đáng thương vậy!

Chúng ta có nhân duyên đặc biệt, ngang đây gặp Phật pháp, biết rõ những còng trói đó cần phải tháo gỡ. Phương tiện để tháo gỡ là trí dụng. Mỗi người phát huy trí dụng của mình thật tinh sáng. Vừa có một niệm dấy khởi, chúng ta biết nó không thật nên không chạy theo, không chấp nhận, không để nó kéo lôi mình, đó là định. Người có định, không bị pháp trần kéo lôi ngược xuôi là có tuệ, gọi là định tuệ đồng thời hay định tuệ đẳng trì.

Phật nói thân này không thật, danh vọng không thật, tiền tài không thật, sắc đẹp không thật v.v... tất cả đều hư ảo. Chúng ta nhớ như vậy để trị bệnh tham sân si. Nếu không quyết tâm buông bỏ những thứ hư ảo ấy, cả đời chúng ta không tu tiến nổi đâu. Vì chúng sẽ theo quây nhiễu và lôi mình đi vào những con đường tăm tối, khổ đau. Người bình yên và người không bình yên khác nhau xa lắm. Người bình yên luôn tự tại, tỉnh táo, sáng suốt trước mọi cảnh duyên và không bị vọng động bên trong sai khiến. Người không bình yên luôn ngược xuôi, mắc mưu, bị trần cảnh bên ngoài và vọng tưởng bên trong sai sử làm những việc mê muội dẫn đến kết quả khổ đau.

Sở dĩ nói đạo Phật là đạo của trí tuệ, của từ bi hỷ xả, đạo giác ngộ giải thoát là vì giáo lý Phật dạy chúng ta vượt qua những tăm tối, không bị nghiệp lực sai sử khiến chúng sanh trôi giạt vào trầm luân sanh tử. Người học Phật, tu Phật không thực tập được như vậy thì đâu thể gọi là đệ tử Như Lai. Cho nên chúng ta phải áp dụng pháp học vào đời sống để chuyển hóa và tháo gỡ hết mọi sự trói buộc. Như thế mới có lợi ích và an vui.

Chúng ta còn vui buồn, phiền não là vì mình chưa làm chủ được nên cứ mắc mứu việc này việc kia. Nếu không tu không sửa đổi, mình sẽ bất ổn khổ đau hoài. Như vậy thì vô lý quá! Chúng ta đã chọn đạo pháp làm lẽ sống, làm mục đích duy nhất đời mình. Vậy mà không hành đạo, không tu đạo, nghĩa là sao? Cho nên chỗ này chư huynh đệ cần phải xác định thật rõ ràng để chúng ta có phương hướng hành động đúng đắn. Nếu không như thế, đến ba mươi sau cùng, chúng ta sẽ không có đường đi, đừng nói chuyện tự tại.

Người được tự tại là người không sợ chết. Bởi người này thấy rõ thân không thật, địa vị không thật, tiền tài không thật, không có gì thật hết, nên lúc bỏ thân họ cười. Thật ra chết là thay đổi một món đồ cũ xấu, rách nát để có món đồ tốt. Muốn đổi món đồ tốt không thể nào thiếu vốn. Cũng vậy, muốn đi con đường tốt, không thể thiếu sự chuẩn bị. Người muốn tự tại lúc lâm chung, bình nhật phải có định tuệ. Bây giờ đối với ngũ dục không sợ mất, đối với thân tứ đại không ngán chết, thì lúc ra đi mới bình thản an nhiên, không bị ngu đầu ngực tốt lồi xuống điện Diêm vương đối chất. Anh em học đạo không khai thông chỗ này, chỉ nói trên mây xanh mà không làm được việc gì thì đừng than trách lúc về sau.

Thiền sư Văn Hỷ đi hành khước học đạo, đến Ngũ Đài Sơn mong được yết kiến Bồ-tát Văn Thù. Lên tới Ngũ Đài Sơn, ngài gặp một ông cụ nhưng không nhận ra đó là hiện thân của Bồ-tát Văn Thù. Vì vậy ngài bị đuổi xuống núi. Sau này ở trong hội Nguỡng Sơn, ngài khế ngộ bản tâm, được cử chức Điển tọa. Một hôm ngài đang nấu cháo, thấy Bồ-tát Văn Thù hiện lần trong khói của nồi cháo. Ngài cầm cây dầm quậy cháo đập, nói “Văn Thù là Văn Thù, Văn Hỷ là Văn Hỷ”. Hỏi còn mê muốn gặp Bồ-tát, Bồ-tát hiện không biết. Bây giờ đã ngộ đạo, Bồ-tát bên ngoài hiện đến không nhận.

Một khi đã nhận đã sống được với cái thực của mình rồi, dù cho cảnh duyên bên ngoài có hấp dẫn tới đâu, cũng không bị được với cái thật ấy. Anh em có một niệm không bình yên, không làm chủ với các hiện tượng bên ngoài, dù lúc đó Phật hiện, Bồ-tát hiện vẫn là ma sự, không nên làm lẫn. Tại sao? Vì nó là thuộc bên ngoài. Công phu của chúng ta cốt nhận ra cái thật sẵn có của mình. Bằng mọi cách, trong sinh hoạt đời thường, chúng ta sống được với tri kiến Phật của mình, thì không bị thịnh trần dẫn, không bị pháp trần kéo, không mắc mứu và trôi giạt.

Chỗ này các thiền tăng phải nghiệm thật kỹ, nắm thật vững, đi vào công phu cho sâu sắc, chúng ta mới an ổn toàn bị. Huynh đệ nhớ dè dặt từng chút, đối với các sự việc, xem tâm như thế nào? Nếu còn buồn vui chao đảo là chưa

ồn, chưa tu tiến. Nghe người ta gọi mình là Thượng tọa, thấy vui vẻ, việc gì cũng dễ chấp nhận. Nhưng nếu họ chỉ mặt gọi thẳng này thẳng nọ, nghe khó chịu. Họ nói gì cũng không muốn nghe, nếu có nghe thì bực bội, không ưng thuận việc nào cả. Những thứ đồ bỏ như thế mà hại mình vô cùng. Cho nên trong công phu tu hành phải chính chắn xem xét lấy mình. Chúng ta chưa phải thánh hiền thì đừng bao giờ làm, để bị mất mình.

Ngay trong giai đoạn có thể lo cho mình, sửa sang tu tập, các huynh đệ cố gắng. Làm sao nhìn lại mình, tập trung công phu để có năng lực. Lúc đầu chúng ta làm tiêu mòn những vọng niệm, không để nó kéo lôi. Vào Xa-ma-tha tức là dùng đũa, cắt đứt những vọng tưởng, những dây niệm. Dần dần vào sâu trong định, đến chỗ dứt bật hết thì trí tuệ hiện tiền. Đến được chỗ định tuệ đẳng trì thì tự tại giải thoát không còn là chuyện mơ hồ viễn vông nữa.

Cổ Linh Thần Tán nhắc:

Linh quang riêng chiếu,

Vượt khỏi căn trần,

Bày thể thường chân,

Chẳng kẹt vướng tỵ.

Ngài muốn nói trong thân tứ đại ngũ uẩn, nếu chúng ta phá được những lầm chấp, những mê đảo thì sẽ được linh quang riêng chiếu. Cái đó vượt khỏi căn trần, nó là cái chân thường, không bị kẹt vướng ở đâu.

Cổ Linh Thần Tán học đạo với ngài Bá Trượng. Sau khi sáng được việc lớn trở về hầu thầy tổ. Thầy ngài ở quê, chưa có cơ hội học đạo nên còn vướng mắc. Một hôm Thần Tán đứng hầu, thầy ngài đang ngồi đọc sách bên cửa sổ có dán giấy. Bấy giờ có con ong muốn bay ra ngoài, mà bị lớp giấy chắn ngang nên chui không được. Ngài ứng khẩu nói:

Cửa Không chẳng chịu ra,

Quá ngu chui cửa sổ,

Giấy cũ trăm năm dùi,

Ngày nào dù được phủng.

Mấy câu kệ làm động đến thầy, thầy thấy lạ. Lần khác thầy đi tắm, ngài làm thị giả kỳ lưng cho thầy. Ngài vỗ vào lưng thầy nói: Điện Phật đẹp mà Phật chẳng thánh. Thầy ngài nghe vậy quay lại hỏi “Người đi học được cái gì mà về đây nghe nói những lời lạ thường như vậy”. Ngài trình bày sự thật. “Con được thầy cho đi học đạo, tới pháp hội của tổ Bá Trượng, con đã sáng nên rất mang ân thầy. Bây giờ đến lúc con phải đền ân thầy”.

“Điện Phật đẹp mà Phật không thánh” nghĩa là sao? Nghĩa là thân ngũ uẩn này giống như điện Phật, đầy đủ oai nghi tướng tốt v.v... nhưng không nhận ra tánh giác. Chỉ có điện Phật thôi chứ Phật không thiêng, vì Phật chưa giác. Cũng thế, mỗi chúng ta đều có điện Phật, mà không sống được với ông Phật của mình thì như ngài Cổ Linh nói điện Phật đẹp mà Phật không thánh.

Tiết này lấy Bồ-tát Hoa Đức làm hợp cơ, trong kinh vẫn nói Bồ-tát Hoa Đức được Pháp Hoa Tam-muội, tức chứng được Pháp Hoa tam-muội. Nói Hoa, đó là tri kiến. Còn Đức là diệu thể của các đức đầy đủ trong bản tánh. Tóm lại, nói hoa đức là nhằm tiêu biểu cho tánh tự nghe tánh, tâm tự biết tâm, cũng chính là nghĩa minh tâm kiến tánh vậy. Tánh tự nghe tánh, tâm tự biết tâm là sao? Tánh nghe của mình bình thường, không kéo đi đâu hết, tâm sáng suốt không dính theo vật. Nếu nghe mà dính theo cái bị nghe, đó không phải là tánh nghe nữa, mà gọi là bỏ tánh nghe theo thanh trần bên ngoài. Minh tâm cũng vậy, nếu đối vật dính mắc, chạy theo thì không còn minh tâm, mà bị vật chuyên.

Nói Pháp Hoa Tam-muội. Pháp tức là Diệu tánh chân như sẵn có. Hoa tức tánh ấy đủ Diệu năng Tri kiến thanh tịnh. Tam-muội hoặc bảo là Tam-ma-đề, đây nói rằng chánh thọ, cũng gọi rằng chánh định. Lại gọi là định tuệ đẳng trì, tức là nghĩa chánh quán vậy. Đây nói rõ, chính được đại định sẵn có tri kiến chân như, cũng là phá lớp vọng tưởng hư minh của thọ ấm thứ hai.

Muốn phá lớp chấp thứ hai gọi là thọ ấm, chúng ta phải có định tuệ đầy đủ. Định là tai nghe tiếng mà không chạy theo tiếng, tuệ là biết nó không thật, nên không dính mắc. Có định có tuệ, không thiên lệch gọi là định tuệ đẳng trì. Xa-ma-tha là chỉ. Ví dụ người ta chọc cho mình nổi nóng, nhưng mình không nổi nóng. Đó là Xa-ma-tha, là chỉ, là dừng. Nói theo danh từ bình dân nó như cái thắng. Huỳnh đệ nên có một cái thắng thật tốt, cần thắng thì thắng lại, đừng để tuột dốc. Chúng ta không bị âm thanh kéo lôi là có định. Minh biết nó không thật nên không chạy theo. Cái biết không thật là trí tuệ

Bát-nhã. Lục tổ dạy đó là định tuệ đồng đẳng, hễ có định là có tuệ. Có định mà không có tuệ, gọi là si định. Có tuệ mà không định là điên đảo vọng tưởng. Pháp tu thiền dạy chúng ta thực hành như vậy.

Phẩm này nằm trong giai đoạn triệt phá âm thứ hai. Trong kinh Lăng Nghiêm, sau khi Phật chỉ cho A Nan và đại chúng thấy được cái Diệu tịnh minh thể rồi, qua giai đoạn tháo gỡ các nút gút, tức tới công phu triệt phá ngũ âm. Đến đây, Bò-tát Diệu Âm đã tự tại đối với các âm thanh, phá được cảm thọ. Phá được thọ âm là một bước tiến rất lớn đối với hành giả tu thiền như chúng ta, không thể xem thường được. Như trời đang nắng nóng, chúng ta ngồi thiền trong thất nhỏ, mồ hôi nhễ nhại. Có Phật tử đem cúng dường cho một ly nước mát dịu, thấm vào cổ họng nghe thật dễ chịu. Sau cái dễ chịu đó mình thích. Sau cái thích đó còn nhiều chuyện khác nữa. Nhưng nội cái thích thôi, mình buông dễ không? Không dễ. Bây giờ ở độ cao tỉnh giác, chúng ta phải thấy nó không thật, đó là dùng trí tuệ Bát-nhã để phá thọ âm. Biết đây niệm không thật, thì không bị nó dẫn, không chạy theo nó.

Nói tóm lại, phẩm Diệu Âm là nói đến giai đoạn phá thọ âm. Căn nêu lên trong phẩm này là nhĩ căn. Từ căn nghe chúng ta buông hết những lầm chấp để vào chánh định, được tự tại.

Kệ rằng:

Đảnh Phật thần quang tịch chiếu thông,

Diệu Âm Bò-tát hiện thân dung,

Rộng phô tam-muội nêu tri kiến,

Bày hiện Nhất thừa, rõ đạo tông,

Thể dụng về như, nghe tức tiếng,

Căn trần rốt ráo, sắc mà không,

Chương này mượn huyền bày chân tế,

Giáo thể từ nghe vào thật dòng.

Phẩm Diệu Âm dạy phá được thọ âm rồi, mượn chỗ huyền bày cái thật. Hy vọng và quyết tâm của huynh đệ chúng ta trước nhất là nhận ra tánh giác của

mình, kể đến phát huy tròn đầy được như Phật mới vừa lòng mình. Con đường tu hành cho đến thành Phật, ta nguyện sấn bước đến cùng. Nói như thế nghe mờ hôi lạnh toát ra cho nên ta phải gan, phải là tráng sĩ chặt tay trên Tung Sơn thưở nào. Chúng ta học chánh pháp, mỗi ngày một tươi nhuận, một thể nhập, biểu trưng ra mọi sinh hoạt, qua các giác quan là sự sáng suốt, tỏ rõ, an vui. Mong anh em lúc nào cũng tích cực tu học như lời Phật tổ dạy.

Phẩm Quan Thế Âm Bồ-Tát Phổ Môn

CHÁNH VĂN

Phẩm Phổ Môn là tánh quán tự tại, ứng khắp quần cơ. Đây chính nói rõ phương pháp chóng ngộ của thiên-na, để tự thấy tâm thể xưa nay trong sạch của chính mình. Bởi nhiếp trong phẩm Diệu Âm trước, dù đã cùng lìa động tịnh các thanh trần bị nghe, song vẫn còn chấp có tánh nghe hay nghe, chưa đạt được bản tâm, thể tịch diệt xưa nay là chân như. Đến đây, mới vừa tận mặt, mới biết tâm thể vốn hư linh. Ứng hiện phổ môn, tùy thời phó cảm, cứu khổ độ sanh, ứng vật hiện hình, như trăng đáy nước, chẳng cuộc nhĩ môn, nên nói là Phổ Môn. Đây cũng nhằm bày tỏ đã nhận được Phật tuệ chân không, ứng hiện tự tại là khi chóng rõ không không vậy.

Lại phẩm Diệu Âm ở trước, cũng có ba mươi hai ứng, đồng như phẩm Phổ Môn này, mà chẳng nói tự tại, là có sao?

Đây là chỗ cơ yếu trong cửa huyền, rất khó xét lường. Bởi nhân tiếng mà thành nghe, nhân nghe mà thành tiếng. Song tiếng, nghe cùng quán sát thì một lúc đồng hiện, cho nên ứng dụng cũng đồng dấu vết kia. Nhưng, trong kinh Diệu Âm có đến đi, còn Quán Âm là nói nghiệp tự tại, vì Diệu Âm là tánh hay nghe. Do lúc có âm thanh, thì tánh hay nghe mới bày ra, lúc không âm thanh thì tánh hay nghe tự lặng lẽ. Đó là chỗ mà Diệu Âm có dấu vết đến đi, tiêu biểu cho tánh hay nghe theo cái có không, sanh diệt của tướng âm thanh. Khác nào những hình bóng không thật trong gương kia. Lại, như hành khách tạm dừng rồi đi nên chẳng tự tại. Nói Quán Âm là nghiệp tự tại. Nghiệp chính là bản tâm, là chủ nhân ông. Tự tại tức là bản tâm linh tri, cũng là chủ nhân ông. Bởi nghe có nghe không, tự là thanh trần hoặc có hoặc không, mà linh tri biết có biết không đó, chân quán thường tự tại. Thế thì, không tiếng đã không diệt, có tiếng cũng chẳng sanh, tức chẳng sanh chẳng diệt, không đến không đi, và chẳng

phải có chẳng phải không, chẳng phải động chẳng phải tịnh, tất cả đều chẳng phải, đó là chân quán tự tại. Lại, tức sanh tức diệt, tức đến tức đi... tất cả đều tức, đó là đại Bồ-tát. Trong kinh có đoạn:

*Quán chân, quán thanh tịnh,
Quán trí tuệ rộng lớn,
Quán bi và quán từ,
Thường nguyện, thường chiêm ngưỡng,
Sáng trong sạch không nhơ,
Trời tuệ phá các tối,
Hay dẹp vạ gió lửa,
Sáng soi khắp thế gian.*

Tiết văn này, chính là nêu rõ trí đại viên cảnh, Phật tuệ chân không, cảm ứng của Quán Tự Tại, cũng đã phá lớp vọng tưởng dung thông của tướng âm thứ ba vậy.

Nên biết rằng phẩm Phổ Môn này, cùng với kinh Lăng Nghiêm chỗ đức Quán Thế Âm nói về nhĩ căn viên thông, từ Văn Tư Tu vào Tam-ma-địa là đồng một ý, chỉ khác nhau ở chỗ kín và bày đó thôi.

Kệ rằng:

*Quan san trải khắp thẳng về nhà,
Chẳng biết đường xưa mấy dặm xa,
Gót dẫm Phổ Môn riêng tiến bước,
Quán chân tự tại, tát-bà-ha,
Tùy cơ ứng hiện tìm tiếng cảm,
Chẳng bỏ từ bi độ khô hà,
Thanh tịnh quán soi, đây tuệ nhật,
Sáng trùm vạn tượng khắp sum la.*

GIẢNG

Phẩm này phá về tướng âm. Tới đây là giai đoạn dùng trí tuệ chân thật để triệt tiêu mọi tướng tượng. Phá tướng âm cần phải có năng lực sắc bén nhất, trí tuệ mạnh mẽ nhất. Người tu thiếu định tĩnh, sẽ bị ma tướng tượng dẫn đi, nếu không điều phục nổi, đôi khi dẫn đến tình trạng mất bình thường. Cho nên người tu thiền không vui quá, không buồn quá, không để quá đà. Từ định tĩnh, trí tuệ hiện bày tròn đủ, khi đó sẽ thấy rõ thật chất mọi vấn đề.

Người tu dùng trí tuệ chặt đứt tất cả niệm tưởng để sống bình thường. Cho nên con người bình thường là con người đáng quý nhất.

Vô thường chẳng hẹn nên chúng ta không có thì giờ toan tính việc tạp, phải tập trung thời gian cần thiết để thấy rõ những nghiệp tập cù cặn, tiêu dung hóa giải, diệt trừ nó. Người biết soi rọi lại thân tâm mình là người biết sống nhất. Tập trung nhìn vào, nhận lại ánh sáng bên trong là quay về trí thể. Từ sáu căn chúng ta nhận ra mình có cái biết. Sở dĩ có cái biết đó là vì ta có trí thể bên trong. Bên trong nếu không có chủ, làm gì thể hiện được cái biết ra ngoài. Trí tuệ bên trong đang hoạt động, đang sáng suốt nên phát ra các căn.

Tu là từ đó nhận lại tánh giác chân thật. Từ lỗ tai nhận lại, từ tất cả giác quan quay về nhận lại, đó gọi là Phật tánh sáng suốt trùm khắp. Cái đó không bao giờ mất, nó hằng dụng, thường liễu tri trong mỗi chúng ta. Chỉ vì mình cứ chạy ra ngoài nên bỏ quên nó. Bây giờ trong mọi sinh hoạt, làm sao chúng ta đừng bị cảnh duyên bên ngoài kéo lôi, quay về nhận lại gốc, được thế là bình ổn nhất. Các huynh đệ có cơ hội sống với nhau như thế này, đầy đủ thuận duyên để phát huy công phu, không nên để mất thời gian. Mỗi vị tranh thủ tu hành, chuyển đổi tập nghiệp bằng trí tuệ của chính mình.

Chúng sanh có các thứ bệnh nên Phật chế các thứ thuốc để trị tâm bệnh cho chúng sanh. Chúng ta muốn hết bệnh mà không chịu uống thuốc thì làm sao hết được. Mỗi vị nghiệm lại xem mình trẻ thơ lắm. Ông cha để thuốc đầy trong tủ, các đứa con khóc lóc than đau mà không chịu lấy thuốc uống, nên cứ bệnh hoài. Chúng ta có những thứ bệnh như ham ngủ, ham ăn, ham danh, ham tài, ham sắc, tự ái, tự kiêu... đủ kiêu. Làm sao trị được những bệnh này mới an ổn. Người uống thuốc Phật rồi không buồn ai, không ghét ai, thân thể đau nhức cỡ nào cũng chịu được. Phật đã để sẵn thuốc mà chúng sanh không chịu uống nên Ngài đành lánh mặt. Để cho nó đau thấu xương thấu tủy, đau tới bờ tới bến đi, bắt buộc nó phải tìm thuốc uống. Bây giờ uống vô là mạnh liền.

Phẩm Phổ Môn là tánh quán tự tại, ứng khắp quần cơ. Quần cơ là khắp hết. Đây chính nói rõ phương pháp chóng ngộ của thiên-na, để tự thấy tâm thể xưa nay trong sạch của chính mình. Phẩm Phổ Môn là pháp trùm khắp. Pháp mà không pháp, phát huy định tuệ sẵn có nơi mình, không tìm cầu ở đâu hết.

Bởi nhiếp trong phẩm Diệu Âm trước, dù đã cùng lia động tịnh các thỉnh trần bị nghe, song vẫn còn chấp có tánh nghe hay nghe, chưa đạt được bản tâm, thể tịch diệt xưa nay là chân như. Đến đây, mới vừa tận mặt, mới biết

tâm thể vốn hư linh. Ứng hiện phổ môn, tùy thời phó cảm, cứu khổ độ sanh, ứng vật hiện hình, như trăng đáy nước, chẳng cuộc nhĩ môn, nên nói là Phổ Môn. Đây cũng nhằm bày tỏ đã nhận được Phật tuệ chân không, ứng hiện tự tại là khi chóng rõ không không vậy.

Người đã vào được công phu, đã uống thuốc Phật, là người tự tại trong tất cả cảnh duyên. Mắt thấy sắc không bị sắc dẫn, tai nghe tiếng không bị tiếng kéo, mũi ngửi mùi không bị mùi nhận chìm, lưỡi nếm vị không bị vị làm rối loạn, thân xúc chạm tự tại bình yên. Không cuộc trong căn nào hết. Nói tóm lại, mọi tiếp cận đều làm chủ được. Phổ Môn là trùm khắp như thế.

Trong cuộc sống hằng ngày, khi tiếp duyên xúc cảnh, vừa khởi niệm gì đằng sau đó là cắt. Công phu này từ kinh nghiệm của các bậc cổ đức, ứng dụng các giác quan trong lúc tiếp cận với trần cảnh. Người nào bình thản được với tất cả cảnh duyên, đó là người giác ngộ. Không làm chủ được các giác quan thì đi trong luân hồi sanh tử. Giản dị như thế. Với người có trí tuệ, thấy tất cả những hình sắc trước mắt, biết nó không thật, không chạy theo, không mắc mứu. Người này có một cái thắt bảo đảm an toàn, dù họ đang đi trên dốc ngược, nhưng cái thắt kê ngang là không nhúc nhích cục kịt gì cả. Trí tuệ sáng suốt là chúa tể, không gì có thể hơn nó. Sống với trí tuệ là sống với ông chủ của mình.

Mấy năm trước đây có một Phật tử là giáo sư Triết học. Anh có những kinh nghiệm về cuộc đời rất sâu sắc. Trao đổi, nói chuyện với anh tôi thấy thích thú. Anh dạy người ta những phương pháp sống vững vàng, không bị chao đảo bởi ngoại duyên, nhưng bản thân anh lại mê uống rượu. Bạn nhậu của anh cũng là giáo sư bác sĩ. Nhậu riết vợ buồn con khô, sau cơn say tỉnh lại, anh thấy cũng xót xa cho mình cho gia đình. Vì vậy anh vào thiền viện xin công quả tập tu. Công quả chừng mười ngày là bắt đầu buồn buồn rồi. Hồi đó con đường trước chùa gập ghềnh lắm. Buổi trưa rảnh, anh dẫn xe cút kít với cái cuốc ra san lấp mặt đường. Đang làm có ông bạn ngoài Vũng Tàu chạy ngang hỏi:

- Mà làm gì đó?

- Tao ở đây tu.

- Trời đất ơi! Thôi dẹp đi, lên xe tao chở đi một vòng.

Thế là quãng quãng xe cút kít vô chùa, chưa kịp nói với ai là ông bạn chở đi tuốt. Chở về nhà ông bạn nhậu năm bảy ngày. Ở nhà nghĩ anh ở chùa,

ở chùa nghĩ anh về nhà. Té ra anh tu với mấy ông bạn nhậu. Cả tuần lễ, tỉnh lại ông bạn đưa về sám hối mấy thầy. Hôm rày con mê khổ quá thầy ơi, con ra làm ngoài cổng gặp bạn nó dẫn đi tuốt. Thầy nói ai biểu ra ngoài làm chi, yếu đuối thì ở trong này có hàng rào bảo vệ, ra ngoài trước sau gì cũng bị lôi đi thôi.

Cho nên chúng ta phải kịp phát giác chính mình. Yếu điểm nào thì chấn chỉnh điểm ấy, đừng để bị nghiệp lôi đi. Mỗi tối quý vị tụng kinh Bát-nhã để buông bỏ hết tật bệnh, phải biết uống thuốc của ông già để lại, luôn cảnh giác và làm chủ. Trong nhà thiền dùng từ chiếu soi, nghĩa là rọi lại mình. Để làm gì? Một là thấy mình có tánh giác sáng suốt trùm khắp, hai là thấy tất cả cảnh duyên không thật. Cái không thật thì không ôm giữ, không chạy theo. Cái chân thật cần phải sống, phải phát huy tròn đầy, phục hồi nguyên vị của chính mình. Phục hồi được cái đó thì mọi thứ bên ngoài không làm gì được chúng ta.

Tất cả các pháp, nếu ta tỉnh thì nó là nhân duyên giúp ta tu thành Phật. Nếu ta không tỉnh thì nó là chất đăm mê nhận chìm chúng ta. Cơm ăn áo mặc đối với thân này cũng thế. Người biết tu thì thân này là phương tiện, là cái phao cuối cùng để đưa họ lên bờ giác. Người không biết tu thì thân này là nguyên nhân dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Chúng ta không thể đổ thừa tại cái gì hết, rõ ràng là tại mình.

Nếu áp dụng thân để tu, đừng cho nó sai sử mình thì quý biết bao nhiêu. Bởi không có thân này, lấy gì chúng ta làm những việc công đức, lấy gì ngồi thiền tụng kinh. Thời gian trôi qua rất nhanh, chúng ta không lợi dụng thân này tu hành, đến lúc già yếu hối hận không kịp. Năm năm mười năm thoáng chông chắt, nhanh ơi là nhanh. Mới ngày nào tôi từ trên núi đội nón, quây thiên trương, vác bò đoàn xuống vùng đất khô cằn này khai khẩn đồng hoang thành ruộng lúa nương khoai. Vèo một cái, đầu đã bạc chân đã mỏi, tay không còn cầm nổi cây cuốc nữa. Huỳnh đệ chúng ta không ai chạy khỏi sự biến dịch của vô thường cả. Hòa thượng nói bản án đã tuyên rồi, không ai thoát được. Nếu chúng ta chưa chịu nhận, chưa chịu lo cho mình, chưa chịu uống thuốc để trị bệnh trầm kha thì đâu phải là người sáng.

Phật là giác, cho nên đệ tử Phật cũng phải giác. Không giác thì không phải đệ tử Phật. Giác ít là con Phật, giác như Phật thì thành Phật. Chúng ta không còn thời gian để làm việc khác. Anh em ai nấy đều tâm tâm niệm niệm một việc duy nhất là làm sao trị bệnh của mình, làm sao uống được thuốc Phật, tiêu dung hết những cù cặn trong lòng, để sống an nhiên tự tại với tánh giác

tròn sáng của mình. Đó là hạnh Phổ Môn trùm khắp mà chúng ta có duyên áp dụng hằng ngày. Mình có nguồn trí tuệ sáng suốt tinh tảo, quyết định tất cả, không để sự sai trái có cơ hội sống dậy, len lỏi làm lầm mình. Tu là như thế.

Mỗi chiều lên điện Phật đọc lại từng lời kinh tiếng kệ để tâm rỗng rang sáng suốt, chớ không phải nguyện đức Phật ban cho con quả vị Phật. Cha ông của con là những bậc đã giác ngộ, con cũng sẽ tu tập để được giác ngộ như các ngài. Con xin gầy dựng lại sức mạnh của chính con, gầy dựng lại niềm tin và sự tỉnh giác nơi chính mình. Phật đã nói con có sẵn tánh Phật, con nghiệm thấy quả đúng như vậy. Bây giờ trong từng phút giây, từng bước đi, từng hơi thở, con nguyện phát huy trọn vẹn tánh Phật ấy, không mong mọi điều gì khác hơn.

Đây là chỗ cơ yếu trong cửa huyền, rất khó xét lường. Bởi nhân tiếng mà thành nghe, nhân nghe mà thành tiếng. Song tiếng, nghe cùng quán sát thì một lúc đồng hiện, cho nên ứng dụng cũng đồng dấu vết kia. Đoạn này so sánh giữa Bồ-tát Diệu Âm và Bồ-tát Quán Thế Âm.

Nhưng, trong kinh Diệu Âm có đến đi, còn Quán Âm là nói nghiệp tự tại, vì Diệu Âm là tánh hay nghe. Do lúc có âm thanh, thì tánh hay nghe mới bày ra, lúc không âm thanh thì tánh hay nghe tự lặng lẽ. Đó là chỗ mà Diệu Âm có dấu vết đến đi, tiêu biểu cho tánh hay nghe theo cái có không, sanh diệt của tướng âm thanh. Khác nào những hình bóng không thật trong gương kia.

Ở đây so sánh năng lực, pháp tu giữa Bồ-tát Diệu Âm và Bồ-tát Quán Thế Âm. Bồ-tát sử dụng nghiệp tức chỉ cho thể nhập tâm. Người thể nhập được tâm rồi là người đủ năng lực điều trị các thứ tướng tượng. Với công dụng này, với pháp tu này đủ năng lực để trị bệnh loạn tướng của chúng sanh. Những thứ cảm thọ, tướng tượng, phân biệt, suy nghĩ... thuộc về tinh thần, nhà Phật nói thuộc về vọng tâm. Nó vô thường, không thật nên vừa có một niệm tướng khởi lên chúng ta buông đi. Niệm tướng nào cũng buông, dù là niệm Phật niệm Pháp, niệm Tăng, đó mới là người nhập Phổ Môn, người tự tại.

Có những người điên mà không biết mình điên. Vì ham tu quá, họ mong được sự hỗ trợ của các thế lực huyền bí. Vì vậy hay nghe bên tai lời Bồ-tát dạy tu thế này thế kia. Lúc đầu dạy đúng, họ làm theo và thấy có kết quả lợi lạc. Từ đó tin tưởng tuyệt đối, Bồ-tát biểu làm gì cũng làm. Đang ăn Bồ-tát biểu đi phải đi, đang nói Bồ-tát biểu cười phải cười. Bồ-tát biểu đâu dám cãi,

vì đã quen nghe rồi. Như thế riết rồi khùng, thân thể tiêu tụy, nói xàm nói nhảm luôn. Khi lâm vào tình huống này thì thật là khổ. Nguyên nhân ban đầu là chạy theo những tưởng tượng của mình. Chạy theo quá, không chịu dừng lại thì dẫn đến tình trạng như thế. Cho nên pháp tu thiền biết vọng tưởng không thật không theo, trị bệnh này hay vô cùng. Ai nói tu thiền điên là người đó không biết tu thiền. Thật ra tu thiền trị bệnh điên có hiệu quả nhất.

Nếu chúng ta cứ chạy theo các giác quan, chấp nhận hiện cảnh bên ngoài thì ngược xuôi dong ruổi tạo nghiệp, trả vay không biết đến bao giờ mới xong. Bây giờ từ các căn soi lại, thấu tỏ tánh giác thì bình yên. Nghe cũng thế, ngửi cũng thế, các căn đều như thế. Quay về tập trung vào chỗ gốc, không chạy ra ngoài nhất định sẽ bình yên. Nhà thiền có câu chuyện: Như con khỉ ở trong nhà, nghe con khỉ bên ngoài kêu chóc chóc, nó đáp lại choé choé. Hai con ứng đối nhau mãi thì một lát cả hai đều mệt, đều điên đảo. Nếu con khỉ trong nhà ngủ, con khỉ bên ngoài không nghe đáp lại, nó sẽ bỏ đi thì yên. Cả hai đều khỏe.

Trở lại tu các giác quan, chúng ta có tánh sáng suốt bên trong. Tánh sáng suốt này không có tâm phóng ra ngoài, cảnh bên ngoài cũng không có ý tác động đến mình. Giống như con khỉ bên trong ngủ, con khỉ bên ngoài cũng im luôn. Như vậy không có vấn đề gì xảy ra cả. Các giác quan sáng suốt, không làm chạy theo cảnh thì chúng ta bình yên. Giản dị như vậy. Đó là phương pháp phổ khắp, phương pháp tu của Bồ-tát Quan Thế Âm.

Phẩm Phổ Môn cũng nói đến sự liên hệ với phẩm Bồ-tát Diệu Âm:

Lại, như hành khách tạm dừng rồi đi nên chẳng tự tại. Nói Quán Âm là nghiệp tự tại. Nghiệp chính là bản tâm, là chủ nhân ông. Tự tại tức là bản tâm linh tri, cũng là chủ nhân ông. Bởi nghe có nghe không, tự là thính trần hoặc có hoặc không, mà linh tri biết có biết không đó, chân quán thường tự tại. Thế thì, không tiếng đã không diệt, có tiếng cũng chẳng sanh, tức chẳng sanh chẳng diệt, không đến không đi và chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải động chẳng phải tịnh, tất cả đều chẳng phải, đó là chân quán tự tại. Lại, tức sanh tức diệt, tức đến tức đi... tất cả đều tức, đó là đại Bồ-tát. Trong kinh có đoạn:

Quán chân(1), quán thanh tịnh(2),

Quán trí tuệ rộng lớn(3),

Quán bi(4) và quán từ (5),

Thường nguyện, thường chiêm ngưỡng,

Sáng trong sạch không nhơ,

Trời tuệ phá các tối,

Hay đẹp vạ gió lửa,

Sáng soi khắp thế gian.

(1) Quán chân: Dùng chân trí soi tỏ chân lý.

(2) Quán thanh tịnh: Rõ thấu pháp tánh thanh tịnh.

(3) Quán trí tuệ rộng lớn: Trí tuệ rộng lớn thấu suốt tất cả pháp.

(4) Quán bi: Khởi tâm đại bi vô biên, luôn xét nỗi khổ của mọi loài để cứu vớt chúng.

(5) Quán từ: Vận tâm đại từ vô lượng, thường xem mọi loài ưa thích những gì để ban bố niềm vui cho chúng.

Ở đây nói như hành khách tạm dừng rồi đi nên chẳng tự tại. Thinh trần là khách trần, nó như người khách khi có khi không. Lữ khách là người phiêu bạt giang hồ, không thường trụ ở đâu cả. Hình ảnh này dụ cho trần cảnh bên ngoài, cụ thể trong phẩm này là thinh trần. Thinh trần chỉ là cái tạm bợ, lúc có lúc không, giống như người lữ khách tạm nghỉ bên quán trọ ven đường. Đã là lữ khách tạm nghỉ nơi quán trọ thì chỉ nghỉ một đêm hoặc giây lát rồi lại tiếp tục lên đường, không dừng trụ vĩnh viễn. Các trần bên ngoài luôn luôn biến đổi như thế. Bên trong chỉ cho nghiệp tự tại, tức là chủ nhân ông, là bản tâm của chúng ta. Đó cũng là cái chân quán thường thanh tịnh, tức là trí tuệ trùm khắp nơi mỗi người. Cái này không phải lữ khách, không có chuyện tạm dừng rồi đi. Nó thường còn nên ở đây nói nghiệp tự tại.

Nói rõ hơn, nghiệp tự tại của chúng ta là gì? Là tánh nghe hay tánh thấy. Các vật tượng trước mắt hoặc có hoặc không, cái thấy của chúng ta lúc nào cũng thấy. Cái thấy thường hằng liên tục, cho nên vật có vật không chúng ta đều biết. Ở đây chân quán cũng vậy. Ngài Minh Chánh gọi là nghiệp tự tại, nghĩa là nó không mất. Trần cảnh bên ngoài khi có khi không, tánh nghe vẫn

thường hằng. Có thì nghe có, không thì nghe không, tánh nghe lúc nào cũng thế. Tánh nghe, tánh thấy... nói chung là tánh giác không bị trần cảnh bên ngoài làm động. Nó luôn tự tại, là chủ nhân ông của chúng ta. Ai cũng có, nếu nhận ra và sống được với nó thì mình bình yên.

Sở dĩ chúng ta khổ là vì cứ lầm lũi chạy theo trần cảnh rồi mắc mứu, làm nhận cảnh duyên bên ngoài là thật, muốn nó còn mãi mà nó không còn. Chỉ khi nào ta khéo nhận lại tánh giác bất sanh bất diệt, thì dừng được tất cả lăng xăng, ngược xuôi, mắc mứu. Bây giờ mình sẽ bình an. Huỳnh đệ tập trung sống cho với tánh giác của mình, gìn giữ nó. Được như thế là người giới luật tinh nghiêm, tu hành thanh tịnh, là người tự tại, không còn rày đây mai đó, phiêu bạt giang hồ. Bây giờ là chủ nhân ông, nghiệp tự tại, là chân quán thường thanh tịnh, là bản tâm của chúng ta.

Chủ đích chư Phật ra đời là nhằm chỉ cho chúng ta tri kiến Phật nơi mỗi người. Chúng ta nhận và sống với tri kiến Phật của mình. Chỉ vậy thôi, chứ không có việc khác. Nếu chúng ta chịu nhận tri kiến Phật và hằng sống với nó thì đại nguyện đại thệ ra đời độ sinh của chư Phật trong mười phương thế giới được viên mãn. Các ngài thực hiện trọn vẹn bản thệ của mình là thị hiện ra đời để chỉ chúng sanh cái sẵn có mà họ bỏ đi. Bây giờ chỉ cần nhận lại, đừng chạy ra ngoài ngược xuôi nữa là xong.

Toàn bộ kinh Pháp Hoa với những hình ảnh ví dụ đều muốn nói lên một việc này thôi. Như ngôi nhà hư nát sắp sụp đổ, trong đó lửa dữ cháy đỏ, những đứa trẻ ham chơi không chịu chạy ra. Bây giờ người cha của chúng muốn con ra khỏi nhà lửa, nên dùng phương tiện dụ các con mau ra, cha sẽ cho các thứ xe như xe dê, xe nai, xe hươu v.v... Bọn chúng nghe thế đua nhau chạy ra, cuối cùng người cha chỉ cho một loại xe duy nhất, đó là xe trâu trắng lớn rất xinh đẹp. Bản hoài của đức Phật ra đời để chỉ tri kiến Phật cho chúng sanh. Vì căn cơ chúng sanh không đồng, Phật dùng phương tiện nói ba thừa, cuối cùng Như Lai chỉ một Phật thừa duy nhất, thù thắng vi diệu, không có gì khác. Nhất Phật thừa là tri kiến Phật vậy.

Như người qua sông cần có thuyền bè. Đã đến bờ rồi, thuyền bè không còn cần nữa thì bỏ đi. Chúng ta cũng vậy, một khi đã nhận sống với tri kiến Phật thì tự tại, không phải tu trì chi nữa, không còn chỗ nào để bám, để soi rọi nữa. Thiền sư Huệ Nam nói người đã qua cửa là người tự tại, phất tay áo mà đi. Người qua cửa mà còn hỏi kẻ khác mình qua cửa chưa, nên biết người ấy chưa qua cửa. Chúng ta nói tu hành, giữ giới, tụng kinh, ngồi thiền, làm tất cả việc công đức đều nhằm làm sao nhận được sống được với tánh Phật. Từ

chỗ quý vị nhận ra yếu chỉ thẳng tắt của các thiền sư, các ngài muốn chúng ta đi thẳng, đến thẳng, không cho bám víu bất cứ một thứ gì. Vì vậy ngài Lâm Tế hỏi đại ý Phật pháp bị ăn đòn. Người xưa tâm từ bi đến độ không để cho học trò có một tí xíu bám víu nghĩ ngợi nào. Vừa mở miệng liền “bốp”, rất nhiều vị thiền sư như vậy.

Chúng ta ngược lại cứ vận dụng đến mớ tư tưởng, cho đó là thật rồi soi cái này, đục cái kia, bám cái nọ, cả đời kiếp vẫn là kẻ lữ khách ngược xuôi. Chúng sanh có mặt ở các cõi là do nghiệp dẫn, đây chính là cái làm to nhất. Làm sinh ra đời, làm nhận thân này thật, làm nhận tất cả hiện tượng chung quanh là thật, làm nhận tâm vọng tưởng là thật. Tóm lại, tất cả đều làm, không có cái nào tỉnh. Chúng ta học đạo giác ngộ mà không có giác ngộ. Bởi vì cái gì cũng làm cũng chấp. Những thứ hư giả mà cho là mình nên không thể nhận ra cái chân thật. Như nhà củi của thiền viện, huynh đệ chặt củi đầy ắp trong đó, không thể đem cái gì khác vô được.

Ngay từ gốc đã làm đã sai, từ đó phăng ra, làm mê này chòng chát đến làm mê khác. Do đó chúng ta học đạo cả đời cũng không sáng đạo. Thiền là pháp môn thẳng tắt, một phương pháp mà không có phương pháp gì hết. Hòa thượng Thủy Lạp bạch với Mã Tô “Thế nào là đại ý Phật pháp”, Tô đáp cho một đạp té ngựa, ngài ngóc đầu dậy cười hả hả, ngộ đạo. Phương pháp gì? Đâu có tụng kinh chi, Bát-nhã tâm kinh, Kim Cương, Pháp Hoa, Niết-bàn... không có kinh toát ra được cái đó. Con người như vậy, căn cơ như vậy, khéo nhận như vậy thì giác ngộ. Từ đó về sau cách cư xử của ngài đều biểu hiện hoạt dụng của một con người trí tuệ.

Ở đây tôi muốn nói đến chữ khéo. Cơ hội để chúng ta ngộ đạo đầy dẫy trước mắt. Những pháp môn, những thủ thuật người xưa đã mở bày trắng ra, không giấu diếm gì cả. Mình chỉ khéo. Người u mê thì thôi đành, chứ những ai khéo léo một chút, dũng cảm một chút nhận ra tức thì. Thời của chúng ta không phải thời trước mình không có Phật, đây là thời đang trước trùng điệp chư Phật tổ đã đi qua, để lại vô số gương hạnh dấu vết cho kẻ sau. Bây giờ chỉ dám buông bỏ các thứ tạp nham, nhìn và nhận lại cái thật của mình, dễ hơn người xưa rất nhiều.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đưa tay lên hỏi A Nan thấy không? Đáp thấy. Đức Phật hạ tay xuống, hỏi thấy không? Đáp không thấy. Phật quở “nếu ông không thấy, vì sao biết không có nắm tay ta đưa lên?” Chỗ này người khéo sẽ nhận ra tức thì. Rõ ràng cái thấy không mất. Cái nghe cũng vậy. Như tôi nói thì quý vị nghe có âm thanh, tôi im lặng quý vị nghe không

có âm thanh. Nếu không nghe vì sao quý vị biết tôi im lặng. Bây giờ chúng ta nhớ làm người khéo, là con cháu của trảng sĩ chặt tay trên Tung Sơn thuở nào, gan dạ nhận lại cái chúng ta có. Nếu người không gan, dù ở đạo tràng này một trăm năm cũng chỉ là kẻ quét sân, cuốc đất, không thêm không bớt. Người học thiền phải biết khám phá chính mình, phải gan dạ như vậy mới được.

Chư huynh đệ đã được học Phật pháp của đức Phật, thiền sử của các thiền sư từ Ấn Độ, Trung Hoa sang Việt Nam đầy đủ, không thiếu chi cả. Kiến giải như vậy rất là nhiều, nếu không tu e rằng chúng ta sẽ bị sinh bụng, bễ bụng mà chết. Sinh bụng vì không ứng dụng Phật pháp được, gặp ai cũng nói xàm, do dồn vô nhiều quá mà không tiêu hóa nổi nên phải nói ra cho hả hơi. Giống như người bị thương thực, buổi chiều ăn nhiều, tối bụng sinh lên không chớ đi nhà thương kịp, có thể nguy hiểm đến tánh mạng.

Trong nhà thiền có câu “Kích thạch hỏa” tức là lấy hai viên đá gõ vào nhau cho nó nháng lửa lên. Tụng kinh ngồi thiền, tất cả phương tiện khác đối với hành giả tu thiền là kích thạch hỏa. Ai muốn có lửa muốn sáng thì kích hoài. Người nào cật kỹ trong tử, lâu lâu kích chơi một cái thì chịu thua. Các anh em nào thích tu thiền Hòa thượng nhận hết, không bỏ một ai dù hoàn cảnh vị ấy ra sao. Ngài thương người tu. Nhưng kể từ khi có trường Phật học ra đời, nhiều vị đang tu trong thiền viện muốn đi học, Hòa thượng biết ngay vị ấy không có công phu hành thiền. Ở đây nuốt không trôi mà muốn học thêm nữa, khác nào kẻ thương thực lại bị thương thực tiếp. Cái bụng đã sinh lên, bây giờ dồn thêm nữa thì nó bễ thôi, không có gì lạ.

Tuy huynh đệ tu học trong thiền viện nhưng không bị dốt. Anh em chịu khó coi lại bài võ đã được học, những điều Hòa thượng Ân sư vất vả nghiên tầm, đúc kết để hướng dẫn chúng ta tu hành, không thiếu chi cả. Có điều người nào dồn nhiều quá, giống như cái bị của ông ba bị, ai cho gì cũng thấy vô hết, bây giờ không biết lấy cái nào ra xài. Bản thân quý vị muốn dùng pháp nhưng không biết lấy ở đâu nữa. Tại vì nó không trật tự, không chân quán. Huynh đệ đề đề mất thì giờ khá nhiều, bây giờ cố gắng dùng đề mất thì giờ nữa. Mình chỉ làm một việc duy nhất là nhận cho được tánh giác qua sáu căn. Căn nào cũng được, tùy mỗi vị thích hợp.

Nghiệm lại trong đời sống, chúng ta còn làm nhiều thứ lắm. Do làm nên tự ngã thể hiện nguyên vẹn trong lối ứng xử, lối giao tiếp hằng ngày. Cồng cao, sân giận, tật đố... là những biểu hiện của một bản ngã còn chìm trong si mê, lầm lạc. Người tu phải thấy rõ điều này. Chúng ta kiểm tra từng hơi thở,

từng bước đi của mình, sửa ngay khi chúng nhú mầm mới được. Người nhìn ra thấy như vậy như kia là không biết mình làm, cứ nói tôi thấy đúng, cho nên thường xảy ra vấn đề. Vấn đề nổi cộm nhất là phiền não. Tu riết mặt mày méo xẹo, hai mắt trộm sâu thành ra bệnh. Bệnh tu. Hành giả nào bị thiên bệnh phải sớm xả bỏ các kiến chấp.

Những gì chúng ta không giải tỏa, không tiêu dung được trong sinh hoạt của mình là phiền não. “Phiền” là những bức xúc, bực bội bất ổn, nó làm mình căng đầu giống như bị lửa đốt. “Não” là tâm bị chèn ép, đè nén, bất an bất ổn. Cho nên lửa phiền não hừng hực trong chúng ta thì mình không yên. Người bị phiền não ăn không ngon ngủ không yên, thất chí nản lòng, rồi trở thành người tiêu cực. Nếu cố gắng đè nén càng đưa đến tình trạng bất đắc chí. Làm việc gì chỉ làm lấy lệ thôi, không hết lòng nên chẳng có kết quả gì. Bởi vậy nên các thế lực của ma xen vô. Tu hành mà bị như thế, nếu không phải hạng “bán đồ nhi phé”, thì cũng là hạng muôn đời “bất đắc chí” mà thôi. Nam nhân chí chí mà trở thành một người bất đắc chí thì uổng biết bao nhiêu.

Cho nên hễ tu phải ra tu, tu tới nơi tới chốn, khẳng định như vậy. Một đường thẳng tiến, không có cái khác. Bao giờ chúng ta sáng được việc của mình mới yên lòng. Người sáng được việc rồi, sống với tánh giác, thấy mọi thứ chung quanh không có gì đáng kể, ai nói gì cũng chỉ “thế à!”. Thiền sư Bạch Ẩn đang là một bậc thầy sáng chói, người đời xem ngài như Phật sống. Có cô gái dẫn cha tới nói ngài là tác giả cái thai hoang trong bụng cô. Ông già làm dữ, ngài chỉ nói “thế à!”. Sau một thời gian cô sanh con, đem tới cho ngài nuôi, Ngài cũng bảo “thế à!”. Thật bình thản. Bấy giờ tất cả những gì ngài đang có đều vượt mất. Tiếng tụng, đệ tử, chùa chiền, bổn đạo... đồng một lúc tan hoang. Ngài nhận đứa bé nuôi, mỗi ngày đi xin sữa cho nó uống, người ta chửi bới, nguyên rửa đủ thứ. Ngài vẫn “thế à”, không nói thêm lời gì. Cho tới một hôm, mẹ đứa bé chịu hết nổi, thấy mình làm cho vị Phật sống phải chịu như vậy, cô khai thật với cha “ba ơi, hồi đó con sợ ba đánh nên con nói đại ngài Bạch Ẩn là cha đứa bé, nhưng sự thật không phải. Cha nó là một kẻ nô lệ trong nhà” Ông già hoảng lên, mau mau chạy tới dập đầu sám hối ngài Bạch Ẩn. Thiền sư cũng chỉ “thế à”, rồi vui vẻ giao đứa bé cho cha con cô gái mang về. Người sáng được việc của mình, không có tâm khác, tự do tự tại như thế. Thật là một sức mạnh phi thường không ai địch nổi.

Chúng ta cũng có nghiệp báo riêng, không ai giống ai. Ngoài cộng nghiệp còn có biệt nghiệp, biệt nghiệp này mới đáng sợ. Nó xuất hiện như những

bản án. Nếu chưa sáng được việc lớn, biệt nghiệp này quây chúng ta rất đáng lo ngại. Đôi khi chúng ta thua nghiệp, phải cuốn gói theo nó, hỏng cả một đời tu. Cho nên anh em thận trọng, giữ gìn ba nghiệp thanh tịnh, ở yên trong đại chúng. Bởi chỉ có sự bảo hộ của đại chúng mới giúp chúng ta giữ gìn giới thân huệ mạng của mình một cách an toàn nhất. Chỉ những vị sáng được việc lớn mới kham nhận, trả nghiệp một cách bình thường, còn thì không nên khinh xuất mà tan thân mất mạng. Đây là điều hết sức quan trọng đối với người tu.

Cho nên muốn chắc ăn phải sáng được việc của mình, không thì cứ vay thêm, mắc mứu thêm hoài. Phẩm Phổ Môn, Bồ-tát Quan Thế Âm dạy chúng ta từ căn tai xoay trở lại với tánh nghe của mình, đừng chạy theo thịnh trần. Thực hành như vậy bền lâu, chúng ta sẽ sáng được việc lớn. Chỉ như thế mới ra khỏi trầm luân sanh tử, vĩnh viễn không còn bị nghiệp tập vây bủa kéo lôi vào các đường, chịu khổ triền miên.

Phẩm Đà La Ni

CHÁNH VĂN

Phẩm Đà-la-ni, đây gọi là Tổng trì. Nghĩa là tổng nhiếp tất cả pháp và thọ trì tất cả nghĩa.

Do vì người tu hành đã thấy được tâm thể xưa nay trong sạch của mình rồi. Phải biết rằng, tâm này vốn đầy đủ hằng sa công đức, và vô lượng pháp môn cũng đều nương nơi tâm này mà diễn xuất.

GIẢNG

Phẩm Đà La Ni là phá hành ám. Chữ “Tổng trì” tức nhiếp tất cả pháp và gìn giữ tất cả pháp. Đến phẩm Đà La Ni là giai đoạn phá dẹp triệt để tất cả những dây niệm dính mắc, những cù cặn cố chấp đối với thân năm uẩn.

Hành là những chuỗi vọng tưởng nối nhau bởi các niệm. Bây giờ mình điều trị, phá dẹp triệt để, buông bỏ rốt ráo mọi niệm tưởng. Thân năm uẩn là phương tiện để chúng ta tu hành, mà cũng là chướng ngại cho bước công phu của mình. Người tu dùng thân năm uẩn như phương tiện, như thuyền bè để vượt qua sông. Nghiệm kỹ, trong lòng chúng ta có những vấn đề không ra gì, rất tầm thường, nhưng quả thực nó làm trở ngại công phu chẳng ít. Từ

những trở ngại đó biến thành hàm hồ, cuối cùng chúng ta không vượt qua được.

Người con Phật nhìn từ nhân, từ sơ niệm ban đầu đã buông bỏ, không phải đợi đến lúc thành sự mới phá dẹp. Có những cù cặn nhỏ xíu, chúng ta không sáng suốt nhìn thấu, buông bỏ nó một cách dứt khoát, lâu ngày nó thành khối thì bỏ rất vất vả. Cách tu của thiền sư là luôn nhìn lại mình. Phản quan tự kỷ là soi lại nhìn mình, chứ không nhìn ai hết. Trong sinh hoạt hằng ngày, các huynh đệ hãy chính chắn nhìn lại mình, có chút gì bất ổn về thân về tâm, về sự tiếp cận tương giao, về ăn ngủ, danh vọng, tiền tài... tất cả các thứ, tỉnh táo trị nó là tu.

Thiền là gì? Là buông, là không vướng mắc bởi bất cứ một trở ngại nào. Thiền nói theo cách định nghĩa danh từ là thiền-na, trong đó gồm cả định và tuệ, tức tu chỉ và tu quán. Chỉ là dừng. Dừng tất cả vọng tưởng. Quán là chiếu soi. Chiếu soi lại chính mình. Chỉ quán hỗ trợ cho nhau để buông bỏ cái giả, nhận ra cái thật. Đó chính là tu thiền.

Ở đây nói gọn hơn, thiền là buông. Buông cái gì? Giận buông, ham ăn buông, ham ngủ buông, ham danh buông, ham lợi buông... Từng phần từng đoạn như thế, chúng ta tập làm chủ, không phải đặt vấn đề trên mây xanh. Ngay trong đời thường, người tu thiền là người có đầy đủ định lực và tuệ lực. Định lực là dừng được mọi vọng niệm lăng xăng điên đảo. Tuệ lực là mắt tuệ luôn sáng, không có vấn đề nào không bị soi thấu.

Phẩm Đà La Ni này triệt để tập trung sức mạnh phá hành âm. Có thể hiểu hành là những suy nghĩ, mình gẫm mình nghiệm mình xét về các sự kiện. Một khi tâm chúng ta đã sáng suốt, tuệ giác đầy đủ thì không dung bất cứ một niệm nghĩ suy nào. Đến giai đoạn này, công phu tiến triển như vậy. Muốn thế phải làm sao, bắt đầu từ chỗ nào, lập cước ở đâu? Chỗ lập cước là chỉ lực và tuệ lực. Nói thiền nói định, nói tâm nói tướng, nói nhân nói ngã gì, mà không dừng được thì không có thiền định chi hết. Như xe chạy đến chỗ nguy hiểm phải thắng lại, thắng không được thì chết, rõ ràng như vậy.

Việc tu hành của chúng ta cũng vậy. Đối với tất cả pháp trần, ta sử dụng nó chớ đừng để nó sai sử mình. Không có cái chuông tự nhiên kêu, mình sử dụng nó mới kêu. Như vậy chúng ta là chủ nhân ông rồi. Nhận được chỗ này là công phu có tiến triển. Ở phần phá tướng âm, nói chúng ta là chủ nhân ông, là người không bị động bởi bất cứ những thứ chung quanh, đã sống được với tâm thể thanh tịnh. Chỗ này nói chỉ lực và tuệ lực phát huy rực rỡ.

Tất cả những công phu tựu trung từ chúng ta thôi. Ngày hôm nay mình nhận ra và bắt đầu gầy dựng lại chỉ lực của mình. Chỉ lực mạnh rồi, tới chỗ thắng là thắng, tới chỗ dừng là dừng, tới chỗ đi là đi, tới chỗ nói là nói, hoàn toàn làm chủ.

Chúng ta là người xuất gia mà không có tinh lực, không khẳng định mình chuyên hoán được mình thì tu vô ích, ngàn đời chúng sanh vẫn là chúng sanh, mê muội vẫn là mê muội. Như các anh em lúc mới tới đây tóc tai chải tét, quần áo bảnh bao. Vô thiên viện một thời gian bị tương chao, rau muống luộc, củ cải trắng nó hành, hôm nào đánh trọc cái đầu, rồi mặc áo nhuộm sồng với đại chúng. Về hình thức đã chuyển rõ ràng, tâm niệm cũng theo đó mà chuyển. Hành trình này giống như những toa xe lửa nối nhau. Nếu đầu máy bị sự cố không chịu hoạt động thì những toa sau ngừng hết.

Vì vậy một khi đã chuyển rồi, anh em cứ việc đốt. Đốt bằng ngọn lửa trí tuệ cho đầu tàu hoạt động, lôi con tàu này về tới bến đỗ của nó. Nếu chúng ta ngưng nửa chừng thì chẳng những đầu tàu mà cả con tàu không chạy được. Cho nên tu hành cần chuyên hoán liên tục, không được ngưng nửa chừng. Tới lúc gậy gổ, mình nói để tôi đọc bài trị bệnh gậy gổ thì chậm quá. Phải thuộc trước, luôn luôn chủ động mới đưa được con tàu đi đúng theo sự sắp đặt của mình. Nếu không chúng ta dễ bỏ cuộc lắm. Như ngồi trên bàn ăn sáng vui vẻ, vừa bước ra có ai nói câu gì khiến mình buồn lòng. Buồn lòng mà không nói ra được nên nản, không sinh hoạt nhịp nhàng theo thời khóa của thiên viện, muốn ra cổng đón xe về quê. Đó là vì không chịu đốt lên ngọn lửa trí tuệ, khiến cho con tàu ngừng chạy.

Thành ra những ý niệm âm thầm bên trong làm trở ngại việc tu hành. Nếu chúng ta không đã thông được thì xảy ra sự cố. Những việc bình thường đôi khi lại rất khó giữ. Cho nên tới giờ ăn còn suy nghĩ, tới giờ tụng kinh còn suy nghĩ, tới giờ làm việc còn suy nghĩ, tới giờ ngủ còn suy nghĩ v.v... Hành uẩn luôn sẵn sàng tấn công mình, vì sự thấp sáng bên trong không đầy đủ. Vì thế giữ gìn sinh hoạt điều hòa tốt đẹp, là điều phục được tâm một cách miên mật, chớ không phải thường đâu. Như con tàu kéo hết tất cả toa về tới nơi tới chốn. Việc làm của chúng ta hằng ngày thể hiện sức mạnh nội tâm, chớ không ở đâu khác.

Trong sinh hoạt chúng ta không chạy theo, không bị động bởi ngoại cảnh bên ngoài, bình thường an nhiên, tiêu sái hài hòa. Đẹp làm sao! Một thiên tăng đi trong thanh thân, trầm tĩnh, trang nghiêm rất dễ chiêu cảm đến người khác. Ngược lại, vị nào vừa đi vừa nghĩ ngợi lung tung, sẽ hiện tướng bất an,

dao động. Đó là vì bị hành ám chuyển hoặc tướng ám quây. Người tu thiền không nên như vậy. Phải ngay trong sự sống mà chuyên hóa. Bình an hay không, đến nơi hay không là từ tâm thể của mình, chứ không ai khác. Người đã nhận và sống được với tri kiến Phật, tất cả các pháp đều được tổng trì trong tánh giác ấy.

CHÁNH VĂN

Người nhận đây tu hành thì sáu độ muôn hạnh thấy đều tròn đủ. Lại, thọ trì mật ngữ, thần lực thâm giúp, có thể mau chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhưng, thọ trì đà-la-ni, là biểu lộ tâm này vốn không phân biệt, chẳng thể suy lường, không cho nghĩ nghĩ, cho đến là tất cả tướng ngôn ngữ, văn tự, nghĩa lý... Kinh Kim Cương nói: “Phàm những gì có tướng đều là hư vọng” chỉ linh linh, lặng lặng, sừng sững chẳng đổi. Thế nên ý nghĩa trong thân chú, không thể diễn giải, chỉ tin nhận và thọ trì, thân công chẳng thể trải nghiệm nổi. Và đây cũng nhằm đã phá lớp vọng tướng u ám của hành ám thứ tư vậy.

GIẢNG

Ở đây nói thọ trì mà không thọ trì gì hết, bởi vì tâm thể linh tri an nhiên như vậy. Người nhận và sống được tâm thể này là giác ngộ giải thoát. Nói tổng trì cũng được, nói chân như cũng được, nói Niết-bàn cũng được, nói gì cũng được, cái chính là phải hằng sống với tánh giác. Ngài Minh Chánh dẫn kinh Kim Cương nói tất cả những gì có tướng đều không thật, chúng ta không làm không theo, chỉ an trụ nơi tánh linh tri thường tại thì dứt sạch điên đảo vọng tướng. Phẩm này phá lớp mê lầm thứ tư là hành ám. Nó chính là những lớp vọng tướng, chứ không có gì lạ. Tu đến đây là gần hoàn chỉnh rồi.

CHÁNH VĂN

Nên biết, tiết này cùng với kinh Lăng Nghiêm, đoạn nói về ba cõi, bảy thú, mười hai loài sanh, tất cả cõi nước hữu vi gồm về trong một tâm này mà sanh. Nếu khi đắc ngộ, thì ba cõi, bảy thú v.v... đều là mộng huyễn, đều do vọng tướng khởi lên, vốn chẳng có thật.

GIẢNG

Khi chúng ta sống được với tâm chân thật thì những hiện tượng chung quanh chỉ là vọng tướng. Chư huynh đệ tu tập như thế nào, mà đối với tất cả cảnh duyên không động, chắc chắn không bị rơi vào ba cõi sáu đường, mười hai

loài sanh, tất cả cõi nước hữu vi. Bấy giờ thấy chúng đều huyễn mộng, không có sức lôi kéo chúng ta nữa. Như ngày xưa mình mê non bộ, đến khi nhận ra non bộ chỉ là những khối đá lổm ngổm, do mấy tay nghệ nhân tạo hình tạo dáng thế này thế kia vậy thôi. Thành ra non bộ mà không non bộ gì hết, bởi nếu thấy ra từng cục đá thì chúng chẳng có ý nghĩa chi. Do vậy không có gì để mình mê cả. Đó là giác ngộ. Rất giản dị.

Phật nói các pháp từ duyên sinh huyễn hóa, hợp thể đó là giả tạm, không thật. Chúng ta nhận được như vậy thì các pháp không đủ sức làm lầm và kéo lôi mình. Người có trí lực thấy rõ từng bộ phận duyên sinh, nên không chạy theo nó nữa. Nhìn các pháp hiện tiền, tánh linh tri của chúng ta hiện bày rõ ràng. Ngồi cũng thế nằm cũng thế, ban ngày thấy như vậy, ban đêm cũng thấy như vậy. Huynh đệ tu hành phải nỗ lực đi đến chỗ này, chứ lâu lâu nhớ nhà, thấy gì cũng ham cũng thích thì đâu còn là người tu nữa.

Dùng trí tuệ tấn công vô minh thì không có hệ thống phòng thủ nào không bị phá vỡ triệt để. Người đã có năng lực, công phu thấy các pháp bình đẳng, không khởi niệm tham đắm. Chẳng những các pháp bên ngoài mà ngay thân mình cũng vậy. Nếu chúng ta không soi lại, không thấy tới nơi tới chốn, mình sẽ lầm thân tâm mộng huyễn là thật có. Từ đó chấp giữ, tạo nghiệp là chiêu cảm quả khổ. Bấy giờ huynh đệ nhìn lại xem, chỉ cần mình nhịn đói vài hôm, mất ngủ vài hôm, hoặc không tắm rửa vài hôm sẽ thấy thân thay đổi, xuống dốc liền. Không đánh răng một bữa thôi đã nghe mùi hôi xông ra từ miệng. Cho nên đức Phật nói thân này là nhà xí sinh hoa, là cái bô vẽ khéo, như nhớp vô cùng. Không cần phải quán chiếu gì hết, chúng ta thấy rõ ràng ngay chính bản thân này rồi.

Huynh đệ nhớ trong công phu đừng để cảnh duyên bên ngoài kéo lôi, nghĩa là chúng ta phải đầy đủ chủ lực. Nói thì dễ nhưng vào công phu rất khó. Cho nên đòi hỏi chúng ta quyết tâm, lập nguyện vững chắc, nuôi lớn ý chí mới có thể sống chết với bản nguyện tu hành cầu thoát ly sanh tử. Nói thế để anh em tập trung vào việc thực hành. Bởi vì có thầy học nhiều quá, rồi đem ra nói, bàn luận về hành trạng của các tổ xem như rất lão thông, nhưng thực chất bản thân với không tới, thành ra hụt hẫng. Từ hụt hẫng đi đến bất đắc chí. Quý vị mang cái bệnh ấy mà không dám nói ra, sợ huynh đệ cười. Do đó việc tu hành chẳng đi tới đâu.

Hòa thượng Ân sư dạy tu là phải ra tu, không lờ mờ, không ai bắt buộc. Mọi sinh hoạt, từng bước từng niệm, chúng ta tạo ra một sức sống lạc quan, tỉnh giác, đó là thiên. Trí tuệ Bát-nhã lúc nào cũng dần trải trùm khắp, đó là biết

ứng dụng lời Phật dạy vào cuộc sống tu hành. Quý vị đừng bao giờ để mình trở thành người thượng bất chí, hạ bất đáo, đừng bao giờ để mình hụt hẫng. Quý vị phải thuộc lòng hành khúc “dù gian khó ta hằng sống trong hòa khí, trong an lành. Dù vui sướng ta thường nhắc mau dừng bước lang thang này...” Trong anh em có những vị bất đắc chí, không dám nói ra. Tôi đề nghị chúng ta cắt đứt tình trạng đó ngay. Huỳnh đệ phải thẳng thẳng trừng trị tập nghiệp yếu đuối của mình. Không thì những ung nhọt ấy sẽ loang lở, làm hỏng đi lý tưởng, bản hoài cao quý nhất của chúng ta.

Sự tu hành của chúng ta hôm nay rõ ràng như thế. Từng bước trở về nhà, bước đúng và bước nhanh. Đó là bước nhảy vọt, không nên chần chừ, nán nà. Ai quyết tâm trở về nhà, nhất định sẽ tới nhà. Bước nhanh thì tới nhanh, bước chậm thì tới chậm, nhảy vọt càng nhanh hơn. Rõ ràng như thế. Như từ thiền viện muốn đi thành phố, quý vị đứng bên đây đường đón xe Vũng Tàu về, đi như vậy sẽ tới nơi. Nếu quý vị bước qua bên kia đường đón nhằm xe đi Vũng Tàu, dù có cầu nguyện bao nhiêu, xe đó cũng đưa quý vị đến Vũng Tàu. Tất cả đều do chúng ta thôi.

Các thầy lớn tuổi hiểu rõ việc này nên mỗi sáng chỉ thích quét lá, trang đá mi vậy mà vui. Thầy làm cỏ, quét dọn lau chùi chung quanh chùa cũng vui. Thầy lượm lá giữ nhà tròn cũng vui... Rõ ràng bước chậm bước nhanh, bước ngắn bước dài gì, mà từng bước về đúng hướng thì nhất định đến nhà an vui. Ngược lại bước sai thì bước chậm sai chậm, bước nhanh sai nhanh, nhảy vọt càng té đau. Tu trong công việc, chánh tâm nhiếp ý, không vọng tưởng lung tung tức là phá hành âm vậy.

CHÁNH VĂN

Giờ đây, thọ trì đà-la-ni, lòng không phân biệt, chẳng khởi vọng tưởng. Thế thì, hội vọng qui chân, chân vốn lặng sáng. Khi đó chẳng còn thấy có tướng ba cõi, bầy thú, cùng tất cả tướng hữu vi nữa. Vì thế chư Phật và Bồ-tát cùng chư thiên, quỷ thần, đồng thanh nói đà-la-ni, cũng là để chứng tỏ tông qui ở một tâm này thôi.

Tổ sư Vĩnh Gia nói:

*Chóng rõ biết, thiên Như Lai,
Sáu độ, muôn hạnh thể tròn bày,
Trong mộng, rõ ràng có sáu thú,
Thức rồi, không không, chẳng đại thiên.*

Nói trong mộng, tức chỉ cho trong vô minh vọng tưởng thấy có các cảnh giới vậy.

Kệ rằng:

*Tiếng Phạn tên gọi đà-la-ni,
Phương này dịch lại ấy tổng trì,
Độc tụng cần rành viên đốn chỉ,
Thọ trì nên rõ tín diệu tri,
Thần thông tự biến văn linh tổ,
Trí tuệ đường non mật ngữ ghi,
Trong tánh tịch diệt không một vật,
Xưa nay một vật tột thi vi.*

GIẢNG

Có tu tập chúng ta mới nhận định chính chắn. Phân tu tập giống như phân thể nghiệm bên khoa học. Kinh văn hướng dẫn chỉ là công thức, bản đồ, mỗi chúng ta phải thể nghiệm mới đến được chỗ cứu cánh chân thật.

Chúng ta thể nghiệm rồi tự sống, tự phát huy công phu. Mạng sống có bao lâu, thân này không bảo đảm nay còn mai mất. Thân mình to lớn như thế mà một mũi kim nhỏ đâm vô chịu không nổi, hà huống những ung nhọt khác. Người không sáng cứ cố chấp, dù Phật hiện ra cũng không cứu được. Chỉ có mình tự cứu mình thôi. Những gì ta thấy chưa hoàn chỉnh cố gắng tu sửa cho hoàn chỉnh. Việc này không đợi ai nhắc nhở. Chúng ta tu cho mình, chớ chẳng tu cho ai, sao phải đợi nhắc?

Tới phẩm này là phá hành ám. Giai đoạn công phu đã vững, sắp tròn đủ, nên rất sáng suốt. Vì vậy hành giả chỉ khéo bảo nhậm giữ gìn. Nên nhớ tánh giác không một vật, xưa nay thường vắng lặng, không dung một niệm nào. Ứng dụng như vậy là phá hành ám một cách triệt để.

Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự

CHÁNH VĂN

Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương. Đây là dặn phải khéo hộ trì tâm ấy, biện rành tà chánh. Chớ cho được như thế là tự đủ, rồi sanh lười nhác.

Hoặc bị ám ma hoặc loạn, hoặc bị thiên ma nhiễu hại, hoặc lại giữa đường thành cuồng, hoặc lạc nơi đường tà, hoặc do đắm yêu chỗ tập từ trước ôm giữ trong lòng, mà sanh tăng thượng mạn, hoặc là chìm không, hoặc lại trệ tịch, dừng nghỉ ở Hóa thành, chẳng có thể lại tiến lên. Do các duyên này v.v... nên chẳng có thể tiến đến Bảo sở.

Xét thấy vua Diệu Trang Nghiêm là tượng trưng cho người tu hành, là tâm vương của chính mình. Phu nhân Tịnh Đức là tượng trưng cho chánh trí tuệ. Tịnh Tạng là tượng trưng cho chánh tri. Tịnh Nhân là tượng trưng cho chánh kiến. Nghĩa là người tu hành hay nương nơi chánh trí tuệ, chánh tri, chánh kiến, lấy đó làm thiện tri thức căn bản. Do thiện tri thức căn bản này, khéo gìn giữ lòng mình. Trong khi thiền định, phàm có thấy nghe hiểu biết, tất cả hiện tượng, cảnh giới lành dữ, lòng chớ tham trước, chớ khởi thánh giải, cho đến cũng chớ sanh lo mừng cùng các tâm như đã nói trên. Chỉ dùng trí tuệ quán sát nơi không tịch, thì tất cả cảnh giới hiện ra đó, liền khi ấy tự nhiên tiêu diệt. Khiến cho hành giả chẳng thoái chuyển nơi đạo vô thượng chánh chân. Đây nhằm phá lớp vọng tưởng vọng tượng hư vô điên đảo của thức ám thứ năm vậy.

Nên biết văn trong tiết này, đồng với kinh Lăng Nghiêm phần nói về năm ám, năm vọng tưởng, xuất hiện năm mươi lớp cảnh giới ma. Muốn biết việc ma thế nào, xin đọc kinh Lăng Nghiêm quyển 9, quyển 10 thì rõ, đây chẳng thuật hết.

Kệ rằng:

*Vô thủy luân hồi, ái là căn,
Đuổi theo tà ác, thọ sanh thân,
Xoay về tịnh tạng gieo lời thỉnh,
Khéo độ trang nghiêm tin chánh nhân,
Chẳng lại tự theo tâm hạnh ác,
Từ nay nguyện thích Phật năng nhân,
Đầy nêu gặp được chân tri thức,
Hay chuyển Bò-đề bất thoái luân.*

GIẢNG

Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương. Đây là dặn phải khéo hộ trì tâm ấy, biện rành tà chánh. Chớ cho được như thế là tự đủ, rồi sanh lười nhác. Hoặc bị ám ma hoặc loạn, hoặc bị thiên ma nhiễu hại, hoặc lại giữa đường thành cuồng, hoặc lạc nơi đường tà, hoặc do đắm yêu chỗ tập từ trước ôm giữ

trong lòng, mà sanh tăng thượng mạn, hoặc là chìm không, hoặc lại trệ tịch, dừng nghỉ ở Hóa thành, chẳng có thể lại tiến lên. Do các duyên này v.v... nên chẳng có thể tiến đến Bảo sở.

Phẩm này phá thức ám. Tu đến đây là giai đoạn gần viên mãn. Diệu Trang Nghiêm Vương là tên một vị vua, tượng trưng cho tri kiến Phật. Thiền sư Minh Chánh dặn chúng ta phải khéo hộ trì tâm chân thật của mình. Từ đầu kinh Pháp Hoa đã nói chư Phật ra đời vì mục đích chỉ tâm chân thật cho tất cả chúng sanh. Những phẩm trước nói đến giai đoạn nhận ra tâm, tới đây là giai đoạn bảo trì, hằng sống với tâm đó. Muốn hằng sống với tâm chân thật thì phải có đầy đủ trí tuệ. Ở đây nói phải biện rành tà chánh, chớ cho được như thế là đủ. Người tự mãn, công phu đến giai đoạn gần xong liền tự cho là đủ nên sinh lười nhác, không tiến lên nữa. Đó là tai hại cần phải tránh.

Việc học Phật pháp cũng vậy. Có khi chúng ta học được đôi ba điều, biết chút ít liền thấy như vậy đủ tu rồi, không thêm học nữa. Như trong kinh tạng có hàng trăm bộ, mình chỉ học đôi ba bộ, tự thấy thông bác, luận nào cũng hiểu, kinh nào cũng nắm. Bởi thế không tiến tới giai đoạn quảng bác đa văn. Nhiều huynh đệ bị chướng khi nghe nói tu thiền không cần học nhiều, học nhiều tu không được, vì đó là đằm giải của cổ nhân. Câu này chỉ khi nào đã xong việc hãy nói. Còn ngược xuôi trong luân hồi sanh tử mà nói như thế thì nguy. Cho nên thiền sư Minh Chánh bảo cần phải biện biệt tà chánh.

Kinh luật dạy chúng ta tu, chứ không kinh luật nào làm trở ngại việc tu của mình cả. Chúng ta học mà tự mãn, cố chấp, cho như thế là đủ, thấy đã thể nhập siêu lý, thì kinh luật trở thành chướng, thành bệnh đối với mình. Vì càng học càng nhớ thì càng trở ngại cho việc tu. Trái lại, người biết áp dụng lời Phật dạy lo tu hành, không kẹt câu chấp chữ thì kinh luận là thước đo pháp hạnh của chúng ta. Chúng ta học kinh luận để biết tu, đồng thời đối chiếu với kinh Phật dạy xem mình tu đúng hay không. Đó là điều không thể thiếu của người tu hành. Tu mà không học là tu mù. Học hiểu mà không tu là cố chấp, ngã mạn.

Vậy đối với người tu, sau khi đã biết thế nào là vọng tưởng lăng xăng, không cần chạy theo vướng mắc, để bị nó kéo dẫn tạo nghiệp trong luân hồi sanh tử. Như thế sẽ được yên định. Do yên định trí tuệ Bát-nhã hiện bày. Trí tuệ Bát-nhã hiện bày thì thấy các pháp rõ ràng là huyễn hóa không thật, đối duyên tiếp cảnh không bị động, đây gọi là định tuệ hiện tiền. Phương pháp này chúng ta phải nắm vững để hành trì mỗi ngày. Siêng năng xét lại xem mình hết vọng tưởng chưa, làm chủ được chưa, hay vẫn còn bán tín bán

nghi, lúc mê lúc tỉnh. Như thế thì kinh luật luận vẫn là thước đo, là khuôn vàng thước ngọc giúp mình chỉnh đốn công phu hằng ngày.

Hòa thượng Viện trưởng dạy dùng trí dụng của mình để xử lý tất cả những dấy niệm. Bao giờ chúng không dấy khởi lung tung nữa, lúc đó định tuệ hiện tiền, vọng tưởng phát sinh ở đâu? Còn bây giờ vọng tưởng nhiều lắm, vui, buồn, hờn, giận, lo, tức... đủ thứ hết. Những tâm điên đảo lăng xăng, những vướng mắc, chúng ta chưa buông được nên phải dùng đến phương tiện của Phật tổ để điều trị tâm bệnh của mình. Đó là chỗ người tu hành phải quan tâm.

Trong hội của Lục Tổ có một vị tên Pháp Đạt, đến lễ tổ cầu pháp mà đầu không chạm đất. Tổ hỏi ông có sở học gì? Thừa con tụng được cả ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Tụng cả ngàn bộ kinh Pháp Hoa nên trong đầu có khối u, lay xuống không tới đất. Bởi vì Pháp Đạt tụng kinh mà chấp vào kinh nên thành bệnh, do đó Tổ bảo bị Pháp Hoa chuyển. Chúng ta cũng vậy. Như có người trước khi đến thiền viện là một võ sư đệ tam đẳng huyền đai chẳng hạn. Nhân vật đến thiền viện trong cái bằng cấp võ thuật ấy, nên từ nhà khách vô nhà bếp cũng có cái đệ tam đẳng huyền đai, từ nhà bếp lên chánh điện cũng kè theo cái đệ tam đẳng huyền đai, giờ ăn giấc ngủ... lúc nào đệ tam đẳng huyền đai cũng nằm trong tay nãi. Nó nung nấu thành khối u cứng trong tâm, nên ăn cơm không biết mình ăn gì, lên tụng kinh không biết mình tụng gì... Như thế là bị võ thuật chuyển.

Có thầy ở thiền viện mười mấy hai mươi năm, rất tự hào về thời gian thâm niên ấy. Nhưng khổ nỗi các thầy áp dụng công phu chưa đúng mức. Ai nói nặng một câu thì mặt mày đổi sắc, không một chút xiu tự chủ. Thế nhưng gặp Phật tử lại khoe tôi ở thiền viện từ hồi Hòa thượng mới khai khẩn vùng đất này. Thiên hạ nghe cũng nể lắm, nhưng thật ra chỉ là mấy mươi năm rỗng, không có công phu gì cả, thật đáng xấu hổ, không thể tự hào được. Tu như vậy là bị thời gian chuyển, cảnh chuyển, tâm tham sân phiền não chuyển, chớ mình chẳng chuyển được gì cả. Gốc dẫn chúng ta đi trong luân hồi sanh tử không chặt đứt, không phá vỡ tí nào cả, tu như thế dù trải qua trăm ngàn năm cũng không dính dáng.

Cốt lõi của sự tu là nhận ra tâm và phải bảo vệ được nó. Người bảo vệ được tâm thì trí dụng hiện tiền, định tĩnh sáng suốt, không bị cảnh duyên kéo lôi. Người đó là người tự tại, như thế mới tiến đến Bảo sở, không đi ngã tẻ, không lạc đường tà, không công cao ngã mạn.

Xét thấy vua Diêu Trang Nghiêm là tượng trưng cho người tu hành, là tâm vương của chính mình. Phu nhân Tịnh Đức là tượng trưng cho chánh trí tuệ. Tịnh Tạng là tượng trưng cho chánh tri. Tịnh Nhân là tượng trưng cho chánh kiến. Nghĩa là người tu hành hay nương nơi chánh trí tuệ, chánh tri, chánh kiến, lấy đó làm thiện tri thức căn bản. Do thiện tri thức căn bản này, khéo gìn giữ lòng mình. Trong khi thiền định, phàm có thấy nghe hiểu biết, tất cả hiện tượng, cảnh giới lành dữ, lòng chớ tham trước, chớ khởi thánh giải, cho đến cũng chớ sanh lo mừng cùng các tâm như đã nói trên. Chỉ dùng trí tuệ quán sát nơi không tịch, thì tất cả cảnh giới hiện ra đó, liền khi ấy tự nhiên tiêu diệt. Khiến cho hành giả chẳng thoái chuyển nơi đạo vô thượng chánh chân. Đây nhằm phá lớp vọng tưởng võng tượng hư vô điên đảo của thức âm thứ năm vậy.

Vua Diêu Trang Nghiêm tượng trưng cho tâm mà theo như Duy Thức gọi là “Tâm vương”, tức tâm chủ của mình. Phu nhân Tịnh Đức là tượng trưng cho chánh trí tuệ. Hai vị hoàng tử, một Tịnh Tạng là tượng trưng cho chánh tri, hai Tịnh Nhân là tượng trưng cho chánh kiến. Đây là hai vị thiện hữu tri thức cùng với hoàng hậu, cả ba đều là thiện hữu tri thức giúp vua Diêu Trang Nghiêm thành tựu giác ngộ viên mãn trên đường tu hành. Cuối cùng cả gia đình đều được thành tựu tốt đẹp. Cho nên thiện hữu tri thức đối với chúng ta rất cần thiết.

Vua Diêu Trang Nghiêm nếu không có phu nhân và hai người con thì không có cơ duyên đến với đạo. Cũng vậy, chúng ta phát tâm tu mà thiếu thiện hữu tri thức, thiếu những người đồng chí đồng hạnh luôn ở bên cạnh động viên nhắc nhở chúng ta thì pháp hạnh của mình khó thành tựu. Cho nên dân quê Việt Nam có câu “Ăn cơm có canh, tu hành có bạn”. Một câu nói bình thường nhưng ý nghĩa rất thâm thiết. Chẳng những tu mà làm bất cứ việc gì cũng thế, thiếu bạn bè, thiếu phương tiện hỗ trợ, chúng ta khó thành công.

Tuy nhiên chúng ta phải là người dũng mãnh, can đảm quyết liệt, không ỷ lại. Nói không ỷ lại chứ không nói chẳng nhờ duyên. Như không có cha mẹ, làm sao chúng ta có thân này, không thân này lấy gì mà tu. Không có Phật pháp, thầy tổ làm sao chúng ta khai mở tuệ mạng. Tuy có nhờ các duyên nhưng mình không ỷ lại hay trông chờ hoàn toàn vào các duyên, mà phải dũng mãnh cương quyết, nỗ lực vươn lên. Tu để sáng tâm, để thành tựu đạo nghiệp. Nếu mình tu thành rồi mà bạn của mình chưa thành thì hỗ trợ cho bạn tu hành thành tựu. Xem kinh A Hàm, chúng ta thấy các vị đệ tử của đức Phật rất thánh thiện, giàu trí tuệ và tình thương.

Như hai tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, trước khi gặp Phật hai ngài theo đạo Bà La Môn. Cả hai đều thiết tha tu hành, nên hứa với nhau, ai gặp thầy sáng tỏ ngộ chân lý trước thì báo cho người kia hay liền. Bởi vậy khi ngài Xá Lợi Phất gặp đệ tử của đức Phật, chỉ cho chánh pháp và giới thiệu đến Thế Tôn, ngài liền báo cho Tôn giả Mục Kiền Liên biết, rồi cả hai vị dẫn 200 người đệ tử của mình đến đánh lễ Phật Thích Ca. Hai ngài nghe pháp được đắc đạo, tất cả đệ tử đều hướng về đức Phật qui y Tam bảo.

Huynh đệ chúng ta cũng vậy. Người nam kẻ bắc, mỗi người một nghiệp một duyên, không cùng cha mẹ, tuổi tác, nghề nghiệp mà đồng tựu trung về thiền viện, phát tâm tu một pháp, học một thầy, sống chung một đạo tràng, rõ ràng chúng ta có duyên với nhau. Bây giờ chỉ còn thương mến, giúp đỡ nhau cùng phát huy trí tuệ của mỗi người. Chúng ta không phải sợ sệt, lo lắng, vướng mắc cái gì nữa. Bởi vì trên có Phật tổ phò trì, kể có thầy bạn chỉ dạy, đầy đủ tất cả phương tiện, chỉ cần mỗi vị phát tâm dũng mãnh và chân chính. Tâm chân chính là tâm không tà vạy, tâm hướng đến đạo giác ngộ giải thoát, và giúp cho mọi người đều được giác ngộ giải thoát như mình.

Đức Phật sau khi giác ngộ hoàn toàn dưới cội Bồ-đề rồi, ngài nói “Lạ thay! Chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng Như Lai, tại sao ngu mê để bị trầm luân sanh tử?” Đáng lẽ giác ngộ xong, đức Phật thích thú nghỉ ngơi, khỏi phải làm gì nữa. Nhưng ngài thấy chúng sanh còn bị ràng buộc tâm tới nhiều quá, mình nở nào nghỉ cho nên Như Lai bắt đầu chuyển pháp luân. Chúng ta cũng vậy. Chuyển pháp luân của anh em trong một thiền viện là gì? Sáng mai anh kéo xe, anh nấu cơm, anh quét sân, anh cuốc đất, anh hốt rác v.v... tất cả những việc làm ấy đều là chuyển pháp luân. Anh nào chưa chịu chuyển pháp luân, quý thầy sẽ tập cho mấy anh chuyển pháp luân. Tất cả mọi sinh hoạt đều là pháp hạnh, pháp tu của các thiền sinh. Đồng hạnh mà, chúng ta cùng học một thầy, cùng tu một pháp môn, làm sao hỗ tương nhau để cùng tiến trong công phu tu tập. Được như thế chư huynh đệ là những vị Phật, những vị Bồ-tát đem ánh sáng trí tuệ và từ bi, phá dẹp những tâm tối giữa cuộc đời này. Nhiệm vụ của người xuất gia là như thế.

Anh em nên nhớ mọi thời khóa và công việc của chúng ta đều tựu trung phá ngã, dẹp sạch tham sân phiền não, để đời sống nội tâm chúng ta an vui, tĩnh táo. Đang an nhàn mà thấy người huynh đệ kéo xe nặng quá, mình ngồi trên Thanh Viên Đình nhâm nhi nước trà, không thèm xuống phụ thì không có đạo lý chút nào. Cái vui thích của chúng ta là sao? Anh kéo xe không nổi, để tôi phụ anh, như thế mới gọi là vui thích có đạo lý. Thầy làm việc mệt quá, đứng không lên nổi, mình đỡ thầy lên, xoa bóp, kiếm nước cho thầy uống

hay công việc thầy nhiều quá mình phụ, xem như việc của mình. Như thế hay biết bao nhiêu! Giữa mình với thầy không có ngăn cách, giới hạn, sự phân biệt nào. Đây là đạo tình của những con người đang hướng lên con đường giải thoát.

Hòa thượng Ân sư dạy chúng ta sống với tánh giác, ở đây dạy là bảo vệ tâm của mình. Một khi chúng ta phát tâm dũng mãnh rồi, không ai có thể cản được. Dù đời này họ có cản, đời khác họ cũng phải phục tùng và sẽ ủng hộ cho mình. Bởi vì người đã quyết tâm dũng mãnh sẽ không bị chướng ngại nào ngăn cản nổi. Tâm đã rộng rang sáng suốt thì mọi thứ theo đó an bày sáng suốt. Cho nên quan trọng ở tâm của chúng ta. Trong hành xử hằng ngày cũng vậy, tâm còn nhác nhúa chưa quyết thì đừng nói đến chuyện tu.

Lục Tổ dạy định tuệ đấng tri chúng ta mới có thể giữ được tâm mình. Nếu người lãng xãng ngược xuôi, tắm tối, không sớm thì muộn, không sáng thì chiều, không vương cái này cũng vương cái nọ. Cho nên cái nhìn của thiền là cái nhìn của tâm, không lựa chọn cao thấp mà do mình có áp dụng được định tuệ đấng tri hay chưa. Gặp nhau huynh đệ dè dặt những lời nói rộng, mà phải khiêm hạ, tâm niệm vững vàng mới tu tập đến nơi đến chốn. Tâm của các vị như thế thì khỏi sợ bị vướng mắc, bị luân hồi sanh tử. Nhân học về bản sự của Diệu Trang Nghiêm Vương, mỗi người chúng ta nhớ lại bản sự của mình. Đó là dẹp sạch thức tình phân biệt, sống trở lại với chân tâm thường sáng của mình.

Phẩm này là phẩm phá lớp vọng tưởng vọng tượng hư vô điên đảo của thức ám. Nói gọn hơn là phá thức ám. Lớp vọng tưởng vọng tượng, tức là những hình tượng như mạng lưới, rất vi tế, rất khó phá trừ. Từ phẩm phá sắc ám, phá thọ ám, phá hành ám, tới phẩm vua Diệu Trang Nghiêm Bản Sự này là phá thức ám, tức phá lớp vọng tưởng vọng tượng điên đảo sau cùng, chắc cứng trong chúng ta. Phá được thức ám này rồi thì thành Phật.

Nên biết văn trong tiết này, đồng với kinh Lăng Nghiêm phần nói về năm ám, năm vọng tưởng, xuất hiện năm mươi lớp cảnh giới ma. Muốn biết việc ma thế nào, xin đọc kinh Lăng Nghiêm quyển 9, quyển 10 thì rõ, đây chẳng thuật hết. Phá được lớp thức ám tức phá sạch cái cốt lõi vô minh bên trong. Chư huynh đệ tự xoay lại, mạnh mẽ vươn lên sẽ thành tựu bản nguyện tu hành của mình. Dù bao nhiêu lớp ma, chúng ta cũng không sợ.

Người tu không đặt nặng đời sống vật chất, không quan trọng ăn ngon ngủ kỹ. Dĩ nhiên mỗi sáng mỗi trưa chúng ta có dùng cơm, buổi chiều ăn nhẹ

mới đủ sức khỏe để tu. Nhưng mình không đặt nặng việc ấy. Không phải ăn cho ngon, ăn những trân tu mỹ vị, mà ăn để sống tu. Quan trọng là công phu hành thiền cho tốt, học tập giáo điển cho thông suốt quán triệt. Huynh đệ chúng ta cùng sống cùng làm, cùng tu cùng học, cùng sinh hoạt trong sự tu tỉnh. Nếp sinh hoạt thiền môn như vậy.

Kệ rằng:

Vô thủy luân hồi, ái là căn,
Đuổi theo tà ác, thọ sanh thân,
Xoay về tịnh tạng gieo lời tỉnh,
Khéo độ trang nghiêm tin chánh nhân,
Chẳng lại tự theo tâm hạnh ác,
Từ nay nguyện thích Phật năng nhân,
Đấy nêu gặp được chân tri thức,
Hay chuyển Bô-đề bất thoái luân.

Vô thủy luân hồi, ái là căn. Từ vô thủy, gốc của luân hồi là ái. Ái là sợi dây ràng buộc, cũng gọi là nước ái, ái niệm v.v... Có khi chúng ta nghe nói gốc của luân hồi sanh tử là vô minh. Vì vậy tu là phá vô minh để phát huy trí tuệ. Ở đây nói gốc của luân hồi sanh tử là ái niệm. Hòa thượng Ân sư dạy phải làm chủ, đừng chạy theo những dấy niệm thương ghét. Mình đang yên ổn mà có những dấy niệm yêu thích liền lao theo, tức gốc ái niệm bật dậy, từ đó nó dẫn mình tạo nghiệp. Đã lao theo thì không phát huy được trí tuệ. Định tuệ không có thì luân hồi sanh tử không chạy đàng nào khỏi.

Đuổi theo tà ác, thọ sanh thân. Từ ái niệm đó, chúng ta lao theo gây nghiệp nhân nên thọ thân này.

Xoay về tịnh tạng gieo lời tỉnh, khéo độ trang nghiêm tin chánh nhân. Tả lại tình huống gia đình vua Diệu Trang Nghiêm, trong đó bà vợ là Tịnh Đức và hai con là Tịnh Nhân, Tịnh Tạng hướng dẫn vua trở lại con đường chân chánh.

Chẳng lại tự theo tâm hạnh ác, từ nay nguyện thích Phật năng nhân. Sau khi được vợ và hai con hướng dẫn vào con đường chân chánh rồi, vua phát tâm Bô-đề.

Đấy nêu gặp được chân tri thức, hay chuyển Bô-đề bất thoái luân. Nhờ có thiện tri thức hướng dẫn con đường chân chánh, chúng ta không bị mất thời

gian, không bị trở ngại ngã tẻ đường tà, do đó phát huy được trọn vẹn chánh nhân là Bồ-đề giải thoát.

Chúng ta cùng sinh hoạt chung với nhau trong sự tỉnh táo sáng suốt, để trang nghiêm đạo tràng. Như vậy chúng ta là những thiện hữu tri thức của nhau. Nếu tập hợp nhau một số đông mà sống không ra gì, anh em không tin tưởng nhau, thầy trò không thật lòng với nhau. Đó là điều bất hạnh, là gốc của bất an bất ổn, của tai họa. Chúng ta ý thức rõ ràng nguy cơ đó, nên quyết tâm tu, học pháp trong sự chân thành nhất. Mỗi người đều tự phản quan, tự điều phục những thói hư tật xấu, làm trở ngại sinh hoạt của tập thể. Điều này rất quan trọng.

Giả dụ huynh đệ chúng ta thiếu cơm ăn, áo mặc, nhưng mình sống với nhau như ruột thịt, không có một góc cạnh gì hết. Những khuyết điểm của anh tôi thấy như khuyết điểm của tôi. Tại sao như thế? Bởi vì tôi có khuyết điểm ấy, tôi mới biết khuyết điểm của anh. Như nhìn thấy mặt anh đang giận tôi biết ngay, vì tôi đã từng giận. Nếu tôi không giận, làm sao tôi biết anh giận. Rõ ràng như vậy. Vậy nên chúng ta thông cảm và cùng nhau xây dựng, hoán chuyển tập khí xấu của mình cũng như của các huynh đệ trong một đạo tình chân thật. Bây giờ ta không cần nói thành Phật thành tổ, không đợi ai ấn ký cho mình, nhất định chúng ta sẽ được an vui trong một bản tâm thanh tịnh như nhau.

Chư huynh đệ cần tạo một đạo tình, cho nếp thiện trong cuộc sống của mình. Ở đây không có tham, sân, si gì hết thì thành Phật rồi, cần cầu cái gì nữa. Mỗi khi thấy huynh đệ có gì khác lạ, tôi tự tỉnh thức mình trước, sau đó mới uốn nắn huynh đệ. Gây dựng như vậy không phải là chuyện dễ nhưng chúng ta có thể làm được, với điều kiện anh em phải có quyết tâm, chân thật. Ở đây không đặt nặng bằng cấp, không đặt nặng người giàu nghèo, có kiến thức hay không kiến thức mà phải là người có tâm thật thà chất phác, từ đó uốn nắn mới làm nên đại sự.

Nếp sống thiện môn là như vậy. Anh em chúng ta chưa thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chưa triệt hoàn toàn cái ngã chấp điên đảo hay thức ám vọng tượng điên đảo cuối cùng, khó mà gây dựng được sự nghiệp giác ngộ giải thoát. Cho nên điều quan trọng nhất của thiện tăng là phải phá cho sạch vọng tưởng vô minh, thức tình phân biệt. Có thể mới hy vọng bước lên bờ giải thoát an vui.

Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát

CHÁNH VĂN

Phổ Hiền là tâm nghe thấu suốt khắp mười phương, không chỗ nào mà chẳng đến. Đây là nhiếp phẩm Diệu Trang Nghiêm ở trước. Khi được vị thiện tri thức căn bản nắm tay dắt đi, khiến chăng lạc vào các nẻo tà hiểm mà được thấy Phật. Bởi Phổ Hiền dùng tâm nghe mà được chứng, tức biểu trưng cho kinh lúc đầu lấy nhãn căn thấy tánh để khai thị, khiến ngộ nhập bản tâm. Kể lại, từ tánh nghe của nhĩ căn mà tu. Đến đây đã vào trong tánh nghe, công năng rất là cùng cực, tự thấy tâm thể trong sạch xưa nay của mình. Mới biết chính thật là tâm nghe, chẳng phải tai nghe vậy.

GIẢNG

Thượng nhân Minh Chánh nêu lên tinh ba của phẩm này. Phổ Hiền là tâm nghe thấu suốt khắp mười phương, không chỗ nào chẳng đến. Vì nghe bằng tâm, tức không chấp nhận cái lăng xăng của pháp trần, không chạy theo những hình ảnh bên ngoài, thấu thật bằng tâm của mình. Vừa nghe âm thanh là xoay lại tánh nghe, biết mình có tánh nghe hằng hữu. Khác với người thường, vừa nghe âm thanh liền chạy theo âm thanh rồi kết luận hay dở. Đó là chạy theo thính trần, bị nó lôi cuốn rồi loay hoay tạo nghiệp trong vòng luân hồi sanh tử. Trái lại người biết nghe, vừa nghe âm thanh liền biết mình có tánh nghe. Có âm thanh nghe có âm thanh, không âm thanh nghe không âm thanh. Tánh nghe lúc nào cũng sẵn vậy, chưa từng vắng thiếu.

Trong kinh ban đầu lấy nhãn căn thấy tánh để khai thị khiến ngộ nhập bản tâm. Mắt vừa thấy sắc, không chạy theo sắc, mà tự biết mình có tánh thấy. Có sắc thấy có sắc, không sắc thấy không sắc, tánh thấy lúc nào cũng hằng hữu hiện tiền. Xoay cái thấy về tâm gọi là phổ khắp, ngược lại chạy theo sắc trần liền mất. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, những xúc chạm đối với thân này cũng thế. Tiếp cận trần cảnh bên ngoài, lúc nào ta cũng chủ động, không để căn dính cảnh, cảnh không vướng căn. Căn và cảnh ở vào vị trí của nó. Nhà thiền gọi là tâm cảnh như như.

Kinh Lăng Nghiêm nói nếu căn cảnh dính nhau thì không có như như. Mắt vừa thấy sắc liền dính sắc thì không bao giờ như như. Mắt thấy sắc chỉ biết sắc tượng đó, như khi nhìn thấy cây quạt đang quay, chỉ biết như vậy, không khởi thêm niệm gì nữa. Nếu có người tắt nút điện, cây quạt không quay nữa,

biết rõ như thế, không khởi niệm phân biệt tại sao cây quạt bị tắt. Nhà thiền gọi đó là tâm cảnh như như.

Trường hợp chúng ta, các căn môn lúc nào cũng tỉnh sáng, bén nhạy bình thường, không có bệnh. Tai nghe, mắt thấy, mũi ngửi, những cái biết của các giác quan không thiếu, không bệnh khi tiếp xúc với trần cảnh. Cái cửa là cái cửa, cái nhà là cái nhà, con người là con người, cảnh là cảnh. Cảnh không tới nói với cái thấy của mình, nó là gì cả. Có khi nào gốc cây đi tới nói với chúng ta tôi là gốc cây không? Không bao giờ có chuyện đó. Tóm lại, căn là căn, trần là trần, không để căn dính trần, không để cho trần có sức hấp dẫn kéo lôi căn. Được như vậy là như như.

Đây là nhiếp phẩm Diệu Trang Nghiêm ở trước. Khi được vị thiện tri thức căn bản nắm tay dắt đi, khiến chẳng lạc vào các nẻo tà hiểm mà được thấy Phật.

Thiện tri thức tức là trí căn bản. Người sáng mắt chỉ sử dụng trí chứ không sử dụng thức. Trí tuệ chính là thấy biết như thật mọi việc trong cuộc sống này. Dù ai nói chúng ta tu như thế nào cũng mặc họ, miễn sao chúng ta có niềm tin vững, không chạy theo thức tình phân biệt là tốt. Tu tập phải có căn bản, phải dùng trí tuệ để quán chiếu cho tường tận. Chúng ta sử dụng trí, đừng để thức tình lấn áp, không chấp nhận nuôi con khí ý thức. Mỗi ngày mỗi ngày công phu huân tập như thế, chúng ta sẽ được lợi lạc. Kinh nói được hướng dẫn từ trí căn bản thì không lầm. Cho nên mới tiến đến dùng tâm nghe, thấy được tánh, nhập bản tâm.

Trong kinh Hoa Nghiêm, đồng tử Thiện Tài được Bồ tát Đại Trí Văn Thù giới thiệu cuộc hành hương phương nam. Bồ-tát Văn Thù biểu trưng cho trí căn bản. Dù gian lao khó khổ, sống chết bức xúc như thế nào cũng y như thế mà làm. Nhờ thế Thiện Tài đi tham vấn qua năm mươi ba vị thiện tri thức, kết quả cuối cùng là gặp ngài Phổ Hiền, gặp ngài Văn Thù và hầu các Di Lặc hiện bày, đầy đủ công đức hiện thành. Chúng ta tu tập mà bỏ trí tuệ thì không biết y cứ vào đâu?

Trong thiên ngữ ghi các vị thiện sư hỏi học tăng: Phật là gì? Có người trả lời: Phật là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Các ngài đánh cho một bạt tai bảo “Nói xàm!” Lời đó chúng ta học từ kinh ra, chớ trên thực tế ta không tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn gì cả. Phật là gì? Nói theo nhà thiền, Phật là tỉnh giác, là đừng chạy theo, đừng làm mê. Vừa có một niệm dấy lên liền buông, muôn năm buông bỏ thì sẽ thể hiện đầy đủ tính chất đặc biệt của

định tuệ, như thế Phật hiện tiền. Không lý giải gì về Phật mà Phật vẫn hiện tiền.

Quan trọng là chúng ta phát huy được trí tuệ của mình, luôn luôn sử dụng trí tuệ để tu tập thì tất cả những ý niệm, vọng tưởng đều buông hết. Buông bỏ vọng tưởng như thả đồ trong gánh ra vậy, càng thả càng nhẹ. Huynh đệ nghiệm pháp tu của chúng ta hằng ngày thấy nhẹ chứ đâu có gì phải nhăn mặt nhíu mày, đâu có gì đến nỗi gồng mình chịu đựng rồi than bệnh. Bệnh là do báo nghiệp của mình, những chủng nghiệp chúng ta đã gây tạo trong nhiều đời, bây giờ trở quả. Vì vậy có người tuổi còn trẻ, tu chưa bao nhiêu mà thân cứ bệnh, lại mang những căn bệnh ngặt nghèo, đó là báo nghiệp chúng ta gây tạo từ quá khứ chiêu cảm nên.

Người tu luôn luôn nhớ sử dụng trí Bát-nhã. Giả dụ bây giờ mình chết, bị đọa xuống địa ngục khổ sở vô cùng, nhưng vẫn không mất chủng Bát-nhã. Trả hết báo nghiệp ở địa ngục, trở lên nhớ lại chủng trí Bát-nhã, gây dựng lại con đường mình đi. Đối với tất cả những nghiệp báo, coi nó không thật nên bệnh cũng không thật, không oán không than, sống đời thanh thản, tùy duyên tiêu nghiệp cũ. Cho nên người con Phật phải anh hùng, có đầy đủ trí tuệ Bát-nhã. Trí tuệ Bát-nhã là thuyền bè duy nhất đưa chúng ta vượt qua mọi nguy khốn, để thành tựu bản thể của mình là tu hành thành Phật.

Đối với việc tu hành nếu chúng ta còn nuôi ý thức lăng xăng, vọng tưởng điên đảo thì sẽ không thành tựu được. Đại thể nguyện của chúng ta là thành Phật. Do đó phải buông bỏ thức tình một cách triệt để mới phát huy được trí giác. Muốn phát huy trí giác phải thả đồ trong gánh ra. Từ đây cho tới ngày thành Phật, chúng ta thêm đồ trong gánh thì nặng lắm, đường xa dốc ngược, trời trưa nắng gắt, gánh nặng quá sẽ gục giữa đường. Cho nên phải thả đồ trong gánh ra, để cuộc hành trình tìm về bảo sở thanh thản, lòng mình nhẹ như mây trôi. Phật dạy phải buông bỏ vọng tưởng điên đảo, dẹp sạch mê tình, sống trở về bản tâm thanh tịnh mới mong không cô phụ chí nguyện tu hành của mình. Đó là phần tâm.

Về thân, Phật dạy thân này hư huyễn, không thật. Tất cả đều do duyên sinh, đủ duyên chúng thành hết duyên chúng rã. Thân tứ đại này rồi phải trả về cho đất nước gió lửa, không có gì bảo đảm, nó sẵn sàng xé hợp đồng bất cứ lúc nào. Có khi nào thân nói với ta rằng: tôi sẽ giữ mạnh khỏe cho anh tu tới chừng nào thành Phật đâu. Không có, mà chỉ toàn là bấp bênh, mong manh, vô thường luôn luôn rình rập, sẵn sàng triệt tiêu chúng ta bất cứ lúc nào. Không có gì bảo đảm cả. Phật bảo chúng sinh sanh đây chết kia, trải qua vô

lượng kiếp, đâu đâu cũng là mồ mã chôn mình. Thế thì còn ham thích, mong
mỏi cái gì?

CHÁNH VĂN

Than ôi! Chúng sanh vọng sanh phân biệt, cho tánh nghe thuộc lỗ tai. Ngoài thì, niệm niệm dong ruồi theo thỉnh trần, trong lại bồi bồi phan duyên dấy khởi. Lăn theo những phải quấy của thỉnh tướng, vọng tưởng phiền não loạn khởi. Chẳng biết tánh nghe ấy chính là tâm, sẵn có hạnh lớn Phổ Hiền. May mắn được khai thị, mới hay ngộ nhập ý nghĩa tâm nghe Phổ Hiền.

GIẢNG

Đoạn trước nói về tánh thấy, bây giờ nói tiếp tánh nghe. Mỗi người đều có sẵn tánh nghe, tức là tâm nghe Phổ Hiền. Ngày xưa có một thiền sư cả đời đi hành khước mà chưa sáng được việc của mình, mãi tới lúc thân bệnh ngặt nghèo, được đưa xuống nhà Niết-bàn để nghỉ ngơi. Nhà Niết-bàn tức là bệnh xá. Lúc ấy ngài buồn lắm, thấy cả đời mình đi hành khước mà không xong việc. Bây giờ muốn kéo thời gian khỏe mạnh lại không sao kéo được. Một hơi thở ra không bảo đảm có thể lấy lại. Chúng tăng trình lên Hòa thượng đường đầu, ngài mới xuống thăm. Ở Trung Hoa người ta hay xài đèn giấy, có khung bên ngoài viết chữ Đại Kết hoặc Song Hỷ.

Hòa thượng hỏi:

- Nghe người bệnh phải không?

- Dạ! Bạch Hòa thượng, con cả đời tu hành không ra gì, đi hành khước bao năm cũng không xong việc. Giờ bệnh hoạn chết đến nơi rồi. Con buồn lắm.

Hòa thượng chỉ cây đèn hỏi:

- Thấy không?

Ngài sưng sốt đáp:

- Thấy.

Hòa thượng nói:

- Cái thấy đó của ta, của người, của Phật không khác.

Ngay đó ngài đại ngộ, toát mồ hôi hạn và hết bệnh.

Vị tăng bệnh này nghe Hòa thượng chỉ điểm liền nhận ra tánh thấy hay tâm bất sanh bất diệt của chính mình. Khi nhận ra rồi thì tâm an nên thân mạnh. Nếu thân không mạnh thì vẫn an nhiên nhập Niết-bàn, có gì vương bận để quuyến luyến.

Chúng ta nếu có được niềm vui đó, phút giây mình chợt nhận ra chính mình, bấy nhiêu thôi cũng đủ niềm tin để chúng ta thành tựu bốn nguyện của mình. Hòa thượng xuống thăm bệnh dưới nhà Niết-bàn, không giảng kinh gì, cũng không biểu phải đốt đèn đốt nhang, dâng hương, tụng Bát-nhã... Ngài chỉ cây đèn hỏi thấy không? Nói thấy. Ngài khẳng định cái thấy đó của ta, của người, của Phật không khác. Vị tăng liền ngộ đạo. Tánh nghe và các tánh khác cũng như thế.

Đoạn này ngài Minh Chánh nói đến tâm chân thật của mỗi người thông qua tánh nghe. Đức Phật ra đời nhằm chỉ cho chúng ta tánh này. Đầu kinh Pháp Hoa Phật giới thiệu mục đích ra đời của ngài là khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến. Phật nói tri kiến Phật, ở đây nói tâm nghe, tánh thấy, tuy nhiều danh từ nhưng bản thể vẫn là một.

CHÁNH VĂN

Nói tâm nghe tức là nhĩ thức, nhĩ thức chính là tâm linh, diệu dụng khắp suốt mười phương pháp giới. Tâm khắp mười phương, thì nghe cũng khắp mười phương. Nghe khắp mười phương, thì biết cũng khắp mười phương. Biết khắp mười phương thì tâm thức thấu suốt pháp giới, thành Tạng Đại Quang Minh vậy.

GIẢNG

Tâm nghe bắt đầu từ nhĩ thức, nhưng phải là nhĩ thức thanh tịnh. Nhĩ thức này thông suốt không vướng mắc, biết khắp mười phương. Tâm thức thấu suốt pháp giới thành Tạng Đại Quang Minh. Đại Quang Minh là gì? Đại là lớn, Quang là sáng, Minh cũng là sáng. Đại Quang Minh là cái sáng suốt lớn, tức là trí tuệ Bát-nhã hay bản tâm của chúng ta, chớ không gì khác.

CHÁNH VĂN

Nói khuyến phát, nhằm bày tỏ chớ lấy trí nhỏ cho tự đủ, phải phát khởi tiến lên, cầu đạo Bồ-đề vô thượng. Nghĩa là dù đã sạch hết năm ám, năm vọng tưởng diệt, vượt ngoài năm trước, thoát khỏi ba cõi, thức tâm tròn sáng, hàm dung pháp giới, mới có thể lãnh ngộ yếu chỉ tâm nghe, nhưng vẫn chưa phải là tâm rốt ráo tịch diệt Niết-bàn. Thế nên cần phải khuyến phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Phổ Hiền, thẳng vào biển lớn Tỳ-lô Hoa tạng, soi thấy đạo tràng trong sạch xưa nay, thân cận bản tôn Quang Minh Biển Chiếu là Pháp thân thanh tịnh Như Lai Tỳ-lô-giá-na trọn thành vô thượng Bồ-đề, trở về chỗ không sở đắc. Đây mới chính thật tỏ rõ tạng thức Đại Quang Minh vậy.

GIẢNG

Khuyến phát tâm Bồ-đề để trở về chỗ tốt cùng là Đại Quang Minh tạng. Tâm Bồ-đề là tâm gì? Bồ-đề là giác. Tâm Bồ-đề là tâm giác. Phát tâm Bồ-đề là phát tâm cầu thành Phật. Hằng ngày trong từng phút giây, nếu chúng ta tỉnh giác là sống được với Phật nhân. Nếu quên tỉnh giác, chạy theo thức tình vọng tưởng là ta quay lưng với ông Phật của mình. Đã quay lưng với ông Phật của chính mình thì không bao giờ thể nhập vào biển Tỳ-lô Đại Quang Minh Tạng, tức pháp thân Phật. Nơi biển Tỳ-lô Đại Quang Minh Tạng không còn những sóng thức lao xao, những thấp cao của nhân tình. Đó là tạng thể bình thản an nhiên, tâm thái thanh tịnh, ai cũng có.

Thế nên vừa thành đạo dưới cội Bồ-đề, đức Phật nhìn khắp mọi phương rồi nói: “Lạ này, tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng Như Lai, tại sao ngu mê để bị trầm luân sanh tử?” Chúng ta có sẵn tâm Bồ-đề, có sẵn chất Phật nhưng lại quay lưng, bỏ quên nó để con khi ý thức thao túng, cuối cùng loay hoay lẫn lộn suốt cả một đời.

Khuyến phát ở đây là khuyến phát chúng ta phát tâm Bồ-đề, nhớ sống lại với tánh Phật của mình. Chúng ta bỏ quên kho báu nhà mình, chạy theo những lăng xăng điên đảo, giả dối, mê lầm hết đời này sang đời khác. Cho nên bây giờ huynh đệ nhớ phải “Tỉnh!” Vừa thấy trong lòng bất an liền tự nhắc “Tỉnh nghe!” Có thiền sư lâu lâu nói: Tỉnh, Tỉnh, chớ để ma quỷ làm lầm. Ở trong đại chúng, mình thấy ai mở mắt trừng trừng hoặc sắp nổi nóng, mình nhắc tỉnh nghe. Thấy huynh đệ rầu rĩ chảy nước mắt, biết là nhớ nhà, nhắc tỉnh nghe. Tỉnh được là Phật, là giác. Được vậy đức Phật luôn hiện tiền trong mỗi chúng ta.

Huynh đệ quyết tâm tu, nhất định ngày ngày giờ giờ, trong từng phút giây phải thấy rõ các sinh hoạt, việc tu tập của mình. Người hảo tâm xuất gia, phát tâm mãnh liệt chẳng cần ai nhắc nhở. Người này lúc nào cũng tự ý thức tỉnh giác, tự gắng gổ, tự tinh tu. Tuy nhiên tập khí chúng ta quá sâu dày nên vướng víu nhiều thứ. Vướng là vì chúng ta xem thường, không ý thức rõ việc tu hành, giỡn người với sanh tử. Đê rồi phút cuối cùng nhìn lại, cả đời quàng xiêng, hối hận cũng không kịp. Phật dạy đời là vô thường, thả ra không hít vào thì xong một kiếp người.

Dù đã sạch hết năm ám, chúng ta đã sạch năm ám chưa? Năm vọng tưởng diệt, chẳng những năm vọng tưởng mà vô lượng vọng tưởng chúng ta chưa diệt. Vượt ngoài năm trước, chẳng những năm trước mà vô lượng trước mình còn nguyên. Thoát khỏi ba cõi, mình cũng chưa thoát cõi nào. Thức tâm tròn sáng, chúng ta lại mờ mờ mịt mịt. Hàm dung pháp giới, mới có thể lãnh ngộ yếu chỉ tâm nghe. Nhưng vẫn chưa phải là tâm rốt ráo tịch diệt Niết-bàn. Những công phu siêu xuất như vậy, vẫn chưa phải chỗ tịch diệt Niết-bàn. Huống gì chúng ta chưa tu được chút nào cả. Bởi chưa được gì nên cần phải khuyến phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Phổ Hiền. Chúng ta phải nỗ lực tu hành vô lượng thời gian, thành tựu vô lượng công đức mới viên mãn Phật đạo.

Những vị tịnh nhân cư sĩ mới vào thiền viện tập sự rất cần mẫn siêng năng. Nhưng đến khi được xuất gia làm tăng, tu hành một thời gian, không biết thần lười ở đâu nhập, cứ ì ra đó, huynh đệ nhắc nhở năm lần bảy lượt vẫn không sửa đổi. Bỏn phận làm thầy, chúng tôi khuyên nhắc nhưng có vị quá cứng không ý thức được điều đó, không chịu tỉnh giác, phẫn chán nỗ lực tu thì ai kéo lên nổi. Không có cần cầu nào mà trực nổi khối vô minh tăm tối của quý vị. Nếu chúng ta không ý thức, không tự tháo gỡ thì đành chịu trầm luân sanh tử muôn đời thôi. Người xưa nói việc mình chưa sáng, đâu nỡ lòng nào nằm đó ngủ, thả trôi cuộc đời theo dòng xoáy thế gian. Do đó chư huynh đệ phải ráng, phát tâm tu hành mãnh liệt.

Người xưa nói chỗ có đạo, dù thiếu cơm ăn áo mặc, ta vẫn kiên trì ở đó tu học. Chỗ không có Phật pháp dù ăn ngọc vị trên châu cũng không nên ở, dù một ngày một giờ. Người tu phải có tâm mãnh liệt như vậy. Khoảng 10 năm trước, có một chú tịnh nhân khoảng 11 tuổi, đi với mẹ lên đây trong dịp lễ rồi không chịu về. Không biết ai xúi chú tới xin tôi cho ở đây tu. Tôi nói trong thiền viện chỉ có mấy thầy lớn, con nhỏ ai hướng dẫn, dạy dỗ, không được đâu. Nói thế nhưng chú cứ chạy tới chạy lui, không chịu về. Sáng hôm sau chạy vô thất tôi lạy lục, sau đó vô thất Hòa thượng lạy nữa. Cuối cùng

Hòa thượng bảo tôi nhận chú. Hòa thượng dạy tôi mới dám nhận, sau xuất gia đặt tên là Tịnh Huy.

Giai đoạn đầu của Tịnh Huy đẹp lắm. Một chú thiên sinh nhỏ được thọ giới Sa di sống trong tập thể, tụng kinh, thụ trai, làm việc với đại chúng bình thường. Nhỏ tuổi như thế, tới giờ thức chúng không bao giờ thức trễ, giờ thụ trai không đi trễ, làm việc tuy không hoàn toàn nhưng chúng làm tới đâu chú làm tới đó. Giờ nghỉ, giờ thụ trai, giờ ngồi thiền, giờ tụng kinh rất hài hòa. Ngoài những giờ làm việc theo chúng, tôi kêu qua thớt tôi làm thị giả, đưa những quyển sách, những đoạn văn đọc cho tôi nghe. Lúc đầu chú cà lăm cà lạp, đọc không được tôi phải chỉ cho, đọc tới chỗ nào dừng, rồi tôi giải thích từng đoạn cho chú hiểu. Như vậy huấn luyện đến lúc lớn lên, biết suy nghĩ thông suốt thì Tịnh Huy xin đi thành phố học. Học mấy năm rồi xin đi luôn. Quý vị thấy tâm ban đầu của Tịnh Huy rất mạnh, nhưng không nuôi dưỡng, dễ duôi, lơ lửng, sau đó không thu lại được.

Đây là những hình ảnh biểu trưng trong tập thể, trong sinh hoạt tăng đoàn của chúng ta. Nó là bài học để những thiên sinh nhỏ tuổi làm kinh nghiệm, gầy dựng cho mình sức tỉnh giác, lúc nào cũng nhớ đến việc tu hành. Chúng ta cần phải nuôi dưỡng tâm ban đầu ngày một lớn thêm, đừng để nó dừng lại hay lui sụt, sẽ dẫn đến tình trạng rất đáng tiếc. Đó là điều quan trọng.

CHÁNH VĂN

Hỏi: Phát tâm Bồ-đề là thế nào?

Đáp: Bồ-đề có vô lượng nghĩa. Tất cả ba tạng, mười hai bộ kinh, đều là nghĩa của Bồ-đề, nên chẳng thể thuật hết. Nay xin lược lấy một vài lối giải thích rất gần mà chỉ ra đó thôi.

Bồ-đề, đây nói là tánh giác. Lại, bồ là chiếu, đề là kiến. Nói chung là tánh giác chiếu kiến. Tánh giác chiếu kiến này là tri kiến Phật.

GIẢNG

Thiền sư Minh Chánh nói tâm Bồ-đề trùm hết cả tam tạng thánh giáo, nói không hết được. Đây chỉ lược một vài lối giải thích rất gần để chỉ ra. Chúng ta hiểu gọn Bồ-đề là tri kiến Phật, là tánh giác của mình, chớ không có gì lạ. Đã là tri kiến Phật, là tánh giác của mình tại sao phải phát tâm Bồ-đề? Tuy nó của mình nhưng từ lâu chúng ta đã quên, đã quay lưng với nó, chạy ra nên bị vướng mắc bên ngoài, do vậy các vị thánh trước động viên, nhắc nhở

chúng ta nhớ lại, khuyến phát chúng ta phát tâm Bồ-đề. Phát tâm là một cách nói, đúng ra là nhớ và sống lại tâm Bồ-đề.

Nói công phu như ngồi thiền, học kinh, làm việc trong chúng, xả bỏ thân này quyết liệt tu hành v.v... nhằm gây dựng lại cái tinh lực để đừng bị mê. Đừng bị mê là đừng quên tánh giác. Lâu nay chúng ta quên, bây giờ gây dựng lại tinh lực, không phải thêm cái gì khác. Hòa thượng dạy phải sống với tánh giác, tức biết mình có cái đó. Chúng ta quen chạy ngược chạy xuôi bên ngoài nên bây giờ phải khép vào khuôn khổ, quy chế, có thời khóa biểu hàng hoàng để không dám dễ duôi. Khóa biểu cắt thời gian ra từng giai đoạn, phát hiệu bằng chuông lệnh, giờ nào việc đó, không ai được làm sai. Tất cả đều thực hiện trong sự tỉnh giác. Sở dĩ như thế là vì chúng ta thường bỏ quên việc bổn phận của mình.

Người xưa trong lúc làm việc cũng có thể ngộ đạo. Như ngài Hương Nghiêm nghe tiếng viên sỏi chọi vào gốc tre một cái “cách” liền ngộ đạo. Chúng ta đi làm, cuộc chung quanh gốc dầu trong tỉnh giác rất dễ có cơ hội ngộ đạo. Chỉ ngại anh em không tỉnh mà quên cho tới bỏ cuộc ở đâu cũng không nhớ. Lúc muốn tìm lại, tìm không ra. Trong tất cả oai nghi, sinh hoạt đều tựu trung nhớ lại cái mình bỏ quên. Nó chưa mất, nó vẫn đâu đó, nhưng đòi hỏi chúng ta luôn luôn tỉnh mới nhớ lại việc của mình. Công phu tu hành là như vậy.

CHÁNH VĂN

Phát là mở ra, bày ra. Lúc còn mê muội mà phát mình ra. Ví như các cảnh giới thấy trong mộng, đều chẳng rời giác mộng. Lúc biết là cảnh mộng, toàn thể đều là không. Biết rõ ràng cảnh mộng đều không, đó là nghĩa phát giác.

Lại như lúc còn mê muội chưa sáng, thì tánh giác bị bóng dáng duyên theo sáu trần làm mờ tối. Phàm đã thấy biết, đều như cảnh mộng, dù có tri kiến ấy, đều là mê muội, đó chỉ cho tri kiến của chúng sanh. Nếu lúc ngộ, thì bóng dáng duyên theo sáu trần, toàn thể đều không. Đã biết rõ trần cảnh đều không, thì tri kiến đó luôn luôn là tri kiến Phật, cũng gọi là phát tâm Bồ-đề và là tâm phát giác vậy.

GIẢNG

Ngài dẫn dụ về nghĩa phát tâm giác cho chúng ta hiểu. Đưa ví dụ cảnh mộng để chúng ta hiểu mình từng sống trong hư giả không thật. Khi nhận ra được

như thế, tất cả cảnh đều không còn chi phối mình, ta không chạy theo nắm bắt, bám giữ. Đó là nghĩa phát giác.

Bóng dáng duyên theo sáu trần làm mờ tối giác tâm. Các giác quan khi tiếp cận trần cảnh, nếu vướng mắc chạy theo, thì bị nó trói buộc. Sau đó, những bóng dáng ấy lưu đọng lại trong tàng thức, làm mình mất đi thể tánh sáng suốt. Bây giờ muốn phát huy được cái tinh anh sáng suốt ấy phải làm sao? Các giác quan vẫn tiếp cận với cảnh duyên bình thường, thấy nghe cảm nhận rõ ràng, nhưng không chấp, không chạy theo, không làm chúng. Do đó cắt đứt hết các bóng dáng, tâm thể rỗng rang sáng suốt. Được như thế thì lúc nào cũng tinh táo sáng suốt, không chút vướng vẩn gì.

Chúng ta có tánh thấy tánh nghe rõ ràng, không làm âm thanh sắc tướng nào cả. Âm thanh của con vật kêu biết rõ ràng, nếu làm thì giác quan có bệnh. Chỉ xin không để nó kéo lôi đi đâu hết. Chúng ta thường dễ lao theo cảnh, bị chúng kéo lôi. Như nghe tiếng chim hót líu lo trên cành cây, liền nghĩ đến bản nhạc có liên hệ đến tiếng chim hót. Từ hình ảnh bên ngoài chúng ta chạy theo để hình thành vọng tưởng.

Người tu không được như thế. Vừa có một niệm liền cắt đứt. Cắt đứt không có nghĩa là mình đóng lỗ tai, nhắm mắt lại v.v... vẫn bình thường, nhưng không làm. Vậy thôi. Nếu chúng ta luôn luôn như vậy thì không sợ khi các giác quan tiếp xúc với trần cảnh. Còn dễ duôi buông trôi sẽ bị mất mình tức thì. Như chuyện ăn uống bình thường, nếu chúng ta không để ý nó sẽ thành nghiệp. Chẳng hạn nhiều vị khoái ăn cơm cháy, mỗi ngày đều xuống nhà bếp lục cơm cháy ăn. Nước tương thiếu một miếng ớt ăn không trôi, phải chạy kiếm ớt mới ăn được. Chuyện không đáng gì hết nhưng đã thành nghiệp rồi đó. Người tu phải tỉnh để kiểm soát những việc nhỏ như thế.

Cho nên Hòa thượng thường dạy phải làm chủ các dấy niệm. Một dấy niệm nhỏ xíu thôi, mình không làm chủ nó vẫn lôi đi như thường. Người nào buông được những dấy niệm, người đó nuôi lớn sự tỉnh giác, phát huy tinh lực, lần lần sống với tánh giác. Người áp dụng công phu tu hành tốt, tu một ngày bằng người loay hoay lẩn quẩn mất nhiều năm tháng. Thái tử Tất Đạt Đa lúc trải tòa cỏ dưới cội Bồ-đề đã phát lời thệ nguyện thế này: “Ta nguyện nơi tòa cỏ này, nếu không chứng được đạo quả Vô thượng Bồ-đề, dù thịt nát xương tan, quyết không rời khỏi chỗ này”. Đức Thế Tôn phát thệ nguyện mãnh liệt như vậy. Cho nên sau 49 ngày đêm thiền định, ngài chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Nếu chúng ta không tỉnh, không cố gắng thì việc lớn không thành. Tự mỗi người phải tỉnh, phải nỗ lực, không ai có thể thế mình được. Nghe hơi lười một chút phần đầu lên, hơi dã dưới một chút đứng lên, con mắt hơi kéo xuống mở ra, hơi muốn nằm liền ngồi dậy. Trong đầu khởi niệm muốn đi đâu đó, dừng lại. Phải dứt khoát như vậy. Tổ Huệ Khả suốt đêm đứng tuyết cầu đạo với Sơ tổ Bồ Đề Đạt Ma. Vậy mà Sơ Tổ còn chê “ông đâu thể đem chút hạnh nhỏ ấy để cầu diệu đạo”. Nghe thế Nhị Tổ liền chặt tay dâng lên. Nhờ thế Sơ Tổ mới tiếp nhận và truyền pháp an tâm cho. Nếu là chúng ta chắc rút lui lâu rồi.

Lúc không có ý chí, sinh hoạt tu tập của mình cứ lơ lơ lửng lửng. Các huynh đệ nghiệm lại kỹ sẽ thấy rõ điều này. Vô nấu cơm cũng lơ lơ lửng lửng, tụng kinh cũng lơ lơ lửng lửng, ra vườn cũng lơ lơ lửng lửng, thậm chí vô nhập thất cũng lơ lơ lửng lửng, không biết phải làm gì. Giống như người nói đánh giặc mà chưa nhận được giặc là ai, sào huyệt ở đâu, làm sao đánh? Tu hành thật ra không khó. Chỉ vì chúng ta không chịu tu thôi.

Chư huynh đệ nên nhớ, tham sân phiền não hiện tại là điều kiện hình thành đời sau tiếp tục thọ nhận khổ đau. Có những người bình thường hình dáng bên ngoài rất hiền lành đạo đức, nhưng tiếp duyên xúc cảnh, cù cặn nổi lên cũng hươ tay múa chân, la hét um sùm. Cho nên không thể nhìn bên ngoài đánh giá được bên trong. Chỉ có đương sự tự biết mình. Mình không chịu biết mình thì thôi, ai biết được. Đó là những đề án chúng ta phải suy xét cho thật kỹ để tu tập. Nhà thiền gọi là phản quan tự kỷ.

Ngài Minh Chánh nhắc nhở chúng ta, người tu hành phải có tâm tỉnh giác đầy đủ. Cách thức hành trì tự trung phát huy tinh lực để sống được với tánh giác, bỏ đi sự tăm tối, mờ mịt, không để bóng dáng trần cảnh len lỏi, làm chao đảo mình. Người tu thiền là người làm chủ, không để vô minh dẫn, luôn luôn sống lại với tâm chân thật của mình. Mỗi ngày chúng ta chiêm nghiệm lại mình, phản quan tự kỷ để biết cái sáng và cái chưa sáng của mình, từ đó cố gắng tăng tiến công phu. Được vậy là người biết phát tâm Bồ-đề.

Nếu có tinh lực thì hy vọng thức tỉnh vọng tưởng sẽ không làm gì được mình. Tinh lực là nguồn trí dụng diệu giác do chúng ta phát huy. Người tu thiền là người có tinh lực mạnh. Buổi sáng làm việc, buổi trưa ăn cơm v.v... luôn luôn tỉnh sáng, biết rõ, thấy rõ, nắm vững mọi thứ chung quanh. Trí dụng diệu giác trị thức tỉnh vọng tưởng. Cái tỉnh này không phân biệt của riêng ai. Tóm lại, huynh đệ kiểm nghiệm thấy mình chưa tỉnh thì phải tỉnh.

Được như thế mới ăn ngon, ngủ yên. Người không tỉnh sống trong mờ ảo, mê vọng, ngủ mê nói mớ, không phải là người chân tu.

Chư huynh đệ cố gắng giữ vững công phu, sau này có thể truyền đạt hướng dẫn người khác. Chứ bây giờ lời thôi, nói tỉnh thì nghe tỉnh, nói bất tỉnh nghe bất tỉnh, sống không có mục đích lý tưởng gì cả, làm một người tốt bình thường còn chưa được, mong gì thành Phật tác Tổ. Tóm lại, anh em phải tỉnh, nói gì thì nói mà thiếu tỉnh là một thiệt thòi lớn của người xuất gia. Cho nên anh em nào còn lơ mờ, chưa phát huy được năng lực tỉnh giác phải ráng lên, tự khắc phục lấy mình.

Người xưa nói bước vào chùa làm tăng thì phải quên ăn bỏ ngủ, siêng ngồi thiền tụng kinh, bỏ điên đảo vọng tưởng, bớt đi lại, tiếp xúc, để tâm được yên tĩnh. Chứ mình chưa tỉnh mà chạy lăng xăng việc này việc nọ hoài làm sao tu. Chữ “điên đảo” là sao? Chữ “điên” là mất bình thường, chữ “đảo” là lộn ngược. Người điên là người lấy phần dưới để lên phần trên, cái giả cho là thật, không biết lớp lang gì hết. Người ta thường bảo thất điên bát đảo, nghĩa là bảy điên tám đảo, tức cái tầm bậy nhiều hơn cái đúng. Dân quê nói câu này xem ra cũng rất chí lý.

Mỗi chúng ta đều có dư báo. Có nghiệp phải trả nghiệp. Không khi nào tự nhiên cả, luôn luôn có nhân duyên. Từ nhân sanh ra quả. Chúng ta tu tiến hay không, phát huy được đạo lực trí tuệ hay không, đều từ mình mà ra. Việc tu không khó chỉ vì chúng ta không kiên quyết, không dứt khoát, không tỉnh, để thực hiện trọn vẹn việc tu hành của mình.

CHÁNH VĂN

Phát tâm Bồ-đề là biết rõ tất cả chư Phật, cùng các chúng sanh, đồng một giác nguyên, mình người một thể. Chỉ chúng sanh bị thức tâm vọng tưởng duyên theo bóng dáng sáu trần làm mê hoặc, nên chẳng hay biết. Ta đã tự giác, lại hay giác ngộ cho chúng sanh, nguyện khắp chúng sanh đều thành chánh giác. Đây gọi là phát tâm giác cho tất cả vậy.

GIẢNG

Khi chúng ta đã phát huy được tánh giác của mình rồi, thấy rõ nguồn giác đó nơi tất cả chúng sanh không khác. Cho nên mình phát tâm làm tất cả công đức, tạo duyên lành để chúng sanh có điều kiện nhận và sống lại với giác tâm của họ. Đây gọi là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn trong đạo Phật.

CHÁNH VĂN

Nhưng phát tâm Bồ-đề là chỉ cho người tu hành, tâm ban đầu được phát giác. Bởi ta cùng chúng sanh từ vô thủy đến giờ, trái giác hợp trần, chấp bốn đại năm uẩn cho là thân tâm. Niệm niệm duyên theo trần cảnh, phân biệt các ảnh sự, chưa từng có một niệm hồi quang, chẳng biết đến bao giờ tâm mới có thể phát giác! Thế nên, tâm ban đầu được phát giác này là việc rất khó! Người xưa trèo non vượt biển, chỉ vì câu “Tâm ban đầu phát giác” đó thôi.

GIẢNG

Tuy chúng sanh có tri kiến Phật, nhưng quay lưng với nó nên trong kinh Phật bảo chúng sanh bội giác hợp trần. Nói cho dễ hiểu là quay lưng với tánh giác mà chạy theo trần cảnh. Bây giờ phát tâm phát giác, tức tự tỉnh giác không chạy theo thức tình vọng tưởng nữa. Việc làm này khó là vì chúng ta chưa từng tự phản tỉnh, chưa từng hồi đầu. Muốn phát tâm phát giác phải chí thành tha thiết, một lòng tu hành, siêng năng xả bỏ tập khí từ nhiều đời. Người xưa trèo non vượt biển, chỉ vì câu “Tâm ban đầu phát giác”, ngoài ra không có một niệm tạp nào xen lẫn cả. Tu hành như vậy mới hy vọng có ngày thành tựu việc lớn.

CHÁNH VĂN

Nói phát giác tức là tự thấy Phật tánh. Phật tánh chính là tự thể tánh giác. Có thể thấy được tự thể tánh giác này, thì tất cả việc làm đều là Phật sự. Cần thiết chớ nhận lầm thức tâm vọng tưởng duyên trần cho là tự mình, thì thức tâm như huyễn, việc tu hành cũng đều như huyễn. Kinh nói: “Nhận giặc làm con” là đây!

GIẢNG

Phát giác tức là thấy Phật tánh. Làm sao tháo gỡ hết những dây mơ rễ má vọng tưởng, không bị sự kiện bên ngoài làm làm hay có sức cản trở việc tu hành của chúng ta. Hòa thượng tôn sư nói rất đơn giản, đừng để các niệm kéo lôi. Như người nặng về ngủ nghỉ thì niệm ngủ nghỉ hay lóe lên, người nặng về ăn uống thì niệm ăn uống lóe lên, người nặng về đi lại thì niệm đi lại lóe lên. Tóm lại, muốn thắng vượt ngoại duyên bên ngoài và vọng tưởng bên trong, luôn luôn phải tỉnh, làm chủ được thân tâm trong tất cả oai nghi, tất cả thời. Nhà thiền thường dạy phải cắt đứt ngay từ niệm đầu, tức vừa dấy lên ta cắt liền, đừng để nó tiếp diễn thành tuồng tích, chùng đó khó cắt lằm.

Hoặc giả có cắt, cũng đã mê hết một đoạn, mất đi một khoảng thời gian thanh tịnh. Việc tu hành tuy đơn giản, song cần phải thực hiện liên tục, nhà thiền gọi là miên mật. Nếu quý vị xem thường, nhiều khi cả đời sẽ không làm được gì hết.

Thiền sư Minh Chánh từ sự thể nghiệm của bản thân, ngài chỉ dạy cho chúng ta phát tâm Bồ-đề. Phải chuyên chú quay lại, nhận ra tánh giác, chúng ta sẽ lượm được của báu của mình từ những sinh hoạt bình thường. Quý ở chỗ thực hành, chớ không phải nói trên mây xanh. Một thiền sinh cuốc đất trồng rau, làm tất cả các công việc bình thường, sống và áp dụng tu tập siêng năng tinh tấn. Năm năm, mười năm, hai ba chục năm, sẽ nhận ra chính mình, chớ không phải chữ nghĩa tuôn đầy mà lòng không bụng rỗng.

Những người hay nói kiến tánh, nói nội ngoại đạo v.v... chính họ là những người ngoại đạo tà giáo. Bởi vì họ không kiến tánh, chỉ có một mớ lý thuyết suông, không có giá trị chân thật. Pháp tu của chúng ta là bỏ ra, chớ đâu có thu vô. Càng loại ra chừng nào thì càng nhẹ càng trống, càng sáng càng khỏe, tại sao lại phải lý luận nhiều chữ nghĩa? Thành ra tu mà điên là tu tầm bậy, tu mà nói nhiều là họa, không phải thật tu thiền. Anh em phải thận trọng, dè dặt chỗ này.

Thức tình vọng tưởng của chúng ta còn cù cặn quá nhiều, lượm mà bỏ ra, đừng để nó làm loạn tâm, đã cực khổ lắm rồi, bây giờ còn nhồi nhét vô nữa, làm sao chịu nổi. Cuộc đời là mộng mơ, nên học hành kiến thức cũng là mộng mơ thôi. Các anh em mình nhớ thân thể mỗi ngày mỗi già nua, mỗi suy thoái, kiến thức nào có thể giúp cho tiến trình ấy dừng lại? Nếu không nhanh chóng phát tâm Bồ-đề, không nỗ lực tu tập, vô thường đến không biết bao giờ chúng ta mới thành tựu giác ngộ giải thoát.

Lâu lâu chúng ta cũng nên tự kiểm xem mình đã phát tâm Bồ-đề chưa? Nếu chưa thì coi như không dính dáng chút nào đến việc tu hành cầu giác ngộ cả. Bởi vì ở ngoài đời mình đã điên đảo, bây giờ vào đạo cũng không xả bỏ vọng tưởng, cứ tiếp tục như thế thì có gì khác ngoài đời đâu. Một lúc nào đó, chúng ta cũng nên quay lại xem sự tu tập hằng ngày của mình như thế nào? Nếu chưa có gì tiến triển, quả thật là một bất hạnh vậy. Bởi vì chúng ta sẽ không còn nhiều thời gian nữa. Nhân duyên tốt thế này mà chưa xoáy thẳng vào điểm chính, cứ ngồi đó để ngày qua tháng lụn, uổng một đời tu, không phải là nỗi bất hạnh đó sao! Vì vậy không luận người già người trẻ, tu lâu tu mau, có kiến thức hay không kiến thức, ai nấy đều phải phát tâm Bồ-đề.

Chúng ta nói tu mà không nhìn lại công phu, không có việc làm nào tương xứng với đạo thì chỉnh sửa lại. Mọi phương tiện chúng ta hiện có đều vì mục đích của sự tu. Có thể nói khẳng định như thế. Tuy phương tiện không phải là cứu kính nhưng lại rất cần thiết trong quá trình tu tập để đi đến cứu cánh. Nếu chúng ta không làm tâm Bồ-đề phát sanh thì phương tiện trở thành vô nghĩa, có khi nó lại là chướng ngại nữa. Nói thế không có nghĩa là lúc nào huynh đệ cũng làm lì, trùng trợn với công phu. Dụng công thanh thân, nhẹ nhàng nhưng liên tục. Đó là người biết tu, khéo tu.

Nếu không vì sự tu hành, chúng ta cạo tóc sống chung một thiền viện để làm gì? Vì giải quyết việc sanh tử, chúng ta mới xuất gia, thệ nguyện ra khỏi trần lao, tập theo hạnh Phật. Hạnh Phật là hạnh giác ngộ, đâu phải hạnh si mê. Mỗi người tự bảo vệ bản ngã của mình, không chịu buông xả, tuy có thương nhau nhưng nói sai một câu là giận liền. Vì sao như thế? Vì không tu. Chư huynh đệ thử nghĩ có vô lý không, khi không vô đây làm gì, sáng ăn, trưa ăn, chiều ăn, huynh đệ chẳng giúp được gì nhau, lại còn gây phiền não cho nhau.

Mỗi ngày qua như thế là chồng chất thêm si mê, không gây dựng được sự tinh sáng. Có xấu hổ không? Chúng ta ở trong tập thể lẽ ra đóng góp công sức vào thêm, ta lại còn vay mượn nợ nần nữa. Thật đáng trách! Cho nên các thiền sư nói “nếu mỗi ngày các ông không tu, uổng nhận sự cung phụng của đàn na”. Các ngài nói rất thẳng cho học nhân tỉnh, không như mình chẳng ai dám nói ai. Vì vậy chúng ta không thể tự tiến và giúp huynh đệ cùng tiến trên đường tu.

Tu hành nếu không có thiện hữu tri thức nhắc nhở, việc tu sẽ rất khó tiến. Bởi vì đâu phải lúc nào mình cũng tỉnh táo, sáng suốt. Nhiều lúc nghe tiếng bưng ăn cơm mình chẳng muốn ăn. Hoặc nghe tiếng bả chúng tụng kinh mình không muốn tụng kinh. Phật tử muốn cầu an cầu siêu, phải bỏ tiền của, công sức thỉnh quý thầy tới nhà tụng kinh, còn chúng ta không tốn đồng nào hết, vậy mà tới giờ tụng kinh không muốn tụng. Như vậy bên trong quý vị còn rất nhiều cù cặn, chưa khắc trừ được. Bởi chưa khắc trừ nên chưa tinh tấn, chưa đặt cuộc sống của mình vào nếp sinh hoạt của người xuất gia cầu thoát khỏi ba cõi.

Chúng ta không thực hành đúng tâm nguyện của mình, nên thành quả đưa tới không tốt đẹp như ý. Giống như ông thợ mộc lãnh làm nhà mà thước tắc không rành, lại thêm lười biếng không chịu kiểm nghiệm, cứ làm đại. Tới hồi dựng lên, cái lỗ bên tây cái mộng bên đông, cây vuông mà lỗ tròn, không

cái nào ăn rơ với cái nào. Cuộc sống của chúng ta nếu không khéo tu cũng như vậy. Có khi nào mình hoàn toàn miên mật đâu. Người xưa dùng chữ miên mật rất hay. Tu không xen hở chút nào thì chúng ma làm sao len lỏi vào tâm ta được. Các ngài không có ba đầu sáu tay gì, cũng ăn mặc ngủ nghỉ như mình thôi, nhưng có cái khác hơn là miên mật.

Quan trọng là chúng ta siêng soát xét lại mình, đừng bao giờ để thời gian qua suông, uổng lắm. Điều kiện, hoàn cảnh, tri thức, công phu và sở trường của các huynh đệ ngay bây giờ là phản quan và tị trung phát huy tâm giác. Tổ Minh Chánh đã cắt ruột cắt gan để dạy cho chúng ta. Đến chỗ này ngài dặn chúng ta đừng nhận giặc làm con, nghĩa là đừng nhận bất cứ cái gì bên ngoài cho là giác tâm của mình. Pháp tu Hòa thượng Ân sư dạy là làm chủ, đừng chạy theo hoặc dính mắc một dây niệm nào. Rõ ràng ăn khớp nhau. Như vậy mới sống yên, mới đầy đủ định tuệ hiện tiền.

Ở đây ngài nhắc đừng nhận giặc làm con. Cần thiết chớ nhận lầm thức tình vọng tưởng hay bóng dáng của tiền trần làm mình, rồi chấp chặt, vướng mắc vào nó. Bây giờ đừng nói thức tâm thức tình gì hết, bởi nhiều vị không biết thức là gì, tình là gì, tâm tưởng là gì, chỉ nói đừng dính mắc là xong. Bất cứ cái gì cũng đừng dính mắc. Sống, sinh hoạt, tụng kinh, ngồi thiền, ăn nghỉ, tiếp xúc... đừng dính mắc hình ảnh, sự việc nào hết. Được thế là người sống với tâm Bồ-đề, không nhận bất cứ của báu nào từ bên ngoài đem vô, không nhận giặc làm con.

CHÁNH VĂN

Nhưng tâm ban đầu phát giác đó đã như ở trước, phần tổng nêu pháp dụ đề mục của kinh và trong phẩm Tựa có nói rồi. Đến sau phần Bạt dẫn Tông chỉ, lại sẽ chỉ rõ hơn.

GIẢNG

Đoạn này đặt vấn đề nêu lên tâm phát giác, trước đã nói nên ở đây không cần nói lại. Sau có dịp sẽ nhắc tới.

CHÁNH VĂN

Hỏi: Làm thế nào tu hạnh Phổ Hiền?

Đáp: Hạnh đây khắp pháp giới, gọi là Phổ. Vị gần kê Á thánh, ấy là Hiền. Hạnh thì như đại nguyện vương trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Bất

Tư Nghi Giải Thoát Cảnh Giới nói: Một sắc một hương đầy khắp pháp giới. Nói tóm lại là:

Các điều ác chớ làm,

Vâng làm các việc lành.

Đấy gọi là hạnh Phổ Hiền.

GIẢNG

Phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát nói về phần công hạnh. Cho nên ở đây đặt ra vấn đề làm thế nào tu hạnh Phổ Hiền?

Hạnh Phổ Hiền là hạnh trùm khắp hết, không hạnh nào ngoài hạnh Phổ Hiền. Tu biết vọng là hạnh Phổ Hiền. Làm bất cứ việc gì mà không vương mắc cũng là hạnh Phổ Hiền. Ăn chỉ ăn, nghỉ chỉ nghỉ, đi chỉ đi, làm việc gì tập trung biết một việc đó, không vọng động... đều là hạnh Phổ Hiền. Nhất cử nhất động, nếu chúng ta quay về soát xét cho kỹ, đừng vương bên ngoài thì tất cả hạnh đều là hạnh Phật, hạnh Bồ-tát, hạnh Phổ Hiền, hạnh Quan Âm, hạnh Văn Thù v.v... Quan Âm là từ bi, chúng ta tập từ bi vô điều kiện là tu hạnh Quan Âm. Phổ Hiền là làm tất cả việc, giúp đỡ tất cả chúng sanh không thấy mệt mỏi, chúng ta tập quên mình hy sinh vì đại chúng không thán oán, không chán nản, vui vẻ làm, hăng hái làm... tức là tu hạnh Phổ Hiền.

Sinh ra trong cõi người là nhân duyên lớn nhất để chúng ta tu tập. Chúng sanh nào được phước sanh lên thiên giới, thấy là thần tiên sướng lắm, nhưng không có duyên để tu tập. Như mình muốn bố thí mà ai nấy đều dư ăn dư mặc hết thì bố thí cái gì. Ở cõi này nhiều người thiếu cơm ăn áo mặc, thiếu tình thương, tha hồ cho chúng ta bố thí. Cho nên ở cõi trời không có cơ hội để tu, ở đây có rất nhiều cơ hội để tu mà chúng ta không chịu tu thì uổng quá.

Huynh đệ chúng ta không có tiền nhưng vẫn có rất nhiều cơ hội để bố thí. Bố thí gì? Như sáng nay 10 vị được sắp vào ban trị nhật, 3 giờ khuya xuống nấu cơm, rửa rau luộc rau, làm nước tương... làm thật vệ sinh, chuẩn bị dọn lên. Huynh đệ nghĩ đến thầy mình, tất cả anh em đồng hạnh với mình có được những đĩa rau luộc mềm chín, sạch sẽ, chén nước tương chấm rất khoái khẩu, cho nên hết lòng hết sức làm một bữa cơm ngon. Đó là cúng dường, là

bổ thí. Tại sao? Vì mình đã bỏ công để đem đến cho đại chúng một bữa cơm ngon. Cho nên nấu cơm là cơ hội để mình tu tập, phát huy hạnh Phổ Hiền.

Nếu sanh lên cõi trời muốn gì có nấy, không cần phải nấu cơm vẫn có cơm ăn, mình làm sao trở lại nấu cơm cúng dường đây. Ở cõi trời phúc duyên đặc biệt lắm. Chư thiên vui chơi, du hí, tới chừng đói bụng, họ tưởng đến thức ăn tự nhiên có mùi thơm khắp nơi, họ ngửi mùi thơm ấy là no. Như vậy chúng ta luộc rau cho ai ăn? Tất cả thì giờ của chư thiên đều tập trung cho việc du hí. Lỡ sanh lên đó mình tu không được. Nếu muốn thành tựu viên mãn Bồ-tát đạo để tiến lên Phật đạo thì đừng cầu mong sanh lên cõi trời. Chỉ có cõi Ta bà này có nhiều cơ hội nhất cho chúng ta tu hành thành Phật thôi.

Kinh A Hàm kể lại, Phật sai ngài Mục Kiền Liên lên trời tìm thầy thuốc Kỳ Bà. Lúc này ông đã được sanh lên trời, nhờ công đức chăm sóc sức khỏe cho chư tăng. Ngài Mục Kiền Liên chờ hoài vẫn không thấy Kỳ Bà đến. Đến sao được, vì ông bận đi chơi. Bất ngờ, ngài thấy Kỳ Bà chạy xe tới, ông đưa tay chào ngài. Tôn giả Mục Kiền Liên liền dùng thần thông chặn lại, bảo:

- Ông là đệ tử Phật, mới lên đây mà đã quên hết rồi. Phật nói vô thường ông không nhớ, sao mau quên quá vậy.

Ông nói:

- Thầy ơi, trên này ai cũng vậy, không phải một mình con đâu. Con chỉ có một xe, một người hầu, rất đơn giản. Thầy nhìn các vị trời khác kia, gia đình người ta đi chơi rần rần, còn con chỉ có một mình thôi. Thầy gặp con có chuyện gì nói nhanh lên, để con đi.

Thử hỏi chúng ta sanh lên đó làm sao tu? Nghĩ thế mới thấy quý trọng cõi này. Bên cạnh mình, huynh đệ bị bệnh, cần đi lấy nước uống, cần giặt mấy bộ đồ công tác, cần có bát cháo lót lòng... nên mình có rất nhiều điều kiện để tu tạo công đức. Chúng ta học hạnh ngài Phổ Hiền làm mà không đặt vấn đề, không đòi hỏi trả công, không phân biệt thân sơ, làm khắp hết tất cả. Rõ ràng đây là nơi cho chúng ta hành pháp, phúc duyên lớn lao đến với mình. Tóm lại, sống chung trong thiền viện, anh em dễ tu, dễ thực hiện được hạnh Phổ Hiền.

CHÁNH VĂN

Nhưng người tu hành học theo hạnh Phổ Hiền, tức là dùng yếu chỉ lỗi tai nghe, từ nhĩ thức mà vào. Chỉ dùng nhĩ thức theo niệm phân biệt, soi

khấp quần cơ, lựa hạnh lành của Phổ Hiền kia mà tu, để tròn đầy tuệ tự tại, thành tựu trí nhất thiết chủng.

GIẢNG

Đoạn này kết lại hạnh Phổ Hiền trên kia. Tu hạnh Phổ Hiền căn cứ từ lỗ tai nghe, từ nhĩ thức mà vào. Căn nghe ai cũng có, nhưng nghe mà đừng dính dáng âm thanh, đó là hạnh Phổ Hiền rộng khắp. Ai nói gì, mình cảm ơn, nhờ thầy nói tôi biết cái dở để tu sửa, ta đành lễ cảm ơn. Đó là soi lại hay sống được với căn nghe, không chạy theo niệm tham sân phiền não khi nghe âm thanh trái tai. Ngài Minh Chánh từ kinh nghiệm tu hành dạy chúng ta từ lỗ tai nghe quay về nhận lại tánh nghe, không chạy theo âm thanh bên ngoài. Nghe cái gì cũng tự trung về việc tu hành, như vậy phản quan tự kỷ được.

Tu hành học theo hạnh Phổ Hiền, tức là dùng yếu chỉ lỗ tai nghe, từ nhĩ thức mà vào. Chỉ dùng nhĩ thức theo niệm phân biệt, soi khắp quần cơ, lựa hạnh lành của Phổ Hiền kia mà tu, để tròn đầy tuệ tự tại, thành tựu trí nhất thiết chủng. Ngài dạy chúng ta biết cách dùng nhĩ thức tức là biết nghe, tự trung để thành tựu thánh hạnh của mình.

Như có người chửi mình, mình chửi lại thì không có vấn đề gì để nói, không đặt hạnh Phổ Hiền ở đây. Song chúng ta không đến đối tộ như thế. Mình biết người kia chửi, mình vẫn bình thường, không vì âm thanh đó mà thay đổi. Luôn luôn sống tròn đầy với hạnh khắp, nếu có khởi lên niệm gì thì chỉ là niệm thương người kia. Vì sân si mà họ phát âm khó nghe, tạo nghiệp bất thiện, rất đáng thương.

CHÁNH VĂN

Hỏi: Từ trước, quả chê thức tâm, bảo là huyễn vọng. Đến đây, có sao lại nói nhĩ thức là hạnh lớn chân thật. Thế ấy đâu khởi trước sau có thủ xả u?

Đáp: Quả chê ở trước là thức tâm duyên trần. Nếu ngoài hiện sáu trần, thì trong khởi thức tâm, vọng sanh phân biệt. Trần qua thì thức phân biệt tự không, vì thế bảo rằng huyễn vọng cần phải bỏ. Nay thức này là dụng của nhĩ căn, đầy khắp mười phương, tùy lúc nghe, tùy lúc nhận thức, tùy lúc phân biệt, nó trạm nhiên thường trụ. Như ánh sáng của mặt gương, tức thức tánh trong kinh Lăng Nghiêm, nói “Minh tri giác minh, chân thức diệu giác trạm nhiên, biến chu pháp giới, dung nhập Như Lai tạng tánh, Diệu liên hoa tâm”. Thế nên, đáng phải giữ lấy mà tu. Đức Di Lạc

cũng do tròn thành Tam-muội thức tâm này, mà tương lai sẽ làm Phật. Trong kinh Phổ Hiền cũng nói: “Nếu có người thọ trì đọc tụng hiểu nghĩa thú kia, người đó lúc mạng chung, được một ngàn vị Phật đưa tay xoa đầu. Khiến lòng không sợ hãi, chẳng lạc vào nẻo ác, liền sanh lên cung trời Đâu Suất, chỗ Bồ-tát Di Lạc đang ở”.

Đây cũng chính bày tỏ đã hội được nhĩ thức kia, mà trở về tánh thức Như Lai tạng vậy.

GIẢNG

Hỏi: Từ trước, quả chê thức tâm, bảo là huyền vọng. Đến đây, cứ sao lại nói nhĩ thức là hạnh lớn chân thật. Thế ấy đâu khởi trước sau có thủ xả ư? Đặt lại vấn đề đã quả trách thức tâm là huyền vọng, tại sao bây giờ lại nói nó là hạnh lớn chân thật. Như vậy là mâu thuẫn nhau rồi?

Đáp: Quả chê ở trước là thức tâm duyên trần. Nếu ngoài hiện sáu trần, thì trong khởi thức tâm, vọng sanh phân biệt. Trần qua thì thức phân biệt tự không, vì thế bảo rằng huyền vọng cần phải bỏ. Nay thức này là dụng của nhĩ căn, đầy khắp mười phương, tùy lúc nghe, tùy lúc nhận thức, tùy lúc phân biệt, nó trạm nhiên thường trụ. Như ánh sáng của mặt gương, tức thức tánh trong kinh Lăng Nghiêm, nói “Minh tri giác minh, chân thức diệu giác trạm nhiên, biến chu pháp giới, dung nhập Như Lai tạng tánh, Diệu liên hoa tâm”. Thế nên, đáng phải giữ lấy mà tu.

Quả là khi mê, vọng sanh phân biệt thì thức tâm hư vọng. Chớ giác biết rõ ràng thì thức là dụng của nhĩ căn, không có nó chúng ta duyên vào đâu để tu. Người biết tu có thể dùng tất cả căn cảnh làm phương tiện để đạt đến chỗ cứu cánh. Người không biết tu thì thức tâm dẫn đi tạo nghiệp. Chúng ta thấy các nhạc công có thể dùng âm thanh kỹ nhạc cúng dường đức Thế Tôn. Ngược lại, với người không biết tu thì âm thanh kỹ nhạc làm tăng trưởng điên đảo vọng tưởng, tạo nghiệp trầm luân khổ hải.

Người biết tu dùng thân giả hợp, tâm không thật và tất cả cảnh duyên để tựu trung thực hành hạnh Phổ Hiền. Người không biết tu bị thân tâm dẫn đi trong những nẻo tối tăm. Nó thao túng mê hoặc mình, khiến ta điên đảo ngược xuôi, tạo nghiệp rồi bị quả báo trầm luân sinh tử, không có ngày cùng. Tóm lại, từ các hiện tượng, từ thức tình biết quay lại là tu được, không quay lại là trầm luân sanh tử. Thế nên chúng ta phải cố gắng giữ lấy tâm thanh tịnh trong sáng để tiến tu đạo nghiệp.

Đức Di Lặc cũng do tròn thành Tam-muội thức tâm này, mà tương lai sẽ làm Phật. Trong kinh Phổ Hiền cũng nói: “Nếu có người thọ trì đọc tụng hiểu nghĩa thú kia, người đó lúc mạng chung, được một ngàn vị Phật đưa tay xoa đầu. Khiến lòng không sợ hãi, chẳng lạc vào nẻo ác, liền sanh lên cung trời Đâu Suất, chỗ Bồ-tát Di Lặc đang ở”.

Đây cũng chính bày tỏ đã hội được nhĩ thức kia, mà trở về tánh thức Như Lai tạng vậy.

Bồ-tát Di Lặc đặc biệt sở trường về tông Duy Thức, nên nói ngài đã tròn thành Tam-muội thức tâm, nên tương lai sẽ thành Phật. Trên tinh thần tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, chẳng những Bồ-tát Di Lặc viên tròn thức tâm sẽ thành Phật mà tất cả chúng ta cũng vậy. Người nào không bị thức tình chuyển, mà chuyển được thức tình đều sẽ thành Phật. Thế nên đoạn dưới thiền sư Minh Chánh dẫn kinh Phổ Hiền nói, bất cứ chúng sanh nào thọ trì hiểu rõ nghĩa thú kinh này, lúc sắp mạng chung, lòng không sợ hãi, được sanh về cung trời Đâu Suất, tức chỗ Bồ-tát Di Lặc đang ở.

Hiểu nghĩa thú kinh rồi, đưa nhĩ thức trở về tánh thức Như Lai tạng mới gọi là viên mãn thức tâm. Chỗ này, chúng ta cũng đã được Hòa thượng Ân sư chỉ dạy ứng dụng nơi tánh nghe. Nếu sống với tánh nghe chân thật, có âm thanh gì chúng ta nghe âm thanh đó, không khởi tâm phân biệt, đó là đưa nhĩ thức về Như Lai tạng tâm. Ngược lại, chúng ta chạy theo âm thanh rồi sanh yêu thích hay ghét bỏ là để nhĩ thức trôi theo ngoại duyên, xa rời bản tánh thanh tịnh nên tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử.

Huynh đệ chúng ta ở đây tuy quê mùa nhưng có phước là lớn nhỏ gì, người cũ người mới v.v... đều được nghe, được động viên, được nhắc nhở phát huy tánh giác. Người tu nếu không phát tâm Bồ-đề, coi như cả đời không dính dáng chi tới việc tu hành. Câu nói này nghe thật đau. Một đời tu hành, không ít thì nhiều cũng có năm năm ba năm bỏ công sức cho việc tu tập, vậy mà bảo không dính dáng gì. Có phải xót cho mình chưa? Song quả thật là như vậy. Bởi mục đích lớn nhất của chúng ta là làm chủ được thân tâm, chuyển hóa hết nghiệp. Bây giờ nghiệm lại, mình chưa thành tựu được điều gì cả. Biết thế, chúng ta cố gắng lập nguyện, lập hạnh, quyết lòng chiến thắng được tập nghiệp từ lâu đời, không mê ngoại cảnh bên ngoài, không đem hình thức tu sĩ ma mị thiên hạ, cầu lợi cầu danh. Phải mạnh dạn nhìn lại chính mình, nếu giác tâm chưa phát huy được thì không thể yên lòng thọ nhận của đàn na tín thí.

Đức Phật nói dù một ngày thọ dụng vài ba giọt nước cũng nợ nần tít tít. Người phát huy được tánh giác, một ngày dù thọ dụng muôn lượng vàng ròng cũng tiêu dung được hết, không sợ phải quay lại đền trả nợ trước. Nhận được chỗ ấy, chúng ta giảm thiểu bớt sự thọ dụng bên ngoài, cố gắng tăng trưởng công phu bên trong. Nếu không như thế chúng ta sẽ bị vương mắc, gặp nhiều trở ngại, tu không được.

Người ta thường sợ ma mị bên ngoài, không sợ nội ma bên trong. Thật ra những hình ảnh ma quái kinh dị, người ta thường kể để hù dọa những kẻ yếu bóng vía, nó chỉ là những trò chơi, tay nào có máu ảo thuật đều làm được cả. Ma mị hay không là tự nơi chúng ta. Một niệm ta không làm chủ được là bị ma dẫn. Một niệm ta chạy theo sự tối tăm là bị ma nhập. Một niệm chấp nhận cảnh duyên bên ngoài mà bỏ quên mình là bị ma nuốt chửng rồi. Ma đó mới đáng nói đáng ngại, bởi vì nó thật sự tác động và gây ảnh hưởng đến chuyện tu hành của chúng ta. Nếu ta cứ để cho loại ma mị đó quẩn quít mãi thì cuộc đời tu hành của mình chung cuộc sẽ rơi vào đường tà, làm quyền thuộc nhà ma, bị chúng sai khiến khổ sở vô cùng. Nói cụ thể hơn, chúng ta ôm giữ cái không thật tức là ôm giữ ma. Chạy theo cái không thật là bị ma dẫn. Chấp nhận cái không thật là chấp nhận ma.

Bây giờ huynh đệ kiểm lại mình, xem có bị ma xanh, ma đỏ, ma thật, ma giả, ma nam, ma nữ, ma có học, ma không học, ma miền quê hay ma thị thành ộp mình không? Ham chạy theo thành thị là bị ma thành thị ộp. Ma là như thế. Chạy theo vọng tưởng là chạy theo ma. Vọng tưởng về cái gì mà buông không được thì coi như bị ma ộp. Như chúng ta đang ngồi đây mà vọng tưởng về quê hương, nơi mình sinh ra, ngôi nhà, người thân, mảnh vườn, cái ao, cây cầu v.v... tức là bị ma gia đình dẫn, mình không có lực làm chủ, nên nó nuốt chửng chúng ta mất. Có người bị nuốt vài tiếng, có người bị nuốt vài ngày, có người bị nuốt cả một cuộc đời.

Để cho ma nuốt chửng mà cứ niệm Phật cầu Phật rước, Phật nào rước được? Nêu một ví dụ để biết về các hiện tượng ma như thế, chứ bọn chúng nhiều lắm. Nào ma danh, ma lợi, ma tài, ma sắc, ma ăn, ma ngủ, ma tưởng, ma vọng... Hễ vọng tưởng về những thứ đó không dừng được thì bị ma cột trói kéo lôi, chẳng những đời này mà nhiều đời khác cũng vậy. Người không biết tu, không tìm ra manh mối để cắt đứt, tháo gỡ, đành chấp nhận như thế. Trải qua bao đời kiếp, không biết chừng nào mới thoát khỏi.

Chúng ta không buông được những tưởng tượng điên loạn của mình là bị ma tưởng còng trói. Thứ ma này rất nguy hiểm. Tuy nhiên dù nguy hiểm tới

đâu, chúng vẫn không thật. Bởi không thật nên BỒ-tát mới hàng phục, diệt trừ được. Song nếu chúng ta chấp nhận nuôi dưỡng ma, dù BỒ-tát có thần lực đến đâu cũng không trị được. Chư huynh đệ nên biết có một loại ma hiện đang hành chúng ta đây. Ma gì? Ma ngũ ám xí thanh. Do mình thiếu năng lực tu, không làm chủ được nên dưới sự tác động của thân ngũ ám xí thanh, chúng ta khô. Muốn trị ma này phải làm sao? Chỉ có ráng tu, ráng tỉnh, phân chân lên, chứ không có cách nào khác.

Có hai trường hợp, một là chúng ta bị thân năm ám dẫn dắt. Hai là thân năm ám suy thoái, làm trở ngại chúng ta. Trước nhất nói về thân năm ám dẫn dắt. Năm ám là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Chúng là duyên hợp không thật. Nhưng nếu ta mê chúng, chúng sẽ sai sử ta chạy theo đến đổi quên mất mình, trôi lăn trong ba cõi, không biết đường về. Những hình sắc bên ngoài, đẹp thì ưa thích, xấu liền ghét bỏ. Đó là chạy theo sắc ám. Những cảm thọ khổ, lạc, không khổ không lạc luôn chi phối chúng ta, mình thường chọn thọ lạc, sợ thọ khổ. Đó là chạy theo thọ ám. Các tướng tượng luôn quay cuồng trong đầu, khiến người ta lo buồn, sợ hãi, vui mừng, hờn giận... trong khi nó không thật có, chỉ là tướng tượng thôi mà có sức mạnh làm cho con người thất điên bát đảo. Đó là chạy theo tướng ám. Những dấy niệm nối nhau không dừng, gây bất an bất ổn, làm mất đi sự thanh tịnh của tâm. Vậy mà chúng ta không làm chủ, không bắt nó dừng lại được. Đó là chạy theo hành ám. Những dòng suy tư nghĩ tưởng, phân biệt lăng xăng như khi vượn đã khiến chúng ta không phút giây yên tĩnh. Đó là chạy theo thức ám. Đây là bị ma năm ám dẫn dắt.

Đối với ma ngũ ám, chư huynh đệ cũng đừng để cho thân thịnh quá. Thân thịnh mà không đủ đạo lực sẽ bị ma óp. Bấy giờ sanh ra nhiều thứ oan khiên, nghiệp báo chướng ngại việc tu hành. Không phải chướng ngại từ bên ngoài, mà tự nơi thân mình, từ vọng tưởng không tỉnh sáng sanh ra vấn đề. Các thầy còn thanh niên trai tráng phải tăng trưởng đạo lực, phát huy tâm BỒ-đề, làm chủ hơi thở, những hoạt động của thân, đừng để thân suy yếu cũng không cho nó tăng trưởng quá. Như vậy mới trị được ma năm ám. Trong Luận Bảo Vương Tam Muội có dạy “Nghĩ đến thân chẳng cầu không bệnh, thân không bệnh thì tham dục dễ sanh”, là để ngăn ngừa tham dục phát sinh từ một thân năm ám quá sung thịnh.

Kể đến nói về thân năm ám suy thoái, làm trở ngại việc tu tập của chúng ta. Hầu hết chư huynh đệ chưa ai bệnh liệt giường, cũng chưa ai bị bệnh truyền nhiễm đến độ mọi người ghê tởm, lánh xa. Chủ yếu đừng quá quan trọng về thân khi nó bệnh thì chúng ta có thể trị bệnh không khó. Còn yếu đuối hoặc

quá quan trọng về thân thì bệnh ít cảm thấy bệnh nhiều, bệnh nhiều tưởng như sắp chết. Người như thế là bị ma năm âm suy thoái chụp mũ rồi. Làm sao tỉnh sáng, phấn chấn lên cho đạo lực vững vàng. Một khi tâm mình đã mạnh thì tất cả ma mị không làm gì được. Như vậy huynh đệ tập trung vào đạo lực, trị ma năm âm xí thành bằng cách siêng tu hành. Tuy nhiên cũng thuốc thang bồi dưỡng khi tứ đại bất hoà, nhưng thấy bình thường, không có gì quan trọng, chúng ta sẽ vượt qua bệnh tật. Đó là mình chiến thắng được ma năm âm.

Tu là sửa. Chúng ta nghiệm coi mình trật cái gì thì sửa cái đó, thiếu cái gì tu bổ cái đó. Cứ thâm thâm lặng lặng nghiệm xem và chỉnh sửa, nhất định sẽ có ngày hoàn hảo. Tu hành là hành trì sửa đổi, chớ không phải tu thì bị hành như những bác nhà quê hay nói. Mình tự nguyện đi tu, chớ có ai bắt đi đâu mà bảo vô chùa bị hành. Nếu bị hành thì đừng vô. Có nhiều vị năn nỉ quý thầy rất nhiều lần mới được chấp nhận vào thiền viện, cho nên việc đi tu là do chúng ta tự nguyện, tự hứa, không ai bắt mình vào chùa cả. Mà vào chùa cũng chỉ quét lá, nấu cơm, rửa chén, cuốc đất, trồng hoa... đâu có gì dữ dằn. Cho nên phải hiểu chữ “hành” là hành trì. Sự hành trì đó do chúng ta tự nguyện, tự phát tâm, chứ không ai hành hạ mình cả.

Trong huynh đệ chúng ta có những tay tài tuấn, thi đậu dư điếm... rất ngon lành. Ngày đầu mới tới uy nghi hùng dũng, sau đó xuất gia được làm tăng một thời gian bỗng dưng èo uột như bị rét cách nhật, xanh xao vàng vọt, cuối cùng giống như bị ma nhập. Nhưng ma nào mà nhập mấy thầy. Ma nó gặp mấy ông thầy mặc đồ vàng, nó chạy thấy mồ thấy tổ, không con ma nào dám léo hánh tới khu vực thiền viện. Chỉ có mình làm ma, tự hại mình thôi. Thì đó, thân ngũ âm xí thịnh, chúng ta không khắc phục được, đạo lực suy vi riết thành xanh xao. Cho nên bệnh tật là nghiệp chướng, trở ngại việc tu hành của chúng ta.

Bây giờ chúng ta nhớ tu là sửa, hành trì, giữ gìn bảo vệ. Phải hành trì liên tục trong từng phút giây, để loại bỏ tất cả những gì không cần thiết. Như sáng mai mọi người ăn cơm cầm chén đi ngay ngắn, mắt ngó xuống không quá xa cũng không quá gần, ngó vừa tầm, đi ngay ngắn, không đánh đòng xa v.v... Mọi người như vậy, có một mình mình đi khác người ta, vừa đi vừa nhảy cò cò thì phải sửa lại. Giản dị vậy thôi. Bởi vì có ông thầy nào vừa đi vừa nhảy cò cò đâu. Sửa một lần chưa xong thì sửa nhiều lần, bữa nay sửa một chút, ngày mai sửa một chút. Tập khí đã lâu đời, gọt một lần không hết, ta gọt từ từ, gọt hoài cũng xong. Hễ cái tay đánh đòng xa ra sau lưng thì sửa

ngắn lại, cái đầu cúi xuống thì ngó thẳng lên, sửa từng tật một. Sửa cái nào chắc ăn cái nấy. Giản dị như thế.

Thiền tăng luôn sống đời thoải mái, không có gì ràng buộc. Từ sáng tới chiều không ai rầy rà thì việc gì ta phải trợn mắt trừng mi. Hôm nào tôi lỡ trợn mắt với quý vị, lỡ sân lên, thật tình tôi rất xấu hổ. Nói xong tôi về thất, uống nước lạnh từng chút từng chút cho dịu lại, rồi ngồi thiền. Tôi nhận ra sai lầm của mình, cứ tạo tỳ vết trong lòng, đem phiền não tâm tôi vô hoại, làm sao an ổn được. Mình dạy người ta tu mà bản thân mình mang bệnh đây nè. Cho nên nhiều khi bực bội việc gì, nói xong tôi bỏ đi. Huynh đệ thấy, khi nào tôi ngồi một mình tức là tôi đang chỉnh đốn. Chỉnh đốn chính mình, bởi vì việc này không thể nhờ ai làm dùm được cả.

Người tu phải có trí tuệ. Chúng ta đang có điều kiện chỉnh đốn mà không chịu làm thì đâu phải người sáng. Vậy mà có ai nói thầy dở hoặc không sáng là mình không vui. Đó là chúng ta đã làm quen với mê lầm, không chịu tỉnh sáng. Khi thầy hay huynh đệ chung quanh nhắc nhở là thấy mình có lệch lạc, nên ráng nghe rồi sửa, không nên buồn giận mà thiệt thòi cho việc tu tập.

Người tu thiền ngay trong từng phút giây phải kiểm điểm tự thân. Nếu ta chấp nhận vọng tưởng là bị ma dẫn. Chúng ta tỉnh táo, không buồn phiền, không lo lắng, không ưu tư, không bị vọng tưởng dẫn đi là ta giác, sống được với cái thật, không bị ma dẫn. Chư Tổ có một câu nói rất mạnh “Phùng Phật sát Phật, phùng ma sát ma”, nghĩa là không chấp nhận hình ảnh nào bên ngoài hết. Hằng sống được như thế là tỉnh giác, lúc nào cũng thấy an ổn sung sướng. Sung sướng bởi mình không bị ma dẫn, không đi con đường ma.

Nếu các vị kiểm nghiệm thấy cảnh vui mình tỉnh, cảnh không vui mình cũng tỉnh. Lúc tụng kinh ngồi thiền mình tỉnh, lúc nấu cơm rửa chén mình cũng tỉnh, thì xem như việc tu có tiến triển. Lúc nào cũng tu tập và hành trì như vậy. Hành trì là gìn giữ. Gìn giữ cái gì? Gìn giữ công phu, giới hạnh theo lời Phật dạy, không để sai suyễn tí nào. Được như thế thì sung sướng biết mấy. Từng bước từng bước chúng ta thực hiện tu tập liên tục, không để cái khác xen tạp trong đời sống, trong hơi thở, trong sinh hoạt của mình. Tu thiền phải có khí phách như vậy mới được. Người hiểu đạo không chấp nhận lang thang trong đời sống vô minh. Vì vậy mọi thứ ngang đây cắt đứt, không trói buộc trong hệ lụy của thân tâm mộng huyễn vô thường nữa.

Phát tâm Bồ-đề là chuyện của tất cả chúng sanh, không phải chuyện của Phật, của Bồ-tát. Vì các ngài có đầy đủ tâm ấy rồi, đâu cần phải phát làm gì. Cho nên chúng ta không nên mặc cảm tự nhận mình là phạm phu tục tử, không bao giờ phát được tâm Bồ-đề. Tổ Quy Sơn từng nhắc: “Bỉ ký trọng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thối khuất”. Kia trọng phu, ta cũng trọng phụ; không nên tự khinh mà lui sụt. Kia thành Phật, ta cũng như vậy. Phải tin chắc như thế để tiến lên.

Việc sanh tử của mình, mình không lo, ai lo cho mình. Các vị thương lắm thì thoa bóp, thuốc men bên ngoài thôi, còn thì ta phải tự đảm đang lấy. Đảm đang nhận cái nghiệp hay phúc duyên của mình. Người có phúc duyên tương đối sáng sủa, người không có phúc duyên thì trăm ngàn thứ tăm tối. Chỉ người có đạo lực, công phu thâm hậu, sống đúng với lời Phật Tổ dạy, tự nhiên trí lực, đạo lực được phát huy thì nghiệp lực mới nhẹ đi. Căn cứ nội cái thân này cũng đủ tu rồi. Soi rọi ra không bệnh này cũng bệnh khác. Vui vẻ hạnh phúc ở đâu mà mê đắm nó, không chịu tỉnh tu.

CHÁNH VĂN

Lại, phẩm này cũng nói Đà-la-ni là biểu lộ thể tâm nghe này, tổng trì tất cả công đức của pháp thân chư Phật, hiện khắp tất cả đạo tràng Bồ-đề của chư Phật, rộng làm việc Phật, lợi ích chúng sanh, là con của đấng Pháp vương vậy.

GIẢNG

Đà-la-ni ở đây là biểu lộ thể tâm nghe, cũng là tổng trì tất cả công đức pháp thân chư Phật. Tâm là thể rỗng rang sáng suốt, tuy nói nghe nhưng nó viên thông tất cả. Một khi chúng ta sống được với thể rỗng lặng sáng suốt, là sống được với tâm nghe, sống với tánh giác.

Đà-la-ni người Trung Hoa dịch là Tổng trì, tức là tổng nhiếp và gìn giữ bảo vệ tất cả các công đức. Công đức này từ nơi tánh thể, không phải từ những việc làm tầm thường. Người được tổng trì, trước nhất có bộ nhớ tốt. Như ngài A Nan là đa văn tổng trì, bộ nhớ phi thường, gom hết và gìn giữ đầy đủ những lời Phật dạy. Nếu chúng ta tu tập đến mức được định tổng trì thì đầy đủ tất cả công đức. Công đức đó lưu xuất từ tâm thể, không phải những công đức thường. Những công đức thường đôi khi chúng ta giữ không được.

Ta còn dùng thân này, còn nương huynh đệ tu hành thì phải có sự bảo vệ. Bảo vệ bằng tâm nhu nhuyễn, nhường nhịn, tương trợ nhau đồng tu cho tới

ngày thành Phật. Bảo vệ sự tinh táo sáng suốt. Bao giờ xong việc thì đất trời
thên thang, đường ai nấy đi. Bây giờ chưa được, anh đi mà còn vướng, tôi
đi vẫn nặng nề thì chúng ta liên kết, ủng hộ. Trong kinh A Hàm, Phật nói
người thấy được chân lý là người kiến đế. Lẽ thực sờ sờ đây chứ không ở
đâu xa. Như nói các pháp không thật, chư hành vô thường là pháp sanh diệt.
Ngay đó ta nhận đến chỗ tột cùng, gọi là người thấy chân lý. Thấy được mé
thật của các pháp là thấy chân lý, thấy chân lý là ngộ đạo. Cho nên Phật
giảng pháp Tứ đế, năm thầy Tỳ-kheo ở Lộc Uyển nghe xong, nhận tới mé
thực của nó liền ngộ đạo, chứng quả A La Hán.

Tứ đế là gì? Đế là chân lý. Tứ đế là bốn chân lý Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Phật
nói các pháp là khổ. Khổ ấy có tập nhân của nó gọi là tập. Thấy được mé
thật này là thấy được lý nhân quả thông thường. Tiếp theo Phật nói tới diệt
và đạo. Diệt là quả vui sau khi đã diệt hết các khổ. Đạo là những phương
thức tu hành để diệt khổ. Tu hành đâu khó đến nỗi mình không tu được.
Nhưng sự bảo vệ của chúng ta phải đến nơi đến chốn, không được nửa
chừng bỏ cuộc. Một phen đi là tới nơi. Mỗi ngày qua anh em tâm niệm phải
giải tỏa mọi thứ tồn đọng trong lòng. Xem lại thuyền bè của mình đang dùng
có lủng chỗ nào không? Chỗ nào hư lủng ta trám sửa lại, để còn nhờ nó
đưa ta qua bên bờ bên kia. Bờ kia là bờ giác.

CHÁNH VĂN

Kệ rằng:

Đầu nói Hoa Nghiêm, đây Pháp Hoa,

Trước sau thuần một Diệu Liên Hoa,

Văn Thù trí gốc, đơm Phật tuệ,

Phổ Hiền tâm nghe, trở giác hoa,

Thâm ngộ Đà-la-ni mật ý,

Trên gần Di Lạc, thức tâm hoa,

Tương lai đồng đến Long Hoa hội,

Nhân quả hợp nhau, gốc Pháp Hoa.

GIẢNG

Đầu nói Hoa Nghiêm, đây Pháp Hoa, Phật nói kinh Hoa Nghiêm trước tiên kể từ khi được đạo quả vô thượng Bồ-đề, kinh Pháp Hoa nói chót. Trước sau thuần một Diệu Liên Hoa, Văn Thù trí gốc, đơm Phật tuệ, Văn Thù là biểu trưng cho trí căn bản, đó là Phật tuệ. Phổ Hiền tâm nghe, trở giác hoa, Phổ Hiền là hạnh trùm khắp. Thâm ngộ Đà-la-ni mật ý, người đặc tổng trì hiểu thấu thực tướng được tất cả pháp. Trên gần Di Lặc, thức tâm hoa, trong kinh Hoa Nghiêm diễn tả lâu các Di Lặc là nơi những vị đại Bồ-tát tu hành gần đến toàn giác sẽ vào lâu các Di Lặc. Tương lai đồng đến Long Hoa hội, nhân quả hợp nhau, gốc Pháp Hoa, tu tập thành tựu như thế đồng đến hội Long Hoa, tức hội thuyết pháp của đức Phật Di Lặc. Trong kinh đức Phật Thích Ca đã huyền ký từ đây đến ngày Bồ-tát Di Lặc ra đời, thành Phật dưới cội Long Hoa, giáo hóa vô lượng chúng sanh ngộ đạo, thời gian lâu xa không thể tính kể.

Thế giới khi được hình thành trải qua bốn giai đoạn: thành, trụ, hoại, không. Kiếp của mình đây là kiếp hoại, nhiều khổ sở, đấu tranh, nước lụt, lửa cháy, thương đau đủ thứ. Chúng ta thấy những thức ăn ngon lại thường độc hại, có thể giết người một cách ghê gớm. Chẳng hạn bột ngọt, các thức ăn đóng hộp... Những thứ đó tựu lại, bác sĩ cũng phải bó tay. Hồi xưa nghe nói bệnh ung thư, gia đình nào bất hạnh lắm mới có người bị vướng phải bệnh này, nhưng ngày nay thiên hạ bị đầy trời.

Ở kiếp chúng ta là kiếp hoại, tuổi thọ giảm dần cho đến chỉ còn mười tuổi. Lúc đó con người rất ác, thế giới xảy ra nhiều tai biến. Trong kinh diễn tả, trước tiên là nước ngập, không phải chỉ ngập ở địa cầu, mà nạn hồng thủy từ chân núi Tu Di dâng lên tới đỉnh núi Tu Di. Mấy châu dưới này bị chìm lĩm trong nước. Sau nạn nước thì tới nạn lửa. Lửa cháy ác liệt, cháy tới các tầng trời cõi sắc giới, tức cao hơn cả nạn nước. Sau nạn lửa tới nạn gió. Gió này thổi qua thì tất cả không còn gì nữa, trống trơn hết. Thời gian không gian hòa quyện, mệnh mông thiên địa, kéo dài vô kể, không biết tới chừng nào. Đây chính là giai đoạn của kiếp Không. Sau khi đã trải qua bốn giai đoạn thành, trụ, hoại, không. Thế giới bắt đầu gầy dựng lại cũng từ những trận gió. Chúng sanh đầu tiên của thế giới mới là những người biết tu Thập thiện, còn sót lại rất ít trong số những chúng sanh tạo nghiệp thập ác của thế giới trước. Sự hình thành của các thế giới cứ luân chuyển như thế, thời gian không thể tính kể.

Ngài Di Lặc ra đời nhằm kiếp trụ của thế giới mới, con người sống đến tám vạn bốn ngàn tuổi. Đức Phật đương lai thành đạo dưới cội Long Hoa và mở pháp hội dưới cội này. Do vậy gọi là Long Hoa tam hội, tức ngài thuyết pháp ba hội. Những việc này đức Phật Thích Ca đã nói rõ trong kinh. Hiện giờ ngài Di Lặc đang ở trong nội viện cõi trời Đâu Suất. Nếu chúng ta siêng năng tu tập, giữ gìn, bảo vệ được chủng Phật thì tương lai mình sẽ được dự vào hội Long Hoa của đức Phật Di Lặc. Muốn quả được như vậy, nhân phải nhân ra tri kiến Phật. Nói nghe dễ nhưng thật ra khó trần ai, chứ không phải dễ đâu.

CHÁNH VĂN

Nguyên lai kinh này là gồm chứa hải tạng của Hoa Nghiêm, nhiếp thu tông hiển của các kinh, tóm lãnh nhân duyên xuất thế của chư Phật, bày tỏ tri kiến Nhất thừa của chúng sanh.

GIẢNG

Yếu chỉ kinh Pháp Hoa là chỉ cho chúng ta tri kiến Phật. Do vậy đầu kinh Phật nói chư Như Lai ra đời vì một đại sự nhân duyên là nhằm khai thị ngộ nhập tri kiến Phật cho chúng sanh. Khai là mở ra, thị là chỉ bày, ngộ là nhận được, nhập là hằng sống với tri kiến Phật của chính mình. Tôn chỉ của kinh Pháp Hoa là như thế. Đây nói bày tỏ tri kiến Nhất thừa của chúng sanh.

CHÁNH VĂN

Chỉ hơn sáu muôn lời, mà lý hàm súc vô tận, có hai mươi tám phẩm, mà nghĩa sâu kín khôn lường. Tôi dù làm Đề Cương này, như loài muỗi nặng uống nước biển cả. Trí hẹp biết lờ mờ chỉ thú, khác nào lậy ống tre dòm trời cao.

GIẢNG

Ngài tự khiêm nhường nói mình như loài muỗi nặng uống nước biển cả. Tức ngài muốn nói trí tuệ của ngài và trí tuệ Phật không thể bì vào đâu được, giống loài muỗi nặng quá nhỏ với biển cả. Cũng như người ta nói ếch ngồi đáy giếng, nhìn trời bằng ống tre nên thấy ông trời bằng ống tre thôi, còn cái minh mông thiên địa đâu có thể thấy. Cách nói khiêm nhường của người xưa là thế.

CHÁNH VĂN

Tuy chẳng suốt thấu huyền vi, cũng chẳng dám trái thánh chỉ. Hoặc có kẻ lại bảo: Văn tự này, chẳng thấy hiện có trong kinh kia, nên nghi.

Xin hãy xem thật kỹ trong kinh, xét chín chắn lời lẽ của mỗi phẩm. Nghĩa trong lời, lý trong nghĩa, uẩn trong lý, áo trong uẩn, khả dĩ hội ý mới hiểu. Chớ đem kiến giải ngoài da, mà mờ mịt đối với cốt tủy của kinh. Kinh nói:

Tạng kinh Pháp Hoa này,

Sâu xa bền kín lắm,

Không người có thể đến...

GIẢNG

Có người nói bản Đề cương này không thấy trong văn kinh chính. Vì đây là Đề cương nêu lên chỗ cương lĩnh của kinh thôi nên trong chính kinh không có. Tuy nhiên không dám trái thánh chỉ, tức trái ý Phật. Ngài Minh Chánh dẫn một đoạn kệ trùng tụng của kinh Pháp Hoa nói kinh này rất sâu xa bền chắc, miên mật kín đáo, không người có thể đến. Không người có thể đến nghĩa là tri kiến Phật, chỗ này ít ai dám nhận. Tại sao? Vì từ lâu rồi chúng ta quay lưng với nó. Bây giờ kinh chỉ thẳng, mỗi chúng sanh trực nhận lại thôi, nhưng chưa từng nhận nên ta không dám nhận luôn.

CHÁNH VĂN

Bảo rằng sâu xa bền kín thì không thể dùng văn nghĩa cạn cợt bên ngoài mà có thể tột cùng nguồn đáy kia. Nhưng người xưa có dạy: “Nói pháp chẳng lìa tự tánh, lìa tự tánh nói pháp tức thành ma nói”.

Xin hiểu Đề Cương này của tôi cũng là lời lời chỉ tánh, câu câu sáng tông, mà chẳng lìa tự tánh vậy. Hoặc có trái lầm, xin cho sám hối. May được khai thị, để cứu lỗi kia. Nếu hợp lời kinh, mong đem lưu thông rộng rãi hầu ích lợi cho khắp chúng sanh.

GIẢNG

Đề Cương này được lưu xuất từ tánh thể của thiền sư Minh Chánh. Vì vậy cho nên lời lời chỉ tánh, câu câu sáng tông, chẳng lìa tự tánh, hoặc trái lầm với ý Phật Tổ thì xin sám hối. Nếu hợp thì xin được lưu thông rộng rãi để lợi

ích chúng sanh. Đó là lời kết của phần kinh văn 28 phẩm trong bản Đề Cương kinh Pháp Hoa này.

Phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát tức là dùng đại hạnh của Bồ-tát Phổ Hiền để khuyến phát chúng sanh đời sau muốn nhập tri kiến Phật phải phát tâm rộng lớn cầu vô thượng Bồ-đề. Phẩm này có những điểm quan trọng như sau: Điểm thứ nhất, muốn thâm nhập tri kiến Phật phải phát tâm Bồ-đề, nuôi dưỡng tánh giác. Điểm thứ hai, phải tu hạnh rộng khắp của Bồ-tát Phổ Hiền: “Các việc ác chớ làm, vâng làm các việc lành”. Điểm thứ ba là được đại tổng trì. Hằng sống với tánh giác thì không có ma mị nào kéo lôi được chúng ta. Chúng ta tu hành muốn viên mãn phải thực hành như thế.

Qua Đề Cương, chúng ta có thể nắm được yếu chỉ của kinh Pháp Hoa. Từ đó nỗ lực tu tập sẽ thấy kết quả lợi lạc thiết thực của kinh Pháp Hoa.

HẾT